

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

KHẢO VỀ ĐẠO PHẬT

CÁC MÔN-PHÁI CỦA ĐẠO PHẬT Ở TÀU (1)

I

Đạo Phật là một tôn-giáo lấy Phật-đà 佛陀 (*Buddha*), — tức là Thích-giá-mâu-ni 釋迦牟尼 (*Sākyamuni*), — làm khai-tổ, tự Ấn-độ truyền-bá ra trung-ương châu Á, ra các đảo Đông-Ấn-độ, và ra cả cõi Đông-Á, đối với tín-ngưỡng, văn-minh, mỹ-thuật của toàn-thể Á-châu có cái ảnh-hưởng tuyệt lớn. Gọi là « Phật giáo » 佛教, chữ đó hàm có ba nghĩa như sau : 1^o nghĩa là y theo lời giáo-huấn của Phật, tức là tin nhân-cách Phật là đứng Thế-tôn 世尊, đứng Như-lai 如來, mà thờ cái đạo của người, ấy là nghĩa tin Phật là giáo-chủ, tức là tôn-giáo của ông giáo-chủ Phật ; — 2^o nghĩa là « Phật tức là giáo », vì đạo của Như-lai là bày-tỏ cái chân-lý của người ta và của vạn-vật, rồi y chân-lý ấy mà chỉ-đạo cho loài người, tức là tôn-giáo của chân-lý ; — 3^o nghĩa là cái phép thành Phật, tức là thuận-tòng cái chân-lý ấy, ngưỡng thờ Phật làm giáo-chủ, mà nhân-loại chúng-sinh đều khai-phát được trí-kiến, thành-trụ được đức-hạnh, cùng với ông giáo-chủ cùng hóa làm Phật, cùng được « giác » cả, ấy là cái tôn-giáo khiến cho chúng-sinh đều thành Phật. — Một nghĩa là lấy giáo-chủ Phật-đà (*Buddha*) làm trung-tâm ; một nghĩa

là lấy giáo-pháp, — tức là chân-lý, tức là « đạt-ma » 達摩 (*dharmo*), — làm trung-tâm ; một nghĩa là lấy cái hiệu-quả của giáo-pháp, lấy sự đoàn-kết các tín-dồ — để lập thành « tăng-già » 僧伽 (*Samgha*) — làm trung-tâm. Hợp cả ba nghĩa đó, gọi là Phật-giáo. Ba nghĩa đó là ba cái phương-diện của Phật-giáo ; nay làm cho sung-mãn cái nội-dung của Phật-giáo, nghĩa là làm cho đầy-đủ cả ba mối « tam-bảo » 三寶, — là Phật 佛, Pháp 法, Tăng 僧 đó, — gồm tam-bảo làm nhất-thể, thế mới là toàn-thể đạo Phật. Như vậy thời người tin-dồ đạo Phật phải qui-y ba mối « tam-bảo » đó, lấy làm tiêu-chuẩn cho sự tín-ngưỡng, sự trí-giải, sự đạo-hành của mình ; thế gọi là « tam-qui » 三歸, tức là qui-y tam-bảo vậy. Còn thuộc về nội-dung của tam-bảo, thời các thời-dại, các tôn-phái giải-thích không giống nhau. Nhưng cũng là chỉ lấy cái chân-lý về nhân-sinh, về vũ-trụ, — tức là pháp 法, — làm căn-đề, lấy người thể-hiện cái chân-lý ấy, — tức là Phật 佛, — làm giáo-chủ, và thuận cái đạo của ông giáo-chủ ấy mà tổ-chức thành đoàn-thể tinh-thần, — tức là Tăng 僧, — để cho thành-lựu lý-tướng vậy.

(1) Biên-dịch theo sách *Tân văn-hóa từ-thư* 新文化辭書. — Tham-khảo về đạo Phật, nên xem sách *Phật-giáo đại-quan* 佛教大觀 của bản chi chủ-bút xuất-bản ở Đông-kin bán-quán năm trước.

Nói về giáo-lý và lý-tưởng đạo Phật.
 — Chữ pháp là chỉ cái thế-giới-quan của đạo Phật, gồm ở trong một lẽ nhân-quả, cho rằng sự sinh-tồn của muôn loài chúng-sinh là đều y ở sự quan-hệ của nguyên-nhân với kết-quả, đời người ta tức là cái nhân-quả thiện-ác biểu-hiện ra làm cái vũ-đài khổ-lạc vậy. Cái quan-niệm nhân-quả của đạo Phật, là cho hết-thảy các nhân-quả tự-nhiên cùng với nhân-quả đạo-đức của người ta, là liền làm một hiện-tượng, mà gốc hiện-tượng ấy, là ở cái ý-dục của loài người cùng các chúng-sinh khác. Những sự lao-động phiền-não của đời người, như được, thua, sướng, khổ, đều là ở người ta để cho cái ý-dục nó hoành-hành, câu-chấp lấy cái tư-dục vào mình mà sinh ra cả; như vậy thời nếu diệt bỏ được cái lòng câu-chấp ấy đi, sẽ siêu-việt được ra ngoài cõi sướng khổ, mà đạt - quan được cái chân - lý thực-tướng của người ta cùng vạn-vật. Gọi là « Phật », là « Giác » ấy, là người đã tới cõi đạt-quan đó mà thoát ra ngoài được cái nhân - cách phiền - não về những nỗi được, thua, sướng, khổ ở đời. Nghĩa là hễ tu-hành cho phải đường mà đạt được cái nhân-cách xứng-đáng, thời đáng được tên là « Như-lai » (如來 = *Tathagata*), là « Thiện-thệ » (善逝 = *Sugata*). Người đã đến bậc đó thời nhân-cách không phải là khu-khu ở trong vòng cá-nhân, trong cái khuôn « tiền-nữ » đặc-biệt của mình nữa, mà thực là đồng-hóa với vũ-trụ, thu-lãm cả chúng-sinh vào mình; lại gồm được cả quá-khứ, vị-lai, mà khai-phát những bậc thánh-giả cũng tu-dưỡng được giác-ngộ như thế, rồi mới tự mình cảm-ứng minh-hợp với cả tam-thế chư-phật làm nhất-tâm đồng-thể vậy. Nghĩa là chân-lý đã là một thời giác-ngộ cũng là một, giác-ngộ đã là một thì sinh-mệnh cũng là một. Cảm-ứng và giác-ngộ, thông với cả tam-thế mà không biến như thế, tức

sách Phật gọi là « tam-thế chư-phật đồng-nhất thành-đạo » (三世諸佛同一成道), tức là « nhất thừa đạo » (一乘道 = *Ekayana*). Còn như chư-phật vị-lai, là chỉ nhất-thiết chúng-sinh tín-ngưỡng ở nhân-cách đức Phật hiện-tại, theo cái đạo của người dạy mà thành được phật-quả. Đức Phật-đà là ông chủ cái giáo-pháp, cái chân-lý đó, là ông « Pháp-vương » (法王 = *Dharmaraja*), ông Sư-chủ. Ông pháp-vương, ông sư-chủ ấy, muốn đem cái giác-ngộ của mình, thể được chân-lý mà tuyên-bổ cho chúng-sinh, nên tự cõi lý-tưởng siêu-việt đời nay « hạ-lai » để chỉ-đạo cho chúng-sinh hiện-thế. Bởi thế gọi ông là « Như-lai » (là ở cõi siêu-việt « hạ-lai » xuống cõi hiện-thế), vì ông đem chân-lý xuống cõi đời ta để dạy bảo cho ta. Như-lai là người hoạch-đắc chân-lý, lại là người khai-thị chân-lý. Như vậy thời cái lý-tưởng của kẻ tu-hành đạo Phật, là phải tu-hành làm sao cho thoát được cái bản-thân khu-khu của mình (tức là đạo vô-ngã), gia-nhập được vào cõi tam-thế chư-phật như trên kia đã nói, thực-hành phép Như-lai, sửa mình cho được giác-ngộ, rồi đồng-thời lại hóa-đạo cho người khác cũng được « nhất thừa thành đạo » vậy. Muốn cho làm được việc tu-hành cho mình, hóa-đạo cho người đó, thì phải kiêm có ba sự học: một là tuệ-học 慧學, hai là thiền-định 禪定, ba là giới hạnh 戒行. Ba sự học ấy, cho được hoàn-toàn, phải bỏ nhà đi tu mà làm « tỉ-khưu » (比丘 = *bhiksu*) mới được; nhưng những người tại-gia, nghĩa là cứ sinh-hoạt trong thế-tục mà có lòng tin đạo, cũng không phải là không tu được. Tu cho được hoàn-toàn, tất phải xuất-gia, còn tại-tục có thể được không, thì điều đó về sau sinh dị-nghị, khiến cho đạo Phật phân ra nhiều phái. Nói tóm lại thời cái đoàn-thể những người tin-giả, những kẻ tu-hành, — tức là Tăng-già,

— ấy là hiện-thể của tinh-thần đạo Phật, và là đại-biểu cho cái lý-tưởng « tam-thế chu-phật, nhất thừa-thành-đạo » vậy. Cứ xét cái nội-dung của đạo Phật, xét cái thế-giới-quan của đạo ấy, thì biết là một đạo trọng lý-tính, cũng gần giống như cái thế-giới-quan của khoa-học đời nay; còn thuộc về phương-diện thực-hành, thời đạo Phật trọng sự minh-trưởng tu-hành, đạo-đức giới-hạnh, là những phương pháp thường của các tôn-giáo Ấn-độ xưa nay. Đến như đạo Phật cảm-động người đời, thời ở tại cái nhân-cách của đức giáo-tổ Phật-đà; người đời tín-ngưỡng đức giáo-tổ là một « lý-tưởng đích nhân-cách », ấy cái nguồn sâu cảm-hóa của đạo Phật là ở đó. Vô-luận về giáo-lý, về thực-hành, hay là về văn-học, về mỹ-thuật, đạo Phật đều lấy nhân-cách Phật-tổ làm trung-lâm mà phát-đạt vậy.

Nói về sự phân-phái trong đạo Phật.

— *Đại-thừa và Tiểu-thừa.* — Phát-đạt ở đây có nghĩa là phân-hóa. Phật-giáo sau khi Phật-đà nhập-diệt rồi, thời tu-tướng, thực-hành, đều dần-dần phân-hóa theo các phương-diện, phân-liệt ra các tôn-phái, thay đổi tiến-hóa, mới tới ngày nay. Phân-phái về căn-bản và rất trọng-yếu, là phân ra Đại-thừa 大乘 và Tiểu-thừa 小乘; cái mầm nó đã nhóm lên từ trong bọn đệ-tử của Phật-tổ, rồi trong khoảng một trăm hai trăm năm sau khi Phật-tổ nhập-diệt, mới càng phát ra rõ-ràng.

Thứ nhất xét về thế-giới-quan. — Nếu cái quan-hệ nhân-quả là chân-lý duy-nhất của sự-vật, thời phạm mọi sự mọi vật là không ngoài sự tập-tán phát-biểu của lẽ nhân-quả cả. Mà cái thế-giới do tư-đục của ta quan-cảm, là thuộc về hư-huyễn hết. Nhưng mà gọi là phép nhân quả, gọi là vật-chất-hế-giới, thời cái gốc sâu-xa của nó, — tức sách Phật gọi là « pháp-tính » (法性

— *Dharmata* hay là *Dharmasvalhava*)

— là cái gì? Đối với vấn-đề ấy, chủ-trương rằng phép nhân-quả cùng với ngoại-giới tuy là vô-thủy vô-chung, nhưng các chúng-sinh sinh-tồn ở trong đó, và thứ nhất là nhân-cách người ta, đều là hư-huyễn hết cả, ấy là phái Tiểu-thừa (小乘 = *Hinayana*). Theo như cách giải-thích đó, cái lý-tưởng của sự tu-hành là dứt bỏ cái bản-thân của mình đi, hời thân diệt trí, để vào cõi tịch-diệt nát-bản, ấy là tôn-giáo của Tiểu-thừa. Cái luận cực-đoan đó, tuy chẳng qua là các nhà trong phái Đại-thừa cũng suy-cứu một lẽ như phái Tiểu-thừa mà kết-quả ra, nhưng các người theo đạo Phật mà mang cái tu-tướng tiêu-cực, thời cái thế-giới-quan của họ quả có khuynh-hướng về mặt đó thật; mà các đệ-tử của Phật cũng thiên về cách kiến-giải đó. Phái Đại-thừa (大乘 = *Mahāyāna*), tuy không nhận cho thế-giới là có thật, điều đó cũng giống như Tiểu-thừa, nhưng lại cho nên siêu-liệt ra ngoài thế-giới, ra ngoài cả những lý-pháp trừu-tượng, mà cầu thực-tại ở trong sự trực-tiếp nội quan; như thế là phái Đại-thừa có khuynh-hướng về chủ-nghĩa duy-tâm, chủ-nghĩa thần-bi. Trong phái Đại-thừa có kẻ không thừa-nhận những hiện-tượng tương-đối mà chủ-trương sự tuyệt-đối nội-quan, thiên về hư-vô-luận 虛無論; có kẻ cho rằng ngay trong cõi tương-đối cũng có thể cầu được cái tuyệt-đối thực-tại, thiên về thực-tại-luận (實在論), Cái luận « hữu » hay « vô » đó, là một cái tranh-điềm to trong đạo Phật Đại-thừa ở Ấn-độ. Ông Long-thụ (龍樹 = *Nagarjuna*) cùng môn-đệ là Đề-bà-đề-婆 (*Déva*) thời chủ-trương « vô-luận » (無論), phái « Tam-luận-tôn » 三論宗 kẻ-thừa về sau; ông Vô-trước (無着 = *Asanga*), ông Thế-thân (世親 = *Vasubandhu*), thời chủ-trương « hữu-luận » (有論), mà khai nguồn cho

phái « Pháp-tướng-tôn » 法相宗 về sau này. Nhưng chủ-ngữ của chính Phật-tổ, thời thường siêu-việt ở trên hai cái luận « hữu » « vô », mà tổng-hợp cả hai phương-diện làm một trung-đạo vậy. Ông Long-thụ tự mình rồi sau cũng qui về trung-đạo, và cái trung-đạo-luận (中道論) về sau thành cái thuyết trung-tâm (chính-thống của đạo Phật, thuyết này ở phái Thiên-thai-tôn 天台宗 càng phát-đạt lắm. Đại-khái là nói rằng các hiện-tượng tuy là những giả-tướng bởi nhân-duyên sinh ra, và pháp tính tuy là ở trên cõi tương-đối của hiện-tượng thật, nhưng ngay trong mỗi hiện-tượng cũng có thể phát-hiện được cái pháp-tướng của thực-tại, tuyệt-đối, bất-diệt. Hay muốn rói khác đi thời nói rằng: những hiện-tượng trong thế-giới là sai-biệt nhau cả, tuy tự nó không phải là thực-tại, nhưng trụ-trung có cái pháp-tướng bình-đẳng hiển-hiện ra đó, mà thực-tại chính là ở chỗ tổng-hợp cái sai-biệt với cái bình-đẳng vậy.

Thứ nhì xét về sự thực-hành. — Phái Tiểu-thừa thời-cổ-thủ cái thế-giới-quan tiêu-cực, chủ - trương lấy giới-hạnh tự-tĩnh, do tọa-thiền minh-tướng mà được trong lòng an-lạc, để cho đạt tới cõi tịch-diệt sau cùng. Bởi thế nên có cái ý-vị cá nhân độc-thiện, mà xa hẳn cái lý-tướng tế-độ chúng-sinh của đạo Phật, là phương-pháp thực-hành đạo Như-lại. Trái lại thời phép Đại-thừa không lấy độc - thiện làm mãn-túc, trước sau cứ theo cái lý-tướng « nhất-thừa thành-đạo » mà tiến-hành, muốn vừa tự cứu mà vừa cứu-tha, cho nhất-thiết chúng-sinh đều thành phật-quả, để thực-hiện Phật-quốc: thế gọi là « hành Như-lai sự » hay là « Bồ-tát-thừa » (菩薩 = *Bodhisattva*), là người cầu cho được « bồ-đề » (菩提 = *bodhi*), nghĩa là được chính-giác, tức là tên của đức Phật-tổ hồi người còn tu - hành cho được Phật-quả. Đạo Bồ-tát chính là tín-nguỡng ở Phật, tu-hành phép Phật,

mà cũng tế-độ chúng-sinh như Phật; câu tiêu-ngữ của Bồ-tát là: *thượng cầu bồ-đề, hạ hóa chúng-sinh* (上求菩提. 下化衆生). Thực-hành đạo Bồ-tát, có hai phép lớn: một là « phát-nguyện », hai là « hồi-hướng ». Phát-nguyện (發願 = *Pranidhana*), là quả - quyết tu-hành đạo Bồ-tát, cùng đem cái mục-đích nhiệt-vọng của mình minh-bạch thế - nguyện trước Phật. Hồi-hướng (回向 = *Parinamana*) là đem cái công-đức tu-hành giác-ngộ đã được, cống-hiến cho nhất-thiết-chúng-sinh, để làm cái tư - liệu giúp cho chúng - sinh tự thành Phật-đạo. Lòng hồi hướng và sự thực-hành là bao-quát được toàn-thể đạo Bồ - tát. Như vậy thời từ việc hương-hoa cúng - dưỡng cho đến việc cứu-tế xã-hội, nếu do một lòng ấy mà làm, thời đều là công-đức hồi-hướng cả. Bởi vậy, sự cảm-hóa của đạo Phật chính là căn-bản ở cái tinh-thần muốn thực-hành từ-bi ra khắp cả tứ-phương, còn giáo-lý, giáo-quan, là những sự học-vấn riêng, phần nhiều gồm ở trong cõi thực-hành ấy cả.

Đại-thừa, Tiểu-thừa là hai phân-phái lớn của đạo Phật; ở Ấn-độ thì hai phái cùng đối-lập nhau, mà trong phái Đại-thừa, lại hai phái « hữu » « vô » kháng-tranh nhau kịch-liệt lắm. Ngày nay ở Nam-phương Ấn-độ chỉ có Tiểu-thừa mà thôi, nhưng còn chứng tích phái Đại-thừa xưa đã có lưu-hành ở đấy. Còn đạo Phật ở Đông-Á thì lấy Đại-thừa làm chủ, nhưng cũng có nhất-bộ theo về Tiểu-thừa. Trong sử đạo Phật hai nghìn mấy trăm năm chia ra các môn các phái rất là phức-tạp. Cứ lấy hiện-trạng mà khu-biệt, thời ở Ấn-độ là nơi đạo Phật phát-sinh ra, tuy nghìn năm về trước toàn-nhiên tiêu-diệt, nhưng gần đây kể học-giả đã có người tín-phụng, và đã thấy có ý muốn phục-hưng. Ở Trung-quốc và Nhật-bản, thì đạo Phật đại-thể là thuộc về Đại-thừa, có cái đặc-sắc có thể gọi là « Đông-phương Phật-

giáo» được. Ở mấy xứ trong dãy núi Tuyết-sơn (Hĩ-mã-lạp-sơn), như xứ Ni-bách-nhĩ (*Népal*), có lưu-hành một phái Phật-giáo Đại-thừa, cùng với đạo Phật ở Mông-cổ Tây-tàng, có thể biệt-xưng là «Bắc-phương Phật-giáo». Còn như đạo Phật thông-hành ở Tích-lan (*Ceylan*), Diển-điện (*Birmanie*), Xiêm-la, lấy giới-luật Tiểu-thừa làm chủ, thì thông-thường gọi là «Nam-phương Phật-giáo». Nam-phương Phật-giáo vốn câu-nệ về hình-thức, ít hoạt-động về tư-tưởng, nhưng cận-lai vì sự kích-thích của thế-giới, cũng đã hơi tỏ ra cái khí-tượng hoạt-bát. Kỳ-trung đạo Phật Diển-điện có nhiều kẻ có chí hoạt-động mở-mang; đạo Phật Xiêm-la thời qui-định làm quốc-giáo, phàm quốc-vương cũng từ vương-tộc trở xuống, đều phải vào tu ở chùa một độ, nên đạo Phật trong nước rất có thể-lực. Ở bên Tây, đạo Phật cũng đã có ba-cập tới ít nhiều, lấy Phật-giáo-hội ở Luân-đôn làm trung-tâm, họp-tập được ít nhiều người cùng với bọn đồng-chí ở nước Đức, ở Thụy-sĩ, cùng thông thanh-khí; người Tây làm hòa-thượng mà hoạt-động ở các xứ Diển-điện, hiện cũng đã có.

Nói về đạo Phật lưu-truyền. — Đạo Phật dấy lên hồi đầu, là một cuộc vận-động cải-cách đối với Ấn-độ-cổ-giáo. Lấy cái tinh-thần bình-đẳng hướng-ngoại thường hoạt-động ra sự-nghiệp truyền-đạo, trong khoảng một hai trăm năm sau Phật-diệt, thế-lực đã tràn ra ngoài cõi tây-bắc Ấn-độ rồi. Nhưng thực truyền-bá ra ngoài, cảm-hóa bốn phương, thời là vào hai trăm năm sau Phật-diệt, nhờ cái lòng nhiệt-thành tin-ngưỡng và cái công tướng-lệ truyền-đạo của vua A-dục-dại-vương (阿育大王 = *Asoka*), Đại-vương dốc lòng tin đạo, đạo Phật bấy giờ truyền ra khắp đất Ấn-độ, lại do phía tây đảo

Tích-lan truyền sang tận đất Tư-lý-á (*Syrie*), đất Ai-cập (*Egypte*). Nước Tàu tiếp-xúc thế-lực của đạo Phật tự-hỗ cũng bắt đầu từ hồi ấy. Có người nói Tần Thủy-hoàng tiếp được thầy tu ở Tây-phương lai, chính là truyền-đạo-sư của A-dục-vương. Như vậy, đạo Phật thống-nhất được long-thịnh nhất là về thời-dại A-dục-vương. Cái triều phân-liệt đã manh-nha ra từ trước, nhân sau khi A-dục-vương mất, trong nước chia ra làm nhiều phần, các tôn-phaí tôn-nghĩa sai-biệt nhau lại càng tùy địa-phương mà cát-cứ, phân ra đến mười-tám phái, hai-mươi-mốt phái; nhưng trước sau, nhờ văn-học phạm-ngữ đương phát-đạt, các kinh-diển Đại-thừa làm ra rất nhiều, biệt-lập ra một lối văn-chương hoa-lệ. Lại ở miền Tây-bắc Ấn-độ, nhân người Hi-lạp qui Phật, khởi ra một lối mỹ-thuật về đạo Phật, đời có cái hình-thức Hi-lạp biệt thành một lối riêng, khác với mỹ-thuật đạo Phật của bản-bộ Ấn-độ. Ba trăm năm sau A-dục-vương (về thế-kỷ thứ nhất Tây-lịch), ở Tây-bắc Ấn-độ, có triều vua Già-nhĩ-sắc-già (迦膩色迦 = *Kaniska*) đương hưng-thịnh, đạo Phật ở đấy lại càng phát-đạt, truyền-bá ra trung-trong Á-tế-á, đến đời Minh-đế nhà Hậu-Hán, thì truyền vào Trung-quốc. Hơn ba trăm năm về sau (thế-kỷ thứ 4, t hứ 5) vào triều vua Cấp-đa (笈多 = *Gupta*), ở Trung-Ấn-độ, phái Đại-thừa Ấn-độ phát lên rất thịnh, cái luận không-quan của phe ông Long-thụ với cái luận thực-hữu của phe ông Thế-thân, tương-đối nhau. Trong khi ấy, đạo Phật cùng với Bà-la-môn-giáo và các triết-học của Bà-la-môn-giáo, sinh ra hoặc phản-kháng nhau, hoặc hỗn-hợp nhau, tức là cái nguyên-nhân đạo Phật suy-vi về thế-kỷ thứ sáu thứ bảy về sau vậy. Thế-kỷ thứ 7, đời nhà Đường bên Tàu, thầy Đường-tăng

Huyền-trang 玄奘 đi lữ-hành ở Ấn-độ, thời cái triều suy đã rõ-rệt lắm rồi. Thế-kỷ thứ 8, đạo Hồi xâm-nhập, thế-kỷ thứ chín lại bị bọn Bà-la-môn bách-hại, đạo Phật ở bản-thổ Ấn-độ hầu như hoàn-toàn tuyệt-diệt, chỉ còn ở trong núi xa trong rừng sâu, sót lại một chút dư-hóa cho đến ngày nay mà thôi. Trái lại thời đạo Phật ở phía nam Ấn-độ, tuy tự sau khi A-duc-vương truyền đạo có hồi thịnh hồi suy, nhưng đại-thể vẫn duy-trì được giáo-thế; đến thế-kỷ thứ năm, thì bậc danh-tăng tên là Phật-âm (佛音 = *Buddhaghosa*), xướng lên cải-cách, phát-huy cái đức-phong thanh-tịnh; tự-hậu cố-nhiên không khỏi mỗi ngày giảm mất cái hoạt-khí đi, nhưng cái hình-thức giới-hạnh thì vẫn duy-trì được mãi tới ngày nay. Ở trung ương Á-tế-á, nước An-túc (安息國 = *Parthie ou Khorassan*) về phía tây, nước Vu-diên (于闐國 = *Khotan*) về phía đông, vào hồi thế-kỷ thứ hai thứ ba, đều được hưởng cái hiệu-quả truyền-đạo; tự-hậu cho mãi đến thế-kỷ thứ bảy thứ tám bị đạo Hồi tràn sang, các nước ở Tây-vực đó, toàn là thuộc Phật-giáo Đại-thừa cả, về tôn-giáo, văn-học, nghệ-thuật, đều phát ra văn-minh rực-rỡ. Đạo Phật nước Tàu là nguyên-nguyên tự Ấn-độ và các nước Trung-Á đó; lại nhân kết-quả cuộc tây-chinh của vua Thái-tôn nhà Đường, các nước Tây-vực cùng với Trung-quốc thành mật-thiết quan-hệ, liên-lạc với Ấn-độ, lục-tục thâm-nhập các phái Phật-giáo vào Tàu, gây ra cái cảnh-tượng toàn-thịnh về đời Đường. Đất Tây-tạng (*Tibet*), vào khoảng giữa thế-kỷ thứ bảy, đạo Phật mới ở Tàu truyền vào, tự đấy hóa theo Phật-giáo. Bấy giờ đạo Phật ở đại-lục châu Á cùng thông với đạo Phật Ấn-độ, liên-lạc thành một cuộc đại-tổ - chức vậy. Thế-kỷ thứ 8, triều Tân-la 新羅朝 nước Triều-tiên (Cao-li), triều Nại-

lương 奈良 (*Naira*) nước Nhật-bản, đều là hồi đạo Phật dương thịnh; trừ ở bản-thổ Ấn-độ đã thấy có cái triều suy, còn thời đầu đầu cũng phát-đạt cả.

Ở Tàu, Phật - giáo khởi - nguyên, thường nhận cho là vào năm Vĩnh-bình thứ 10 vua Minh-đế nhà Hậu-Hán (Tây-lich năm thứ 6-7), có ông sư Ấn-độ đem một cái tượng Phật vào Tàu, tự đấy mới lục-tục dựng chùa dịch kinh; nhưng mãi cho đến thế-kỷ thứ ba là đời Tam-quốc, dấu vết truyền-bá đạo Phật ở Tàu cũng hãy còn chưa thấy có gì mấy. Vào khoảng đời Đông-Tấn sang đời Tùy, các nhà truyền-đạo Ấn-độ Tây-vực đua nhau dịch kinh Phật ra chữ tàu; những sách kinh dịch ra hồi ấy nhiều lắm, dựng thành cơ-sở cho đạo Phật ở Tàu. Đời bấy giờ, chính-trị-thương phân ra Nam Bắc-triều, Phật-giáo cũng tự-nhiên chia ra Nam Bắc. Về phía Bắc thời sau loạn Ngũ-hồ 五胡, triều Diêu-Tần 姚秦 (thế-kỷ thứ 4-5) và triều Bắc-Ngụy 北魏 (thế-kỷ thứ 5) làm trung-tâm, mời các thầy danh-tăng ở Tây-vực sang để dịch kinh, như Phật-dồ-trưng 佛圖澄, Cựu-ma-la-thập (鳩摩羅什 - *Kumarajiva*); ngoài thời bắt đầu truyền-giáo sang Cao-li, trong thời có những nhà tư-tướng như bọn Đạo-an 道安 nổi lên; lại về phương-diện mỹ-thuật, mở ra một lối Phật-giáo mỹ-thuật đặc-biệt; thật là đời đạo Phật bắt đầu hưng-thịnh vậy. Về phía Nam, thời vào khoảng hai triều Tống, Lương, các sư ở Tây-vực nối gót nhau sang Tàu, đối với Cựu-ma-la-thập thời có Phật-dà-bạt-dà-la 佛陀跋陀羅, tu-hành có vẻ nghiêm-cách đạo-đức, cùng với một phái môn-hạ của Đạo-an ở Nam - phương tương - hợp, dựng ra đạo Phật về nam - bộ Trung-quốc. Từ đấy đến đời Tùy thống-nhất (cuối thế-kỷ thứ 6), trong khoảng hơn trăm năm, nổi cũ thâm mới, về đường tư-tướng, về đường giới-hạnh, đều có

đặc-sắc, thật là thời-dại đạo Phật ở nước Tàu đương súc-tích để rồi phát-sinh ra vậy. Phật giáo tư-trưởng ở Tàu sắc-lập là đầu tư sư Trí-khải 智顛 (năm 531-597 Tây-lịch) về môn Thiên-thai 天台, đời nhà Tùy; thầy Trí-khải căn-cứ ở bộ kinh *Pháp-hoa* 法華經, chủ-trương cái luận « trung đạo thực - tướng » (中道實相論) mà lập ra Thiên-thai-tôn 天台宗. Tự dấy đến đầu nhà Đường, Hoa-nghiêm-tôn 華嚴宗 tổ-chức ra, Tịnh-thổ-tôn 淨土宗 phát-dạt lên, lại thêm về thế-kỷ thứ bảy thầy Huyền-trang ở Ấn-độ về đem Pháp-tướng - tôn 法相宗 vào trong nước, thế - kỷ thứ tám (đời Đường Huyền-tôn), bọn Kim-cương-tri 金剛智 đem Chân-ngôn mật-giáo 眞言密教 vào, trong ngoài tương-hợp, đạo Phật ở Tàu thành phát - đạt ra phức-tạp; kết-quả đến đời Đường đời Tống đạo Phật toàn-thịnh, dư-ba ngàn sang tới cả Nhật-bản. Cuối thế-kỷ thứ 10, nhà Tống thống-nhất, Thiên-thai-tôn phục-hưng; thế-kỷ thứ 11, Thiên-pháp 禪法 dần dần thịnh lên, cảm-hóa tới cả bọn nho-jiã văn-nhân, phép thiền ấy chính là đặc-sắc của đạo Phật đời Tống. Đời Nguyên thì ngoài mật là theo về Hoa-nghiêm-tôn, kỳ thực là theo một thứ Phật-giáo thuộc về đạo Lạt-ma (喇嘛 = Lama) của Tây-tạng. Đời Minh đời Thanh về sau, đạo Phật có hồi thịnh, có hồi suy; gần đây tiềm tiềm hơi có cái vẻ hưng-khởi một chút.

Sau đây là nói về mười-ba tôn-phái đạo Phật lưu-truyền ở nước Tàu từ xưa đến nay.

1. — Câu-xá-tôn 俱舍宗

Môn này là lấy sách *Câu-xá-luận* 俱舍論 của ông Thế-thân - bồ - tát 世親菩薩 làm bản-diễn.

Hơn trăm năm sau khi Phật nhập-diệt (có người nói hơn hai trăm năm), Ma-kha-dề-bà 摩訶提婆 xướng ra dị-

thuyết; các di-dồ của Phật bèn phân-liệt ra làm hai bộ « thượng-tọa » 上座 và « đại-chúng » 大衆. Rồi sau do hai bộ ấy lại sinh ra nhiều chi - phái khác nữa, tới đến hai-mươi bộ. Kỳ-trung, những bộ giữ cái thuyết « nhất-thiết-hữu » 一切有, là do bộ Thượng-tọa mà ra; Câu-xá-tôn tức là thuộc về hệ-thống các bộ đó. Ông Thế - thân sinh chín trăm năm sau Phật-diệt, vốn thuộc về giòng « hữu - bộ » 有部, lại rộng nghiên-câu những thuyết của các phái khác, giảng sách *Đại-tỉ-bà-sa luận* 大毗婆娑, tóm lại trong sáu trăm bài tụng, luận-lý sáng-suốt, tự-thuật đặc-nghi, đã được tiếng khen là tay « thông-minh luận » 通明論. Duy ông tự - thuật thường - thường không theo cái thuyết chính-thống của hữu-bộ, lại tán-dương những điều hay trong các kinh, hoặc kiếm-l hái những nghĩa hay của các phái, có cái vẻ tập-dạ-thành mà lập ra giáo-nghĩa một nhà riêng. Tuy vậy, thuộc về giáo-hệ của hữu-bộ, thực có thể cho là một phái mới, cải-lương giáo-nghĩa cũ vậy. Cho nên cổ-lai gọi Câu-xá-tôn là « lý-trưởng vi tôn » (理長爲宗), lại gọi là « thông-minh luận » (通明論), nghĩa là thiên trọng về lý, về luận. — Phản-đối *Câu - xá luận* của Thế-thân thì có *Thuận-chính - lý luận* 順正理論 của Chúng-hiền 衆賢. Sách sau ấy vốn gọi tên là *Câu-xá bao - luận* 俱舍苞論. Lại làm riêng sách *Hiền-chính-luận* 顯正, để thuật về chính nghĩa của hữu-bộ. Thế-thân với Chúng-hiền hai người cùng học môn-hạ ông Ngô-nhập 悟入, là hai người giỏi về đương-thời. Về sau ở Ấn-độ, chủ-thích sách *Câu-xá luận*, có bốn nhà. Đức tuệ 德慧, Thế-hữu 世友, An-tuệ 安慧 và Xứng-hữu 稱友. Ba bản trên không truyền; chỉ còn một bản thích bằng chữ phạn của Xứng-hữu là còn; Xứng-hữu tên phạn là Gia-du - di-da-la (耶輸彌羅 = Yasomitra).

Ở Tàu, sư Già-đề-bà 僧伽提婆 dịch sách *A-tỳ-dàm Tâm-luận* 阿毗曇心論, truyền-bá giáo-ngĩa « Pháp-thắng tử-dâm » 法勝毗曇; sau có sư Cưu-ma-la-thập ở nước Qui-tư 龜茲 đến Tàu về đời Hậu-Tần, dịch các thành-diễn về đạo Phật Đại-thừa, phản-hướng lại khiến cho phái Tiểu-thừa đẩy lên, thành một tôn-phái gọi là Tỳ-dâm-tôn 毗曇宗. Về sau dịch tiếp theo có Cầu-na-bạt-đa-la 求那跋陀羅 dịch sách *Tap-tâm-luận* 雜心論, cùng các sách thuộc về A-tỳ-dàm. Kịp đến khi Chân-đề 眞諦 dịch sách *Câu-xá-luận*, sách ấy mới lưu-hành, Tỳ-dâm-tôn bèn đổi tên là Câu-xá-tôn. Tờ các nhà dịch kinh mới là sư Huyền-trang dịch lại sách *Câu-xá-luận*; trước sau sách ấy, các thành-diễn khác về Tiểu-thừa dịch ra cũng nhiều, lại càng thêm giúp cho sách ấy lưu-hành. Môn-hà sư Huyền-trang như Nguyên-du 元瑜, Thần-thái 神泰, Phổ-quang 普光, toàn là những tay anh-triết cả; sau bọn đó một ít thời có Pháp-bảo 法寶. Người đời xưng Thần-thái, Phổ-quang, Pháp-bảo là ba tay đại-chú-thích gia của *Câu-xá-luận*. Sách *Câu-xá-luận* 3 quyển, của Thần-thái, chỉ còn truyền có bảy quyển; sách *Câu-xá-luận-ký* 俱舍論記, 30 quyển, của Phổ-quang, và *Câu-xá-luận-sớ* cũng 30 quyển của Pháp-bảo, thời còn cả, đời sau giảng *Câu-xá-luận*, phải lấy đó làm chỉ-nam. Về sau sách *Câu-xá-luận-tụng-sớ* 俱舍論頌疏, 29 quyển, của Viên-Huy 圓暉 ra đời, thời thiên-hạ chán sách *Câu-xá* bản-luận, cho là trúc-trắc khó hiểu, chỉ đua nhau đọc sách *Tụng-sớ* đó, văn-ngĩa dễ hiểu hơn. Sách *Tụng-sớ ký* 頌疏記, 12 quyển, của Độn-lân 遁麟, sách *Tụng-sớ sao* 頌疏抄, 6 quyển, của Tuệ-huy 慧暉, lại giải-ngĩa sách *Tụng-sớ* ra rõ ràng lắm; đời sau cho hai nhà ấy là hai đại-chú-thích-gia của sách *Tụng-sớ*. Ngoại-giả,

còn có sách *Tụng-sớ tự ký* 頌疏序記, 1 quyển, của Pháp-Doanh 法盈, môn học Tiểu-thừa ở Tàu đến đây hầu là cuối cùng. Còn thầy vua Nguyên Thế-tổ là Phát-hợp-tư-ba 發合思巴 (tức hiệu là Thánh-thọ 聖壽) làm sách *Chương-sớ-tri luận* 彰所知論, hai quyển, tức là cái dư-quang cuối cùng của Tiểu-thừa Phật-giáo ở Tàu vậy.

Nói về giáo-ngĩa Câu-xá-tôn. — Câu-xá-tôn là thuộc về nghĩa hữu-bộ, đối với Thành-thực-tôn thuộc về nghĩa không-bộ hay là vô-bộ Đại-phàm phái Tiểu-thừa truyền ra, tràn khắp cả giáo-giới Ấn-độ, chia ra đến hai mươi bộ, duy không có một quyển sách nào thuật về giáo-ngĩa cho tường-tận, chỉ có quyển *Di bộ tôn luận* 異部宗輪論 là ước-lược biết được đại-khái mà thôi. Nhưng nói về cái nghĩa « nhất-thiết hữu », thì cũng có nhiều sách, cho nên chỉ có hữu-bộ là hầu như đại-biểu cho cả Tiểu-thừa-giáo, mãi về đời sau cũng chỉ nghiên-cứu ở đây. Nghĩa ấy là thuyết-minh chư-pháp chính là lẽ nhân-duyên, phá những cái chấp-kiến của ngoại-đạo phạm-phu nhiễm vào mình, khiến cho cắt đứt được sự mê-hoặc mà vào cõi thánh, thoát-li được sự bó-buộc của tam-giới; cho nên trước thuyết-minh về tâm-giới chư-pháp, cũng là cái thuận tự tấ-nhiên. Nhân đó mới phân-loại chư-pháp, lập ra các pháp-môn như: ngũ-vị 五位, thất-thập-ngũ pháp 七十五法, ngũ-uẩn 五蘊, nhị-thập xứ 二十處, thập-bát giới 十八戒. Lấy rằng cái thể của chư-pháp là thực có mà quán cả tam-thế, chủ-trương cái thuyết « tam-thế thực hữu » 三世實有, « pháp-thể hằng hữu » 法體恆有. Cho nên tuy gọi là phá cái chấp-kiến của mình, chẳng qua là phá những thiên-kiến của ngoại-đạo nhiễm vào

mà thôi, chứ không đến bất-chước cái thuyết « vô-ngã » 無我. Dem chư-pháp đó mà đối với hiện-tại xét sự sinh, đối với quá-khứ xét sự diệt; sinh-diệt liên-tục nhau trong giây phút, chỉ khác nhau là một bên hữu-tình, một bên phi-tình mà thôi. « Diệt » tuy là sự suy-di tất-nhiên của hiện-tại, bất-tất phải có nguyên-nhân riêng nữa, nhưng « sinh » thì tất phải có cái nguyên-nhân sở-dĩ làm sao mà sinh, cho nên lấy các pháp-môn, như lục-nhân 六因, tứ-duyên 四緣, ngũ-quả 五果 mà thuyết-minh thêm ra. Lại gồm cái nhân-quả mê 迷, ngộ 悟, diễn ra tứ-đề 四諦, là: khổ 苦, tập 集, diệt 滅, đạo 道, dùng cái pháp-môn thập-nhị-nhân-duyên 十二因緣 để thuyết-minh về lẽ sinh-tử tương-tục vô-cùng; nhân đó bày rõ cái giai-cấp nhân-quả chuyển mê ra ngộ, mà lập ra thất-phương-tiên 七方便, tứ-hướng 四向, tứ-quả 四果.

2. — Thành-thực-tôn 成實宗

Thành-thực-tôn là môn lấy sách *Thành-thực-luận* 成實論 làm bản-diễn. Khai-tổ là Kha-lê-bạt-ma 訶梨跋摩, trước-giả sách ấy. Yếu-chỉ của môn này là hiển rõ thực-nghĩa của tứ-đề 四諦, cho người với pháp là không cả (人法二空), nhất-thiết-pháp là qui về một diệt-dề 滅諦 cả, khiến người ta phá được hoặc-chươngng mà vào cõi « vô-dư nát-bàn » 無餘涅槃.

Khai-tổ Kha-lê-bạt-ma của môn này sinh vào khoảng chín trăm năm sau khi Phật-diệt, ở Ấn-độ, nhà vốn giòng Bà-la-môn, thiên-tinh thông-mẫn, thông hiểu cả các khoa học-nghệ. Lúc đầu theo về phái « số-luận » 數論派, nghiên-cứu các giáo-lý; về sau theo lời khuyên của người bạn, có chí về đạo Phật, vào làm môn-hạ thầy Cứ-ma-la-dà 究摩羅陀 về giòng Tát-bà-đa 薩婆多 ở đất Kê-tân 罽賓, phía bắc Ấn-độ (đất *Cachemire* ngày nay).

Thầy dạy cho sách *Phát-tri-luận* 發智論, không đầy một tháng, nhận thấy trong các giáo-nghĩa của hữu-bộ có nhiều chỗ không mãn-ý, bấy giờ mới chuyển theo về Đại-chúng-bộ. Từ đấy kiêm học cả Đại-Tiểu-thừa, nghiên-cứu rộng về chân-nghĩa đạo Phật. Ông lấy rằng di-pháp của Phật, hiện bấy giờ tuy vẫn còn theo đường chính, nhưng về sau sợ các tà-thuyết làm điên-đảo đi mất, tất phải làm sách để dựng thực-nghĩa, nhân đó mới làm ra sách *Thành-thực-luận* có hai trăm linh hai đoạn gọi là « phẩm » (二百二品) để bình-luận các dị-thuyết. Trong giáo-giới Ấn-độ, từ khi giáo-quyền của Thượng-tọa-bộ dần dần mất thế-lực, chia ra đến hai-mươi bộ khác nhau, thời hình-thể khác hẳn trước. Kỳ-trung, như bộ Kinh-lượng 經量部 lấy tự-do nghiên-cứu làm chủ, giúp cho sự giải-nghĩa được phát-dạt. Vả trong khoảng sáu bảy trăm năm, cái phong Đại-thừa của bọn Mã-minh (馬鳴 = *Asvaghosa*), Long-thụ, truyền ra khắp một phương trong giáo-giới, các nước theo về Tiểu-thừa ở vùng Kê-tân, cũng chịu ảnh-hưởng to lắm, khu-khu câu-nệ những điều nhỏ-nhặt về danh-tướng, về chương-cú, cái học-phong Tỉ-dàm lại thêm làm cho mất vẻ nhất-trí đi; tí như sách *Câu-xá-luận* của Thế-thân, tuy là giảng diễn về Đại-tỉ-bà-sa và tổ-thuật về tôn-nghĩa của hữu-bộ, nhưng thường thường vẫn dẫn nghĩa Kinh-bộ để cho mạnh thêm. Kha-lê-bạt-ma học theo giòng Tỉ-dàm, không lấy làm mãn-ý, bèn chuyển theo về Đại-chúng-bộ, kiêm học cả Đại-Tiểu-thừa, vốn lấy ý-kiến riêng của mình mà lập nghĩa, có ảnh-hưởng đến học-phong đương-thời to lắm; sánh với *Câu-xá-luận* của Thế-thân, thái-độ tuy không giống, nhưng hai người đều là tay lỗi-lạc thừa cơ-vận đời bấy giờ mà xuất-hiện ra. Còn như cái chí của Kha-lê-bạt-đa tuy là ở bình-luận các dị-

thuyết đương - thời, nhưng vẫn là khuynh-hướng về Tỉ-dàm-tát-bà-da làm chủ, đối với cái thuyết « nhân không pháp hữu » 人空法有, ông chủ-trương cái thuyết « nhân pháp nhị không » 人法二空; nhân đó cũng có tạm dùng những phương-pháp của giòng Tỉ-dàm đặt ra như giáo-tướng, số-biệt, nhiều khi cũng khó giải nghĩa, nhưng thực thời cùng với *Câu-xá-luận* trong giáo-giới Ấn-độ có cái vẻ vậy-vùng mạnh mẽ vậy.

Ở Tàu thì về đời Diêu-Tần, thầy Cựu - ma - la - thập đem sách *Thành-thực-luận* dịch trước nhất. Mặt sau bản dịch sách ấy có biên mấy giòng rằng: « 大秦弘始十三年九月八日。尚書姚顯請出此論。至來年九月十五日訖。外國法師拘摩羅耆婆手執梵本。口自傳譯。曇曇筆受 », nghĩa là: Ngày mồng 8 tháng 9 năm Hoảng-thủy thứ 13 nhà Tần (Tây-lich: 10-10-411), Thượng-thư Diêu Hiền xin xuất-bản sách này. Đến 15 tháng 9 năm sau (Tây-lich: 4-11-412) mới xong. Sách này là Pháp-sư ngoại-quốc Câu-ma-la-thị-bà tay cầm bản chữ phạn, miệng tự truyền dịch ra, Đàm-qui lấy bút chép lấy. — Thành-thực-tôn mới bắt đầu truyền vào Trung-quốc từ đây. Sách *Cao - tăng - truyện* 高僧傳 nói rằng: « Học trò La - thập là Đàm-ảnh 曇影 chia sách ra làm ngũ-tụ 五聚 để cho khỏi chi-li. » Dịch xong, Tăng-Duệ 僧叡 cùng các môn-hạ khác của La-thập tranh nhau mà giảng diễn; sách *Truyền-thông-duyên-khởi* 傳通緣起 nói rằng: « Ba nghìn học trò của ông Thập đều thông sách này. » Lại thêm Tăng-Đạo 僧導 làm sách *Thành-thực-tam-luận - nghĩa - số* 成實三論義疏 và sách *Không-hữu-nhị-đề-luận* 空有二諦論, đề chú-giải về sách ấy; Đạo - Lượng 道亮 cũng làm sách *Thành-thực-luận - nghĩa - số* 成實論

義疏, 8 quyển, đề làm chú cước. Còn ngoài như Pháp-tri 法智, Tăng-Âm 僧音, Tăng-Uy 僧威, Phạn-Mẫn 梵敏, Đạo-Mãnh 道猛, toàn là những bậc đạt - nhân trong môn Thành - thực, trước sau nối gót nhau mà nổi lên, thật là những bông hoa thơm của Phật-giáo về đời Tống vậy. Sau bọn đó thời ở Tề có các hàng cao-tăng như Tăng-Uyên 僧淵, Đàm-dộ 曇度, Đạo-Tuệ 道慧, Tăng-Chung 僧鐘, Tuệ-thứ 慧次; Tuệ-long 慧隆, Pháp-an 法安, Tuệ-châu 慧珠, Tri-thuận 智順; ở Lương, có ba người gọi là « tam đại pháp-sư » 三大法師, là: Tăng-Mân ở chùa Trang-nghiêm 莊嚴寺僧旻, Pháp-vân ở chùa Quang-trạch 光宅寺法雲, và Tri-tàng ở chùa Khai-thiện 開善寺智藏, đều được vua thụ sắc cho giảng sách *Thành-thực-luận*. Môn Thành-thực bấy giờ lưu-hành cực thịnh. Lại về khoảng đời Tùy đời Trần, bọn các sư Cảnh-thiền 警詔, Bảo-quỳnh 寶瓊, Tuệ-hằng 慧暉, Tri-duyệt 智悅, cũng đều giảng sách *Thành-thực*, tự hồi sáu mươi đến hồi chín mươi mốt. Tuy về đời Lục-triều, môn Thành-thực có cái vẻ long-thịnh như thế, nhưng đến đời Đường, do thầy Huyền-trang dịch sách Tam-tàng ra, phái Pháp-tướng 法相 giảng-diễn lưu-hành khắp mọi nơi, phái Thành-thực tắt mỗi ngày một suy-sút đi.

Nói về giáo-nghĩa *Thành-thực-tôn*. — Đặc-sắc của môn này là cái luận « tam chủng tâm » 三種心, « nhị đề » 二諦 và « nhị không » 二空. Sách *Thành-thực-luận* từ phẩm 141 đến phẩm 154, trong diệt-dề lại dựng ra hai từng chân và tục-dề (眞俗二諦) nữa, nói về diệt tam-chủng tâm, là: giả-danh-tâm 假名心, pháp-tâm 法心 và không-tâm 空心. Người ta vì hoặc về hai cái trùng-dề đó, nên mới có tam-chủng-tâm; bỏ được tam-chủng-tâm đi thì nghiệp phiền-não không bao giờ

sinh ra được nữa, vĩnh-viễn giải-thoát được nhất-thiết chư-khổ. — Đệ-nhất-chủng-tâm là giả-danh-tâm, lấy người ta là ngũ-âm 五陰 sở-thành ra, cũng như cái bình là sắc 色, hương 香, vị 味, xúc 觸 sở-thành, là giả-danh cả, mà cho làm thực có, kẻ phàm-phu nhân giả-danh-tâm mà gây ra chủng-chủng-nghiệp phiền-não lưu-chuyển ở trong cõi sinh-l tử, cho nên trước phải chứng rõ cái lẽ đệ-nhất-trùng chân-tục nhị-dề đề diệt đi. Sách *Thành-thực-luận* giải về hai đề ấy nói rằng: « Chân-đề là nói về sắc và về nát-bàn; tục-đề chỉ nói giả-danh, không có thực-thể, như sắc-đẳng nhân-duyên thành cái bình, ngũ-âm nhân-duyên thành người ta. » Như vậy thời ở tục-đề, người ta và cái bình, chỉ có tên mà không có thực; ở chân-đề, thời lại chỉ có cái thực-thể ngũ-âm sắc-đẳng và nát-bàn mà thôi. Tuy-nhiên kẻ phàm-phu vô-luận chỗ nào cũng cố-chấp cho người ta là có thực, không biết rằng ở tục-đề thời có cái tên đó thật, mà ở chân-đề là hoàn không hết cả. Cái lẽ « nhân không » 人空 là phát ra từ đó. Nhưng như trong kinh nói về chúng-sinh, nghiệp-báo, nhân-quả, là nói nghĩa như thế này: « Nhân-duyên tương-tục, giả có chúng-sinh, nghiệp-báo, nhân-quả, tuy không phải thực có, cũng không phải hẳn không », thế là theo về tục-đề mà nói, không giống với cái võng-chấp thực-hữu của phàm-phu. Trong sách *Thành-thực*, nhiều chỗ nói về nhị-dề theo cái nghĩa đó, như nói: « Cho nên Phật nói: Ta lấy thế-đề 世諦 mà nói cho chúng-sinh; trong cái chính-kiến ta giải, nói có chúng-sinh vãng-lai sinh-l tử, thế gọi là chính-kiến 正見; nhưng kẻ phàm-phu vì lấy tà-niệm 邪念, trong chỗ thực không có chúng-sinh, nói thực có; phải phá cái tà-niệm ấy, không phải phá chúng-sinh. » Lại nói: « Người nào chưa được chân-không mà đã cho cái gì cũng là

không thời là truy vào ác-kiến, gọi là đoạn-kiến tà-kiến. Nếu người ấy trước hăng lấy thế-đề cho biết rằng có mình đã, biết tin nghiệp quả-báo đã, thời rồi sau thấy chư-pháp vô-thường, tất sinh diệt-trương... » — Đệ-nhị chủng-tâm, là pháp-tâm, là cho ngũ-âm là thực có, tức gọi là « pháp-chấp » 法執. Lòng pháp-chấp đó nếu không trừ đi được, thời không phá được căn-cơ của cái tà-kiến « nhân-chấp » 人執, cho nên không thể không chứng cái lẽ đệ-nhị-trùng chân-tục nhị-dề đề diệt đi. Trong sách *Thành-thực* nói về nhị-dề rằng: « Ngũ-âm thực không có, xét theo thế-đề nên mới có. Tại sao thế? Phật nói mọi việc đều như huyễn, như hóa, lấy thế-đề mà xét nên chó là có, chứ không phải thực có. Trong sách kinh nói về « đệ-nhất-nghĩa không », cho nghĩa ấy giải theo đệ-nhất-đề mới là không, không phải giải theo thế-đề mà là không. Đệ-nhất-nghĩa là cho sắc-không 色空 không có, cho đến thức-không 識空 cũng không có. » Nguyên-lai ngũ-âm đối với người ta tuy là có thực, nhưng xét kỹ xem thực là vô-thường và bại-hoại, mà cũng không phải là thực-pháp, nhân vì xét theo thế-đề mới cho là có, nếu quả theo về chân-đề thời nào phải có đâu. Ấy gọi cái lẽ « pháp-không » 法空 là phát ra từ đó. — Đệ-tam-chủng-tâm là không-tâm, không-tâm là cho nhất-thiết vô-sở-hữu. Nếu quả nhất-thiết vô-sở-hữu, thời cái duyên-tâm đó cũng không thể có được. Cho nên phải đoạn cái duyên-tâm đó đi; đoạn được duyên-tâm, thời vô-tâm-định, vô-tâm-định thời vô-dư nát-bàn, mà không-tâm cũng diệt vậy. — Tam-chủng-tâm đã diệt được cả như thế, thời tiện-thị là vĩnh-thoát tam-giới.

(Còn nữa)

THƯỢNG-CHI biên-dịch

KHẢO-SÁT VỀ HIỆN-TÌNH NƯỚC NGA (1)

Người Pháp đã du-lich qua nước Nga, khi trở về lại càng thấy ham muốn đem sự thực mà nói rõ ra.

Các báo Nga toàn thuộc quyền Chính-phủ, quyền đảng Cộng-sản kiểm-đuyệt cả, tuy những điều tệ-hại, chỗ khuyết-diêm về việc nội-chính, thường thường cũng hay nói thực, nhưng đến việc ngoại-quốc, hoặc thuộc về các nước Đông-Âu hay thuộc về các nước Tây-Âu, toàn là chuyện mơ-hồ tưởng-tượng, bày vẽ bịa đặt ra cả. Cái lệnh của chính-phủ truyền cho các nhà báo, là giữa lúc quốc-kế quân-bách này, nhân-dân đương phải hạn-chế kham-khở, phải làm thế nào cho toàn-thể quốc-dân, từ bọn lao-nông cho đến hàng quan-lại, cam-tâm mà chịu cái tình-cảnh đó.

Các báo tuân theo lệnh ấy, chắc là nói sai sự thực.

Như đua nhau mà tả cái cảnh khốn-nạn của bọn lao-nông ở các nước thuộc chế-độ tư-bản: Anh, Pháp, Đức, muốn đem cái khổ của người ngoài, nói cho quá-đáng đi, để răn người mình nên biết nhẫn-nhục mà đừng chán-nản.

Các báo Nga lại thường tả chính-sách của các nước tư-bản là chỉ chủ phá cái chế-độ xã-hội của Nga để khôi-phục chính-thể Nga-hoàng cũ, khiến cho bọn lao-động Nga tin là thiên-hạ chủ-tâm muốn hại mình, sẽ phản-chấn lên để phản-kháng lại, ấy là cách tập cho dân biết nhẫn-nại tự-cường.

Các báo Nga lại thường tả các nước

tư-bản Tây-phương, nhất là nước Anh nước Pháp, cho là đương nguy về đường kinh-tế, sớm trưa tất có nội-loạn, tất nổi cách-mệnh trong xã-hội, khiến cho bọn lao-động Nga tin rằng lao-động-giới các nước Tây-phương cũng sắp-sửa qui về chủ-nghĩa cộng-sản cả; ấy là cách tập cho dân giữ lấy nhiệt-thành hăng-hái.

Như vậy thời là các báo Nga giả-trá sự thực, hoặc nói sai đi, hoặc nói quá đi, hoặc giấu-giếm đi; nhiệm-vụ của nhà báo không phải là đem sự thực mà báo-cáo cho thiên-hạ biết nữa, nhiệm-vụ của nhà báo là phải hiệu-lực tả-đẫn cho một chính-phủ chuyên-chế, ở dưới quyền giám-đốc của chính-phủ ấy.

Kẻ lao-nông, kẻ thức-giả nước Nga ngày nay, không phải đọc báo nước mình mà biết hiện-sử Âu-châu theo phép khoa-học đợc.

Nói cho phải thì báo các nước khác nói về nước Nga, về xã-hội, kinh-tế, chính-trị nước Nga bây giờ, cũng không lấy gì làm thực-thà và đích-đáng cho lắm.

Thường tả nước Nga là một nước rối loạn, hỗn-độn, khách du-lich ngoại-quốc đến chơi không đợc luật-lệ cảnh-sát bênh-vực cho, không đợc hưởng sự trị-an như ở các nước văn-minh khác.

Nay tôi mới đi qua nước Nga trong bảy tuần-lẽ. Tôi đi khắp đông, tây, nam, bắc; qua thành *Moscou*, *Lenin-grad*, *Nijni-Novgorod*, sông *Volga*, núi *Caucase*, thành *Tiflis* và đất *Géorgie*,

(1) Dịch-thuật một bài du-ký của ông ARMAND DORVILLE, trang-sư ở tòa Phúc-thầm *Paris*. Tháng 8 tháng 9 năm 1926, ông có đi du-lich để khảo-sát về hiện-tình nước Nga, khi vẽ viết bài du-ký này, đăng trong báo *Le Temps* ở *Paris*.

thành *Bakou* và xứ *Azerbeidjan*, đất *Ukraine* với đất *Crimée*. Chỉ có hai lần là quan sở-tại hỏi giấy thông-hành của tôi mà thôi; Lần thứ nhất ở một nhà ga giáp địa-giới trên đường xe lửa *Riga-Moscou*, lần thứ nhì ở *Kiew* phải trình giấy lấy chữ ký đề xuất cảnh-ngoại. Mỗi khi đến nơi nào thời tôi đề giấy thông-hành ở buồng giấy người chủ khách-sạn, đến hôm đi người ta lại trả tôi. Các toa xe lửa chở hành-khách thời chỉnh-đốn lắm, mà xe chạy bao giờ cũng đúng giờ, đến cũng đúng giờ. Đến ga nào cũng có phu ga ra mang đồ cho, giữ-gìn cẩn-thận, và lấy vé cho chu-tất cả, mình không phải bận đến tí gì hết. Tôi có đi tàu thủy trên sông *Volga*, chiếc tàu hiệu là *Karl Liebknecht*. Trong tàu sạch-sẽ lịch-sự lắm. Các hạng khách vẫn có phân-biệt, chứ không hề lẫn-lộn. Trong sa-lông có bày cái đàn dương-cầm lên giây tử-tế cả. Ghế ngồi thời nhồi nệm, căng da, ngồi êm để chịu lắm. Còn đồ ăn hạng nhất thì các thứ cá biển cá sông đủ cả.

Ở các nhà khách-sạn đâu đâu cũng có buồng tắm sạch-sẽ, nước rửa thật nhiều và đồ ăn ngon lành. Thức uống thì rượu *Sauternes* đem ở *Crimée* lại, rượu *Saint-Julien* đem ở *Caucase* đến, lại có một thứ rượu cất riêng của Nga tên là *kvass*, với một thứ nước suối *Narzan*, có hơi có bọt, uống mát và ngon vô-cùng.

Các đường xe điện và đường ô-tô chở khách nhiều lắm, xe chạy nhanh. Xe hơi *taxis* để chở khách riêng thì ít, nhưng có thứ xe ngựa riêng của Nga gọi là *izvochtchiks* thì nhiều lắm. Tôi lại thường đi chân ở các nơi tỉnh-thành, các nơi xóm ngoài thành-phố, các chốn nhà quê và trên đường cái. Đâu đâu tôi cũng thấy người dân tử-tế ăm, hỏi gì bảo nấy, như vui-vẻ mà đón khách ngoại-quốc vậy. Không đâu

là tôi có cái cảm-giác rằng ở một xứ không được trị-an, không có trật-tự.

Cái chính-thể lao-động chuyên-chế, tuy phóng-túng bậy-bạ thật, đáng cho thiên-hạ ghét thật, nhưng bề ngoài vẫn là nghiêm-chỉnh lắm, có xấu. cái xấu không bày ra ngoài đường. Tuy ngay trong đảng cộng-sản chia ra một phe thiêu-số, một phe đa-số, phe thiêu-số là phe của *ZINOVIEF*, phe đa-số là phe của *STALINE*, hai bên thường công-kích nhau kịch-liệt, vậy mà ở kinh-thành *Moscou* vẫn yên-ổn như thường. Trật-tự vẫn giữ được hoàn-toàn, dường như không có sự ngăn-trở gì.

Trong khi tôi đi chơi, quan-sát cái cách sinh-hoạt của người Nga ở ngoài đường phố, ở trong kịch-viện, ở nhà bảo-tàng, ở trên tàu thủy, ở trong xe lửa hay ở trên đường cái, thấy nhiều cảnh trái ngược, nhiều chuyện éo-le, tôi biên chép lấy cả. Tập du-ký này không dám tự-phụ tóm-tắt được việc trước, dự-đoán được việc sau. Chỉ là tự-thuật những việc mắt tôi trông thấy tai tôi nghe thấy ở nước Nga vào khoảng tháng 8 tháng 9 năm 1926 mà thôi. Vậy thì chỉ có giá-trị thuộc về một thời-kỳ đó thôi. Tự năm 1921, ở Nga nổi lên một cái phong-trào mới, muốn biến cái chế-độ cộng-sản cực-đoan ra một chế-độ ôn-hòa, hằng ngày thay đổi, cho nên sự quan-sát của tôi không giống sự quan-sát các nhà du-lịch mấy năm trước, mà chắc cũng không giống sự quan-sát của khách du-lịch đến sau này, vậy lời tôi thuật đây không thể thay đổi được lời thuật người trước mà cũng không thể ảnh-hưởng được lời thuật của người sau.

Tập du-ký này là một tập ảnh chụp tức-cảnh, gặp cảnh gì chụp ngay cảnh ấy, trong chớp mắt, không có sửa-soạn. Cảnh hôm qua chắc là khác cảnh hôm nay, cảnh ngày mai tất cũng không giống cảnh bây giờ.

Người ngoại-quốc sang du-lịch nước Nga thì ít lắm. Khi vào địa-giới thì cũng khó-khăn một chút, phải là người thạo-thành chủ-nghĩa cộng-sản hay là người trung-lập thì vào mới dễ, nhưng đã qua được địa-giới rồi thì bấy giờ được hoàn-toàn tự-do, muốn đi đâu thì đi. Chính-phủ Xô-viết lại có ý ân-cần đến khách du-lịch nữa; ở các nơi đô-thành lớn như *Moscou*, *Kharkof*, có đặt người để chỉ-dẫn hướng-đạo cho khách ngoại-quốc. Như ở *Moscou* có hẳn một tòa để giúp cho « sự giao-hoán văn-hóa nước Nga với các ngoại-quốc. » Sở này đặt tên bằng chữ Pháp là : *Bureau pour l'échange des relations culturelles entre l'Union des républiques socialistes soviétiques et les pays étrangers*, khắc vào biển đá đồng ở tầng dưới một cái nhà lầu to ở giữa phố-phường thành *Moscou*.

Sở ấy có một ông ti-trưởng, người nhã-nhặn ôn-hòa lắm, còn thư-ký và thông-ngôn vừa đàn ông vừa đàn bà không biết bao nhiêu mà kể. Sáng nào cũng đầy những khách du-lịch các nước đến để hỏi-han, kể điều này người việc nọ.

Khách du-lịch nào muốn họp bọn mà đi chơi cho đông, thì đã có tổ-chức thành đoàn-thể, có người hướng-đạo. Nhưng ai muốn đi quan-sát riêng cũng được, định đến xem xét ở đâu thì nói với quan ti-trưởng cho cái giấy giới-thiệu hay là đánh máy nơi báo trước. Như muốn đi xem các nhà máy sợi, các nhà máy sắt, các trường học, các nhà thương, các sở khám bệnh, sở vệ-sinh, nhà giám-ngực, trường thể-thao, câu-lạc-bộ, các xóm nhà ở của thuyền-thợ, v. v. đều được cả.

Đây là không nói các nhà bảo-tàng cũ và mới, từ khi qui làm công-sản nhà nước thì đồ bày thêm ra nhiều và sắp-dặt cũng chỉnh-dốn; lại những cung-diện của nhà vua cũ, những phủ-

độ của các bậc công-hầu trước, bấy giờ cũng qui công cả, cách bày-bien vẫn để y-nguyên như cũ, mà cách bảo-tồn thì lại có ý cẩn-thận lắm nữa. Những nhà bảo-tàng cùng những nơi cung-diện ấy, ngày nào cũng mở cho thiên hạ vào xem, từ 10 giờ sáng đến 4 giờ hay 5 giờ chiều, mà ngày nào cũng chật ních những người đến xem.

Ở nước Nga ngay nay, nhà bảo-tàng, tức là một cách giáo-dục công-chúng. Thường thấy từng lũ thanh-niên kéo nhau vào đứng chật cả các buồng, có một người đảng-viên cộng-sản cũng trẻ tuổi đi cai-quản và cắt nghĩa cho nghe, người này tay cầm một cái « xà-việt » bằng da có khóa hẩn-hoi, lại đeo một cái thắt lưng thắt chặt ngang lưng, ra dáng một tay thiếu-niên-lãnh-tự lắm. Các thầy thiếu-niên-lãnh-tự đó, hay là các ông đạo-mạo tiên-sinh khác, dắt đồ-đệ đi xem các nhà bảo-tàng, không phải là chủ-ý để giảng cho biết lịch-sử mỹ-thuật đâu. Vào những nơi cung-diện nguy-nga tráng-lệ kia, ngắm những chỗ bày-bien rực-rỡ trang-hoàng kia, là chỉ để lấy cái cơ mà bài-bác cái cách sinh-hoạt xa-xỉ của bọn tư-bản ăn không ngồi rồi, hại của sinh-linh, tán-dương cái công làm ăn khó-nhọc của anh em lao-động, gây lấy cái lòng công-phẫn muốn khuynh-đảo cái lâu-đài trang-nghiêm mà vô ích đó, là các nơi triều-đình của bọn vua quan áp-chế, coi việc nước là thường, chỉ lấy chơi-bời làm trọng.

Cung *Ermitage* của bà Nữ-hoàng CATHERINE (1729-1796) dựng ngày xưa, nay vẫn là nhà bảo-tàng đẹp nhất trong thế-giới. Những bức danh-họa của REMBRANDT bày ở đây từ xưa đến giờ, vẫn y-nguyên như cũ, và hiện có một cái buồng kín để chứa bộ đồ quốc-bảo ở thành *Kertch* cùng những bát đĩa Ba-tư về triều *Sassanides* (226-632), toàn là đồ quý-giá vô-ngần, canh-phòng cẩn-mật,

người nào khăn-khoăn mới được vào xem. Các danh-họa của Pháp cũng nhiều, treo chặt mấy bức tường.

Khách du lịch đem theo sách chỉ-nam *Baedeker* in từ trước khi chiến-tranh, trong đó kê hết cả các danh-họa trong nhà bảo-tàng, có thể gỡ ra kiểm-điểm từng bức, sẽ thấy không thiếu một bức nào. Có nhiều nước kinh-qua cách-mệnh, vị-tất đã giữ được toàn các vật quốc-bảo như thế.

— Ở nước Nga hình như ở trong cái hoàn-cảnh tiêu-thuyết, cái hoàn-cảnh dãn-kịch cả. Cuộc sinh-hoạt của người Nga là đầy những cảnh tiêu-thuyết, cả dãn-kịch, khi thời thổ-bỉ sô-sàng như truyện tả-thực, khi thời diu-dàng êm-ái như văn đạo-tinh.

Tôi muốn tả những cảm-giác của tôi cho được hết như thực.

Trong cuộc du-lịch của tôi, mỗi lần thấy một cái cách thức gì mới lạ đáng phục, đáng khen, đáng thành-thực mà tỏ cảm-tình, thì lại liền thấy một cái cảnh chường mắt, trái tai, nó hiện ngay ra, làm cho mình một-hứng.

Lời tôi thuật ra đây ngồn-ngang, lỏng-chồng, tức là phản-chiếu những sự cảm-giác trái ngược đó, xin độc-giả cũng lượng xét cho mà đừng quá trách. Cái hiện-trạng nước Nga ngày nay thực đủ khiến cho khách du - lịch nhọc lòng mà mỏi trí.

Như vào xem nhà khám lớn ở *Moscou*, là nơi giam những người phải tù từ một năm đến mười năm. Trong khám có đặt những xưởng bách công cho kẻ tội-nhân biết nghề gì làm nghề ấy. Khi làm việc không có nghiêm-cấm không cho nói chuyện, và lại được phép hút thuốc lá. Thường tổ-chức những cuộc xướng-họa, cuộc hòa-nhạc, cuộc diễn-kịch ở trong khám để tiêu khiển với nhau. Có phòng đọc sách, có kho trữ-kim, người nhà bà con được vào thăm luôn, còn ăn uống thời cũng như

binh-linh trong các đội Hồng - quân. Trừ khi phải phạt về kỷ luật trong giám-thất, còn phạm tội-nhân bị giam, mỗi năm được mười bốn ngày phép được ra ngoài, hoặc cả một lần, hoặc chia làm mấy lần, tùy ý. Ở tù mà như thế thì cũng dễ chịu lắm.

Nghe nói thế, chắc ai cũng hỏi: Thế cho phép tù được ra ngoài như thế, rồi hết phép nó có trở lại không, hay trốn đi mất? Tôi cũng hỏi thế, họ trả lời rằng: Có, bao giờ cũng về đủ cả. Bao nhiêu tù được phép ra, đều có đi lần lượt cả, người trước về, người sau mới được ra, ai về chậm thời làm chậm cả anh em không được ra. Người nào manh-tâm muốn trốn không trở về nữa, thời chịu cái ngay-hiểm rất to. Thế nào cũng tàn - nã cho được, rồi điệu về khám, phó mặc cho bọn anh em trong khám đương tức giận muốn làm gì thì làm. Có khi chúng giết chết, bỏ xác một xô, bọn lính canh có biết cũng làm ngơ đi, không tra hỏi gì cả.

Thế là chủ-ý muốn lấy nhân-đạo dãi kẻ bị tù, mà lại dang một cái tục dã-nạn, trái với nhân-đạo. Ấy đại khái sự sinh hoạt của người Nga có lắm cái cảnh trái ngược nhau như thế.

Ở *Sébastopol* có một sở bác-vật-viện bày các hình người nặn bằng sáp. Trong ấy có hình tể-tướng Đức Bismarck, vua Đức Frédéric Guillaume, nữ-hoàng Anh Victoria, lại hình những tội tra tấn người ta của tòa án Gia-tô (*Inquisition*) về đời Trung-đại. Đại-biểu cho nước Pháp thì có hình của viên quan tư Esterhazy là người can tội mã-quốc trong cái án Dreyfus năm xưa, xem đó thì biết là trò hoạt-kê, không đùng-đắn rồi.

Nhưng không phải là chuyện buồn cười cả: sở bác-vật này lại có ý chuyên về giải-phẫu-học. Các thời-kỳ thai-dụng, các hình-thức đẻ thuận đẻ nghịch, đều trình bày ra như hết,

đúng như phép khoa-học, không có sót một tí gì. Đến cái tay người đỡ đẻ thọc vào trong bụng người đàn bà, cũng hình ra cả, ghê quá! Thế mà trai thanh gái lịch, cầm sách mục-lục trên tay, kéo nhau lũ lượt xem cẩn-thận lắm, như xem nhà bảo-tàng vậy. Nghe đâu không có đôi nào trông thấy thế mà chán sự vợ chồng.

Việc sinh đẻ đã phô bày ra cả như thế, không còn bí-hiếm gì nữa, nhưng việc phá-thai cũng không phải giấu-giếm chi. Luật cho được tự-do và cho phép nhà chuyên-môn được làm cách truy-thai.

Chính-phủ lại chăm chỉnh-dốn việc y-tế cho đàn-bà muốn phá-thai như thế. Mỗi hạt dặt một hội-đồng, có một thầy thuốc, một người đại-biêu công-nhân và một người đại-biêu nông-dân, đàn-bà nào muốn phá thai thời đến trước hội-đồng xét, nếu quả là tiền công ít, nhà ở hẹp, thân-thể yếu, thời hội-đồng sẽ cho phép và cho giấy vào nhà thương cho thầy thuốc làm phép truy thai không mất tiền. Ấy pháp-luật kỳ như thế, mới thấy ở nước này thi-hành là một.

— Nhiều những giáo-đường tu-viện cổ, đề đồ nát cả; còn các nơi công-sở thì nơi nào cũng dặt một buồng riêng đề thờ LÉNINE; thần-thánh cũ bỏ xó, chỉ thờ ông tổ cách-mệnh mà thôi; thật là phạm tôn-giáo! — Thế nhưng mà người dân đi trước cửa nhà thờ vẫn làm dấu chữ thập, dám chay dám ma nào vẫn có cỗ đạo đi làm phép; ở gần thành *Ti/lis* có mấy cái nhà thờ tuyệt đẹp bằng đá hoa xanh đỏ, đương tu-bổ lại cẩn-thận lắm; lại ở kinh-thành *Leningrad*, trong nhà bảo-tàng *Alexandre III*, dặt ra mấy gian mới đề sur-tập các đồ thờ-tự cũ của đời trước: thế thì lại là trọng tôn-giáo lắm!

Những đại-phù-hào về triều trước, chủ nhà máy sợi, nhà máy sắt, nhà ngân-hàng, như bọn *CHTCHOUKINE*,

MOROSOF, bình-sinh đã chịu mất công mất của tìm kiếm mua được danh-họa của các nước không biết bao nhiêu mà kể, Chính-phủ mới lên cầm quyền, bèn đuổi đi mà tịch-thu cả gia-sản, xử với bọn tư-bản cũng tệ quá thật. Nhưng nhà lâu của bọn đó nay lại dặt thành bảo-tàng-viện, rộng mở cho mọi người đều được vào xem. Khách du-lịch đến xem dấy được thưởng vô-số những bức họa tuyệt đẹp, nhất là của các tay danh-họa nước Pháp, ngay ở Pháp bây giờ cũng không có. Thế thì ra chính-phủ cách-mệnh Nga cũng biết trọng mỹ-thuật lắm.

Ở *Kiev* có dặt một sở *Lénine* để tập cho những bọn thiếu-niên du-thủ du-thực được có nghề-nghiệp làm ăn. Nhưng đó mới là một cuộc thí-nghiệm mà thôi, chưa có ảnh-hưởng gì cho lắm. Những bọn thiếu-niên này nhiều lắm, quần áo tả-tơi, đi rong-rải ngoài đường phố, ăn mày ăn xin, khách ngoại-quốc trông thấy thật chướng mắt, nhưng người bản-xứ cho làm thường, cứ diềm-nhiên như không. Đó là những trẻ con vô-thư-nhận, không ai nuôi, phải đi đầu đường xó chợ, ăn cắp ăn mày, kẻ có hàng nghìn dĩa. Tối ngủ ở cửa các trại lính, nằm ở đất sơn nhựa hần-ín, cả ngày nắng bơi còn bốc lên ngùn-ngụt. Lũ này lang-thang ngoài đường cũng tự-do như các ác-thú ở trong rừng Ấn-độ. Mà thực nó cũng tai-ác lắm. Thiên-hạ sợ nó mà không ai thương. Ai cũng mong mùa rét đến nơi, chúng nó chết bết đi cho rảnh.

— Ở cạnh các tỉnh-thành lớn, những nhà đồ-trường ca-quán cũ qui làm của công cả, và dặt hoặc làm trường học lộ-thiên cho bọn con trẻ yếu đuối, hoặc làm sở ký-túc vệ-sinh cho những thợ-thuyền ốm-yếu, tối đi làm về đến dấy được ăn, được mặc, được tắm, được nghỉ, thành-thời sạch-

sẽ, cho đến sáng mai lại đi làm. Cách vệ-sinh xã-hội, thể tướng cũng là chu-tất lắm. — Nhưng trong khi chăm vệ-sinh cho kẻ ốm yếu như thế, thời Nhà-nước lại giữ lấy chuyên-quyền bán rượu, thứ rượu mạnh của Nga tên là *vodka*, uống độc lắm. Chỉ có Nhà-nước được cất rượu, được bán rượu cho dân, tức là nhà nước xui-giục cho dân uống rượu.

Khách ngoại-quốc lại còn được xem nhiều cảnh lạ nữa. Như ở *Vladikavkaz* ngày mồng 5 tháng 9, đảng Cộng-sản có mở hội thanh-niên. Những quân-lính không mang khí-giới, những con trẻ từ 4 đến 10 tuổi, những thanh-niên tử-đệ từ 12 đến 18 tuổi, lũ-luợt trải qua các phố. Sơ-mi xanh, cà-vạt đỏ, trống kèn, dịp-dàng lắm. Con gái cũng nhiều bằng con trai. Đội thể-thao mặc áo cánh giòng-giọc. Bọn nào có hiệu cờ đỏ của bọn ấy, 11 giờ thì đại-hội cả ở nơi công-trường lớn trong thành-phố, giữa đặt một cái diên-đàn căng vải đỏ. Diễn-thuyết. Đầu bài diên : Nói về chế-độ tư-bản, về chủ-nghĩa Pha-xi (*fascisme*), về xã-hội tư-bản, về chế-độ phong-kiến. — Diễn xong, làm hiệu cờ, bao nhiêu trẻ con đều nhau tiến lên, vừa đi vừa hát những lời ca thóa-mạ bọn tư-bản và thể-nguyên cho phái lao-động nên hiệp-lực đồng-tâm với nhau. Xong rồi thì bắn súng chỉ thiên mừng. — Bấy giờ thấy một cái xe ô-tô đặt thành sân khấu, lù-lù đi lại, rẽ đám đông ra mà đến đứng ở bên cạnh nơi diên-đàn. Trên sân khấu có đặt một cái bàn giải khăn trắng, bày đầy những đồ ăn đồ uống. Ngồi quanh bàn có một chàng ra dáng lãng chơi, ăn mặc bảnh-bao lắm, một nàng ra phường má phấn, cũng điếm-dót vô-cùng, một cái hình-nhân ăn mặc ra dáng nhà quý-tộc Hung-gia-lợi, một vai đảng-nhân đảng xã-hội, một vai quan lại mũ cao áo dài, người nào người ấy ngậm điếu xì-gà lớn, tay mở rượu thoăn-thoắt, giọng

nói say-sưa, chỉ thấy tiếng hò : Sâm-banh ! Sâm-banh ! — Mấy vai đó là đại-biểu cho nước Anh, nước Pháp, nước Đức, nước Hung-gia-lợi, nghĩa là các nước tư-bản, chỉ biết ăn chơi phóng-túng. — Bấy giờ xe ô-tô kéo ra một cái chuồng lớn bằng gỗ và bằng sắt, trong có một bọn người đàn ông đàn bà xanh-xao rách-rưới, đói khát kêu van xin bánh ăn ; trong chuồng thì giải rơm làm giường nằm ; bên ngoài lính súng đứng canh, như canh một lũ tù đầy hay một đàn thú dữ. Đó là cái cảnh-tượng bọn lao-động ở các nước bị áp-chế khổ-sở. — Bỗng thấy đàn xa một toán thợ vác khí-giới đi lại ; ấy là bọn lao-động nước Nga reo hò tiến lên để đánh phá xã-hội tư-bản trên sân khấu. Bấy giờ mới phá-hoại tan-hoang, lũ bảnh-bao lúc nãy đều phải quì-lụy kêu van mà cũng không được tha, bị giết hết. Đoạn rồi tháo cũi sổ lồng cho kẻ bị lao-lung được thoát cảnh khổ-nạn. — Thế là hết trò, thế là tan hội. Bắt đầu thời đứng lẳng-lặng một phút để tẩm-niệm LÉVISE, giải-tán thời đồng-thanh hô lên nên cứu-giúp cho Ai-cập được độc-lập.

Ấy những cái cảnh-tượng li-kỳ bày ra trước mắt khách du-lịch nước Nga đại-khải như thế.

Ấy là nội-tình trong nước, cũng không khỏi phát-phơ mơ-hồ một chút. Nhưng đến ngoại-giao thì thật có chính-sách nhất-định lắm. Những người chủ-trương ngoại-giao nước Nga không phải là những kẻ mơ-mộng hoang-đường gì, thật là am-hiểu thực-tế lắm.

Nước Nga là một nước lớn ở Âu-châu. Nhân vì việc chiến-tranh năm nọ, lại việc nội-loạn kế sau, đã bị cắt mất nhiều đất, như đất *Finlande*, các đất ở bờ bể *Baltique*, đất *Pologne*, đất

Bessarabie. Như vậy thời chính-sách ngoại-giao của Nga, tất là phải chuyên-chủ muốn khôi-phục lại những địa-hạt đã bị mất đó, nhất là sửa lại đường địa-giới về mặt *Pologne* để thu lấy đất *Galicie* và về mặt *Roumanie* để thu lấy đất *Bessarabie*.

Hiện nay chưa thi-hành được cái chính-sách khôi-phục đó, thời hãy cố-động về mặt Á-châu, đem chủ-nghĩa cộng-sản truyền-bá sang để trước là chấn thanh-thế cho chính-phủ cách-mệnh Nga, sau là ngăn-trở những nước Tây-phương có quyền-lợi to ở Á-châu, thứ nhất là nước Anh xưa nay vẫn phản-đối Nga. Cho nên Nga hết sức cố-động cách-mệnh ở Tàu.

Muốn khôi-phục lại bờ-cõi cũ, tất phải dùng đến kế chiến-tranh, muốn chiến-tranh tất phải có tiền, mà Nga thì không có tiền. Cho nên chỉ còn cách truyền-bá cách-mệnh thôi. Tự bề *Baltique* cho đến bề Hắc-hải, chính-phủ Sô-viết hết sức giúp các đảng tá để tựa vào đấy mà truyền cách-mệnh. Nhưng kết-quả lại trái lại lòng sở-nguyện : các xứ lân-cận với Nga, như *Finlande*, *Esthonie*, *Lettonie*, *Pologne*, *Roumanie*, thấy cái chính-sách ngoại-giao của Nga hoạt-động quá, sợ nguy-hiểm cho mình, bèn phản-động lại, mà xoay về chủ-nghĩa bảo-thủ, chủ-nghĩa tư-bản cả. Cái kết-quả ấy thật là không may cho người Nga.

Đối với các cường-quốc Tây-Âu, như Anh, Pháp, Đức, thời Nga cũng đã thử vận-động trong bọn lao-động của các nước ấy, nhưng mà không thành, phải dùng một cách gián-tiếp, là cố-động cách-mệnh ở thuộc-địa của các nước ấy hay là ở những nơi các nước ấy có quyền-lợi to, như Anh thời ở Ấn-độ, Ai-cập, Tàu, Pháp thời ở *Indochine*, *Tunisie*, *Maroc*, *Syrie*.

Đối với Đức, thời Nga cũng cho là nước tư-bản, chẳng ưa gì, nhưng còn

khả-dung được hơn các nước kia, vì Đức là nước chiến-bại, vả cũng không có thuộc-địa, không có quyền-lợi đặc-biệt ở đâu cả.

...

Nhưng đó là chuyện chính-trị. Việc kinh-tế còn cần hơn. Nước Nga có ruộng lúa mì, có rừng gỗ tốt, có mỏ, có than, có dầu. Những thổ-sản, lâm-sản, khoáng-sản ấy, chính-phủ Nga ngày nay có biết lợi-dụng không? Ở Nga ngày nay chỉ có bọn nông-dân nhà quê là được hưởng lợi hơn cả. Trước kia ruộng đất là của nhà vua, của các giáo-hội, của các điền-chủ lớn. Nay đã quân-phân cho các xã các thôn để chia cho nông-dân cấy cấy. Người nhà quê nào cấy thửa ruộng, giồng mảnh vườn, là của mình hẳn, chứ không phải thuộc người chủ nào nữa, được tự-do bán lúa cùng bán các thổ-sản khác.

Cứ như thế thì chính-phủ Nga đáng lẽ cứ khuynh-hướng việc kinh-tế trong nước về đường nông-nghiệp là phải, xuất-cảng lúa bán ra ngoài, còn thì nhập-cảng các hàng-hóa cần-dùng khác. Song cứ lý thì thế là phải, mà cứ thực không thể làm được. Muốn xuất-cảng nhập-cảng tất phải giao-dịch với các nước ngoài, mà các nước ngoài toàn là theo về chế-độ tư-bản cả, một mình nước Nga theo về chế-độ cộng-sản thì giao-dịch làm sao cho được. Lại còn một lẽ nữa là nếu kinh-tế nước Nga chuyên-chủ cả về nông-nghiệp thì thành ra vận-mệnh chính-phủ, tức là cái chế-độ lao-động chuyên-chế, ở cả trong tay một bọn nông-dân, còn ngu dốt, hay mê-tin và hay thủ-cự, tất có nguy-hiểm cho cái sự-nghiệp cách-mệnh trong nước.

Thành ra muốn cho bọn công-nhân lao-động về đường kinh-tế cũng được quyền chuyên-chế như về đường chính-trị, nước Nga thế-tất phải xoay về công-

nghệ. Nghề luyện-kim, nghề làm da, nghề thuộc da, nghề dệt vải, bấy nhiêu nghề đều hết sức khếch-trương ra. Nhưng mà vì hô giáo-dịch với ngoài, lại vì các công-nghệ ấy thuộc quyền nhà nước quản-lý, kinh-phí nhiều hơn công-lí riêng, thành ra đồ hàng chế ra vừa đắt, lại vừa chỉ bán được trong nước mà thôi. Ở Nga số dân quê làm ruộng là phần số nhiều, giá bọn dân quê ấy chịu sắm-sửa nhiều, chịu tiêu-dùng hàng-hóa nhiều, thì công-nghệ cũng không đến nỗi nào. Nhưng bọn này lại quen thói cần-kiệm, chỉ biết giữ lấy lúa để bán giá eo, còn thì các thứ cần dùng khác tự chế lấy cả, như dệt lấy vải để mặc, thuộc lấy da để làm giày đi, chế quần áo lấy bằng da cừu, như thế thì công-nghệ phát-đạt làm sao được.

Nói tóm lại thì về đường kinh-tế, bọn nông-dân Nga thường xung-đột ngầm với chính-phủ Sô-viét, chính-phủ trước còn dùng cách cưỡng-bách, bắt các làng phải mua đồ chế-tạo của các xưởng nhà nước để dùng, nhưng tự năm 1920-1921, dân nhà quê cầm lúa lại không bán nữa, cả nước phải một hồi đói kém to, bấy giờ chính-phủ phải chịu thua mà bọn nông-dân được thắng-thế. Đảng cầm quyền ngày nay là đảng STALINE sô-dĩ đứng vững được và đủ sức chống-lại được với đảng phản-đối là đảng TROTSKY, cũng là nhờ ý vào bọn nông-dân đó.

Nay hàng-hóa các xưởng nhà nước chế ra, không bán được cho bọn dân nhà quê, thì có thể bán được cho dân kẻ chợ không? Dân kẻ chợ thì những bạc vào trung-lưu-xã-hội sa-sút hết cả, không có đâu nhiều tiền mà tiêu dùng sắm-sửa. Đến bọn thợ-thuyền, thì đồ chế ra có bán được, công ăn mới được cao, nay đồ bán đã không chạy thì công ăn tất phải kém, mà cái sức tiêu-dùng sắm-sửa cũng bị hạn-chế lại nhiều. Không những thế mà thói :

những đồ cần-dùng đến lại phải mua đắt mà không được tốt.

Nay muốn chấn-chỉnh công-nghệ để cho giá đồ hàng rẻ đi, công-nghệ làm cao lên, thì phải có vốn. Vốn ấy lấy ở đâu?

Có thể kiếm được ở trong nước không? Hai năm đầu cách-mệnh, là năm 1917-1918, bao nhiêu của động-sản, bất-động-sản của các tư-gia bị tịch-ký vào làm của công nhà nước cả. Trong nước tuyệt-nhiên không còn có nhà buôn-bán, nhà công-nghệ nào nữa. Thương-nghiệp công-nghệ trong nước là vào tay nhà nước quản-lý lấy hết,

LÉNINE xem chừng cách đó không thể thi-hành được hoàn-toàn, bắt đầu từ năm 1921, định hãy tạm-thời chầm-chước với cái chế-độ tư-bản cũ, bèn xướng ra một cách kinh-tế mới, gọi là *Nep (Nouvelle Economie Politique)*. Bấy giờ lại cho phép người riêng được mở nhà ngân-hàng, mở xưởng công-nghệ, được chủ-trương việc thông-thương với các nước ngoài, việc buôn-bán ở trong bản-quốc. Dần-dần gầy lên một bọn tư-bản mới, gọi là *nepman*. Nhưng bọn này lại bị phái lạc-động ác-cảm, vì theo chủ-nghĩa cộng-sản, phạm trong xã-hội người nào dùng kẻ khác làm công cho mình là người cừu-dịch cả. Thành ra bọn tư-bản mới không có quyền bầu-cử, không có quyền ứng-cử, không có thế-lực gì về chính-trị cả, lại cũng không được làm việc gì trong quân-đội. Mà ở Nga ngày nay duy có quân-đội là đại-biểu cho quốc-gia, trong quân-đội cũng chỉ duy có hai hạng lao-nông mà thôi. Đến bọn trí-thức, dẫu không có của-cải gì, cũng không được tham-dự vào.

Như thế thì tuy có một bọn tư-bản mới nhóm lên, được việc cho nước, nhưng không có thế-lực gì, lại bị các giai-cấp khác ác-cảm, có làm ra được tiền cũng không muốn tích-trữ làm chi. Kết quả trong nước vẫn không có

tư-bản đủ mà giúp cho công-nghệ
chấn-hưng được.

Vậy có thể mong ở tư-bản của nước
ngoài không?

Điều này mới là điều khỏ-tâm của
chính-phủ cách-mệnh Nga. Tự mình
vẫn phản-đối cái chế-độ tư-bản, mà
bây giờ phải cần đến tư-bản của người,
nghĩ thế có khỏn không? Trong một
hồi, đảng Cộng-sản Nga đã mơ-tưởng
rằng cứ cồ-động dữ cho các nước tư
bản như nước Pháp nước Đức nước
Anh nổi cách-mệnh lên, rồi thì hệ
cách - mệnh thành công, tất bọn lao-
động của các nước ấy nhớ ơn anh
em Nga đã giúp cho, sẽ sẵn lòng cung-
cấp cho Nga những máy-móc cùng vật-
liệu cần-dùng để chính-dồn công-nghệ.
Nhưng cái mộng đó vẫn hoàn là mộng,
không mong cho thành sự thực được.

Nga bây giờ muốn được các
nhà tư - bản thế-giới giúp cho, tất
phải châm - chước với các nhà ấy.
Châm - chước thì Nga cũng sẵn lòng
châm - chước cho được việc, nhưng
Nga vẫn giữ cái chính-sách nhị-tâm,
nhất-diện thì thương-thuyết với các
nhà tư-bản ngoại-quốc, thuận nhường
cho lợi-quyền to, nhất-diện thì lại cấp
tiền cho đảng cộng-sản ở các nước tư-
bản để khuyến-dảo bọn tư-bản đi.
Một đảng thì ngửa tay vay tiền người
ta, một đảng thì thuê người đánh trộm;
thử hỏi cái thái-độ ám-muội đó còn
ai tin được nữa không?

Hoặc-giả nói ở nước Nga có đảng
cộng-sản, có chính-phủ Sô-viết, chủ-
nghĩa cộng-sản là một cái tôn-giáo
thần-bí, chính-thể Sô-viết là một cái
chính-phủ thực-tế, phải nên phân-biệt
hai đảng. Nói thế là nói sai. Kỳ-thực
đảng cộng-sản với chính-phủ Sô-viết
thật là có mật-thiết quan-hệ với nhau,
thật là đồng-thể nhất-dạng với nhau,
không có phân-biệt ra được.

Đảng cộng-sản ở trong dân-chúng
Nga chỉ là một phần thiểu-số, kén
chọn kỹ lắm mới cho vào, như là đồ-
đăng một hội bí - mật. Nhưng bao
nhiều chức quyền lập-pháp hành-
chính trong nước là ở trong tay bọn
đó giữ cả, lại có đội Hồng-quân để sai-
khiến, thành ra thế-lực rất mạnh.
Chính-phủ với đảng cộng-sản cũng là
một, xem như mấy việc sau này thì
biết. Ở *Tiflis*, lãnh-tụ đảng cộng-sản
có quyền được giữ chức kiểm-sát tài-
chính. Lại các tay kỹ-sư coi các công-
xưởng lớn của nhà nước, lương cao
thường tới nghìn rưỡi hai nghìn *rou-
bles* một tháng, người nào có chân đặng-
vên thì theo lệ mỗi tháng không được
tiêu hơn 250 *roubles*, còn thừa bao nhiêu
phải nộp vào công quỹ trong đảng.
Nhưng nộp đi nộp lại như thế không
khỏi phiền. Vậy từ năm 1926 định rằng
cùng chức kỹ-sư thượng-hạng, người
nào không có chân đảng cộng-sản thì
lương được mỗi tháng hai nghìn *rou-
bles*, người nào là đảng-viên thì nhà
nước chỉ trả 230 *roubles* mà thôi. Đó
chẳng phải là cái chứng-cớ hiển-nhiên
rằng quỹ của đảng cộng-sản với công-
quỹ nhà nước cũng là một, mà đảng
cộng-sản với chính-phủ Sô-viết cũng
là một đư? Đó lại còn là cái chứng-cớ
là người đảng-viên cộng-sản tức cũng
như là người tín-đồ của một đạo nào,
dốc lòng tin đạo, chịu nhân-nhục khỏ-
hạnh để cho đạo thành và để cho
truyền-bá được rộng ra

Nói tóm lại thì đảng cộng-sản chính
là cái khuôn, cái khung của cả nước
Nga ngày nay. Khuôn ấy, khung ấy còn
bền chặt lắm, không thể thay đổi
được. Nhưng mà xét ra ngay trong
đảng cộng - sản, trong khoảng mấy
năm nay đã thấy có biến. Trước kia
thì tuyệt-nhiên công-ktch cái chế-độ
tư-bản, ngày nay đã chịu châm-chước
với chế-độ ấy, và đã dần-dần thấy gây

ra một bọn tư-bản mới. Tuy chưa được công-nhiên thừa-nhận, còn cho là một cái kế-hoạch tạm-thời, để đối-phó với sự khó-khăn một lúc, sau này hễ gặp cơ-hội tốt sẽ lại đem cái chủ-nghĩa cộng-sản hoàn-toàn mà thi-hành, tuy vậy nhưng sự thực đã hiển-nhiên ra đó : chế-độ cộng-sản là trái hẳn với chế-độ tư-bản mà ngày nay nước Nga vẫn còn phải cần đến tư-bản. Như vậy thì chủ-nghĩa cộng-sản dẫu vẫn là chủ-nghĩa thuần-túy, mà chính-sách cộng-sản thật là chính-sách tùy-thời.

Nay các nước ngoài nếu muốn giao-thiệp với Nga thì tức là phải giao-thiệp với đảng cộng-sản, phải chám-chước với cái chủ-nghĩa thuần-túy và cái chính-sách tùy-thời đó.

Nhưng các ngoại-quốc có chịu giao-thiệp với Nga không ?

Nói về các nước tư-bản lớn như Anh, Pháp, Mỹ, Đức, thì vấn-đề có hai phương-diện : một là phương - diện thực-tế, hai là phương-diện tinh-thần.

Nói về phương-diện thực-tế. Chính-phủ Sô-viét khi lên cầm quyền nước Nga, bao nhiêu những nợ của triều trước với ngoại-quốc đều không nhận cả, tức là vô nợ của thiên-hạ. Đã hay rằng bây giờ cần đến tiền ngoài, sẵn lòng nhường cho các nhà tư - bản ngoại-quốc nhiều lợi-quyền to, nhưng mà các nhà ấy có thể hết lòng tin mà cho vay dài hạn không ? — Nếu không thể cho vay được dài hạn thì có thể cho vay ngắn hạn hay là bán chịu các đồ máy-móc vật-liệu cho, tùy hễ trả được sòng-phẳng thì sẽ kế-tiếp mãi, nhược-bằng không thì thôi ngay, làm như thế có được không ? Cách ấy cũng có lẽ được, nhưng mà cũng tùy ở người Nga : nếu chính bọn tư-bản Nga ở trong nước mà còn bị ác-cảm, thì nhà tư-bản ngoại-quốc chắc gì mà chịu đem của-cái vật-liệu để sang doanh-nghiệp ở Nga ?

Nói về phương-diện tinh-thần. Nhà tư-bản Anh, Pháp, Đức, Mỹ, trước khi xuất-tiền ra cho vay hay đem đồ ra bán chịu cho Nga, còn phải xét cái tinh-hình chính-trị ở ngay nước mình đã. Nếu ngay trong nước nhà chính-quyền ở trong tay các đảng bảo-thủ, đảng ôn-hòa, thì bọn ấy mới yên tâm yên trí mà mưu sự doanh-nghiệp ở ngoài, chứ nếu chính-trị nước mình lại cũng khuynh-hướng về cách-mệnh, về cộng-sản, thì bọn đó quyết không đem tư-bản, không đem vật-liệu để giúp sức cho một nước đương làm chủ-động cách-mệnh trong thế-giới.

Không những thế mà thôi. Trong chế-độ cộng-sản có nhiều cách làm cho người sinh-trưởng ở một xã-hội văn-minh, biết trọng tự-do, trọng nhân-nghĩa, lấy làm ghê gớm, bất nhẫn nghe, bất nhẫn nhìn ; như công-nhiên cho đàn bà được phép phá thai, cho con trai con gái ăn ở hỗn-tạp, phá cái quyền người cha trong gia-đình, giao quyền giáo-dục cho các đảng thanh-niên, bách-hại những người vì cần-kiệm mà trữ-tích được ít của-cái để nuôi thân mình khi già yếu và di lại cho con cháu về sau, cho có của là một sự xấu, lại lạm dụng quyền cảnh-sát, khiến cho cá-nhân mất cả tự-do, người lương-thiện đi ngoài đường, nếu không phải là đồng-đảng với kẻ cầm quyền, thì chỉ nơm-nớp sợ không biết bị bắt bị giam lúc nào.

Một cái chính-thể có lắm điều trái ngược với đạo thường của loài người như thế, thì không thể nào khiến cho thiên-hạ tin hẳn được. Nước Nga có muốn lại giao-thông với các nước khác cho được bình-thường, thì phải tự sửa lại cái chính-thể ấy thế nào mới được, không thì không ai dám tin mà giao-thiệp với.

VŨ TRUNG TÙY BÚT (1)

雨 中 隨 筆

1

Tự-thuật

Ta sinh về năm Mậu-tí (1768) niên-hiệu Cảnh-hung. Lúc bấy giờ đang Tiên-dại-phu ta hiện làm Hiến-sát tỉnh Nam mới trở về, bà Tiên-cung-nhân ta mới hoài-thai ta mà vẫn khởi-cư như thường, đến bảy tám tháng vẫn chưa biết là có thai. Đến năm ta lên sáu tuổi, đang Tiên-dại-phu ta mới thăng làm tuần-phủ Sơn-tây, bồng-lộc đã dư-dụ. Song những cách chơi cây đá hoa chim, ta không có để bụng ham-mê đến. Bà bảo-mẫu Hoàng-thị thường hỏi ta rằng : « Về sau có chí muốn gì không ? » Ta nói rằng : « Làm người con trai thì phải lập-thân hành-đạo là phận-sự của mình rồi, không phải nói chi nữa. Nếu sau này thành-lập mà được lấy văn thơ nổi tiếng ở đời, để cho người ta biết là con cháu nhà ấy nhà họ, tổ-chi tôi chỉ muốn như thế mà thôi. » Bảo-mẫu nghe ta nói thế lại mách cho đang Tiên-dại-phu và bà Cung-nhân ta biết, đều được ban khen cả. Thấm-thoát hơn hai-mươi năm trời, mà vãng-vãng bên tai vẫn nghe lời dưới gối dạy bảo, cùng-đồ lao-đạo, đội gao vì ai, chỉ than-thở cùng trời xanh, chứ biết ngỏ cùng ai nữa !

Đang Tiên-dại-phu ta lịch-lệ Hiến-sát Nam-định, Tuần-phủ Sơn-tây, trong

tráp vẫn thường có cái mũ với một cái khăn, ta thường lúc đùa bỡn cứ hay lấy ra đội, mà thích nhất là cái mũ trại-quan, dấu cấm không cho chơi nghịch cũng không thể được. Có người đem những sách truyện nôm và những trò thanh sắc, nghề cờ bạc đến rủ-rè chơi đùa, thì ta bịt tai lại không muốn nghe. Ta từ khi đã học thiệp-liệp được ít kinh-sử, thế mà chữ nôm ta vẫn không thể biện hết được, câu ca bài đàn, thoáng qua ngoài tai rồi lại mang-nhiên không hiểu gì cả. Năm giáp-thìn (1784), ta mắc bệnh có cơ nguy đến tinh-mệnh, khi khỏi dậy, anh trưởng ta mới dạy ta đánh cờ tướng, ta học-tập đến và năm mà hễ đối-thủ với ai đánh cờ là thua. Đến năm ngoài hai-mươi tuổi cùng với các bè-bạn chơi cờ, lúc bấy giờ mới hơi biết cái thể công-thủ trong cuộc cờ, thì không muốn để trí vào nữa. Còn như những trò chơi cờ bạc phán-thần thì ta vốn không thích, cũng có lúc đùa thử tập chơi, mà ít lâu cũng chẳng hiểu cái thuật nó ra thế nào, đó cũng bởi tư-chất mình trời cho có phần mờ tối không thể cưỡng mà học được các nghề chơi. Tự sau khi lưu-lạc rồi, lại mắc phải cái bệnh nghiện chè tàu, dấu khay chén không đủ, tiền không đủ

(1) Sách này là của cụ Phạm Hồ 范 琥 tên tự là Tùng-niên 松 年 làm ra. Cụ quê ở làng Đan-loan, phủ Bình-giang, tỉnh Hải-dương, con quan Tiến-sĩ, sinh về cuối đời Lê, học hay chữ mà không chịu ra làm quan, ta vẫn gọi là cụ Chiêu Hồ. Cụ chỉ ham thích về đường văn-chương trước-thuật, làm ra cũng nhiều sách mà sách này là chép lấy những điều sự thực về đời Lê-qui, trước tôi đã lựa dịch ít bài đăng về mục Tôn-cổ trong bản-chí. Nay xin dịch cả toàn-bộ, để giúp về việc khảo cổ và xem cho biết những sự-thực về đời cuối Lê. —D.—C.

mua chè, mà vẫn nghiện chè ham thiết quá, các thứ chè từng quế thơm tho, thứ chè nào cũng mua nếm qua cả, đã nhiều lần muốn chữa hẳn đi mà không thể chữa được. Ta còn nhớ khi bà Cung-nhân ta hãy còn, thường lấy những điều cò bạc chè rượu làm răn, mà ta nay đã ngoài ba-mươi tuổi, từ-giới đã phạm mất ba điều, đêm thanh suy xét, hối-hận vô-chùng, vẫn mong cố gắng sửa đổi, để khỏi phụ lời tiên-huấn.

Ta khi mới lên chín tuổi đã học sách Hán-thư, được bốn năm thì dặng Tiên-dại-phu ta mất. Trong mấy năm cu-tang, gối dất đệm rơm, học-hành buổi đực buổi cái, đến khi miễn-tang rồi mới thôi không học sử nữa mà học đến kinh, các sách cổ thơ cổ, ta thường ham xem lắm không lúc nào rời tay. Năm nhâm-dần (1782), anh trưởng ta đi ra đua đuổi ở chốn Kinh-đô (Thăng-long), anh hai ta ra trọ ở đất Hạ-hồng (Ninh-giang), chỉ có ta lưu ở quê nhà để hầu-hạ. Bà Cung-nhân ta thì ở trong nhà nội-tâm, một mình ta ở nhà ngoài trung-đường. Nhà trung-đường có bảy gian, toạ đông hướng tây, vốn là nhà chính-tâm của dặng Tiên-dại-phu ta ở trước. Phía tây sỏi nước tiếp theo cái nhà khách-đường năm gian, trước mặt trông xuống cái ao vuông, trong ao giồng thứ bạch-liên, xung quanh bờ giồng cây thanh-liễu và cam quýt. Cách nhà khách-đường năm sáu bước, lại chắn ngang một dặng rào trúc tự phía nam nhà trung-đường, phía tây đến bờ ao, phía bắc thì đối dưng một cái bình-phong vòng quanh che khuất đi. Về mặt ao phía đông giáp sân khách-đường thì có giồng năm ba cây hoa nhài, hoa nong, hoa ngâu, hoa mẫu-đơn, trông xa ra ngoài cánh đồng thấp-thoảng cách hàng rào tre thì có cái quán ngói. Mỗi khi bữa cơm sáng xong rồi thì ta ra nhà khách-đường,

chung quanh chõng chắt mấy giá sách, tùy ý muốn lấy ra xem quyển nào thì xem. Mặt trời xế chiều, trẻ mục-dồng đuổi trâu qua ngoài rào trở về vừa đi vừa hát, hoặc đũa thì cuốn lá làm kèn mà thổi tí-te, ta sực ngủ trưa mới dậy, xa nghe tiếng hát. Chẳng khác gì tiếng ca thuyên chải ánh-ôi ở trên đầu bến Nhược-gia. Tối đến mặt trăng mới mọc, đi tản-bộ quanh bờ ao, lại ngâm-nghe mấy câu Đường-thi cũng thú. Lúc thì ngồi tựa gốc dứa, cảnh hoa phất-phơ trước mặt, ngồi bẻ bông tước lá thử chơi, lần-thần lúc trở về trong nhà khách-đường, thì bóng nguyệt hương hoa vẫn còn phảng-phất ở trên kỷ án, mãi đến gà gáy mới đi ngủ. Cuối mùa đông năm ấy anh thứ hai ta, từ nơi khách-dịa trở về, lại cùng ta sớm tối được non một năm nữa, nay anh hai ta đã mất rồi, tiêu-diệu vườn cũ, ta thì lạc-phách bốn-ba, non sông xa thẳm, khôn cầm giọt lệ!

Trịnh-phủ cố-sự

Trong năm giáp - ngọ át-mùi (1774-1775), trong nước vô-sự, Trịnh-vương (Trịnh Sâm) lưu-ý về việc ngoạn-hỏa, thường đi ngự chơi các ly-cung ở trên Tây-hồ và núi Tử-trâm, núi Dũng-thúy, việc công-tác khởi làm luôn mãi. Mỗi tháng ba bốn lần ngự chơi cung Thụy-liên trên bờ Tây-hồ, binh lính dàn hầu quanh vòng bốn mặt bờ hồ, các kẻ nội-thần thì đầu bịt khăn mặc áo đàn-bà, dàn bày bách-hóa xung-quanh bờ hồ để bán. Thuyền ngự đi đến đâu thì các quan hồ-tụng đại-thần tùy ý ghé vào bờ mua bán các hóa-vật như các cửa hàng buôn trong chợ. Cũng có lúc cho bọn nhạc-công ngồi trên gác chuông chùa Trấn-quốc hay là ngồi ở hóng cây lển đá nêo dó, hòa vài khúc nhạc-âm.

Khi ấy phạm bao nhiêu những loài trân-cầm dị-thú, cỏ-mộc quái-thạch, và châu hoa cây cảnh ở chốn dân-gian

dều sức thu lấy không thiếu một thứ gì. Thường thấy lấy một cây đa tự bên bắc đem về chớ qua sông, cành lá rườm-rà, giống như một cây cổ-thụ ở trên đầu non hốc đá, rễ bám đến và trượng, phải đến một cơ-bình mới khiêng 1 đôi, lại bốn người đi kèm đều cầm guom cầm thanh - la để đốc-thúc cho quân lính khiêng đi cho có điều-độ. Trong phủ tùy chỗ điếm-xuyết bày vẽ ra hình núi non-bộ trông như bên bể đầu non. Mỗi khi đêm thanh cảnh vắng tiếng chim kêu vượn hót ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn-ào như trận mưa sa gió táp, vỡ tổ tan đàn, kẻ thức-giả biết là cái triệu bất - tường. Kẻ hoạn-quan cung-giám lại thường nhờ gió bẻ măng, ra ngoài dậm-dọa, dò xem nhà nào có chậu hoa cây cảnh, chim tốt khiêu hay, thì biên ngay hai chữ «phụng-thủ 奉守» vào lồng chim hay chậu cây, đêm đến thì các cậu trèo qua cung-tường lên ra, sai bọn đồng-bồi đem linh đến lấy phăng đi, rồi liền buộc cho cái tội đem đim giấu vật cung-phụng đi, dề dậm-dọa lấy tiền. Nếu lấy hòn đá hoặc cây cối nào to lớn quá thì thậm-chí phải phá nhà hủy tường để khiêng ra. Các nhà giàu-có bị phải họ vu cho là đem giấu vật cung-phụng đi, thì phải bỏ cửa ra kêu van chi chết, có khi phải đập bỏ núi non-bộ hoặc đốt bỏ cây cảnh đi, để cho tránh khỏi phải tai vạ. Nhà ta ở phường Hà-khâu huyện Thọ-xương, trước nhà tiền-dương có giồng một cây lê, cao và mười trượng, lúc nở hoa ra trắng xóa thơm lừng; trước nhà trung-dương có giồng cây xích-bạch-lựu, kết quả trông rất đẹp, bà Cung-1 bản ta đều sai chặt cả đi, cũng là vì cơ ấy cả.

Lục-hải

Kinh-thành Thăng-long chia ra 36 phường, mỗi phường đều đặt ra một người phường-trưởng. Lại đặt ra một phủ Phụng-thiên 奉天, có quan Phủ-

doãn, quan Thiếu-doãn kiêm coi cả việc tuần-phủ và việc liêm-sát, đốc-suất hai huyện Thọ-xương 壽昌 và Quảng-dức 廣德, mỗi huyện đều có quan huyện-úy cai-trị. Toàn-thành thì cử một quan trợ-g-thần sung chức Đề-lĩnh tứ-thành quân-vụ, phân ra chánh phó hai dinh chuyên coi việc cầm-phòng xét tội. Song đất kinh-thành người nhiều nhà ở xan-xát, thường có hỏa-hoạn; lại nhiều những kẻ đầy tớ nhà quan-sang, du-dăng cò-bạc, đầu-ầu cãi nhau, cùng là những kẻ vô-lại trộm cắp, nhiều lắm không thể kể xiết được, chẳng khác gì lục-hải khi xưa là nơi bề cạn, vật-sản rất nhiều, mà lại không thiếu một hạng người nào cả. Đời Trịnh An-vương (Trịnh Cương) cụ Nguyễn Công-Hằng 阮公沆 làm thượng-thư cầm quyền-chính mới chia hai huyện ra làm tám khu 區, mỗi khu đặt ra một người trưởng khu và một người phó khu; lại chia ra năm nhà là một tỉ 比, hai tỉ là một lu 閭, mỗi lu cũng có một người lu-trưởng; bốn lu là một đản 區, mỗi đản đặt ra một người quản-giám, hai người quản-kiểm, trên thống-thuộc về người khu-trưởng, và thống-quyền về quan Đề-lĩnh, đó là phỏng cái ý cổ nhân bảo-trợ phù-từ lẫn nhau, phạm những việc phòng hỏa phòng trộm, và nhất-thiết những việc đao-dịch thuế-r à đều ủy-trách cho khu-trưởng đoàn-trưởng cả, bởi vậy những người vào bạc con nhà tẩn-thần không ai thêm ra làm, chỉ phó-mặc cho những kẻ cón-quang trong các xóm chợ nó ra làm, nó lại cùng với những kẻ ti-thuộc quan Đề-lĩnh thông nhau làm gian-trá, dân hàng phố rất là phiền nhiễu. Ôi sinh nhất-sự bất như trừ nhất-hại, lời nói ấy rất phải.

Cụ - lệ chốn kinh - thành các phố-phường không có phải chịu thuế dung thuế điệu (1), chỉ tính từng dãy nhà, không cứ nhà quan-hộ hay tạp-

(1) Dung là thuế ục-dịch, tức như thuế sưu. Điệu là thuế hộ, tức như thuế vải lụa.

hộ, mỗi năm mỗi nhì phải chịu một suất đi sửa đắp các đàu-tràng cừ-dạo, sản-tước cung-dinh, cung-ứng các việc trúc-tác, thay đổi nhau từng phiên, phải sắm đủ dây dòn, câu-liêm, thanh tre, bó đuốc, thùng ghình nước, tùy với quân quan Đề-lĩnh, di túc-trực các nơi diếm xích-hậu để phòng sai khiến, công-dịch rất là phiền-nhiều. Song tóm lại không tiền là không xong, chỉ làm thêm nặng túi cho kẻ gian-hoạt. Tuy bảo rằng phù-bản ức-mạt, nhưng cũng không phải là cái lương-pháp đời thái-bình,

Tả-chí hầu

Quan trung-quí Tả-chí-hầu là kẻ nội-thị đời chúa Trịnh Thuận - vương (Trịnh Khương), khi Trịnh Ân - vương (Trịnh Doanh) ra dẹp nạn, may cho Hầu được thoát nạn không phải tội chết, về sau đấng-cấm đã thí-bãi đi rồi, hầu mới đem những tài nghệ đi lại các nhà quan-thân; trạng-mạo hầu hùng-vĩ, phảng-phất giống như vị quốc-lão Việt-nghia-công, song có cái tính phong-diên, thường đánh chén vào là chủi mắng vung cả lên, chỉ bỏ ra cho một ít tiền thì lại cười sảng-sặc mà nói đùa bốn. Hầu lại hiểu cái thuật bóp nặn gân xương, biết cả những nghề xướng hát lật-vật, tinh cả nghề xem tướng, nghề vẽ truyền-thần lại càng khéo lắm, hai bức chân-dung của bà Thái-phi Như-kinh và bà Mi-thữ, đều là tay hầu vẽ ra cả. Hầu thường đến chơi nhà ta, một hôm gặp trong nhà họp đông đủ cả, bà Cung-nhân ta mới trở chị gia-trưởng ta mà hỏi. Hầu đáp rằng: « Làm dâu hay kịp được để trở chồng, thì mới là trọn vẹn được việc trung-quĩ, nhưng cũng khó lắm. » Lại trở vào tướng ta mà hỏi, thì hầu đáp rằng: « Anh ấy cử-chỉ thần-tinh giống hệt như Tôn-phu - nhân, chừng độ mười hai tuổi thì sợ không khỏi bóng cha khuất núi. » Hỏi đến sự cùng-đạt

của ta thì Hầu đáp rằng: « Anh ấy ngày sau tất hiển-dật, nhưng khác hẳn mọi người. » Đương lúc ấy nữa ngờ nữa tin cũng chẳng để bụng nhờ làm gì nữa. Đến năm Cảnh-hung mậu-tuất (1778) thì chị dâu ta mất, lại hơn một năm nữa thì đấng tiên Đại-phu ta tạ thế, bảy năm nữa thì gặp hồi quốc-biến, cứ nghiệm như lời nói của Hầu thì không sai. Song còn như ta thì lúc tráng-niên đã góa vợ, rồi thì đi phiêu-bạt tha-hương, kể tình-đầu nông-nổ không thể nào xiết được. Xem thế thì lời nói thầy tướng cũng không thể tin hết được.

Tả - chí - hầu lừng về bức truyền-thần cho đấng tiên Đại-phu ta, là chân-dung về hồi năm - mươi tuổi. Đấng tiên Đại-phu ta có đề bài thơ ngũ-ngôn vào trên bức chân-dung ấy, ta mỗi khi ngửa trông mà tưởng-trợng như là trông thấy thật. Ta còn nhớ khi chúa Trịnh đem quân vào trong Nam, ông Phan Trọng Phiên lấy là chức quan Đại-học-sĩ mà phải theo đi làm tâu-ly quân-vụ. Một hôm Hầu mới đem cái bức tranh hành-lạc của Phan-công cho đấng tiên Đại-phu ta xem mà nói rằng: « Tiên-sinh có nhớ người học-trò này không, nay đã sắp trở về đây. » Nói chưa được bao lâu thì quả-nhiên Phan-công trở về làm chức Thiêm-dô-đài.

Cảnh chùa Sơn tây

Khi tiên Đại-phu ta làm quan tuần-phủ tỉnh Sơn-tây, ta có theo lên chơi chốn tỉnh-ly. Một hôm ta có đi chơi vào chùa Ngọa - phật, chùa ở vào trong một cái hốc đá, trước nhà tiền-dương bên tả bên hữu có gian thờ phật và vị long-thần, gian giữa treo một bức màn-nà nh rủ xuống tận đất, lại có xây một tòa hoa sen cao đến và trùng-hoa-tâm thì là một hòn đá dài hơn một trượng, coi hình lổm-chổm lục-

li, hết sức biền nhận ra thì phảng-phất như hình người nằm ngửa, không biết là tự đâu đem lại. Có người bảo trước là một hòn đá ở cửa cống bên đường, ai giẫm vào thì bị ốm đau, hễ ai cầu-đào thì ứng-nghiệm ngay, nay mới đem đến chốn này làm chùa lên thờ. Ta lại thường đi chơi chùa Viên-sơn, núi Viên-sơn thì cách xa tỉnh-ly, là một cái đồi cao trọi-trọi, không có cây cỏ gì tạp-nhập, trên đỉnh núi dựng một ngọn chùa và mười gian, tương-truyền chỗ ấy là một kiêu đất lớn, trèo lên núi trông ra bốn bên thì làng mạc xa gần trông như vẽ, sông Hát-giang vòng quanh về phía đông, trông như một dải lụa trắng, lại vòng quanh từ phía bắc ra phía đông, nước chảy đi uốn-éo khúc-chiết; lạc đặc trông như lá tre điểm-xuyết trên tấm lụa ấy là những chiếc thuyền đi trên mặt sông vậy; lại trông thấy lờ-mờ như quả dưa quả muỗm, đi lại trên bãi cát ấy là những bóng người đi lại và trẻ mục-đồng đi chăn trâu vậy. Đến nay thắm-thoắt hơn ba mươi năm, phong-cảnh nước non vẫn thời-thường phảng-phất ở trong mắt ta vậy.

Địa-danh duyên-cách

Phủ Phụng-thiên có hai huyện, cổ-giả là Quốc-uy trung lộ, các huyện trong phủ Quốc-uy là Thượng-lộ, còn Thanh-tri, Thượng-phúc, Thanh-uy là hạ-lộ, đời Lý đời Trần đều tóm gọi là Uy-lộ 威路. Huyện Thọ-xương 壽昌 khi cổ là huyện Vĩnh-xương 永昌, huyện Thanh-uy 青威 khi cổ là Thanh-uy 清威, huyện Thanh-tri 清池 khi cổ là Thanh-đàm 清潭, bởi chữ thanh 清, vì tị-húy chúa Trịnh Thanh-vương 清王, nên mới phải lĩnh-hoạch là thanh 青; chữ đàm 潭 vì tị-húy vua Thế-tôn, nên đổi là chữ tri 池. Còn như

trung-lộ sau đổi là Phụng-thiên-hạ-lộ Thanh-uy sau đổi thuộc về phủ Ứng-thiên 應天, Thanh-tri, Thượng-phúc sau đổi là phủ Thường-châu 常州, Vĩnh-xương 永昌 sau đổi làm huyện Thọ-xương 壽昌, những sự cải-cách ấy trong quốc-sử đều bỏ qua cả không chép đến, phỏng từ đời Lê trung-hưng trở về sau đều như thế cả. Xét sông Nhuệ-giang 銳江 phát-nguyên tự làng Tây-dam huyện Từ-liêm, qua huyện Thanh-uy Thanh-tri, phía nam hợp-lưu với sông Tô-lich, những đoạn bờ khoảng giữa nhiều chỗ nhọn hoắt như mỏ hạc, nên mới đặt tên cái làng ở bờ sông ấy gọi là xã Nhuệ-giang, Nhân thế cũng gọi tên sông là Nhuệ-giang. Lại còn có tên là Thanh-uy-giang 青威江, nên quanh vùng sông ấy gọi là Uy-lộ, Thanh-uy huyện, Tả Hữu thượng-hạ Thanh-uy xã, cũng đều bởi thế cả. Lại ở kinh-thành khi cổ có Giang-khẩu-phường 江口坊, sau đổi làm Hà-khẩu-phường 河口坊 ở gần tiếp-giáp bờ sông Nhị, có ngòi sông Nhị chảy rẽ vào con sông Tô, hàng năm bờ sông bị nước sôi lở, không thể sao được. Đời Lê trung-hưng mới đặc suốt dọc bến phường Hà-khẩu⁽¹⁾ để cho khách chú ở, các khách hiệu mới làm đơn xin tãi đá làm mỏ hàn chắn ở trên thượng-lưu, từ bấy giờ mới bớt thủy-hoạn, về sông về phía nam dần dần nổi mãi bãi phù-sa ra, người đến tụ-hợp đông-dúc, bởi thế những phường Thái-cực, Đông-hà, Đông-các⁽²⁾ nhà ở thành hai dãy phố ken liền; mãi cho đến vạn hàng Mắm vạn hàng Bè và bến Tây-long, đều thành ra phố-phường đô-hội cả.

Quê ta ở khi xưa là Hồng-lộ 洪路 (nay là phủ Bình-giang), sau đổi là Hồng-châu 洪州, lại phàn

(1) Nay là phố hàng Buồm.

(2) Thái-cực nay là sau phố hàng Bạc và ngõ Sầm-công, Đông-hà nay là hàng Gai, Đông-các nay là hàng Bạc.

ra làm hai phủ Thượng-hồng (Bình-giang), Hạ-hồng (Ninh-giang). Huyện ta làng Bùi-xá có ông Giám-sinh tên là Nguyễn Luật, khi nhỏ ra chơi chùa làng ấy thấy có một cái lò đất nung kiêu tàu, dưới đáy lò thấy có ghi mấy chữ rằng: « Nhân-hồng-phủ Đường-an huyện Bùi-xá xã Nguyễn mỗ công-đức 仁洪府唐安縣裴舍社阮某功德 », không biết cái lò ấy là vật tự đời nào. Cứ như huyện ta hợp với huyện Đường-hào khi xưa gọi là huyện Đường-an. Ta thường hỏi cụ Phạm-Quý-Thích 范貴適 về huyện ta khi xưa duyên-gách như thế nào, cụ cũng không được tường cho lắm. Còn như làng Hoa-đường 華堂 nguyên trước là Bông-thôn 芴村 thuộc về xã Ngọc-cục 玉局, sau khi Lê trung-hung mới phân ra làm biệt-xã, xét trong *Đặng-khoa-lục* ghi chép quán-chỉ các đẳng tiền-hiền thì khá biết rõ.

Làng Nhị-khé 蕊溪 huyện Thượng-phúc nguyên cổ là xã Ngọc-ôi 玉隈, sau đổi là xã Nhị-khé, là lấy theo biệt-hiệu của một vị hương-hiền là cụ Nguyễn Phi-Khanh 阮飛卿. Cụ phong-công sinh ra ông Trọng-nguyên Nguyễn Trực 阮直 người huyện Thanh-uy, là bậc ân-dật không ra làm quan, biệt-hiệu cụ là Bối-khé 貝溪, nên làng cụ ở cũng theo biệt-hiệu cụ mà gọi là xã Bối-khé.

Khoảng năm trung-hung, huyện Từ-liêm làng Đông-ngạc 東鄂 có đào được cái chuông cổ ở chùa Diên-khánh 延慶, mặt chuông có bài minh rằng: « Đông-ngạch phường Diên-hổ tự chung, Diên-hưu nhị niên chú, tin-hoạn Tống Trân thi kim nhất lượng 凍額坊延祐寺鍾。延祐二年鑄。信宦宋珍施金一兩。 » Chữ bài minh viết rất cổ, hỏi các cố-lão thì nói rằng phường Đông-ngạc xưa là đất làng Thụy-hương (Chèm), sau mới phân-tách ra làm làng Đông-ngạc. Còn

như chùa Diên-hổ 延祐 mà đổi làm chùa Diên-khánh 延慶 là bởi tại vị tôn-hủ. Cuối đời Lê, cụ Phan Trọng-Phiên có soạn bài khoán-văn về việc trùng-tu rằng: « Chung minh Diên-hưu chi niên, Tùng mậu trường thu chi ăm, 鐘銘延祐之年。松茂畏秋之蔭。 » cũng là trở về cái bài minh chùa Diên-hổ làng Đông-ngạc vậy.

Huyện Gia-phúc có bốn xã: Đổ-tùng 杜松, Đoàn-tùng 段松, Đào-tùng 陶松, Phạm-tùng 范松, cụ Đỗ Uông 杜汪 có làm bài ký cầu Phú-cốc gọi là Tứ-Tùng 四松 tức là bốn xã trên ấy. Sau vị-hủ vua Triết-tôn đổi gọi là Tứ-kha 柯。

Trần An-bang 安邦 vị vị-hủ vua Anh-tôn nên đổi là An-quảng 安廣. Huyện Tân-an, Duy-tân, Tân-phúc vị vị-hủ vua Kinh-tôn nên đổi chữ tân 新 là chữ tiên 先. Đạo Tuyên-quang ở về thời vua Trương-dực-đế gọi là Minh-quang 明光, nay mới gọi là Tuyên-quang, hoặc người bảo là vị vị-niên-hiệu Minh-đức nhà Mạc nên mới gọi là Tuyên-quang. Song từ đầu đời Lê Thái-tổ trong sách *Thực-lục* đã gọi là Tuyên-quang rồi, thì không phải là mới đổi từ đời Mạc vậy. Gia-hung, Qui-hóa hai lộ hợp lại làm một gọi là Hưng-hóa 興化 thừa-tuyên, trong chép ở trong sách *Phong-lục tổng-lục*. Thanh-hoa 清華 ở đầu đời Lê gọi là Thanh-hóa 清化, đến đời trung-hung cũng gọi là Thanh-hóa. Vọng-giang 望江 ở về đời Trần thì là một trấn, khi thuộc đời Minh thì gọi là một phủ. Tam-giang 三江 đổi là Tam-dải 三帶, đều không biết đời tự năm nào. Cụ Lê Quý-Đôn ở huyện Diên-hà là bậc học thông-minh rộng-rãi làm lĩnh-tự trong nho-lâm, khi sang sứ Tàu có vào yết-kiến quan Đê-học tỉnh Quảng-tây là Chu Bội-Liên, Chu-công có hỏi huyện Chiên-lãng 闡朗 ở bên nước Nam nay thuộc về tỉnh đạo nào. Cụ Lê Quý-Hôn không thể đáp lại được, khi

trở về hỏi ra thì chính là huyện Diên - hà. Năm Hồng - đức thứ hai-mươi - một, có định sửa lại bản-đồ trong thiên-hạ, chia phủ Cao-bình bốn châu thuộc về đạo Thái-nguyên. Lúc đời Lê mới trung-hưng người Minh an-sáp họ Mạc ở đất ấy. Họ Mạc giữ đất Cao-bình bốn-mươi-bảy năm, vì thế sinh ra việc binh chiến-tranh mãi không thôi, cái câu hát : « Con cò lặn lội bờ sông, gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ-nơn », là của vợ các chú lính phải đi chinh-chiến lúc bấy giờ mới làm ra vậy. Khoảng năm Khang-hi đời nhà Thanh, quan trấn-thủ Vân-nam là Bình-tây - vương Ngô Tam-Quế làm phản, họ Mạc lại cứu-viện cho Ngô Tam-Quế, nên triều Lê mới tư sang bên Tàu để binh sang cùng đánh diệt họ Mạc đi, mới đặt Cao - bình là một trấn, sai ông Võ Công-Vinh lên làm Đốc-trấn, về sau cứ theo thế đều sai quan văn-thần lên làm Đốc-trấn, cũng giống như trấn Lạng-son ; vì Cao-bình, Lạng-son bờ cõi tiếp liền với Vân-nam Quảng-tây, tờ bồi tư báo đi lại, phi quan văn thì không làm nổi được chức Đốc-trấn ấy.

Lại còn như Phú-lương 富良 sau đời là Phú-bình 富平, Đà-dương 沱湯 sau đời là Đoan-hùng 端雄, Ma-nghĩa 摩義 sau đời là Minh-nghĩa 明義, Cổ-đẳng 古藤 đời làm Hoảng-hóa 弘化, Lương-giang 梁江 đời làm Thụy-nguyên 瑞原, Thanh - đàm 淸潭 đời làm Thanh-chương 淸漳, Thanh-miền 淸沔 đời làm Thanh-miền 淸沔, Tế-giang 細江 đời làm Văn-giang 文江, Trường-tân 長津 đời làm Gia-phúc 嘉福, Võ-ninh 武寧 đời làm Võ-giang 武江, Thanh-liêm 淸廉 đời làm Thanh-liêm 淸廉 ; cửa bể Thần-lâu 神投 (Thần-phù) nay đã lấp cả thà nh ra đồng bằng, cửa bể Đại-ác 大惡 nay đời là Đại-an 大安 ; Cổ-hiền 古賢 khi xưa là một huyện nay gộp cả về huyện bên cạnh, Hải-đông

海東 khi xưa là một phủ sau thuộc cả vào trấn-ti, đại-loại như thế rất nhiều không thể kê hết được. Nhưng vì văn-hiến không đủ, thể-lục không truyền, nên các học trò hiếu-cổ cũng thường phải thở dài mà chịu, không thể xé ra cho rõ được.

Hoa-thảo

Đời xưa gọi lan là vương-giả-hương, vì thứ hoa lan thanh-nhã bất-phàm, không phải như những thứ hoa cỏ yêu-quái hay vi được. Đời xưa có những tên cứu-uyên-lan 九畹蘭, song nay không thể biết tường hết được, ta hãy cứ sở-kiến mà bàn, thì những thứ thạch-lan 石蘭, thanh-lan 靑蘭 cũng hiếm có, mà thứ tố-lan 素蘭 cũng không dễ mua được. Đông-lan 冬蘭 là một giống huệ đời xưa, mà cái thứ ta gọi là hoa huệ tức là thứ cỏ huệ ở ngoài đồng vậy. Còn thứ kiến-lan 建蘭 thì cánh hoa nó ngoài xanh trong trắng, hơi điểm sắc đỏ, lại có lốm-dốm lưỡi gà như vẽ lông gà gó, giống ấy gọi là giống lan ngọc-quế 玉桂, giống nó phải để ý giữ gìn trân-trọng, nào là giồng lên trên chậu sứ Tàu, mà bón một thứ đất bùn đã phơi khô đốt ú đi rồi, hoặc là lấy những bã sừng hươu, bã chè khô phủ lên trên gốc, rồi lấy thứ nước ngâm cá ướp tươi vào cho nó, mỗi ngày phải cắt lá ủa rửa lá tươi đến và bốn lần, rồi nó đâm lá ra xanh tốt dài đến hai thước, mỗi rổ có đến và mười cái hoa, lúc thường hoa thì dốt hương tưng - chi để trước gió mà th-rởng - ngoạn. Cũng có người lại đánh cuộc thi nhau xem lá lan của ai giồng dài hay ngắn, hoa lan của ai nhiều hay ít, ôi! như thế có phải là bản-sắc của hoa dâu, đó chỉ là lấy cái màu phi - hồng, vẽ nùng - diêm mà th-rởng lan, chứ không biết lấy cái phẩm-cách lan mà xem hoa lan vậy. Xưa kia ông Khuất Nguyên đi trên bờ chằm mà hát cũng kết hoa lan để

đeo; đức Khổng-phu-tử dùng xe ở trước u-cốc cũng tả ra khúc đàn hát thương cho cây lan có vẻ thơm-tho mà đời không ai biết, từ đó hoa lan nổi tiếng là quốc-hương. Ta xem như trên bờ sông Tương Nguyên, trong hang núi Qui-mông, lan mọc ra vẫn tự-nhiên có cái nhũ-thảo u-hương mà ở lẫn với chúng-thảo, thì lấy đâu được người bón tưới cho hậu mà cái vẻ thanh-hương sao vẫn được kết-tri với người đại-nhĩ bác triết-nhân? Huống-chi sú-vị vẫn trái với thanh-hương, màu hăng thường hại đến đậm-chất, thế thì những màu sú-uế của đất bùn cá thối, dẫu đến các thứ hàn-hoa dã-thảo cũng không chịu được, mà bảo lan là thứ danh-hoa tuyết-phẩm lại nhờ về những thứ ấy mà tốt, thì ta không dám tin. Nếu bảo rằng đất bùn đã dốt ủ đi rồi, nước cá đã ngâm lâu rồi, thì không còn có sú-vị nữa, có việc gì mà hại đến lan, như thế thì là dùng cái khí-vị đã bại-hoại, để giúp cho cây cỏ phát-sinh, thì thực là trèo cây tìm cá, không thể sao được. Còn đến như lúc thưởng lan mà lại đốt hương ở dưới vườn hoa, thì Lạp-ông đã biện-bác là không phải, ta không cần phải nói nữa. Bã chè mà đem ủ trên chậu hoa thì rễ hoa thường ướt, dương-khí không đến nơi, nó thành ra kết hoa chậm mà giảm bớt sức thơm đi. Duy chỉ có việc bắt rận bỏ sâu cho lan là không thể thiếu được. Vì cái tính cây cỏ nó đậm-bạc thì hay ưa tĩnh, thơm-tho thì hay ghét ướt, nếu giồng nó mà thất-nghi, khiến cho giồng ruồi nhặng làm hại ở ngoài, giồng sâu bọ đục nát ở trong, thì thứ cây yếu ớt sao hay chịu được. Vậy nên cái cách bắt rận bỏ sâu không thể sao thiếu được. Lại còn có một thuyết nữa bảo rằng những thứ tanh béo chỉ làm tổ cho kiến bọ nó đến tụ. Cổ-gữ có câu rằng: « Cây nát thì trùng mới sinh, mỡ tanh thì nhặng

mới đậu ». Câu nói ấy không những là ví truyện lớn, mà đến việc giồng lan cũng phải nên biết như thế. Nếu bảo cứ lấy đất bùn đắp vào cho nó, nước cá tưới vào cho nó, mà bảo rằng sâu bọ nó không sinh ra, thì ta sợ rằng lại làm hại thêm cho lan, chứ nó không thể chịu được. Ta khi nhỏ lằm hồi truân-kiến, phải đi dạy học bốn phương, không lúc nào rời mà lưu-ý đến cỏ hoa. Nhưng mỗi khi đến chơi các nhà anh em bạn thường vô-vấn ở trong chốn vườn hoa bóng trúc, vẫn ngờ rằng giồng kiến-lan là tốt mà thần thỏ, hoa nhiều mà hương bạc, mới cười rằng thứ hoa lan này là tiền-thân Khuất Bình, Yên Cật, có lẽ nào lại như thế, hay là cổ-nhân luận về thứ lan nào mà nay ta không biết lại trở vào thứ lan ấy chẳng? Năm át-mão binh-thìn (1795-1796), ta có vào chơi một nhà anh em bạn, khi vào đến cửa thấy mùi thơm sực-nức hình như hương hoa lan mà mùi nó thanh-hương lại có phần hơn, vẫn không ngờ là thứ lan ngọc-quế. Đến khi vào nhà khách-đường mới thấy thứ lan ấy mới nở, mà giồng vào trong cái chậu vỡ đất sỏi để ở góc hè, cảnh lá lơ-thơ, dài chỉ độ dăm sáu tấc, hoa nhỏ mà cánh mỏng, sắc nó rất đậm, mà thơm-tho ngát lừng. Ta vừa mới được hấp thiên-hương liền khen là khéo giồng, mà chủ-nhân thì bẽn-lẽn nói rằng không kịp lúc nào bón tưới. Ta mới biết ra rằng người đời chơi lan chỉ biết thưởng bằng mắt chứ không biết thưởng bằng mũi, chỉ biết được cái hình của hoa chứ không biết được cái thần của hoa, chậu sành nào phải là nơi sơn-cốc, phòng phở nào phải là chốn thôn-quê, thế mà hoa lan giồng được nơi u-tĩnh thì đã phát ra kỳ-hương như thế, thảo nào lan sông Tương mà Khuất Nguyên lấy đeo, lan U-cốc mà Khổng-tử còn thưởng, cao-phong nhũ-diệu nổi tiếng muôn đời, cổ-nhân

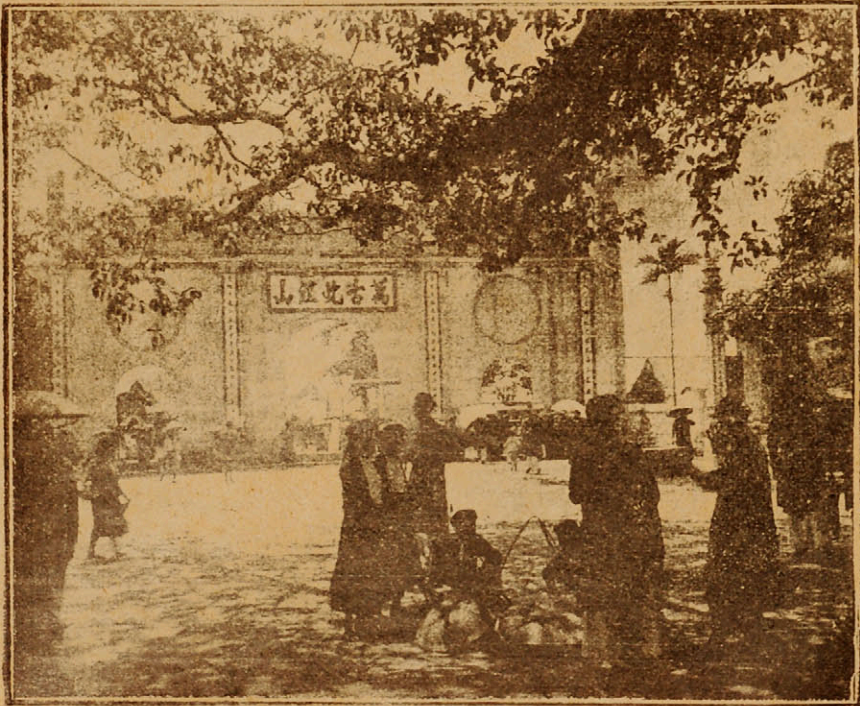
có đối ta đâu, cái cách chơi thanh-nhã ấy phải cùng nói với người tri-thức mới được. Ta xét ra những cách chơi cỏ cây hoa đá từ đời nhà Hán đã có, đến các đời sau mỗi ngày nổi theo mà đổi cách chơi mới-lạ thêm ra, như là những thắng-cảnh ở Kim-cốc, Vông-xuyên, Lục-dã, Bình-nguyên, đến nay vẫn còn truyền mĩ-dâm ở trong thiên-hạ. Thế mới biết cỏ-nhân thần-du vật-ngoại, trong cách chơi mà vẫn ngụ có cái ý về thể-giáo thiên-luân, vậy nên mượn khóm hoa tảng đá để ký-thác cao-hoài, mở vườn giồng cây, chõng đá làm núi, khiến cho cái vẻ vinh-khó đại-tạ của cỏ cây, cái trạng tuần-tiêu lãng-tảng của núi non, thường trình-lộ ra ở trước sân trước cửa sổ đó mà thôi, chứ có phải hết sức mà chăm chút về cảnh-vật đâu. Về sau này thể-biến đã suy, nhân-tâm lại bạc, cái cây thặng đem bẻ uốn cho nó cong đi, hòn đá ngay đem đẽ gọt cho nó hốc-hác ra, nhân-công càng khéo, thì thiên-thù lại càng kém xa! Ôi, cái lý-thú đâu là chả có, xem như cảnh-vật thì có thể biết được người, Giang-thượng-công lấy là người đạo-mạo uyên-thúy mà vua Hán Văn cũng phải trọng; Quảng Nhạc, Vệ Giới lấy là người khi-sảng thần-thanh mà bè bối đều khen. Còn đến như những hạng người đã bị dao cưa cắt thừa, và những kẻ hèn lom-khom còng cúi, thì người nhân-giả lấy làm thương, mà người bất-nhân thì lại coi khinh mà ruồng bỏ đi, chứ chưa khi nào đem lên đến chỗ chiếu ghế mà cùng những hạng người ấy bàn nói. Đến như sự ngoạn cảnh-vật sao lại trái cái thường-linh ấy, thì có phải lẽ không?

Hay là bảo rằng hóa-công tạo-thiết mỗi vật một khác, như là cây thông ở núi Thái-son, cây cối ở làng Khuyết-ly, cây mai ở núi Cô-dịch, hòn đá ở hồ Đông-dinh, tân-kỳ cỏ-quái, không thể danh-trạng ra hết được, chỉ thấy cỏ-nhân chép ở trong sách vẽ ra bức tranh, người đời sau chỉ được truyền-văn chứ không được trông thấy thật, nên mới án đồ vẽ ra, bày ra cố làm cho đúng cho hết, bảo rằng cái cây này giống cái cây lão-thụ nhà kia, cái cảnh này giống cái cảnh tôn-chi nhà nọ, cái hốc đá kia là tựa cái sườn núi treo-leo, cái hang sâu nọ là hình cái suối nước trắng xóa, khắc-họa mô-phỏng mãi ra, tuy rằng có sai mất cả bản-chân, nhưng cái ý hiểu-cỏ hiểu-kỳ cũng còn khá nguyên được. Ta chỉ quái-lạ cho những người đời bây giờ chơi hoa chơi đá, mà chỉ lấy cái ý-kiến riêng vụ làm cho hơn người trước, mà không biết rằng là phản-thuyết, nào là uốn cây đục đá, cầu làm cho giống vật-hình, nào con rồng uốn, con hổ phục, con sư-tử ngẩng mặt lên trời, con kỳ-lân đạp chân xuống đất, biết bao nhiêu cách không thể nói hết được. Ôi! nếu trời sinh ra cây ra đá mà làm hết thấy như hình cầm-thú, thì tạo-vật cũng đến phải hết nghề, còn có gì mà đáng thưởng-ngoạn nữa, phỏng như để những hình long-hồ ngoạn-ngoài, sư-lân hồng-hát và những hình xà-thần ngư-quỷ quanh cả trong nhà, thì trông thấy ai là chẳng bịt mắt lặc đầu mà chạy; thế mà người đời lại lấy cách chơi ấy làm cao, thì ta thực không hiểu ra làm sao cả.

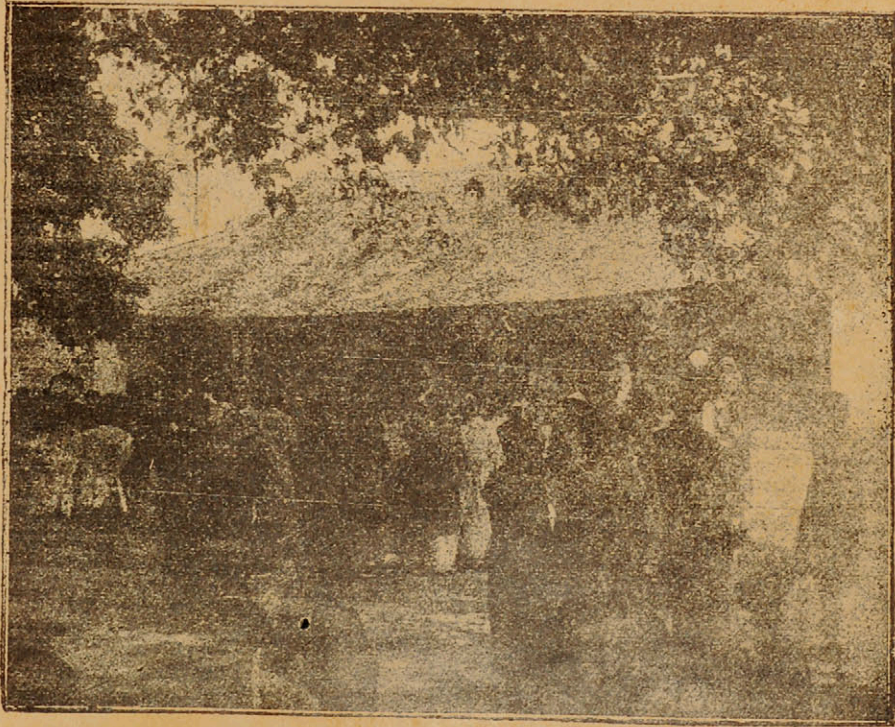
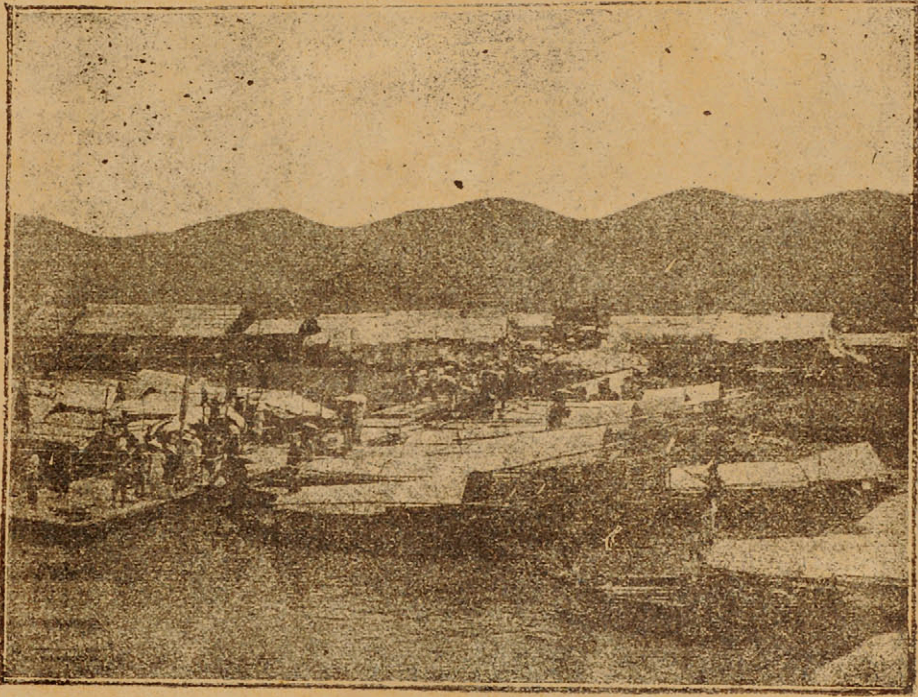
(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch

Dền Kiếp-bạc



Hội đền Kiếp-bạc



HÁN-HỌC TẬP-KÝ

I

CÁI TƯ-TUỞNG XÃ-HỘI CỦA CÁC NHÀ TRIẾT-HỌC CỔ NƯỚC TÀU (1)

Tôi trước kia không thích nghiên-cứu đến quốc-học, đến khi sang học bên Âu Mỹ lại càng giảm bớt hứng-thú, trải qua bốn năm năm mới dần dần tìm được đường lối về các học-thuyết Âu Mỹ. Bấy giờ mới tỉnh biết ra rằng học-thuyết các nước có thể cùng phát-minh với quốc-học của Trung-hoa, nên lại sinh ra cái quan-niệm muốn nghiên-cứu về quốc-học. Cổ-nhân có nói rằng có đọc qua các sách mới hay thông-được một sách. Ý tôi muốn cho thông-hiểu học-vấn của Trung-hoa, thì tất phải trước nghiên-cứu học-vấn Tây-phương, học như thế thì mới có sở-đắc. Người ngày xưa có nói rằng cái tâm-lý của Đông-phương với Tây-phương cũng giống nhau cả, thế thì triết-học của Trung-quốc với Âu-Tây, há lại chẳng giống nhau hay sao? Song cũng bắt-tắt phải hiểu-kỹ khiên-hợp làm gì, nay xin kể đại-lược ra sau này.

Triết-học Tây-phương chia ra cũng nhiều phái, mà cái phái có quan-hệ về tư-tưởng xã-hội, thì ở nước Nga có Thác-nhĩ ty-thái (Tolstoi). Thác-thị đã xét hết những nỗi hủ-bại của xã-hội, quyết-định theo về cái chủ-nghĩa không có chống-chọi gì cả, bảo rằng cái cách văn-minh hiện đời nay có tồn-bại chứ không có ích gì cho cá-nhân, muốn bồ-cứu lại thì phải phản-cổ, mà xoay về đường vô-vi, không muốn cho xã-hội phồn-phú làm gì, cái tư-tưởng thuộc về tiêu-cực, cũng

giống như cái ý-kiến của Văn-tử, Trang-tử, Lão-tử nước Tàu. Song Trang-tử với Lão-tử thì hình như giống nhau mà thực là khác, Trang-tử biệt-thành ra một phái riêng. Còn như sách Liệt-tử thì người đời sau bảo là sách mới làm giả-dối ra, vì xem văn-chương trong sách ấy thì giống như bút-pháp người nhà Tống, cho nên ngờ là người đời nhà Tống làm ra. Còn cái sách thấy ghi tên ở trong sách *Hán-thư văn-nghe-chí*, *Tây-thư kinh-tịch-chí*, thì không phải là bản bây giờ. Văn-bút của sách *Văn-tử* thì lưu-lợi không bằng sách *Liệt-tử*, cổ-phác không bằng sách *Trang-tử*, thâm-trầm không bằng sách *Lão-tử*, còn như sách *Liệt-tử* thực hay giả cũng chưa đoán rõ được. Song cái thói nghi-ngờ sách cổ thịnh nhất là các học trò nhà Tống, cái thói ấy tuy là học trò đi học phải nên có, nhưng cứ bời lông tìm vết ra thì cũng quá-đáng lắm. Người đời nay có kẻ làm sách lại dẫn-chứng rõ bảo rằng chúa Gia-tô với Phật Thích-ca đều không có người ấy cả, đó cũng là tỏ ra rằng nghi-ngờ sách cổ cũng chưa đủ làm tin-sử cả được. Đạo-giáo cũng có sách *tứ-tử* thành-lập ra tự đời nhà Đường. Vì đời nhà Đường là họ Lý cho nên lúc ấy có thiết-giáo ở trong cung, đều khiến các công-chúa làm nữ-quan 女冠 cũng như kẻ đạo-có đời bây giờ. Còn như sách *tứ-thư* tức là những sách *Lão*, *Trang*, *Liệt*, *Văn* tứ-

(1) Nguyên bản-văn là lời diễn-thuyết của Giang Cang-Hồ 江亢虎 ở trong tập *Diễn-giảng-lược* của Quốc-học nghiên-cứu hội.

tử. Học-thuyết của Văn-tử thực là vượt qua hơn năm nghìn lời nói của Lão-tử mà đều gần giống như học-thuyết của Thác-nhĩ-ty-thái. Thái-sử-công có nói rằng: học-thuyết của nhà đạo-gia thì lấy hư-vô làm thể, lấy nhân-tuần làm dụng, không có thành-kiến nhất-định gì cả, chỉ lấy đạo của người lại sửa-sang cái thân của người. Cho nên người đời có kẻ bảo Lão-tử là nhà âm-mưu. — Những sách của Thác-thị bên nước Nga làm ra thường dẫn-chứng lời nói của Lão-tử nhiều lắm.

Học-thuyết của Lão-tử đã lưu-hành ra khắp các nước, những bản dịch sách Lão-tử có đến hơn hai mươi thứ, mà cái chủ-nghĩa của Lão-tử thì cốt ở «vô-vi» mà kỳ cho đến «vô-bất-vi». Từ trước khi Âu-chiến thì các nước bên Tây-phương đều theo về cái chủ-nghĩa công-lợi cả. Đến sau khi Âu - chiến, thì các nước lại muốn tìm lấy một học-thuyết nào trái hẳn lại, để yên-ủi lấy linh-hồn, vậy nên cái học-thuyết của Thác-thị lại càng thịnh-hành, mà bên Âu Mĩ lại càng hoan-ngênh về học Lão-tử.

Trái với học-thuyết của Thác-thị lại còn cái học-thuyết của Ni-thái (NIETZSCHE) là người nước Đức. Ni-thị không tin cái thuyết linh-hồn, và bảo rằng nhân-nghĩa thì làm ngăn-trở cho đường tiến-hóa, phản-đối cả giáo Cơ-đốc, bảo rằng cái cách triết-học như thế, thì chỉ thêm nuôi cái tính lười-biếng cho người ta, và làm mất cả cái năng-lực chống-chọi, nếu nhất-đán có kẻ hiềm-giáo nó túng-sính khởi lên, thì xã-hội có khi mất cả yên-ôn. Ni-thị chủ-trương về đường triết-học siêu-nhân, lấy hay hi-sinh được người khác làm quý, bảo những điều thương xót lật-vật rất là không hợp với đạo-đức, chỉ cốt chiến-thắng được mọi loài mà chiếm lấy thế-lực cho mình

là hơn. Người ta bảo rằng cái dã-tâm xâm-lược của người nước Đức, thực là bởi cái học độc về cái thuyết ấy. Đến nay đã thất-bại rồi mà vẫn chưa quên cái chí báo-thù, trong xã-hội nước Đức vẫn còn chủ-trương cái học-thuyết ấy. Nước Tàu những nhà giống cái học-thuyết ấy thì là những nhà pháp-luật như Hàn Phi-tử, Thương-Uởng, Thân Bất-Hại. Thái-sử-công bảo rằng những nhà pháp-luật thì ăn ở khắc-bạc quá-ân, như Hàn Phi-tử thì chỉ cốt dụng quyền cho làm được việc, Thương-Uởng thì dụng hình đến cả quan sư-phó, về sau hai người ấy đều chết về phi-mệnh cả; Hàn-phi-tử thì bảo rằng làm nhân-nghĩa là tội-ác, suy cùng cái thuyết ấy ra thì tất đến nỗi cha con không thương nhau, anh em không thân nhau nữa. Thế mà về sau Tôn-tử, Thương-tử vẫn còn theo cái thuyết ấy. Tuy rằng nhà Tần lấy võ-công định được thiên-hạ, song không được tái-truyền mà cũng đến mất nước. Đó là bởi vì theo cái học-thuyết giống như cái học-thuyết Ni-thái, nên cái ảnh-hưởng về quốc-gia hưng-vong cũng giống nhau vậy.

Hai cái thuyết trên ấy một đảng thì chuộng đạo, một đảng thì chuộng pháp, xen vào khoảng giữa hai thuyết ấy ở Âu-Tây lại có Cấp-nhĩ-Mã-khắc-ty (KARL MARX). Mã-thị là phái chiết-trung chủ-trương cái thuyết duy-vật, không tin trong cõi đời có đạo-đức, bảo rằng xã-hội xấu hay tốt đều bởi cái hoàn-cảnh nó tạo-thành, muốn xã-hội cho tốt thì trước phải cải-cách cái trạng-huống đường sinh-hoạt, sửa lại cái chế-độ kinh-tế cho công bằng, thì xã-hội mới yên-ôn mà mới có đạo-đức được. Học-thuyết của nước Tàu thì duy có học-thuyết của Khổng-tử là hơi giống như thế. Học-thuyết của Khổng-tử thì xen vào khoảng giữa một bên là đạo-gia, một bên là pháp-gia, mà lập-ngôn thì cốt lấy một chữ lễ, thập-tam kinh

chẳng qua cũng là lẽ cả. Nghĩa chữ lẽ bao-hàm có cả chế-độ và tập-quán. Khổng-tử cũng chủ theo về đường tiến-hóa, cũng có tưởng-tượng ra cái xã-hội lý-tưởng cao xa, chứ chưa cho hiện-tại đã là mãn-túc rồi, vậy nên Khổng-tử có nói rằng phải lấy đức mà dạy bảo, lại lấy lễ mà sửa-sang, thì dân tự biết xấu hổ mà làm điều thiện. Ba nghìn học trò của Khổng-tử tức là bọn chính-đảng của Khổng-tử đấy. Và lại đi đến đâu lại diễn - thuyết để cho người ta theo học, mà đem ra trí-dụng, nào là chế lễ làm nhạc tức là cái tư-tưởng về chính-trị, nào là làm cho nhiều người giàu của tức là tư-tưởng về kinh-tế, lại định sửa-sang có pháp-luật có chế-độ, càng chú-ý về đường kinh-tế lắm, phạm điều gì cũng đều lấy lễ làm căn-bản để giải-quyết. Thế thì gọi là lẽ thực bao-quát cả thanh-minh văn-vật chế-độ diên-chương, để làm qui-cử chuẩn thẳng cho người ta. Vậy nên Tây-phương đã bảo rằng học-thức của Lão-tử là thuộc về phái duy-tâm, Khổng-tử là thuộc về phái duy-vật, xem thế thì biết học-thuyết của Khổng-tử cũng giống như Mã-thị vậy.

Bên Tây-phương lại còn có Khắc-lộ-phạ-thác-lạp-khắc (KROPOTRINE), học-thuyết cũng giống như học-thuyết của Mặc-tử nước Tàu, cũng là một phái chiết-trung đứng xen vào khoảng giữa một bên là đạo-gia, một bên là pháp-gia. Trước kia Đát-nhĩ-văn có nghiên-cứu về sinh-vật-học, đã phát-minh ra cái thuyết sinh-tồn cạnh-tranh, bảo rằng sinh-vật vẫn có tiến-hóa, mà người ta cũng là một động-vật, bởi loài động-vật tiến-hóa mà thành ra, cho nên phi có cạnh-tranh thì không tự-lập được. Ấy là cái thuyết sinh-tồn cạnh-tranh của Đát-nhĩ-văn, về sau các nhà tôn-giáo và phái duy-tâm, phái triết-học đều phản-đối cái thuyết ấy. Khắc-thị mới lập-dị ra một thuyết khác, phái-minh ra cái thuyết « hỗ-

trợ 互助 ». Học-thuyết của Khắc-thị cũng bởi nghiên-cứu về sinh-vật-học mà tìm ra, bảo rằng nhân-tâm vốn là thiện, thu hết cả những điều chứng-cứ về động-vật mà lấy khoa-học làm cho phát-minh ra. Cứ thực mà xét ra thì cái thuyết « hỗ-trợ » của Khắc-thị, cùng với cái thuyết « thích giả sinh-tồn 適者生存 » của Đát-thị hai đảng cũng đều tương-thông. Nhưng một đảng thì gây lên cái mầm tự-do, một đảng thì là mẹ đẻ ra cái chế-độ cộng-sản và vô-chính-phủ. Cái thuyết « thích giả sinh-tồn » thì chỉ chuyên-chủ cho cá-nhân sung-sướng. Cái thuyết « hỗ-trợ » thì lại chuyên-chủ mưu đường hạnh-phúc cho xã-hội, hai thuyết ấy vốn không hợp nhau mà có thể điều-hòa lại được. Vì một đảng thì hỗ-trợ giúp lẫn nhau cùng với một đảng thì cạnh-tranh nhau, đều là cái đường lối động-vật sinh-hoạt phải như thế, chỉ vì loài người ta sau khi sinh ra rồi vẫn thường có cái tính đảng-dồng phát-dị, nên không hay điều-hòa với nhau được. Còn như Mặc-tử thì chủ về cái thuyết « kiêm-ái 兼愛 » trái với cái thuyết « vị-ngã 爲我 » của Dương-tử. Ở đời Xuân-thu Mặc-tử đã cùng với Khổng-tử chia làm hai học-phái lớn, thời bấy giờ đã gọi Khổng-phái với Mặc-phái. Học-thuyết của Dương-tử thì chỉ thấy ở thiên Dương-Chu sách Liệt-tử. Mặc-tử thì có rất nhiều học-trò, từ đời Chiến-quốc cho đến đời Tần, vẫn còn có người học trò Mặc-tử lập-thuyết mà làm ra sách. Vậy nên Thái-sử công bảo rằng phái nhà nho chia ra đến tám phái, phái họ Mặc lia ra làm ba phái. Cái lý-thuyết « kiêm-ái » của họ Mặc thực tương-thông với cái thuyết « hỗ-trợ » của Khắc-thị, đó chẳng phải là đồng-đẳng chứ có khác gì đâu. Xem những bài trước-tác còn lại như là thiên Phi-công 非攻, thiên Thượng-dồng 尚同, thì cùng với cái chủ-nghĩa cộng-sản của Khắc-thị cũng đại-lược giống nhau cả.

Tôi thuật lại những nhà triết-học cổ nước Tàu, mà so-sánh với các nhà triết-học Tây-phương giàu có cái tư-tưởng xã-hội, thì vô-luận là học-thuyết nào thuộc về tiêu-cực, hay là thuộc về siêu-nhân, hoặc chiết-trung ở khoảng giữa

hai thuyết, hoặc vượt ra ngoài hai thuyết ấy, cũng đều đủ chứng rằng cái tư-tưởng về xã-hội không kỳ là đông-tây cổ-kim đều không xa khác nhau mấy. Vậy nên muốn thông quốc-học thì phải nên nghiên-cứu cả Tây-học mới được.

II

BÀN GÓP VỀ THÍ-HỌC NGƯỜI LÀM THƠ PHẢI CÓ CÁI BẢN-LĨNH LỊCH-SỬ VÀ ĐỊA-DƯ (1)

Ta khi nhỏ từng-học, đối với quốc-gia xã-hội nghĩ muốn cải-cách nhiều điều, mà về khoa lịch-sử và địa-dư thì thích xem xét và nghiên-cứu nhất, chứ không có chú-ý học về văn thơ từ-phú. Người ta lập-chí phải nên trọng về những điều xa-xôi to-tát, chứ như cái nghề làm thơ là nghề chạm khắc nhỏ mọn, ông Dương Hùng lấy làm xấu hổ, mà ham về văn thơ lắm, thì cũng là ngoạn-vật táng-chí, hai thầy Trình vẫn lấy làm răn. Xem thế thì biết thơ văn từ-phú đã quan-hệ về đường mỹ-thuật rất lớn, son xét lại cũng là tiêu-đạo chứ không phải là sự-nghiệp chính-dáng. Khổng-tử có nói rằng: « Lúc nào đã làm được mọi việc có rồi rảnh thì mới học đến văn-thơ. » Lại rằng: « Văn thơ chỉ cốt lời lẽ cho thông-đạt mà thôi. » Lại rằng: « Văn-từ thì cốt làm cho thành-thực. » Lời nói ấy chúng ta nên coi làm khuôn mẫu. Song tôi tự-vấn nhất-sinh đi du-lịch các nơi cũng nhiều, nay nam mai bắc, vượt bể trèo non, chỉ cốt làm cho đạt được cái sự-nghiệp cách mệnh, mà lắm lúc cũng đối-tửu đương-ca, kích-ngang kháng-khái, thừa-hưng cũng có làm ra năm ba bài văn thơ, chẳng qua cũng là tùy-bút bôi vẽ ra, chứ có dám lấy văn-thơ tự-hào đâu.

Gần đây nam bắc thống-nhất, mong cầu hòa-bình, lũ chúng ta nhân-cư vô-sự, lại giờ đến nghề văn-thơ thì cũng hay, song xưa nay những thơ của ta làm, đều là sở-dã: về lịch-sử và địa-dư cả. Ta bình-sinh rất ghét những người chỉ thích học Tống-thi, mà những thơ họ làm ra không được tiêm-tân, chỉ là sống-sượng, không phải sơ-xác thì cũng chỉ đời-đương, chứ không có ý-từ gì khoáng-đạt rộng-rãi, hoài-bảo bất-phàm, như là những giọng thơ của ông Đỗ Phủ, Lý Bạch, Hàn Dũ, bao-hàm cả trời đất, nghị-luận khắp cổ-kim, tung-hoành phóng-đạt, thì thực lấy làm tức giận lắm. Vậy nên ta đối về việc ngâm-vịnh chỉ chú-ý học theo Đường-thi, vì Đường-thi trong thơ mà lại có đủ cả lịch-sử địa-dư vậy. Đường khi đời Đường nam bắc thống-nhất, thiên-hạ thái-bình, những người hay chữ trông thấy cái thói văn-thơ dâm-mĩ đời Lục-triều, làm cho cổ-hoặc nhân-tâm, bại-hoại phong-tục, thì ai cũng muốn phẩn-bút lên mà chấn-chỉnh lại, trên xem xét lối thơ phong-tao, xa theo dõi nền thơ Hán Ngụy, quyết đem cái tâm tư tài-lực ra mà chung-đúc lý-nền văn-thơ để dựng lên một ngọn cờ xích-xi. Vì thế văn thơ mới phát-hiệu ra cái quang-thái rực-rỡ, hơn

(1) Nguyễn Hán-văn của Trần Khử-Bệnh, trong tập diễn-giảng lục.

cả bảy gã họ Tào về đời Kiến-an. Tuy rằng về sau trải qua nhiều buổi loạn-ly, mà cái thào-thủ của các nhà thi-nhân vẫn không biến-đổi, như là văn-thơ ông Đỗ Phủ có thể đại-biểu cho cả đời nhà Đường, nay xem những bài thơ không bài nào là không có quan-hệ về lịch-sử và địa-dư. Xem thế thì biết người ta không nghiên-cứu về thi-học thì thôi, nếu muốn học thơ thì phải thông-hiểu về lịch-sử và địa-dư mới được, mà học thơ thì tất phải học đến Đường-thi. Vì Đường - thi có cái cốt-cách phong-diệu đặc-biệt khác cả các nhà thi-gia, ví như cô ả trong nền khuê-các, cậu ấm trong nếp nhà thi-thư, vẫn có một cái thái-độ con nhà đại-phương, quyết không phải như những nhà tầm-thường bần-tiện vì được. Tuy Đường-thi có phân ra từng hồi : Sơ-Đường, Thịnh-Đường, Trung - Đường, Văn - Đường, mà đều có sở-trường cả, mà cũng là một giọng Đường-âm cả. Thơ đời Tống thì không được thế, phi nông-nồi sơ-sài, thì hình ngẩng xương trơ, dẫu đến họ Tô họ Hoàng họ Phạm họ Lục đã có tiếng là bốn nhà hay thơ, nhưng kỳ-thực không nhà nào vì được bằng họ Cao họ Sầm họ Vương họ Mạnh, hưởng-chi là vì được bằng họ Lý họ Đỗ họ Hàn họ Liễu. Tô, Hoàng, Phạm, Lục bốn họ còn kém xa như thế, hưởng-chi là các họ khác. Thế mà người đời bây giờ không biết, lại cứ mờ-mịt học theo hoài, kẻ thiếu-niên bất-học lại sinh làm lối thơ mới. Than ôi ! thực là một hồi ách-vật cho nghề thơ, đáng thương đau lắm thay !

Những người tuổi già hay chữ đã làm trái mất thơ luật Đường mà chỉ đua theo thơ đời Tống, đã tạo-thành ra cái thói đồ-nát không chấn-chỉnh mà đến mất nước, còn những kẻ tân-tiến thiếu-niên lại không biết thơ là gì, chỉ tùy-y theo càn, thì ta lại còn nữa bàn đến cách văn-thơ làm gì nữa. Tuy rằng thế, chư-quân-tử đã thiết-tha

muốn học làm thơ, thì bỉ-nhân này cũng ngửa nghề mà giở cái thói anh chàng Phùng Phụ ra lại bàn nói đến thơ. Song muốn bàn nói đến thơ thì phải học lối thơ từ đời Đường trở lên, mà dò cho đến đời Hán đời Ngụy, lại xét từ đời Hán đời Ngụy trở lên mà học cho đến lối thơ phong-tao thì mới được, còn những thơ từ đời Đường trở xuống thì nên theo cái nghị của bảy nhà làm thơ đời Minh đều gác bỏ đi cả mới phải. Song ta lại bảo rằng không kỳ học thơ hay làm thơ ai cũng phải có cái bản-lĩnh cốt-yếu mới được. Bản-lĩnh là gì, tức là lịch-sử với địa-dư đó. Vì thơ là cái đồ cảm-phát cái ý-chí của con người ta, chứ không phải chỉ ngâm gió cợt trăng mà thôi. Vậy nên ông Khổng-tử đã bảo rằng học thơ có thể hưng-khởi được ý-chí, xem xét được sự-vật, họp đàn với nhau được, oán-mộ cũng không sao, xa thì đem ra thờ vua, gần thì có thể thờ cha, và lại biết được hết những tên cây cỏ cầm thú, thế thì biết dụng nghề thơ ra thực là rộng-rãi, nên ngày xưa vua đi đến đâu cũng bắt đem những câu thơ ca-dao ra để xem phong-tục. Thế thì những người học thơ mà không hiểu rõ lịch-sử và địa-dư, thì biết mình xử về cõi nào, mà ngâm-vịnh về việc gì, học thơ mà không thông suốt thì thà không học cho rảnh. Vả lại những người làm thơ mà không biết lịch-sử và địa-dư, thì hoài-bảo cũng hẹp-hòi, học-thức cũng hủ-lậu, điển-cổ cũng tầm-thường cũ rích, chứ không được mới-mẻ, sao đủ gọi là thi-sử được. Vậy nên ta bảo những người nào có thuộc lịch-sử và địa-dư thì mới nên bàn đến thơ. Song lịch-sử và địa-dư có phải là dễ đâu, phải người nào có đủ cả tài học và tri-thức thì mới học cho quán-thông nhất-khí và dung-hòa lại làm một được.

HƯƠNG-CHÍNH TỈNH-NGHĨA (1)

鄉政精義

V

Vấn-đề thứ tư. — Việc tuyển-cử nên dùng phép bí-mật tuyển-cử hơn hay là nên dùng phép công-khai tuyển-cử hơn ?

Cái vấn-đề này bàn nói đã lâu mà đến nay vẫn chưa định-luận được, đây bất-tất tường-thuật lại nữa, chỉ hiểu qua cái đại-ý ra mà thôi.

Cứ lấy cái vật hoàn-toàn vô-khuyết ở đời mà nói thì việc tuyển-cử không gì bằng công-khai. Công-khai là một phép rất hay trong việc tuyển-cử, người ta ai cũng có cái điều mình sở-tín, công-nhiên đem cái điều sở-tín mà thi-hành ra trước công-chúng, chứ không dám giấu, thế mới là việc của kẻ trọng-phu. Vả ở trong làng, kẻ dự có quyền đi tuyển-cử là đối với toàn-thể công-cộng của làng phải chịu trách-nhiệm đó. Cử người có xứng chức hay không thì kẻ đi tuyển-cử cũng chịu một phần trách-nhiệm. Vậy phép công-khai là khấn cho trách-nhiệm ấy được xác-thực, ấy lý-tưởng thì vẫn như thế. Song ở đời lý-tưởng bao giờ cũng khác với sự-thực, người ta ở trong một làng với nhau, sự ở ăn tiếp-cận quan-hệ, tài nào khỏi có tình-tiết vì hiệp-hiềm hay nề-nang mà khiến cho sự tuyển-cử ít khi được như ý. Vậy ở làng lại không dùng phép công-khai tuyển-cử được.

Trở lên trên ấy là nói qua cái nguyên-tắc của sự tuyển-cử, đây lại muốn bàn đến lúc tuyển-cử nên theo

cách gì, bởi vì cái cách-thức tuyển-cử không có thể coi như những nghi-thức tầm-thường khác được. Sự tự-do, sự xác-dáng trong việc tuyển-cử đều hệ cả ở đó, kẻ đi tuyển-cử không bị người khác can-thiệp, và có được cử cái người mà mình sở-tín hay không, thực là nhờ ở cái cách-thức tuyển-cử hay dở thế nào đó.

Cứ ba năm một kỳ tuyển-cử gọi là « định - kỳ tuyển - cử ». Nghị - viên (Hương-hội-viên) thì phải làm sáu năm là một « nhiệm-kỳ », ba năm một định-kỳ tuyển-cử là cải-tuyển lại một nửa của tổng-số nghị-viên đó.

Định-kỳ tuyển-cử cứ ba năm một lần là để phòng lúc mãn-hạn các nghị-viên cũ đều thoái chức cả, thì trong nghị-hội tinh những người mới, ít có tay am-luyện, cho nên chỉ khóa đầu mới tổ-chức hương-hội với sau khi hương-hội bị giải-tán rồi mới tuyển-cử lại, là không tuyển-cử một nửa mà thôi, đó là sự tất-nhiên ai cũng hiểu. Còn lệ thường thì ngoài định-kỳ ba năm tuyển-cử ra, gián-hoặc có sự-cố gì, ví như nghị-viên có người chết mà nghị - hội thiếu số, thì cũng không phải tuyển-cử để bổ-khuyết nữa, là vì lẽ gì, vì lẽ rằng mỗi kỳ tuyển-cử tất-yếu thì nhân-dân cũng đã phiền-nhiều lắm rồi, nên phải tránh cái cuộc tuyển-cử không tất-yếu đi cho khỏi phiền.

(1) Xem N.-P. số 117-120.

Tuy vậy khi nào số nghị-viên của hương-hội mà bị khuyết nhiều quá, tất phải bổ-khuyết lại, thì ngoài định-ký tuyển-cử ra, không để phòng một lệ lâm-thời bổ - khuyết cũng không được, ấy pháp-luật sở dĩ thêm cho phép « bổ-khuyết tuyển-cử » là thế.

Cái lệ tuyển-cử thì như thế, tới khi tuyển-cử thì phải làm những việc tất-yếu như sau này :

a) *Sở danh-sách tuyển-cử.* — Phải biết người nào có quyền được đi tuyển-cử, ấy là công việc lập ra sở danh-sách tuyển-cử đó, trong sở phải phân những danh-sách ra từng giai-cấp một, sở ấy chính là cái cơ-sở của toàn-thể sự tuyển-cử vậy. Người nào có chép tên trong sở ấy, mới được đi bỏ phiếu, cho nên kẻ có quyền tuyển-cử cũng có quyền được xét xem sở ấy làm có chánh-dáng không. Vậy dựng xong sở danh-sách rồi, phải định ngày tháng nào, trước kỳ chính-tuyển-cử, yết sở danh-sách ấy ra nơi công-sở của làng cho công-thúng đến xem. Nếu trong sở có chỗ nào sai lầm thì kẻ có quan-hệ được phép xin cải-chỉnh lại.

Cách cải-chỉnh có hai việc là : Kẻ có quyền tuyển-cử mà không thấy chép tên vào sở thì xin chép vào, với kẻ không có quyền tuyển-cử mà lại chép tên vào sở thì xin xóa đi.

Những giấy xin cải-chỉnh thì hương-hội cứ tự xử-đoán. Nếu kẻ nào không phục lời xử-đoán của hương-hội thì được phép lên xin với hội-đồng hàng quận hàng huyện, cùng lần lượt lên thưa với tòa án cai-trị (hành-chính tài-phần sở) xử-đoán cho,

b) *Định ngày tuyển-cử* — Cái ngày tuyển-cử thì Chánh hương-hội phải định và phải công-bố cho nhân-dân biết ngày nào thì chấp-hành tuyển-cử ở chỗ nào. Nếu luận hương-chính của nước mà theo phép « tam cấp tuyển-

cử » thì các cấp bắt-tất phải tuyển-cử cùng ngày với nhau. Vì tuyển-cử cùng ngày thì thường hay phải tuyển-cử lại,

Trong khi đang định ngày tuyển-cử cho các cấp, phải lưu-ý đến chức-nghiệp mặc-ban của nhân-dân, nên định ngày cho cấp đệ-tam trước, rồi đến cấp đệ-nhi, rồi mới đến cấp đệ-nhất, mà nhất là cái ngày tuyển-cử của cấp đệ-tam, càng phải lưu-ý lắm. Nghĩa là nhân-dân về cấp đệ-nhất là những nhà có của cả, thì dù phải nghỉ công-việc mà đi tuyển-cử cũng không khó gì. Đến như nhà -dân về cấp đệ-tam thì đều là những người phải đi làm việc kể ngày cả, muốn nghỉ việc một ngày mà đi tuyển-cử, không phải là dễ, hay là vì ngày không tiện mà không đi tuyển-cử được cũng có.

c) *Hội-đồng tuyển-cử.* — Chức cai-quản công-việc tuyển-cử mà giữ cho sự tuyển-cử được chính-dáng thì phải ủy-nhiệm cho « cơ-quan hợp-nghị-thể », chứ không ủy-nhiệm cho « độc-nhiệm quán » được. Nghĩa là phải lập ra một hội-đồng tuyển-cử, chứ không giao cho một viên trưởng-quan nào được, đại-khải như xử-đoán cho kẻ nào có được quyền-lợi phải đại-lý đi tuyển-cử thay hay không, xử-đoán cách đầu-phiếu thế nào là có hiệu, thế nào là vô-hiệu, những sự ấy không ủy cho độc-nhiệm-quan được

Trong pháp-luật gọi hợp-nghị thể (hội-đồng tuyển-cử) coi công-việc tuyển-cử là « tuyển-cử sự-vụ-viên ». Các sự-vụ-viên coi việc tuyển-cử ấy, ở thành-phố thì quan Thị-trưởng (Đốc-lý), ở tỉnh-phố và xã-thôn thì viên Chánh-hương-hội với hai hoặc bốn người nữa do những người đi tuyển-cử kén lên sung vào. Luật Nhật-bản thì hai hoặc bốn người sự-vụ-viên ấy đều do quan Thị-trưởng hoặc viên Chánh-hương hội cử lấy, còn luật các nước thì đại-đề ở bọn tuyển-cử cử lên cả.

d) Công việc chấp-hành. — Đứng ngay tuyên-cử, các sự-vụ-viên cho đặt một cái bàn ở giữa nơi công-trang tuyên-cử, trên bàn để quyển sổ danh-sách tuyên-cử với một cái cái hòm đầu - phiếu, hòm ấy phải để chia ra cho công - chúng dễ trông thấy, một bên bàn thì đặt ghế cho các tuyên-cử sự vụ-viên ngồi, một bên bàn thì để không cho các người tuyên-cử vào bỏ phiếu. Người tuyên-cử phải bỏ phiếu lấy, phép không cho được mượn người khác bỏ phiếu hộ, cũng không cho tuyên-cử sự-vụ-viên phái người ra thu lấy phiếu, bởi vì trong khi bí-mật tuyên-cử, nếu không tự bỏ phiếu lấy thì hay xảy ra nhiều việc gian-trá ; còn như những kẻ hoặc vì bận việc làm ăn không có thì-giờ đi bỏ phiếu được, hoặc nghĩ lấy việc đi bỏ phiếu làm chán, những kẻ ấy đều đối với làng không có lợi-hại quan-hệ gì cho lắm cả, thì dù họ chẳng đi bỏ phiếu cũng không cần.

Trước khi người tuyên-cử bước vào trước bàn để bỏ phiếu thì phải tự xưng họ tên nơi ở của mình lên đã, sự-vụ-viên xét xem trong sổ danh-sách có tên người ấy không, nếu không có thì cho lui ra không được bỏ phiếu ; có thì chấm một cái chấm lên đầu chỗ họ tên người ấy để đánh dấu là đã bỏ phiếu rồi cho khỏi lại bỏ lần nữa.

Trong cái phiếu tuyên-cử ấy thì người tuyên-cử viết tên người mình muốn cử vào đây. Không những trong phiếu chỉ viết một tên của người bị tuyên, chứ không được viết tên người đi tuyên, mà dù đến một cái vết gì để làm dấu cho có thể biết là phiếu ấy của người tuyên-cử nào, cũng không được, sổ-dĩ không cho biết là phiếu của ai, thế mới là cách tuyên-cử bí-mật.

Cái phiếu ấy phải gấp kín để người ngoài không trông thấy tên ai. Người tuyên-cử cầm đưa trình sự-vụ-viên,

sự-vụ-viên nhận lấy mà bỏ ngay vào hòm phiếu, xong người ấy đến người khác, lần lượt hết người tuyên-cử là hết phiếu bỏ. Bấy giờ sự - vụ - viên tuyên-cáo lên rằng : việc chấp-hành tuyên-cử đã liễu-kết.

d) Xác-định việc tuyên-cử. — Đầu phiếu xong thì phải xác-định cái kết-quả của việc tuyên-cử, đó là một phần việc quan-hệ trong sự-vụ chấp-hành, ấy tức là cái việc để cho biết tinh-danh người trúng-tuyển là gì, việc rất giản-tiện mà xác-thực, biết rồi thì công việc tuyên-cử xong. Song cũng không giao cho một quan Thị-trưởng hay một viên chánh-hương-hội làm được, mà phải cả hội-dồng tuyên-cử làm mới nên.

Muốn cho đỡ phiền-nhiều và khỏi nghi-ngờ thì việc xác-định ấy làm xong ngay cái ngày chấp-hành bỏ phiếu được thì hay, nếu phải để hoãn lại vài ngày nữa thì những cách niêm khóa cái hòm phiếu thế nào, nhất-nhất phải theo phép-luật đã định.

Khi thực-hành việc xác-định, viên Chánh hội-dồng tuyên-cử mở hòm phiếu lấy phiếu ra và giở xem, thì người sự-vụ-viên khác cũng được nom vào mà xem tên viết. Viên Chánh-hội-trưởng đọc to-lát tên trong từng cái phiếu thì người sự-vụ-viên kia cũng lần lượt biên vào sổ để cho biết ai được bao nhiêu phiếu. Sổ ấy gọi là sổ « danh-sách đầu-phiếu », phải đóng hai quyển, mỗi viên Thư-ký — tức là người sự-vụ-viên làm Thư-ký — của Hội - đồng tuyên - cử chép vào một quyển sổ cho khỏi lầm.

Bấy giờ mới so xem người trúng-tuyển có hiệu-quả là trúng-tuyển không, thì lấy người nào được nhiều phiếu hơn cả làm trúng-tuyển, có hai cách là « tỉ-hiệu đa-số » với « tuyệt-đối đa-số ». Tuyệt-đối đa-số là quá nửa cái tổng-số đầu-phiếu, mà tỉ-hiệu đa-số thì

không phải quá nửa số, chỉ có nhiều hơn người khác là được. Hương-chính Nhật-bản dùng phép tỉ-hiệu đa-số. Kề ra thì hai cách ấy đang nào cũng có cái háy cái dở, luận-giả bản nói cũng nhiều mà tóm lại thì phép tỉ-hiệu đa-số thật là giản-dị hơn cả.

Đã xác-định được cái kết-quả của việc tuyền - cử rồi, đã biết đích họ tên của người trúng-tuyền rồi, thì phải báo-cáo cho công-chúng biết, lại báo tư cho người trúng-tuyền ấy biết và hỏi người ấy có thuận nhận không.

e) *Xử-đoán việc tuyền-cử*. — Cái kết-quả việc tuyền-cử tuy đã xác-định rồi, mà cũng có khi còn là vô-hiệu, sao vậy? Vì là trong khi bỏ phiếu có sự gì khi-trá chẳng, có làm điều gì trái với luật-lệ chẳng, trong sổ danh-sách có chỗ nào lầm-lẫn không, hay là kẻ trúng-tuyền không đủ tư-cách chẳng, thì việc xác-định tuyền-cử lại không có hiệu-quả được. Nếu đã có một điều đáng ngờ nào như trên kia thì Hương-hội phải xử-quyết lấy.

Tuy vậy, Hương-hội cũng là một đại-nghị-thể thì có cái quyền phán-đoán việc tuyền-cử thế nào là có hiệu là vô-hiệu thật, song Hương-hội hay thiên về bề đáng. sự phán-đoán có khi lầm, cho nên phép-luật cho kẻ đang-sự được chống lại, có ba cách là :

1^o — Không phục lời xử-đoán của Hương-hội thì được lên thưa ở Tòa-án tầm-thường tài-phán xử-đoán cho.

2^o — Thưa ở Hành-chánh nha-môn của Nhà-nước xử-đoán cho.

3^o — Tức là luật Hương-chính Nhật-bản nói rằng : « Trước thưa ở các cơ-quan tự-trị, như Hội-đồng hàng quận, Hội-đồng hàng huyện xử-đoán cho, sau mới thưa ở Tòa-án cai-trị xử-đoán cho.

Kề cái cách đề-bảo-hộ lấy quyền tự-do với sự xác-thực cho việc tuyền-cử

thì không gì hay hơn cách thứ ba của Nhật-bản.

Bàn qua về Luật-lệ bầu-cử Hương-hội Bắc-kỳ hiện nay

Nói đến Hương-chính nước ta ngày nay thì phải biết rằng : « còn buổi mới », đã là còn buổi mới thì nhất-thiết luật-lệ cái gì cũng còn là « tạm » cả, nếu người dân mà tỉnh-hối, biết cái tục-lệ hương-đảng cũ là hủ-bại độc-ác phải trừ bỏ, biết cái chế-độ tự-trị là cơ-sở thịnh-vượng của nhân-dân với quốc-gia nên theo lấy, thì phép-luật tất thay đổi cho tới cái mục-đích tự-trị hoàn-toàn ngay.

Nay giảng qua vài điều sau này :

1^o *Công-dân-quyền* — Luật Hương-chính Bắc-kỳ — đây chỉ nói về tỉnh-phố với xã-thôn. — hễ kẻ có tên ở sổ đình của làng thì là kẻ công-dân, đó là vẫn giữ phép « tịch-đình » cũ.

Phàm trai từ 18 tuổi trở lên, vô-luận có gia-sản hay không, hễ không can-án mất công-dân-quyền thì được ký bầu tộc-biêu (hương nghị-viên) mà 25 tuổi trở lên có gia-sản thì mới được ứng bầu làm tộc-biêu, đó là theo cái thuyết bình-quyền của nước Pháp như đã bàn trên ấy.

2^o -- *Sổ chia tộc-biêu* — Luật Hương-chính Bắc-kỳ về cách bầu-cử theo thuyết bình-quyền, nên không chia giai-cấp mà lấy suất đình làm chuẩn, cứ trong làng mỗi 100 đình được bầu bốn người tộc-biêu, mà dưới 100 cũng được bốn người. Lệ như làng 5, 60 đình cũng được bầu bốn tộc-biêu, làng 100 đình cũng chỉ bốn người tộc-biêu, làng 120, 130 đình, vắn-vắn, cho đến 200 đình được bầu tám tộc-biêu, cứ tăng số đình lại tăng số tộc-biêu cho đến làng 500 đình được bầu 20 tộc-biêu. Số tộc-biêu để tổ-chức hương-hội đến 20 người là vừa,

nên làng nhiều đình đến ngoài 500 trở ra cũng chỉ bầu 20 tộc-biểu mà thôi.

Cách chia suất đình cho từng biểu — Số tộc-biểu trong làng đã theo cái tổng-số suất đình của làng mà được, song không phải hỗn-hợp lại mà cùng bầu đầu, chính là chia ra làm từng biểu mà bầu riêng ra đấy, mỗi biểu được bầu một tộc-biểu, vậy đem cái tổng-số suất đình của làng chia cho số tộc-biểu thì mỗi biểu được liên-hợp lại bao nhiêu đình sẽ biết ngay. Ví dụ :

Làng A có 80 suất đình, được bầu 4 tộc-biểu, vậy mỗi biểu có $80 : 4 = 20$ suất đình.

Làng B có 152 suất đình, được bầu 8 tộc-biểu, vậy mỗi biểu có $152 : 8 = 19$ suất đình.

Làng C có 240 suất đình, được bầu 12 tộc-biểu, vậy mỗi biểu có $240 : 12 = 20$ suất đình.

Làng D có 352 suất đình, được bầu 16 tộc-biểu, vậy mỗi biểu có $352 : 16 = 22$ suất đình.

Làng Đ có 500 suất đình, được bầu 20 tộc-biểu, vậy mỗi biểu có $500 : 20 = 25$ suất đình.

Làng E có 600 suất đình, được bầu 20 tộc-biểu, vậy mỗi biểu có $600 : 20 = 30$ suất đình, v. v..

Mỗi một biểu mà nhân-dinh hợp lại đại-đề là người trông một họ-hàng với nhau cả, khi họ nào to, số đình nhiều quá cái số chia của một biểu thì để bớt số đình thừa ra cho họ nào thiếu. Khi hai ba họ cùng bé, số đình đều ít thì hợp lại với nhau cho đủ số chia mà làm một biểu. Ví dụ :

Làng A có 80 đình, chia làm bốn biểu, mỗi biểu số chia là 20 người, trong có 7 họ số đình nhiều ít không đều nhau thì gán ghép như sau này :

Họ Trần có 20 suất đình vừa đủ một biểu ; họ Phạm có 26 suất đình

đúng một biểu còn thừa 6 suất ; họ Nguyễn có 21 suất đình đúng một biểu còn thừa một suất. Thế là được ba biểu 60 suất đình rồi, còn một biểu nữa thì họ Lê có 4 suất, họ Trịnh có 5 suất, họ Bùi có 3 suất, họ Đào có 2 suất, cộng là 13 suất lại hợp với 6 suất của họ Phạm thừa và 1 suất của họ Nguyễn thừa trên kia, hợp cộng là 20 suất đúng một biểu.

Cách ghép biểu đại-khai như thế, xong rồi thì các hương-chức cùng làm một biên-bản ký kết với nhau, gọi là « biên-bản chia biểu ». Bấy giờ nhân-dinh trong các biểu, biểu nào biểu ấy bầu lấy một người làm tộc-biểu, nghĩa là người nghị-viên của trong họ bầu ra để tổ-chức hương-hội, bầu xong làm thành biên-bản, nhân-dinh trong biểu đều ký kết, gọi là « biên-bản bầu tộc-biểu ».

Kể đó thì các tộc-biểu bầu nhau làm chức việc mà tổ-chức hương-hội đồng mới, ký kết làm « biên-bản bầu hương-hội » rồi đệ tất cả các biên-bản trình qua cai-trị xin thi-hành. Tộc-biểu làm ba năm mẫu-hạn, bầu lại lượt khác, ai muốn tái-bầu cũng được.

Cái cách bầu-cử hương-hội của ta hiện nay đã lược bày ra như trên ấy, là nhân ở cái tục cũ của ta ngày xưa, song đó là một thời, nay đem thi-hành ra chế-độ tự-trị, có nhiều chỗ không lợi, xin giải tỏ ra sau và phụ thêm ý-kiến, mong Chính-phủ sẽ chăm-chước thay đổi cho.

10 *Cái tệ chia biểu* — Về thời bộ-lạc, người hương-thôn lấy làng làm một cái nước cận-thiết, bởi các họ hợp lại thành ra ; còn nước thật thì là cái thiên-hạ nhỏ của ông con trời bởi trời sai thống-ngự cả các làng, cho nên việc làng đối ngoại thì các họ hợp lại bầu lấy người ra thừa-thụ mệnh-lệnh binh-lương của triều-dinh cho làng, đối

nội thì các họ đấu-tri đấu-lực với nhau mà tranh lấy cái bá-quyền trong làng, tức là ngôi đàn anh, cho nên cái tư-tưởng người hương-thôn ngày xưa chỉ đến làng là cực-hạn. Còn như việc nước thịnh hay suy, Lê đi Mạc lại, là mệnh của trời, làng có can-hệ gì.

Ấy cái nghĩa bầu-cử hương-chức, cái tục tộc-đảng ở các làng hương-thôn ngày xưa hẹp-hòi, thê-vị, sai-lầm là thế. Nay đã cải-lương hương-chính, thiếu làng lên mục-dịch quốc-gia, đôi làng ra làm công công tự trị-thể, mà lại còn dùng cái thói tộc-đảng để tổ-chức việc chính-trị, thời những tệ-hại bất-công sinh ra là lẽ tất-nhiên.

Đem chia làng ra làm từng biểu, nhân-dịch trong biểu nào chỉ được bầu lấy một người nội trong biểu ấy ra thay mặt, mà thể nào cũng phải bầu, thể thì cái họ vài mươi suất đình đứng một biểu kia, nếu lúc đó không được một người nào xứng-dáng cũng phải bầu liêu, gọi là có đầu người ra đồng góp với làng cho xong đi. Còn cái họ chỉ có một vài suất đình phải phụ-thuộc vào với họ to hơn, thì dù người có xứng-dáng cũng không ai bầu đến, vì cái tư-kiến về tộc-đảng nó ngăn đi, đó là một cái tệ không đặc-nhân.

20 *Cái tệ ký bầu.* — Người ta sinh-tụ trong một làng với nhau, tránh sao cho không có cái sự thù oán, cái tình nề-nang được, cách tuyển-cử bí-mật chính là để tránh cho người ta khỏi những cái sự thù-oán tình nề-nang ấy mà được tự-do chọn lấy người xứng-dáng. Nay cách ký bầu thì-là ép-uồng người ta một cách công-nhiên. Là sao, vì là kẻ xin ra làm đó không xứng-dáng hay tham-tàn, vô-hạnh bất-tài, — mà những kẻ ấy lại hay cầu-cạnh — biết bầu ra thì hại cho làng, song một là vì nề-nang, hai là e thù-oán, cũng miễn-cưỡng mà ký, đó là một cái tệ không đặc-nhân.

30 *Cái mục - đích người tộc-biểu.*
— Hai cái tệ kén người như trên ấy đã khiến cho không đặc-nhân rồi, nay cái mục-dịch của người tộc-biểu lại ngăn hẹp vào. Người hương-nghị-viên do phép tuyển-cử bí-mật mà được làm thì mục-dịch ở toàn-thể công-cộng của làng, vì không biết thuận cử mình ra đây là chính những ai, chỉ biết rằng được nhiều người làng đã tin mà bỏ phiếu cho, thì phải hết bổn-phận đối với việc làng, để khỏi phụ lòng đa-số đã không ước mà cùng một ý-kiến kia. Đến như người tộc-biểu thì không thế, cái mục-dịch người tộc-biểu chỉ đến họ mình là cùng, vì đã xin với họ cho ra, thì cái phận-sự là bênh-vực lấy quyền-lợi cho trong họ là lẽ cố-nhiên, đã bênh thì cái hay bênh, cái dở cũng phải bênh, mà cái tục đảng-tranh của các họ trong làng lại càng có đoà - kết hơn trước. Người tộc-biểu mà hèn thì đi hội-nghị phải lĩnh cái ý-kiến của cha anh trong họ, người tộc-biểu mà hư thì lại xoay để kiếm ăn vào trong biểu, cho nên cái trách-nhiệm cũng nặng-nề thêm, nào những khoản đóng góp việc làng việc nước như tiền hương-âm, sưu-thuế, đê đường v. v. , quan-chức lý-dịch cứ đếm đầu bỏ số, gán vào từng biểu, trách-cứ tộc-biểu phải chịu trách-nhiệm thu, thiếu phải bồi, như thế còn đặc-nhân sao được.

Bởi vậy câu chuyện Hội-đồng tộc-biểu ở hương-thôn bây giờ... tệ-hại cho làng lại hơn là lúc chưa cải-lương. Nay không cải-đổi lại không được, mà cải-đổi thì thiết nghĩ :

Cái chế-độ tài-sản ở hương-thôn hiện nay chưa thiên lệch lắm mà khoản thu-nhập của xã-thôn thì người giàu cũng không gánh nặng hơn người nghèo là bao, vậy cái thuyết «bình-quyền» về tuyển-cử cũng còn dùng được.

Số hương-nghì-viên của làng cứ mỗi 100 đình được cử 4 người thì cũng là vừa.

Duy về việc tuyên-cử thì nên xóa cái lối chia biểu cho các họ đi, bởi vì bộ-phận của quốc-gia, chỉ chia đến làng là cực-hạn, thì mục-dịch của địa-phương chính-trị cũng chỉ lấy từ làng làm khởi-diểm mà thôi, trong làng là các cá-nhân hợp lại, còn như tộc-đảng bất-quá là cái thân-tình về huyết-thố g của người ta, không có khu-vũ đặc-biệt gì, không thể lấy làm chi-thể cho chính-trị được.

Đã xóa lối chia biểu rồi thì cái tục ký bầu cũng phải bỏ đi mà dùng phép bí-mật đầu-phiếu cho người ta hôn-hợp lại mà tự-do chọn lấy người.

Sự tuyên-cử mà được công-bằng là được một nửa công-hiệu về chính-trị rồi đó.

Chức-vụ quyền-hạn của hương-hội

— Phàm các công-cộng-thể về chính-trị ngày nay, trên từ quốc-gia, dưới đến hương-hội, đều tổ-chức riêng ra làm bên đại-nghị với bên hành-chính mà đặt bộ-cơ-quan khác nhau cả, tức là đại-nghị cơ-quan với hành-chính cơ-quan vậy. Đây hằng nói về chức-vụ quyền-hạn của đại-nghị cơ-quan rồi sau sẽ nói về chức-vụ quyền-hạn của hành-chính cơ-quan.

Hương-hội phải mưu lấy cái lợi-ích của tự làng mình, vì cái lợi-ích của làng thì chỉ làng mới biết được và mới làm được, cho nên những kinh-phi để biện-sự của làng, làng phải gánh lấy và tự bỏ mất lợi-ích đi là lỗi tại làng.

Làng tự chịu lấy trách-nhiệm, gánh lấy kinh-phi thì đối với công-việc, làng được biểu phát-ý-trí của mình ra mà giám-sát lấy.

Làng tuy được tự biểu-phát-ý-chí và tự giám-sát lấy, nhưng không được tự

quyết-nghị lấy. Làng mà tự quyết-nghị lấy thì là việt-quyền, Chính-phủ có thể lấy sức pháp-luật mà ngăn-trở đi, bởi thế mới thành ra có cái vấn-đề về chức-vụ quyền-hạn của hương-hội. Nay đem những cái yếu-diểm về chức-vụ quyền-hạn của các nước giống nhau giải ra sau này.

10 Hương-hội được tuyên-cử lấy các dịch-viên đã nhất-định — Vì như hương-chính nước Nhật-bản, về làng tỉnh-phố làng xã-thôn thì hương-hội tuyên-cử viên Chánh-hương-hội, người trợ-dịch và người thu-nhập-dịch; về làng thành-phố thì hương-hội tuyên-cử lấy hội-viên tham-sự, người dịch-lại, người thu-nhập-dịch và tiến-cử lấy quan Thị-trưởng.

Tay-nhiên, các dịch-viên hành-chính mà hương-hội tuyên-cử ra đó, chỉ phải theo những nghị-định thuộc về quyền-hạn của hương-hội mà thôi, ngoài ra thì là độc-lập cả, chứ không phải là kẻ sai-khiển của bên đại-nghị đâu. Sở-dĩ để cho nghị-hội được tuyên-cử lấy dịch-viên hành-chính như thế là muốn cho hai cái cơ-quan đại-nghị với hành-chính hòa-hợp với nhau.

20 Hương-hội được giám-sát việc hành-chính — Những việc hương-hội giám-sát, như là xét việc bên hành-chính có đúng pháp-luật không, quyết-nghị việc hành-chính có sai-suyễn không và có tổn-hại đến lợi-ích của toàn-thể làng không. quyết-nghị các khoản dự toán, các khoản thu-chí có đúng không, nên hương-hội có quyền kiểm-soát các giấy-má, các sổ-sách kế-toán của sở hành-chính. Lại có cái quyền đòi các dịch-viên phải trình các giấy báo-cáo về hành-chính. Hương-hội lại được tùy việc hành-chính của làng mà cất người ủy-viên để điều-tra và đem trình những ý-kiến về lợi-ích lên quan trên.

Những quyền giám-sát của hương-hội như trên ấy là thuộc về sự-vụ tự-trị của làng mà thôi, đến như những việc của nhà-nước mà chính-phủ ủy riêng cho quan Thị-trưởng hay viên Chánh hương-hội phải làm thì quyền giám-sát lại thuộc về Chính-phủ, chứ không thuộc về hương-hội.

30 Khi nào Chính-phủ hay quan trên có hỏi thì hương-hội được trình ý-kiến-thư — Khi Chính-phủ đã tư-vấn đến ý-kiến của hương-hội là việc hệ-trọng thì hương-hội phải trình ý-kiến-thư lên, còn không hỏi đến thì thôi. Cho nên ngày xưa ở nước Đức đang lúc nhà-nước đánh thuế nhập-cảng của ngoại-quốc, dư-luận đang bàn ra nói vào, hương-hội thành Berlin đem trình ngay ý-kiến-thư lên Chính-phủ nói về sự đánh thuế hàng-hóa vào cảng là không phải, Chính-phủ bác hương-hội ấy là việ-t-quyền vì không tư-vấn đến, bèn trả ý-kiến-thư lại. Thế nhưng ở nước Pháp thì không thế, quốc-sự không cứ việc gì, đến như việc cải-chính lại hiến-pháp, thật không can-hệ gì đến việc làng, mà hương-hội cũng quyết-nghị được cả. Luận-giả cho cách quyết-nghị ra ngoài quyền-hạn thế là việ-t-quyền, chỉ vì Chính-phủ nước Pháp không nấn cấm đi được đó thôi.

Nay lại có một cái vấn-đề nữa là hương-hội có quyền được thỉnh-cầu gì ở quốc-hội không? Vấn-đề ấy phải do trong hiến-pháp của từng nước mới quyết được. Có nước thì hiến-pháp cho hương-hội được thỉnh-cầu, có nước thì hiến-pháp không cho, song dù có cho, cũng chỉ hạn cho được thỉnh-cầu trong cái lợi hại của hương-hội mà thôi, không được can-thiệp đến việc khác, điều đó pháp-luật phải qui định ra cho rõ ràng.

40 Hương-hội có cái nghĩa-vụ được quyết-nghị những sự-kiện đã

nhất-định. — Sự quyết-nghị ấy, như hương-hội tự-định lấy điều-lệ cùng qui-tắc trong làng mà trên kia đã nói, đó là một điều, còn thời những việc như: mộ công-thải, mua bán ruộng đất, quản-lý tài-sản và vật công-tác cùng những sự-kiện lớn quan-hệ đến tài-sản mà pháp-luật có cho làng được xử-trí lấy, lại việc thu thuế chợ thuế làng, việc tù-tinh sổ-dự-toán, v. v., thì hương-hội đều được nghị-quyết cả.

Việc trừ-tính sổ-dự-toán hằng năm là việc quan-hệ, nên lại bàn kỹ ra đây.

Phàm muốn cho việc kinh-tế được mô-mang phát-đạt, thì những khoản thu vào chi ra phải định trước ra sổ-dự-toán cả mới được.

Dự-toán là dự-định lấy cái mục-dích về kinh-tế sẽ phải làm đến, là một việc khẩn-đầu trong đạo kinh-tế đó, cho nên dù một kẻ tư-nhân, gia-sản làm ăn kha-khá cũng đều phải lập ra sổ-dự-toán để thu chi, phương-chi là đến công-cộng tự-trị thế; ấy tự-trị thế sở dĩ phải lập ra sổ-dự-thu dự-chi là thế, cho nên trong pháp-luật nói rõ phàm làng mà không lập sổ-dự-toán hằng năm là không được, hoặc cũng có nước thì miễn cho làng xã-thôn nhỏ không phải lập sổ-dự-toán, nhưng luật hương-chính nước Nhật-bản thì không kể làng lớn hay nhỏ tất phải lập sổ-dự-toán chi thu cả, chứ không có đặt lệ miễn cho làng nào.

Cái niên-độ chi thu trong sổ-dự-toán của các làng thì phải hợp với cái niên-độ xuất-nhập trong sổ-dự-toán của kho nhà-nước, là vì tài-chính của các làng với tài-chính của nhà-nước có mật-tiết quan-hệ với nhau, thuộc về công việc dự-toán, pháp-luật có đặt ra nhiều cách-thức, tức như những cách-thức dự-toán của hương-chính nước Pháp thì rất là tinh-mật lắm, còn như các nước khác thì đều cho các làng

tự định lấy qui-điều sổ dự-toán. Luật nước Nhật bản thì quan Nội-vụ Đại-thần được quyền định cách-thức sổ dự-toán cho các làng.

Kể phép dự-toán thì còn có nhiều việc kinh-tế trọng-yếu nữa, nhưng đây chỉ nói mấy nguyên-tắc thuộc về phép-luật mà thôi.

Làng phải lập sổ dự-toán, không những là quyền-lợi được thế mà cũng là nghĩa-vụ phải làm. Cái quyền quyết-định sổ dự-toán của quốc-hội thì rất là phiền - phức, ví như khi nào mà chính-phủ với quốc-hội không đồng-ý nhau, sổ dự-toán chưa xác-định xong thì cách xử-tri thế nào, nhà pháp-học lấy làm cái vấn-đề khó-khăn lắm, đến như sổ dự-toán của làng thì không khó khăn gì, vì rằng hễ hương-hội mà không nghị-quyết được sổ dự-toán thì tòa quan cao - đẳng nào có quyền giám-đốc sẽ quyết-định thay cho, không những một việc dự-toán, phạm sự-kiện gì về pháp-luật phải nên nghị-quyết mà hương-hội không nghị - quyết thì quan giám - đốc cao-đẳng nghị-quyết thay cho được cả, đó là cái nguyên-tắc thông-thường vậy. Duy hương-chính Nhật-bản thì quan giám-đốc mà quyết-định những sự-kiện của hương-hội không nghị-quyết được thì không phải là quan giám-đốc cứ tự-chuyên đâu, phải hiệp với hội-đồng hàng quận mới quyết được. Nói cho rõ hơn là cái việc phải nghị-quyết mà hương-hội không nghị-quyết xong thì quan Quận-trưởng hiệp với hội - đồng Tham-sự hàng quận mà quyết-định cho.

Xem thế thì biết hương - hội mà muốn cứ đi không nghị-quyết sổ dự-toán là không thể nào được, dù có muốn cứ đi cũ g không có hiệu-lực gì.

Hoặc có người nói rằng: « Quốc-hội mà nghị-quyết sổ dự-toán là để tin-dụng bên hành - chính-quan, cho

nhên khi nào quốc-hội bất-mãn với tòa Nội-các bấy giờ thì có cái quyền không quyết-nghị sổ dự-toán nữa ». Song nhà pháp - học cho thuyết ấy là lầm, nếu thuyết ấy mà là thuyết chính-đáng thì sổ dự - toán thành ra cái đồ của các chính - đảng cạnh-tranh nhau, là cái thủ - đoạn của các đảng-phái đa - số để khuynh - đảo chính - phủ hiện - thời mà thôi, sai - lạc mất cả cái mục-dịch dự-toán đi. Vả hương hội mà thực-hành thuyết ấy thì lầm mà sinh hại vô-cùng. Tuy-nhiên, hương-hội nên biết rằng nghị-quyết sổ dự-toán là cái nghĩa-vụ của mình, còn có tin-dụng bên hành-chính của làng hay không bắt-tắt phải hỏi đến, vậy đem pháp-luật mà chép rõ cái nghĩa-vụ ấy ra cho hương-hội là một việc rất cần

Sổ dự-toán chia ra hai phần là chi ra với thu vào, phần những việc kinh-tế của cá - nhân thì phải liệu xem bên thu vào mà quyết-định bên chi ra, đến như việc kinh-tế của công-cộng tự-tri-thể thì phải định lấy bên chi ra đã, rồi mới quyết bên thu vào, ấy cái cách kinh-tế của cá-nhân với công-cộng khác nhau là thế. Sổ-dĩ-nhiên chi cổ là các khoản chi ra của công-cộng-thể, bởi pháp-luật và bởi lý-do khác đã xác-định ra nhiều mục lắm rồi.

Phần chi-xuất của làng có hai hạng là khoản chi tất-yếu với khoản chi tùy-ý, khoản chi tất-yếu là những món kinh-phi mà làng tất phải chia ra như sau này :

1^o — Số chi tất-yếu về sự - thực, ví như làng giở ra việc công-tác lớn thì rồi phải chi ra.

2^o — Số chi tất-yếu về dân-pháp, ví như làng có nợ tiền gì ở đâu thì phải trả lãi hay là trả cả.

3^o — Số chi do pháp-luật của chính-phủ hay mệnh-lệnh gì của chính-phủ

mà có hiệu-lực cũng như pháp-luật, ví như pháp-luật bắt làng phải gánh lấy phí-khoản về cảnh-sát, thì làng không tuân pháp-luật mà chỉ ra không được, đến như các phí-khoản về giáo-dục, về cứu-bần cũng là số chi về pháp-luật cả.

Nay ví hương-hội mà cứ không chịu nghị-quyết khoản chi tất-yếu về pháp-luật thì pháp-luật phải định lấy cách xử-trị, là khi hương-hội phủ-quyết khoản chi tất-yếu về pháp-luật, thì quan giám-đốc được ghi khoản chi ấy vào ngay sổ dự-toán của làng ấy, thế gọi là « khoản dự-toán cưỡng-chế của quyền giám-đốc » đó. Hễ khoản dự-toán cưỡng-chế nào mà không chính-đáng thì làng được lên thưa ở tòa quan cao-đẳng và lần-lượt lên thưa ở tòa-án cai-trị.

Đến như phần thu vào, hương-hội cũng không được tùy-ý mà nghị-quyết, ví như khoản thu-nhập nào pháp-luật đã cấm thì không được biên vào sổ dự-toán. Tài-sản gì pháp-luật có khi không cho đem chi-tiêu thì hương-hội không được trái. Lại như các hạng thuế làng cũng phải theo trong phạm-vi của pháp-luật đã cho mà nghị-quyết để thu cho đủ chi đài số tổng-ngạch mà thôi. (Tức như các khoản thuế làng cùng các khoản thuế thường-thu bất-thường-thu phụ với thuế chính-ngạch Nhà-nước mà Hương-chính Bắc-kỳ đã chỉ-định).

Phần chi-xuất bất-câu là hương-hội tự quyết hay quan trên định cho, nhưng đã xác-định rồi thì thế nào phần thu-nhập cũng phải cho đúng.

Nếu thu-nhập mà không đủ bù vào chi-xuất thì không gọi là dự-toán được, cho nên hương-hội mà không nghị-quyết xong khoản thu-nhập thì là không nghị-quyết được cả toàn-thể sổ dự-toán vậy.

Sổ dự-toán đã quyết-nghị rồi, có nơi thì thi-hành ngay, có nơi thì phải

trình chính-phủ ưng-nhận rồi mới thi-hành, qui-điều mỗi nước một khác, nước Pháp với những nước mô-phóng chế-độ nước Pháp thì sổ dự-toán của hương-hội nghị-quyết xong phải đệ chính-phủ duyệt-y, còn các nước khác thì không dùng phép ấy, hương-chính Nhật-bản cũng không, thế là hương-chính Nhật-bản khác với qui-tắc của hội-đồng hàng huyện hàng phủ nước ấy.

Sổ dự-toán đã xác-định rồi thì có hai cái hiệu-lực : một là khiến cho bên sở hành-chính được cái quyền-lợi cứ y như trong sổ dự-toán mà thi-hành những khoản đã dự-định, thế gọi là « cái hiệu-lực tích-cực » ; hai là dùng sổ dự-toán làm cái chế-hạn cho các hành-chính dịch-viên không được vượt qua, thế gọi là « cái hiệu-lực tiêu-cực ».

Chế-hạn về sổ dự-toán có ba cách là : không được chi-xuất khoản nào mà trong sổ dự-toán không yết ra là một ; không được vượt qua cái định-ngạch sổ dự-toán là hai ; không được đem khoản dự-chi món nợ giãng sang món kia là ba. Cách thứ ba này, hương-chính Bắc-kỳ, khi nào khoản dự-chi nợ không chi hết mà khoản dự-chi kia thì không đủ chi, hương-hội được xin phép quan lĩnh mà chuyển-dụng đi, gọi là « thay đổi dự-khoản ».

Ba cách chế-hạn ấy là cấm chi-xuất ngoài sổ dự-toán, song sự chi-xuất ngoài sổ dự-toán cũng không tránh hẳn được, là vì dự-toán bất-quá chỉ suy-trắc mà dự-định cái đại-khái phí-khoản về tương-lai mà thôi, cho nên lâm-thời mà gặp việc lúc trước chưa tính đến cũng là thường, khoản chi lâm-thời như thế thì gọi là khoản chi xuất ngoài sổ dự-toán vậy.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THỤẬT

CẢNH HỌC-ĐƯỜNG, ÂN GIÁO-DỤC (1)

Tập văn này xin kính lạy :

Thầy Nguyễn Văn-Kiểm, vì đã nhờ thầy dẫn cho cái lối đến « cảnh học-đường » mà tìm được cái « ân giáo-dục » kia.

TRẦN-NỮ TUYẾT-MAI

1. — Cám ơn dạy quốc-văn

Thưa thầy,

Từ đêm nay thì nhà học-xá « Khai-tri Tiến-đức » đã bắt đầu nghỉ tết, nhân đây tôi xin phép thầy cho tôi thưa ít lời.

Từ trước chị em chúng tôi chỉ học Pháp-văn, đành là không biết tiếng nước nhà nữa, Người nước Nam không biết tiếng nước Nam thì còn gì khổ bằng, vì theo lời ông Phạm Quỳnh trong bài tựa sách « Việt-văn học-tuyển » dẫn lời một nhà chí-sĩ nước Ấn-độ nói : « Làm người mà không biết nói sỏi một thứ tiếng gì, kể ngay từ tiếng tổ-quốc của mình, thì không gì cực bằng, mà con người ấy cũng không ra giống gì. » Nhưng gần đây thầy lại biết cái nỗi khổ của chúng tôi, lo-lắng dạy-dỗ cho chúng tôi được học nói tiếng nước nhà, hiểu biết tiếng nước nhà, và đào-tạo cho chúng tôi được có chút trí-thức, chút đạo-đức, để san này khỏi phải làm người vô-tư-cách ở nước nhà. Ôn ấy nhiều lắm, mà ơn ấy càng nhiều bao nhiêu thì chị em chúng tôi lại không biết lấy gì mà đáp lại bấy nhiêu. Muốn cảm cái ơn ấy cho đích đáng, chúng tôi chỉ biết có một cách, không có hai, là hết sức vâng lời thầy mà trau-dồi học-tập lấy tiếng quốc-âm nhà.

Nên từ khi chúng tôi được học quốc-văn, chúng tôi vẫn cố giữ cho được như lòng nguyện. Đến nay năm đã hết mà việc thầy làm cho chúng tôi cũng đã thấy kết-quả ít nhiều : là trí chúng tôi đã thấy dần-dần khai, đức chúng tôi đã thấy dần dần tiến. Trí chúng tôi khai, đức chúng tôi tiến, thì cái công-phụ của thầy không phải là ít vậy.

Nhân lúc xuân mới hầu sang, chúng tôi xin có ít lời trân-trọng cảm-tạ cái thịnh-tình hậu-ý của thầy và hi-vọng cho việc học quốc-văn của chúng tôi đây được tấn-phát thêm lên để khỏi phụ lòng thầy đã thương đến chị em chúng tôi.

Học-trò cần thưa

2. — Mừng tuổi quan Đốc-học và các thầy giáo

Kính bâm quan Đốc-học,

Kính thưa mấy thầy,

Bến hôm nay chẳng còn mấy ngày nữa thì nhà trường bắt đầu đóng cửa để nghỉ tết, chị em chúng tôi xin quan Đốc-học cho phép chị em chúng tôi trân-trọng kính thưa ít lời.

Nhân thấy tết đến, chúng tôi nhớ lại một năm dài đằng đẵng mới vừa

(1) Tiếp theo tập « Bông hoa đầu mùa », xem Nam-Phong số 118. Tập này lược lại những bài văn đọc cám ơn hay mừng tuổi quan Đốc-học và các thầy giáo trong lúc nghỉ tết, nghỉ hè.

qua đây mà chúng tôi nghĩ tới công ơn của mấy thầy đã ban-bổ ra cho chúng tôi. Cái năm học kia dài lâu ngần nào là cái ơn của mấy thầy cũng cao sâu đến ngần ấy. Chị em chúng tôi đây tuy hằng ngày chịu cái công dạy-dỗ khó-nhọc của thầy mẹ chúng tôi mặc dầu, cái đạo cao đức trọng của mấy thầy chứ ban-bổ giáo-hóa cho chúng tôi đã được đầm thắm đời-dào, thì ảnh-hưởng xa rộng của mấy thầy đến cho chúng tôi đã được nhiều lắm vậy.

Chị em chúng tôi, tuy không được cái danh-dự rõ ràng như các anh em, chứ cái đức-hóa cái ân-trạch của mấy thầy « tưới ra đã khắp, thấm vào đã sâu », chẳng luận gì nam-giới hay nữ-giới thì há có vị bên nào mà bỏ bên nào.

Muốn tỏ lòng biết ân ấy, nhân dịp lễ Nguyễn-đán đến chúng tôi xin hứa với mấy thầy rằng qua năm tới đây chúng tôi sẽ gia công cố gắng mà làm việc cho siêng-năng giỏi-rắn hơn thêm để khỏi phụ lòng mấy thầy thương đến.

Chúng tôi cảm ơn quan Đốc-học đã cho phép chúng tôi ra đây được tỏ mấy lời này, chúng tôi cần chúc cho thầy về quê nhà được mọi sự may-mắn và lễ đến đây chúng tôi xin mừng tuổi quan Đốc học, mừng tuổi mấy thầy và trông mong cho từ đây về sau còn được nhiều ngày sớm hôm dạy bảo như bấy lâu nay.

Nữ học-sinh đồng kính chúc

3. — Cảm ơn thầy dạy võ lòng

Kính bẩm quan Đốc-học,

Kính thưa mấy thầy,

Hôm nay Quan Đốc-học và mấy thầy có lòng hạ-cố đến chứng-kiến cho cuộc lễ mừng Huỳnh tiên-sinh đây càng được thêm long-trọng rõ-ràng, chị em học-sinh chúng tôi lấy làm hân hạnh. Thành-tâm cảm ơn quan Đốc-học và mấy thầy chẳng cùng.

Kính thưa thầy,

Biện dâng một lễ, kính đem tấc thành, chị em học-sinh chúng tôi hôm nay kết tràng hoa, khắc bằng đồng đến kính tặng thầy, vì thầy là người trước nhất có công gây dựng học-nghiệp chúng tôi trong bước sơ đầu mà ngoài hai mươi năm công khó chỉ đèn bời có được đến ngần ấy !

Làm thanh nhả giản đơn như thế này một cành hoa, một câu đối mà giải hết tấc kính-thành đối với thầy, chúng tôi thiết nghĩ đó mới là hợp với tinh thần Đông-phương và hợp với tinh thần của thầy là một bậc đạo-đức mô phạm, mà lại cũng hợp với tinh-linh chúng tôi là kẻ nề-nếp sĩ-phong ; không phải cầu vàng bạc lụa là, chưa chắc đó là hậu-lễ, mà tại chỉ đủ làm cho giảm cái phẩm-cách của thầy đi mà thôi. Hén hôm nay, chị em chúng tôi mới biết tưởng nghĩ đến công ơn của thầy là chúng tôi đã nhiều lần mình ngấm-nghĩ mình mà hồi-tưởng đến tình-cảnh ngày xưa. Tục-ngữ nói : « Tối như đêm, dậy như đất », chính là tình-cảnh chúng tôi lúc ở về thời-kỳ ấu-trĩ. Chúng tôi khi ấy rõ là một cái phòng « tối như đêm », là một cái vườn chẳng phải là « dày như đất » mà thiệt là đầy những gai. Cái phòng ấy mà muốn được sáng-sủa trật-tự thì tất phải cần có ánh sáng soi vào ; cái vườn ấy mà muốn được khang-trang rộng-rãi thì tất phải cần có dọn-đẹp gai-góc.

Thầy tức là người tay cầm đuốc, tay mở hé cánh cửa mà soi soi cái ánh sáng thứ nhất vào cái phòng tối-tăm kia, là người đã trả biết bao công khó-nhọc, nước mắt mồ-hôi mà dọn gai nhổ cỏ, vun phân tưới nước cho cái vườn cây sầm-lịch kia. Đến ngày nay, chúng tôi đã được như cái phòng sáng-sủa có trật-tự trang-hoàng, như cái vườn cây cảnh rậm rợp, lá xanh bóng thắm, lớp đã nở hoa, lớp chực kết-quả, tốt tươi rực-rỡ biết là bao !

Lại một cảnh này nữa, không bao giờ cho chúng tôi quên đi được ; chúng tôi còn nhớ mới ngày nào chúng tôi còn là một đứa bé lên năm lên bảy, một đứa bé thật là ngây ngô khờ-dại, mới biết ra khỏi nhà lần đó là một, tay cắp sách, chân lững-thững theo phụ-huynh vào trường học. Trong lúc ấy, ngoài cha mẹ anh chị trong nhà là những người thường ngày quen biết, còn thì là những người lạ với chúng tôi, mà đều là những người chúng tôi sợ cả. Lỡ ai động đến một tí là chúng tôi phải hờn khóc khùng-khiếp rồi, cho nên khi mới đến trường thì trong lòng những phấp-phồng lo sợ. Giá lúc ấy mà nét mặt của thầy cho thật nghiêm, giọng nói của thầy cho thật thẳng, thì chắc chúng tôi không sao dám đến trường nữa ! Nhưng lúc ấy thầy lại biết tình-ý trẻ con, nên nét mặt của thầy bấy giờ trông rất là êm-ái nhẹ-nhàng, khiến cho đứa trẻ ngây-ngớ đang lạ-lùng bỡ-ngỡ kia không phải lo sợ và tưởng mình ở học-đường với thầy với bạn đây cũng được thương yêu chiều chuộng như trong gia-đình vậy.

Khi ấy « nhỏ còn thơ dại biết chi », bấy giờ hồi-tưởng đến mới biết đó là ngọn đuốc mà thầy đã cầm soi vào phòng tối, đó là phân nước mà thầy đã vun tưới cho cái « vườn học » chúng tôi đây.

Chúng tôi nay nghiêm-nhiên là đứa trẻ ngoan-ngoãn, đương sốt-sắng học-hành, theo đuổi trên một con đường mới, ở trong một cái thời-kỳ khác, và cuộc đời chị em chúng tôi, tự đây sẽ còn xoay đổi ra nhiều phương-diện khác nữa, nhưng :

Càng âu duyên mới càng dào tình xưa.

Đối với cái « duyên mới » đang mặn-nồng đậm-ấm ngày nay và sau này đây chúng tôi không sao không tưởng nhớ

đến cái « tình xưa » thắm-thía đời-dào buổi no mà :

Cầm vi chút nghĩa cũ-càng,

Dấu lia ngó ý của vương tơ lòng,

thì chúng tôi bấy giờ tuy đã không học với thầy nữa, chớ trong tâm-trí vẫn tưởng nghĩ đến luôn.

Chúng tôi hằng nhớ đến cảnh « phòng tối như đêm », cảnh « vườn đầy gai góc », cảnh « đứa trẻ ngây-ngớ khờ-dại », mà mỗi lần hồi-tưởng đến như thế thì chúng tôi thường ngậm đi ngậm lại câu :

Bảo tồn Nho-học : nền xưa, non Thạch dựng
cao nền đạo-lực ;

Giáo-dục Quốc-văn lối mới, hồ Đông khơi
rộng mạch từ-chương (1) ;

để mà ca-lụng cái đạo cao, đức trong của thầy đã làm tiêu-biểu cho nền Hán-học nước nhà, đã có bóng xa vang rộng đến con em trong xứ sở và để mà tưởng nhớ đến cái công ơn khó-nhọc của thầy đã lác-thành cho trong buổi sơ-đầu, lại nhân đây cầu chúc cho thầy được vinh-an vạn-phúc.

Tấc cỏ ba xuân, ơn nặng dễ đâu
đền đáp, tâm thành lễ bạc, lượng trên
xin cũng biết cho lòng, thì chúng tôi chi
xiết mừng vui.

Nữ-học-sinh đồng kính bái.

Hà-tiên, năm đinh-mão (1927)

4. — Buổi học cuối cùng trong năm

Kính thưa thầy,

Kính thưa anh em chị em,

... Tình thần cốt-các, nét tươi tỉnh,

Thu cúc xuân lan vẻ mầu-mà,

Này khóm hoa hồng cảnh trúc biếc,

Địu-dàng xinh-sắn biết bao là.

.....

Cảnh vườn xuân kia, cảnh trường học,

Hoa cỏ này là bọn trẻ thơ :

Tưới nước vun phân, người giáo-hóa,

Đầm-thấm đời-dào ân móc-mưa... (2)

(Lời thơ một người thi-ni ân ở

Phượng-thành)

(1) Đôi câu đối khắc ở bảng đồng đưa tặng.

(2) Lời thơ « Trường-thiên co thế ».

Hôm nay đã đến buổi học cuối cùng trong năm rồi đây ! Hôm nay lại là cái cảnh-tượng cuối cùng mà thầy trò được xum-họp như thế này ; chúng tôi từ khi biết ôm sách đi học đến nay cũng đã từng trải qua bảy tám năm học. mà cũng đã từng trải qua bảy tám buổi « bãi trường » rồi, nhưng không có năm nào làm cho chúng tôi ghi nhớ bằng năm vừa qua đây và không có buổi « bãi trường » nào làm cho chúng tôi cảm-động bằng buổi bãi trường hôm nay đây. Thế mà hôm nay rồi, thì cái cảnh-tượng xum-họp vui-vẻ này chắc không bao giờ lại có. Năm tới đây có sẽ còn trở lại đây học chẳng nữa thì cũng vẫn trường này lớp ấy, nhưng đã kể ở người đi mà cái cảnh tượng cũng sẽ thay đổi khác nay rồi !

Sở-dĩ năm học vừa qua đây đáng ghi nhớ mà buổi học cuối cùng này mới làm cho chúng tôi cảm-động vô cùng, và cũng vì đã cảm-động nhiều nên tôi xin có ít lời chắp nối để ghi lấy cái kỷ-niệm rất thâm trầm vui-thú kia.

Muốn giữ cái kỷ-niệm ấy không gì bằng chúng tôi hãy lấy buổi học này làm « buổi học ôn » ngồi ngâm-nghĩ mà ôn lại những bài học thầy đã dạy cho trong năm vừa rồi đây.

Kể các bài học thầy đã truyền dạy cho thì cũng có nhiều bài hay, nhưng chỉ có một bài chúng tôi lấy làm quý-hóa nhất, vẫn trân-trọng giữ gìn làm khuôn vàng thước ngọc cho cuộc đời, tưởng đến bao giờ chúng tôi cũng không quên được.

Bài học ấy chúng tôi được nghe thầy giảng dạy cho không hạn được ngày giờ và cũng không biết là bao nhiêu, vì đó không phải như các môn học hằng ngày trong chương-trình của nhà trường có.

Bài học ấy kể cũng là phiền phức và rộng-rãi thiệt, nhưng toát-yếu lại thì cũng chỉ có hai chương, mà trong hai chương ấy, chương trên làm nguyên-nhân mà chương dưới là kết-quả.

Chương đầu là vấn đề học quốc-ngữ.
Chương sau là tu-thân để làm người Việt-Nam.

Là thầy dạy chúng tôi đâu có đi học thứ chữ nào nữa, nhưng cũng đừng khá quên cái « Hồn Đại-Việt, giọng Hàn Thuyên », mà bao giờ cũng phải cố công trau-dồi học-tập chữ quốc-ngữ, tiếng quốc-âm nhà, để giữ lấy cái tinh-thần căn-bản của non sông nòi giống, mà bồi đắp lấy nền sĩ-phong của ông cha cho chắc-chắn vững-vàng, để đối phó với những cái nghĩa cả ở đời mà chống trả với những cái phong-trào phiến-tạp ngày nay nó thường làm cho tê-mé đầu óc, lụng-vụng tâm-hồn, khiến cho người ta phải quay-quần xuẩn-động.

Là thầy dạy chúng tôi đâu có đi giông chơi phong-cảnh rục-rờ của nước người ở đâu đâu, nhưng cũng đừng khá quên « ta về ta tắm ao ta » mà bao giờ cũng phải quay đầu trông lại cái chỗ bờ tre ruộng lúa là chỗ quê cha đất tổ và phải ngày đêm ước-ao, hương hoa cầu-nguyện cho cái cảnh-sắc non sông Hồng-Lạc này chóng được đến ngày tươi linh vẻ-vang.

Ấy bài học quý-hóa kia chúng tôi lĩnh-hội là thế mà chúng tôi dám đâu chắc rằng sẽ làm được như lời. Nhưng

Mai sau đâu có bao giờ,

chúng tôi xin đầu lòng dốc chí mà đình-ninh giữ-gìn ghi-gắn lấy lời để khỏi phụ lòng thầy đã mong-mỏi mà phú-thúc cho bấy lâu nay. . .

Thôi từ đây, xuân qua thu lại, cảnh-tình thay đổi còn nhiều, nhưng hoặc cũng có khi giờ bài học cũ mà nhớ người ngày xưa, thì những lời giáo-huấn hãy còn phảng-phất bên mình như một thứ thanh-hương đầm-ấm.

Mấy lời trân-trọng, một tấm can-tràng, trước xin kính-lặng thầy, sau xin kính-lặng anh em chị em đồng-học vui lòng nhận lấy làm món kỷ-vật để cùng nhau phân tay từ-giã cái buổi học

vui thú mà cảm-động cuối cùng trong cảnh « trời tây bóng-lặng » giữa ngày rằm tháng sáu, năm đinh-mão (13-7-1927) này.

TUYẾT-MAI (Hà-tiên)

LUẬN-THUYẾT TÂN-XÃ-HỘI(1)

V

Nói về xã-hội công-cộng sản-nghiệp

1^o Định phép quân-diền. — Xã-hội nước ta, kẻ giàu quá, thì ruộng liền thiên kia mạch nọ, kẻ nghèo quá, thì ruộng không lỗ cấy mũi rùi, nên số giàu thì ít số nghèo thì nhiều. Nay nghĩ định phép quân-diền chia làm bảy hạng: 1) lão-hạng tự sáu bảy mươi trở lên, thì mỗi người được phần ruộng là 1 mẫu năm sào, khi quá-cổ thì lại hoàn trả ruộng dân; 2) tráng hạng tự 18 tuổi trở lên, thì mỗi người được phần ruộng là 3 mẫu, ai để 60 tuổi thì phải trả nửa, ai bất-hạnh tạ-thế thì phải trả cả; 3) thiếu-hạng tự lên 8 tuổi đến 17 tuổi, thì được phần ruộng là 5 sào; 4) tàn-tật; 5) quan quả, thì mỗi người được một mẫu, đến khi tạ-thế, thì đều phải trả ruộng dân. Các ruộng cứ 3 năm một lần chia, khi chia thì phải bỏ phiếu viết tên những người được ăn phần ruộng, tên ai cầm ở phần nào, thì ấy là ăn ở phần ấy; các ruộng những người tạ-thế hay những người lên tuổi mà trả dân, thì lưu lại đợi người đến tuổi được ăn thì lại chia, năm có người đến tuổi thì thôi, năm chưa có người đến tuổi thì đồng-dân bán hủy-

vụ lấy tiền chi việc công-ích, khi có người đến tuổi thì lại chia; 6) lưu-công, mỗi dân phải lưu sáu mẫu, dê-niên bán hủy-vụ lấy tiền sắm-sửa các đồ công-khi như đồ tự-sự, hoặc đồ thường của công-dân; 7) tự-diền là ruộng thuộc về tứ-thời tế-tự, tùy dân giúp số người nhiều ít mà đặt, rồi luân-lưu cấy lần-lượt, trước tế-tự thánh-thần, sau hội-đồng hương-âm. Các phần ruộng ấy cấm không ai được đoan-mại cho người khác, và cấm không ai làm ruộng tư của mình.

2^o Định phép phân-dân. — Xã-hội ta làng nào nếu số ruộng chia cho số người vừa đủ thì thôi, hay còn thừa cũng được, thì không phải phân-dân nữa, nếu làng nào số người nhiều hơn số ruộng ấy, mà không đủ chia, thì xin nhà-nước làm phép phân-dân, những nhà con đôi, con ba phải di, những điền-thổ gia-cư do quốc-gia cấm cho phân-dân cư-tác, còn ngư-canh điền-khi, do người phân-dân sắm-sửa mà hành-dụng, điền-thổ ấy hạn 6 năm thành-lập xin, quốc-gia sẽ đánh thuế, những chốn phân-dân thiết nghĩ có ba xứ: 1^o thượng-du; 2^o trung-du; 3^o duyên-hải; còn nhiều chốn hoang-

(1) Xem N.-P. số 117, 118, 119, 120.

mãng, và đất phù-xa mới bồi, phỏng thực-hành chính-sách phân-dân, nước không khoáng-thô, dân có thực-diện, đất nước một ngày một mở-mang, người dân một ngày một sinh-sản, thì xã-hội ta chẳng tiến-hóa lắm dư? Sự đó nhờ sức Chính-phủ khuếch-trương đấy, nhờ sức quốc-dân thực-hành đấy.

30 *Lập nhà nghĩa-xương.* — Các biểu trong các thôn-xã, mỗi biểu phải lập một nhà nghĩa-xương, đệ-niên những năm được mùa mỗi nhà phải đem gánh thóc phơi già, quạt sạch, đóng đầy, đề ký vào nghĩa-xương, kén người gia-sản vật-lực, tính-hạnh công-bằng cần-thận trong biểu đề giữ, ai ký bao nhiêu, cũng phải ghi vào sổ sách cho minh-bạch, thóc ấy không cho ai được vay mượn gì cả, chỉ duy năm nào hồng-thủy, hay đại-hạn, là năm mất mùa, các người trong biểu hội lại đề mở kho, của người nào ký bao nhiêu, thì lại đóng bấy nhiêu; đó là chính-sách phòng-bị lúc hung-hoang trong xã-hội, biểu nào cũng có nhà nghĩa-xương mới được.

40 *Dựng nhà ngân-hàng.* — Các biểu trong các thôn-xã, mỗi biểu phải dựng một nhà ngân-hàng. Phạm những người trong biểu ai có tiền-tài dư-dự ít nhiều thì ký vào nhà ngân-hàng, kén người tính-hạnh công-bằng cần-thận, gia-sản vật-lực trong biểu đề giữ, ai ký bao nhiêu cũng phải có sổ sách biên ghi minh-bạch, tiền ấy hoặc cho vay lấy lãi nhẹ, hoặc hợp vốn buôn đề lấy lời, hoặc thóc gạo hạ đóng cao bán, hoặc đồ hàng đất bán rẻ mua, hết tháng phải tính lãi trả người ký-thác, đó là chính-sách sinh-tài, trong sinh-kế-giới, các biểu trong xã-hội, biểu nào cũng đặt nhà ngân-hàng mới được.

Nói về xã-hội công-cộng kiến-trúc

10 *Dựng nhà hội-đồng-công-quán.* — Các xã-hội ta từ khi có hương-hội đến

giờ, có làng đã dựng nhà hội-đồng, cũng có làng chưa dựng nhà hội-đồng, những làng có nhà hội-đồng thì đã đành rồi, còn những làng chưa dựng nhà hội-đồng, phần nhiều họp ở nhà chánh phó hương-hội, và đương-thứ lý-dịch, thực là việc công bàn tư, chưa họp công-ly. Nay nghĩ định phạm các làng chưa có nhà hội-đồng, thì tạm hội ở đình-sở, sau khi có nhà hội-đồng, thì phải hội tại nhà hội, cấm không được lập hội-đồng ở nhà tư.

20 *Lập Ấu-trì-viện.* — Xã-hội nước ta trẻ con các làng thường chơi ở cổng ngõ, mà không có nhà chơi, và không có người trông nom gì cả, nên trẻ thường bay chơi bần, nói lắm điều thô. Nay nghĩ định trong các làng, mỗi ngõ phải có một nhà Ấu-trì-viện để cho trẻ con chơi, kén những người đàn bà già trong hàng ngõ, có tính hay yêu trẻ, và sạch-sẽ, cắt lần lượt ra đề coi nom, phạm trẻ trong ngõ, cũng đem gửi đấy, trưa hoặc tối thì lại đón về, hôm sau trở đi lại thế.

30 *Thiết thư-viện.* — Xã-hội nước ta sổ-sách rất nhiều, thường không có thư-viện để chứa, nên di-thất mất cả, không có mấy làng giữ được. Nay nghĩ định các xã-hội xã nào cũng phải có thư-viện, mua các thư sách cổ kim trong ngoài, cùng báo quốc-văn đề cung người trong xã-hội khi nhàn-lắm, cùng các bức địa-đồ, và giấy-má việc quan, với sổ-sách bản-xã đều bích-tàng vào đấy, các sách báo ấy ở xã nào thì phải có dấu thư-viện xã ấy, ai xem xong cũng phải đề đấy không được đem ra ngoài.

40 *Kiến bảo-tàng-viện.* — Các xã-hội ta thường cũng lắm đồ trân-bảo, có làng để ở công-sở, có làng ký ở nhà tư, thực là chưa biết cách chứa đồ trân-bảo. Nay nghĩ định các xã, xã nào cũng phải làm nhà bảo-tàng, chứa những các trân-bảo của xã-hội xưa

nay, các đồ ấy ở xã nào thì có dấu bảo-tàng ở xã ấy, và lại các đồ ấy cái nào giá bao nhiêu phải tiêu-đề vào đấy, ai nhờ đánh vỡ đánh sút, thì chiếu giá bồi-thường, xã-hội có túng thiếu, cấm không được đem cầm bán.

50 *Sửa vườn công-hoa-viên.* — Xã-hội ta trừ đình chùa miếu-mạo chỉ ngoại, thì không có vườn hoa chung làm du-thưởng để di-dưỡng tính-linh khi gió mát, khi trăng thanh, khi trời xuân ôn-hòa, khi mùa hè bức nực. Nay nghĩ định các xã, xã nào cũng có công-hoa-viên, giồng các thứ cây, và các thứ hoa, để cung người xã-hội khi nhàn-quan du-thưởng.

60 *Định nơi công-thảo-địa.* — Xã-hội nước ta có gần núi đồi, hay những làng có gần sông đê, thì trâu bò mới có nơi súc-mục, còn những làng xa núi đồi hay không gần sông đê, thì trâu bò không có chỗ súc-mục. Nay nghĩ định làng có đất súc-mục thì thôi, còn những làng không có đất súc-mục phải để khu ruộng ước mười mẫu, để làm nơi súc-mục, như thế cũng là ích-lợi cho súc-vật nhà làm ruộng.

70 *Bảo-tồn cổ-tích.* — Xã-hội nước ta lắm làng có cổ-tích tiền-triều, thường hay bỏ hoang-mãng chất-tắc, không ai hỏi-han đến, mấy năm nay các nhà khảo-cổ du-lãm, muốn nghiên-cứu, hỏi người sở-tại không mấy người tường, thực là đáng tiếc. Nay nghĩ-định làng có di-tích lịch-triều, đế-vương, như lăng-tẩm, như đình-miếu, như hành-tại, như cổ-trạch, như đồn-dinh, ở xã nào thì xã ấy nên trùng-tu lại, để bảo-lồn lấy quốc-tùy, để cung các nhà du-lãm khảo-cổ cho được tinh-tế, và tỏ nghĩa văn-hiến túc-trung.

80 *Sửa giếng nước.* — Xã-hội nước ta ăn uống phần nhiều nhờ ở nước giếng, lắm làng giếng bẩn quá, không đắp bờ, không dọn cỏ, không xây cầu,

thực là cầu-thả quá. Nay nghĩ định phạm giếng các làng, đệ-niên phải đắp bờ cao, phải khơi lòng sâu, phải dọn cỏ sạch, và phải xây bậc gạch, hay xây xi-măng, để tiện khi gánh nước lên xuống cho dễ, giếng thường hay có vi-trùng nên phải mua vôi vớt xuống để trừ đi cho khỏi mắc bệnh, và hợp cách vệ-sinh.

90 *Giồng cây đèn.* — Các nước xã-tội văn-minh đêm tối thì phải đốt đèn, nên các đường thường hay dùng cây đèn, nước ta xã-hội đêm tối, gác canh không có dầu đèn gì cả, đường-sá cũng không có đèn lửa gì cả, nên kẻ gian-phi thường hay ăn - náu, tuần - binh cũng không được tường. Nay nghĩ định phạm các nhà trong các xóm cứ mười nóc nhà phải giồng một cây đèn, du-phí do các nhà trong xóm, mỗi nhà phải nộp một tối, hết hạn lại bắt đầu lại, để cho hương - binh tiện việc canh-phòng, gian-dãng không còn ăn-phục.

100 *Sửa công-dân lộ.* — Xã-hội các nước văn-minh, đường-sá rất là rộng-rãi sạch-sẽ, y lối bàn cờ, giữa đường đồ đá, bên đường giồng cây, thực là khang-trang mà sầm-uất, xã-hội nước ta, đường-sá rất là hẹp-hòi bẩn-thỉu, thuần đường độc-đạo, bên đường trồng tre, giữa đường bó độn, rất là hủ-bại, mà đồi-tệ quá. Nay nghĩ-định đường các dân phải phân làm hai : 1^o đường công là đường cả làng đi, phải nên rộng một trượng năm thước ta; 2^o đường tư là đường từng xóm từng ngõ đi, thì phải rộng 8, 9 thước ta, hoặc đồ đá nhỏ, hoặc xây gạch, hoặc đồ nhựa thì càng tốt, và lại có hoa-tiêu đánh dấu, để cho người biết lối nọ đường kia, đường-sá ai gần đâu quét đấy, để cho sạch-sẽ, cấm không ai được trồng tre và đồ bùn bần hai ven đường, cấm không ai được buộc trâu bò và chứa phân-tro ở hai bên

canh đường, cấm không ai được thả chó ra ngoài đường để cắn đuổi người đi đường, cấm không ai được thả lợn ra ngoài đường để phóng ô-uế, cấm đàn ông đàn bà không được phóng tiểu-tiện ở ngoài đường, cấm trẻ con không được phóng đại-tiện ở ngoài đường, ai mà phạm cấm thì tuần-binh phải bắt phạt để trừng-trị, đệ-niên tháng giêng tháng hai là mùa khô cạn, các làng phải sửa các đường, chỗ nào thấp thì cao lên, chỗ nào trụy-liệt thì phải bồi-bổ, như thế thì chính-sách đường-sá mới tốt đẹp được.

11^o *Lập công-án-môn.* — Công là chỗ ra vào có ngăn-nấp, xã-hội ta làng thì có công ngõ, làng thì cũng không có công ngõ gì cả. Nay nghĩ xin định các làng, làng nào cũng phải xây công dân-môn, để giữ-gìn tính-mệnh tài-sản trong xã-hội, làng to thì làm 8 công, làng trung-bình thì làm 4 công, làng nhỏ thì 2 công, công làng nào thì đề tên chữ làng ấy, để cho tiện người đi lại khỏi phải hỏi thăm, công phải xây rộng và cao, để cho tiện ngựa xe giông ruổi, và phải xây vòm-lâu ở trên để canh đêm, xây vòm ở dưới để canh ngày.

12^o *Dựng vệ-nông-quán.* — Vệ nông-quán để cho người làm ruộng trú khi nắng khi mưa, xã-hội ta cũng có làng có, cũng có làng không. Nay nghĩ định các làng các cánh đồng, đều phải có nhà vệ-nông-quán, trên xây quán-canb-dài, hay thủ-vọng-các, để tiện việc canh-phòng.

13^o *Sửa hào-lũy.* — Hào-lũy là cơ-quan giữ-gìn xã hội, xã-hội nào cũng nên phải có để phòng trộm cướp đệ-niên giêng hai các làng phải đắp lũy dọn hào, cấm người trong xã-hội không ai được phá-lấp di, để kẻ gian thừa-cơ xâm-nhập, ai phạm cấm hội-đồng làm biên-bản phạt ngay.

14^o *Dựng cung-lân-quán.* — Xã-hội các nước văn-minh, khách du-lịch đến đâu, thì cũng có cung-lân-quán để nghỉ chân, xã-hội nước ta khách du-lịch đến đâu cũng không có cung-lân-quán, để trú cước. Nay nghĩ định các làng mỗi làng phải lập một quán cung-lân, để các khách du-lịch, hay khách thương-lữ nhỡ-nhàng thì tạm trú chân ở đó.

15^o *Làm vườn công-điều-hựu.* — Trừ những làng có rừng miếu to không kể, còn những làng không có rừng miếu, thì mỗi làng phải có một vườn công-điều-hựu trồng cây để cho các thức chim chia cánh nuôi lông, là làm cảnh thiên-nhiên, để cung những người khi nhân-quan, khi tĩnh-thỉnh, cũng không ai được bần, và phá cỏ cùng bắt nó đi.

16^o *Sửa ao công-ngư-trì.* — Trừ những làng có hồ đầm to thì không kể, còn những làng không có hồ đầm, thì mỗi làng phải có một ao công-ngư-trì, để nuôi các thức cá, chứa vẩy dương vẩy, và làm cảnh nhân-vi, để cùng người khi ngoạn-thưởng du-quan, cấm không ai được thả lưới, chài, cần, vó, chỉ duy khi có hội-đồng hương-âm thì đánh để dùng thôi.

17^o *Định đại-tiểu tiện sở.* — Các nước văn-minh từ các tòa công-sở cho đến các nhà tư-gia, từ chốn thị-thành cho đến các nơi thôn-giã, trừ ngoại những chốn âm-thực khởi-cư, hành-lý du-thưởng, đều có sở đại-tiểu-tiện, để tàng uế-vật của người phóng ra, cho nên không ai tiện-phóng; xã-hội ta các làng các ngõ phần nhiều đại-tiểu-tiện không có định-sở, cho nên đàn ông đàn bà trẻ con, thường hay phóng-uế ở ngoài đường, đều phải định sở, để cho người không tiện-phóng như thế, thì xú-ác không thấu đến trời, uế-khí không tràn khắp đất, người đi qua đi lại không phải tởm lòng, kẻ đi ngược

về xuôi không ai phải bịt mũi ; ấy cũng là hợp cách vệ-sinh.

Nói về xã-hội công-cộng dự-phòng

1^o *Phòng-bị tật-dịch.*— Phàm các làng khi có bệnh tật-dịch khởi-phát, thì trước phải làm lễ hoàng-thiên hậu-thổ, và dâng thánh-hần, âm-phù cho được bình-an, lễ ấy chỉ dùng hương hoa và trãi-bàn, không nên dùng đồ minh-khi và tạp-bàn ; thứ thì trình quan thầy-thuốc xin thuốc phòng-bị ngay cho khỏi truyền-nhiễm, hay dùng phương thuốc phòng-bị tật-dịch của người Trung-hoa chép ở các khoa y-học cũng có thần-hiệu. Làng nào bất-hạnh tật dịch, bị phải nhiều người mất, thì cổng làng phải cắm lá cờ đen, các người trong làng ấy mỗi người phải đeo một miếng băng đen để trở, trong 50 ngày không ai được mở tiệc rượu chè gì cả, trong làng cũng không được mở tiệc khánh-hạ gì cả ; khi làng nào đương dịch cấm người làng khác không được đến đấy, lại cấm người làng ấy không được đi nơi khác để phòng sự truyền-nhiễm.

1^o *Phòng-bị cuồng-khuyển.*— Các nhà trong các xã-hội văn-minh, nuôi loài khuyển, đều phải xích phải buộc, không thả phóng ra ngoài để cắn hành-nhân, và phóng ô-ước, cũng là cấm không cho ăn ướ-vật, nên không có cuồng-khuyển phát-khởi mấy khi ; các nhà trong các xã-hội ta, nuôi khuyển thường không xích không cũi, thường thả phóng ra ngoài để cắn hành-nhân và phóng ô-ước, cùng ăn các thức ướ-vật, với các thứ độc-thảo, nên lắm khi thường hay cuồng-khuyển phát-khởi. Nay nghĩ định các nhà trong các xã-hội, nuôi khuyển phải theo như cách văn-minh phòng-bị cho khỏi chứng cuồng-khuyển. Phàm xã-hội thấy có cuồng-khuyển phát-khởi, thì lập-tức phải giết ngay để khỏi truyền-nhiễm sang con khác, ai nhờ

bị phải cuồng-khuyển cắn, thì phải lấy thuốc uống ngay, không được coi thường.

3^o *Phòng-bị thủy-hoạn.*— Các xã-hội xứ ta đệ-niên đến kỳ tấn-thủy, những xã ở duyên-son, thì không mấy khi có thủy-hoạn, còn như những xã ở duyên-giang, cùng những xã ở đồng-diền trũng thấp, thường hay bị phải thủy-hoạn. Nay nghĩ định các xã thường hay bị thủy-hoạn ấy, chung quanh làng, bốn mặt đều phải đắp đường phòng rất cao rất lớn, để phòng-bị đệ-niên tấn-thủy trong xã-hội không đến nỗi phải oán-thán.

4^o *Phòng-bị hỏa-tai.*— Các nhà trong các xã-hội nước ta, cửa nhà bếp nước phần làm gạch ngói thì ít, phần làm tre nứa thì nhiều, và lại thấp hẹp, nên khi đại-phong thường đảo-hoại, khi hỏa-tai thường bị diên-thiếu, thực là vì sự cầu-thả quá. Nay nghĩ - định phàm các cửa nhà bếp nước trong xã-hội, vô-luận nhà nào đều nên thứ-đệ giùm làm gạch ngói, để phòng khi phong-hoạn, khi hỏa-tai.

5^o *Phòng-bị đạo-kiếp.*— Các nhà trong xã-hội nước ta, thường hay bị trộm cướp tài-sản, 1^o vì cách mạn-tàng, 2^o vì cách canh-phòng sơ-khoáng. Nay nghĩ định các làng phải có công-nghĩa-xương, công-ngân-hàng, lại lập công-cộng bảo-trợ-hội để gìn-giữ, phòng những đạo-cướp phi-thường, và dựng sở công-cộng tài-sản để biên-ghi, phòng những thói gian-phi tệ-chính.

6^o *Phòng-bị hung-hoang.*— Những năm hồng-thủy đại-hạn, thường hay sinh ra cả h-ngộ hung-hoang, các xã-hội ta xưa nay, thường-thường hay gặp cảnh-ngộ ấy. Nay nghĩ định các xã-hội những năm được mùa xã nào cũng phải nên phòng-bị trước. Phòng-bị có hai cách : 1^o phải có công-nghĩa-xương công-ngân-hàng, để làm công-tiên dự-

bị ; 2^o phải có tư-cốc-xương, tư-ngân-quĩ, để làm tư-tiên dự-phòng ; nếu xã nào cũng như thế thì dẫu gặp cảnh hung-hoang, dân ta cũng không phải đến nỗi hô-canh hô-quĩ.

Nói về xã-hội công-cộng tạp-sự

1^o *Sái-tảo*. — Phạm các nhà trong xã-hội, sớm nào cũng phải dạy quét sân nhà công ngõ cho sạch-sẽ, trong 7 ngày dọn phân tro chuồng lợn gà trâu bò một lần, để cho lực-sức khỏi mắc bệnh, nếu nhà nào để bẩn, tuần-binh phải phạt năm su bỏ quĩ.

2^o *Lai-khách*. — Phạm những khách lại chơi làng, mà muốn xem các phong-cảnh, thì phải có người đưa đi xem mới được.

3^o *Thuởng-khuyến nghĩa-dũng*. — Phạm những khi trong xã có trộm cướp, ai vì nghĩa-vụ ra sức bắt được thì liệu công hành-thưởng, bắt được trộm thì thưởng năm hào, bắt được cướp thì thưởng một đồng, ai bắt-hạnh bị trộm cướp phạm phải mà đến thương-tích, thì cũng tùy thương-tích nặng nhẹ mà cấp tiền thuốc-thang, ai phải bắt-hạnh bị tử-táng, thì công-xã-hội phải làm lễ táng, và cấp tử-tuất cùng cho một người con được nhưng-trừ phụ-đê tạp-dịch mãn-đại, để tỏ ý làm gương thưởng nghĩa-dũng.

4^o *Trừng-phạt gian-dâm*. — Phạm những người ở trong xã-hội, cha năm với con, chú năm với cháu, anh năm với em, bố chồng năm với nàng dâu, đàn bà góa chứa đàn ông, đàn ông góa chứa đàn bà, với những người không phải là vợ chồng mà thân cầm tay nhau, thân ngồi với nhau, những kẻ cùng ngũ-phục mà lấy nhau, với những kẻ tiền-thông-dâm hậu-giá-thủ, đều là phạm tội gian-dâm, có người giác xuất, tương với hội-đồng dân-chính, thì hội-đồng phải làm biên-bản trừng-giới, phạt tự năm hào trở lên đến ba đồng bỏ quĩ. Những người can

về tội gian-dâm ấy, thì không cho dự hội-đồng hương-âm, và không được dự hội-đồng mà làm các công việc.

5^o *Đạo-thiết*. — Phạm người trong xã-hội, người nào ăn trộm của tư mà người tư bắt được, hay ăn trộm của công-chúng mà công-chúng bắt được, trình với chức điền-hình, thì chức điền-hình phải làm biên bản, chiếu tang-vật giá-trị mà phạt, những người đã can-án ăn trộm ăn cắp thì sau không được dự làm các công việc dân-chính và ngồi hội-đồng hương-âm nữa.

6^o *Lãng-mạ*. — Phạm người trong xã-hội, ở nhà tư có điều gì không phải với nhau, thì sẽ-sàng lấy nghĩa-lý bảo nhau, ở họ ở hàng ở làng ở xóm cũng vậy, không ai được lãng-mạ lăm điều thâm-tù, âm cả nội-hương-ấp và ngoài-dồng-diền, nếu ai trái thế thì tuần-binh bắt phạt 0 \$ 25 bỏ quĩ.

7^o *Phóng-hủy*. — Phạm người trong xã-hội ai có trâu bò mà không chăn-dắt, cứ thả phóng ra hủy-hoại hòa-cốc, người điền-chủ hoặc người hương-binh bắt được, trâu bò lớn thì phạt 0 \$ 20, trâu bò thâu phạt 0 \$ 10, trâu bò con phạt 0 \$ 05, mà lại phải gánh phân-tro để rắc trả ruộng người điền-chủ ; trâu bò lang khác nhỡ ra mà chạy sang giẫm séo lúa-má làng kia, thì phạt cũng thế. Lệ bắt được trâu bò lấy thối tù và làm hiệu, mà buộc tại công-điểm, cấm không được mang buộc ở chuồng tư, hay vườn tư, để mưu lấy tiền chuộc nặng, hay đem bán, hay đem mổ lấy lợi, có người thám-thính hay có người giác-xuất, thì kẻ chứa trâu phải tội.

8^o *Cứu-cấp*. — Phạm khi xã-hội bất-hạnh có thủy-hỏa, hay đạo-kiếp là sự nguy, tuần-binh có trống báo cấp, để làng ra ứng-cứu, trừ những người già yếu tàn-tật hay mệt-mỏi, cùng đàn bà trẻ con, với những người đi làm việc quan xa, học-hành xa, hay buôn bán xa, hay vắng nhà thì thôi, còn người tư

18 tuổi đến 55 tuổi ở nhà, hết thầy phải ra ứng-cứu. nếu ai không ra phải phạt một hào bỏ quỹ.

90 *Giả-mạo* — Phàm những người đàn ông y-phục giả-mạo đàn bà, hay những người đàn bà y-phục giả đàn ông, cùng kẻ không biết thuốc mà giả - mạo nghề làm thuốc, không biết địa-lý mà cũng giả - mạo làm địa-lý, và không có chức-tước mà giả-mạo làm có chức-tước, đều phạm về tội giả-mạo cả. Những người ấy đi đến xã-hội nào, thì xã-hội ấy phải bắt giải, để quan sở-tại trưng-trị.

100 *Cấm-dịa*, — Phàm những nơi đình chùa miếu mạo, lăng tẩm, giếng uống nước, vườn hoa chung, trường học, chợ buôn, xưởng thợ cùng các công-sở của xã-hội, chốn tôn-nghiêm, xã-hội nào cũng phải có bảng niêm-yết, cấm người trong xã-hội và súc-vật các nhà trong xã-hội không được phóng uế, và phóng mục, để hủy-hoại, nếu ai trái thế thì phạt 0 \$ 25 bỏ quỹ.

110 *Tha-ma thổ-phụ*. — Tha-ma thổ-phụ là những đường đồng để tàng hài-cốt của các tiên-linh trong xã-hội, không ai được phá-hủy đi, để mất hình-thể đi, và di-lạc phần-mô lịch-dại, nếu ai trái thế, thì phải phạt 0 \$ 25 bỏ quỹ và bắt phải bồi-bổ hoàn-nguyên hình-thể.

120 *Hiệu-lệnh*. — Trong các xã-hội thường có khi hội-đồng nghị-sự, có khi hội-đồng hương-âm, có khi hội-đồng tế-tự, có khi hội-đồng lễ-bái, có khi có việc tang, có khi có việc nguy-cấp, có lẽ việc gì cũng sai người đi bảo đi gọi, đi mời từng nhà, từng người dư ? Vậy phải có hiệu-lệnh, để người nghe hiệu mà đến. Việc hương-hội nghị-sự phải có trống một hồi; việc hương-âm phải có công ba hồi; việc tế-tự phải có chiêng trống ba hồi; việc lễ-bái phải có chuông đánh giải; việc tang phải có lệnh một hồi; việc canh-phòng phải có trống mõ điểm;

việc nguy-cấp phải có hồi trống liên-thanh; việc đề-đường phải có một hồi trống thúc; khi có việc người trong xã-hội cứ nghe hiệu mà đến không có việc gì mà ai thiện-tiện nổi hiệu, thì phải phạt 0 \$ 25 bỏ quỹ.

130 *Đi đêm*. — Phàm những người trong xã-hội ai đi tối cũng phải cầm đèn, nếu ai trái thế là người gian, hương - binh bắt được phạt 0 \$ 02 bỏ quỹ.

140 *Huyền-náo ban đêm*. — Phàm người trong xã-hội tự-nhiên vô cố ban đêm mà hò-hoán để làm huyền-náo cả dân-thôn thì phạt 0 \$ 25 bỏ quỹ.

150 *Thiện-nhập ban đêm*. — Phàm trong xã-hội người nào ban đêm tự-nhiên vô-cố mà thiện-nhập nhà người ta để mưu gian-làm trộm cướp, gia-chủ bắt được cũng phải phạt 0 \$ 25 bỏ quỹ.

160 *Làm nhà xã-hội u-thất*. — U-thất tức là nhà pha của xã-hội, để giam những người phạm luật cấm, xã-hội nào cũng nên phải có, những người phải phạt mà không chịu, thì giam vào đây bao giờ nộp đủ tiền phạt mới được ra.

Nói về xã-hội công cộng trọng-cấm.

10 *Cấm tàng-binh-khi* — Binh-khi là đồ của quốc-gia để dẹp phượng trộm cướp, phạm các xã-hội không ai được tự-tàng binh-khi, như súng đạn để mưu ăn cướp xã-hội, phản-đối quốc-gia, ai phạm điều ấy thì hội - đồng bắt giải trình quan trưng-trị.

20 *Cấm hủy hoàng-kim*. — Hoàng-kim là của quý, của quốc-gia để ban thưởng công-thần, phạm các xã-hội không ai được hủy nát hoàng - kim, làm vòng đeo tay đeo cổ, hay rút vào lợi vào răng, để đấu-mĩ với nhân-quần, khoa-hoa cùng thế-giới, ai phạm cấm ấy thì hội-đồng bắt giải trình quan trưng-trị.

30 *Cấm phục cấm-tú.* — Gấm vóc là phục-sắc triều-đình, đề trọng người chức-tước, ai không chức - tước thì không được mặc, đề huyên-diệu với chốn hương-thôn, khoa-hủ cùng thê-thiếp, ai phạm cấm ấy thì hội-dồng bắt giải trình quan trừng-trị.

40 *Cấm tạo ngân-tiền.* — Ngân-tiền là của trân-trọng quốc-gia để đãi dân-gian tiêu dùng, trú - tạo ngân - tiền quyền ở quốc-gia chủ-thủ, phạm người trong xã-hội không ai được mô-phỏng mà chế ra bạc giả tiền giả, để phát-hành lẫn với tiền-bạc quốc - gia, ai phạm cấm ấy hội-dồng bắt giải trình quan trừng-trị.

50 *Cấm chế minh-khi.* — Minh-khi là các đồ hoa-man của các xã-hội xưa nay thường dùng để cúng bái, đó đều là đồ giả-dối, mà làm hại của thực của xã-hội rất nhiều. Phạm các xã những người làm đồ hoa-man, hết thầy phải cấm đi, đổi làm nghề khác, ai phạm cấm ấy hội-dồng bắt giải trình quan trừng-trị.

60 *Cấm cờ bạc thuốc phiện rượu lậu.* — Cờ bạc thường hay sinh làm xằng, thuốc phiện hay sinh gây mòn, rượu lậu thường hay sinh hồng-ngô, triều-đình chính-phủ đã có luật cấm rất nghiêm, người trong xã-hội ai cố-ý phạm cấm ấy, hương - hội bắt giải trình quan trừng-trị.

70 *Cấm những kẻ giả sư giả đạo cùng kẻ ăn mày.* — Những kẻ giả sư giả đạo cùng kẻ ăn mày, đều làm hại cho xã-hội, những kẻ ấy đi đến xã-hội nào, thì tuần-binh lập-tức phải đuổi ngay.

80 *Cấm thực-khách du-tử.* — Thực-khách là những khách hay đi bỏ-suyết ở các xã-hội, du-tử là chàng hay du-dăng ở xã - hội, hai thứ người ấy đều làm hại cho xã-hội, phạm đi đến xã-hội nào, người xã-hội ấy cũng nên khước đẩy.

90 *Cấm vu-cổ.* — Vu-cổ là những hạng thầy đồng bà cốt, đem lời tà-thuyết vu-hoặc dân-gian, làm mê-hoặc cho xã - hội thực là to lắm. Phạm những kẻ ấy đi đến xã-hội nào, hội-dồng sai tuần-binh sách-trục đấy.

100 *Cấm nam-nữ hi-hước.* — Phạm con trai con gái trong các xã - hội, thường hay hát ví hát gheo với nhau, ở trong làng cùng ngoài đồng với các nơi đường-sá, thực là vô-lý quá, mà lại còn giăng-dịu áo khăn, cướp giắt quà bánh ở giữa đường giữa chợ và chốn thôn-quê, thực là vô-nghĩa quá, xã-hội nào con trai con gái hay có thói ấy, hội-dồng phải nghiêm-cấm đi, để cho mỹ phong-hóa.

Nói về xã-hội công-cộng giám-sát

10 *Đặt quan giám-đốc dân-chính.* — Máy năm nay hương-hội cải-lương sordĩ hư-ưng, không có thực-hành, là vì không có quan giám-sát dân-chính. Nay nghĩ xin Chính-phủ đặt toàn-kỳ một tòa dân-chính giám-đốc, phạm các công việc cải-lương, các quan phải thân đến từng làng mà diễn-thuyết, và mỗi tháng hai lần giám-sát đốc-thúc, bắt các xã-hội phải thứ-đệ thi-hành, và không khiến hương-hội lên phủ trình báo cho đỡ phi-tồn, xã nào hương-hội cần-mẫn thực - hành thì quan giám - đốc nói với Chính - phủ tưởng-lục, xã nào hương-hội giải-dãi, quan giám-đốc nói với Chính-phủ trừng-phạt đấy.

20 *Liên-hợp dân-đoàn.* — Phạm các làng nhỏ, số dân mỗi làng chỉ được bốn năm mươi suất đinh, thì hai làng phải liên-hợp làm một, để cho khỏi phiền.

30 *Công-hành tân-chính.* — Phạm các khoán-ước cũ của các hương-thôn dân giáp, tự riêng đặt ra trước, xin Chính-phủ nhất-thiết đòi cả lên mà

bắt đòi di, những điều công - công hiến-pháp này, xin Chính-phủ nhất-luật ban ra, mà bắt các xã-hội cùng thi-hành cả; phàm các bậc kỳ-hào cũ ở các dân - thôn, hiện nay đương làm hương-hội, xin Chính-phủ nhất - thiết cho về hưu cả, những người tân-tiến ở xã-hội, xin Chính-phủ nhất-thiết đòi ra, bắt phải đi học, rồi sau thi đỗ kén dùng, như thế thì chính-sách xã-hội ta mới có ngày nhất-tân được.

Nói tóm lại chuyết-giả thảo ra bài luận-thuyết tân-xã-hội này, là nghĩ ra xã-hội công-cộng hiến-pháp, có phải là chuyết-giả dám khoa-da đầu-mổ gì đâu, là vì chuyết-giả sinh-trưởng ở xã-hội, thấy xã-hội các nước văn-minh tiến-hóa lên kể nghìn trượng muôn trượng, mà xã-hội ta hủ-bại truy-lạc xuống dưới muôn tầm nghìn tầm, chuyết-giả cũng vì xã-hội mà phát-luận, nhưng vì sự-những nên chưa rồi kịp, nhân lắm khi đi chơi các xã-hội, các thức-giả thường lấy xã-hội luận-thuyết bảo chuyết-giả thảo một bài để đăng lên báo, chuyết-giả thuận ý xin vâng, nhưng vì nghiên - cứu chưa được tường, nên chưa dám phát-luận. Lại một đôi khi sang tiếp-kiến Phạm tiên-sinh là chủ-bút báo *Nam-Phong* ở Hà-thành, tiên-sinh cũng lấy xã-hội vấn - đề thường - thường hỏi - han, mệnh chuyết - giả thảo một bài để đăng lên báo, chuyết-giả cũng vui lòng xin nhận, nghiên - cứu vừa mới

được rõ, nên nay mới phát-luận ra, để không phụ lòng các thức-giả chỉ-giáo, không phụ lòng tiên-sinh mệnh-đề. Trong bài luận-thuyết này, nói về lẽ xã-hội tích-tê kinh-cự nguyên-nhân, trong hiến-pháp này, châm-chước cả Thái-đông Thái-tây xã-hội cổ-kim tinh-túy, và tổ-quốc xã-hội cổ-lai tinh-thần, thảo làm một thiên nghị-luận, gọi là lời sô-nghiêu, để đăng trên ông chủ-bút, lam đăng lên báo, để cung các nhà thức-giả trong các xã-hội công-lãm, để hiến hải-nội chư-quân-tử nhân - quan, chẳng qua là chuyện mua cười. Than ôi ! có lẽ biết mà không nói, nói mà không nói hết thủy-chung, thì thà rằng không nói còn hơn ; chuyết-giả nói đây, cũng là đem sức gián-tiếp, nhờ ông chủ-bút yêu-cầu trên Chính-phủ thái-thủ, dưới xã-hội thực-hành. Xã - hội ta bây giờ quả như đời khoán-ước tự-lập trước, mà làm công-cộng hiến-pháp nay, thì sau này khả-dĩ cùng xã-hội các nước Thái-Đông-Tây cùng lên cái lối văn-minh, cùng tới con đường tiến-bộ, hi-vọng đó là nhờ ơn Chính-phủ đấy, nhờ sức xã-hội đấy. Hỡi hỡi các ngài sinh-trưởng ở các xã-hội ta ơi ! Hỡi hỡi các ngài sinh-trưởng ở các xã-hội ta ơi ! Các ngài nghĩ thế nào ? Tôi mong mỗi xiết bao !

NGUYỄN THẾ-XƯƠNG



TÙNG-ĐÀM

KHẢO VỀ HÔN-LỄ CÁC NƯỚC

Lễ hôn-nhân tức là tờ khế-ước cho cá-nhân giao-kết, để cầu cho đạt đến cái mục-đích gây ra nòi-giống. Dân-tộc các nước đối với lễ hôn mỗi nước mục-đích một khác, cái cơ khác nhau ấy, cứ xem như thói quen và lễ-nghi thì biết. Cái chế-độ kết-hôn, tự nhà xã-hội-học cho làm quan-trọng lắm. Hoa-khuất-dức-thị (H. MITCHELL WATCHETT) là người Mĩ có làm ra bài *Thế-giới hôn-chế-khảo* đăng ở trong *Thế-dục tạp-chí*, xét về cái chế-độ kết-hôn của các nước rất kỹ, nay dịch ra như sau.

Trai gái nếu đã được tiến lên cái bậc bình-quyền không kém gì nhau, thì cái quyền-lợi cầu-hôn xưa nay của con trai, tất dần-dà về phe con gái, cái thế nó không thể tránh được. Song cái quyền-lợi cầu-hôn mà về phe con gái, thì cái công-lệ lớn trong phần tự-nhiên cũng theo đó mà biến đổi đi. Cái lệ ấy tức là cái tính giống đực cầu giống cái của những sinh-vật về loài hữu-co-thể và tất cả loài động-vật trong thế-giới đều có cả.

Các nhà khoa-học có kể những giống vi-sinh-vật rất nhỏ cho đến loài động-vật rất lớn, đều có cái tính âm-dương bạng-hợp theo như công-lệ ở trên. Đạt-nhĩ-văn có kể một truyện sự thực rất lý-thú, bảo rằng những giống nhện rất nhỏ, dương lúc cái kỳ nó bạng-hợp, con cái vẫn thẹn-thò dút-dát, còn giống đực thì đến hàng và trăm con xúm quanh lại đua-nịnh, đến sau con cái chọn lấy một vài con để làm chồng, đến lúc công việc sinh đẻ xong rồi, thì con cái đem ăn thịt hết cả những con đực đi.

Tự loài động-vật rất nhỏ cho đến loài voi to, tự loài cá nhỏ cho đến loài cá sấu, tự loài người ở về thời-đại thạch-khí cho đến loài người về thời-đại văn-minh, trình-độ cách xa nhau không biết đâu mà kể. Những cái thiên-tính về lúc cổ-sơ vẫn y-nhiên không biến đổi, lại cho rằng cái thiên-tính sinh đẻ là phải thực-hành mới còn mãi được, vậy thì cái thiên-tính ấy dụng ra rất quan-trọng, thống-quản cả hành-động của loài người ta.

Cái thói kết-hôn của dân-tộc các nước, trừ ngoài cái sự quan-hệ trực-tiếp ra thì không có điều gì hứng-vị cả. Nên trong bài này chỉ kể về những điều sự-thực cầu-hôn của các dân-tộc. Người ta ai chẳng biết những nơi vườn công bến bãi, những chốn tàu bè đi lại, không thiếu gì những việc ái-tình của trai gái khăng-khít với nhau, nhưng là những việc trông thấy thường, không lấy gì làm lạ, chỉ lạ cho những hôn-lễ của các nước có lắm chuyện buồn cười.

Những các làng ở Bôt-ly-thoát-nghĩa (Brittany) cứ mỗi năm có một chủ-nhật làm lễ cưới xin. Đến kỳ ấy thì suốt các hạng người đều nghỉ làm việc, ăn mặc trang-sức như ngày tết, để đi cung-kính lễ bái ái-thần. Nguyên là người đất Bôt vốn là một dân lao-động, làm ăn ở trên cạn dưới nước suốt ngày khó-nhọc, nên mới có cái phong-tục ấy. Sắp đến kỳ hôn-nhân ấy thì con gái trước một tháng sắm sửa đồ nữ-trang, mà con trai cũng trước một tháng xin phép về nhà, rồi đến thăm nhà con gái, bắt đầu xin cầu-hôn. Cô-tả-nương ấy thì trước còn lần

trốn, đợi cho cậu tân-lang phải săn-sóc tìm hỏi nhiều lần mới được, như thế thì người Bọt mới cho làm hợp lễ, nghĩa là để tỏ cái thói khiêm-tốn của cô tân-nương, và bền cái ái-tình của cậu tân-lang, thế không phải là cũng theo về công-lệ tự-nhiên như trên đã nói ư?

Cái cách kết-hôn của người Bọt như thế rất là dễ-dàng, người Hung-nha-li thì rất là trịnh-trọng. Ta vẫn tưởng người Hung là dân phú-táo khinh-suất, nhưng không phải. Xem như cái lễ cầu-hôn thì vẫn giữ cái thái-độ trăn-trĩnh, chứ không thuần là cảm-tình; trong bọn xã-hội nông-dân, hễ người con trai thiếu-niên nào, trông thấy một người con gái nào muốn lấy làm vợ, thì không dám tắt đến nơi bày tỏ chung-tình, tắt phải hỏi thăm đến cha người con gái, rồi kể rõ những tài-sản của mình có bao nhiêu xin cầu kết-hôn.

Gần đến kỳ cưới thì trước phải theo cái qui-thức kết-hôn về luật dân-sự, là luật cả toàn nước Hung-nha-li phải tuân-hành. Rồi sau mới cùng nhau đến nhà thờ làm lễ kết-hôn, trước nhất dùng mấy người thiếu-niên bày hàng-đội đi dẫn trước, cái mũ của hạng người thiếu-niên ấy cũng có gài hoa và buộc băng lụa, tay thì cầm cái khăn gấm và cái gậy, trên cái gậy cũng buộc băng lụa, rồi cùng đưa đôi vợ chồng mới đến nhà thờ làm lễ.

Lễ hôn cũng giản-lược, không có cái thói hôn má và kê-lễ mấy câu ái-tình, vì là đương chỗ công-chúng mà nói bộc-lộ cái cảm-tình của mình ra, thì người Hung lấy làm bí-lắm. Khi làm lễ ở nhà thờ xong rồi, ra về mới mở yến-hội, hoặc bày cuộc nhảy-dâm và cuộc hòa-nhạc. Song đôi vợ chồng mới và người tương-lễ vẫn giữ một cách nghiêm-trang trịnh-trọng, để cho trang quan-chiêm.

Cái thói kết-hôn của người Nhật-bản thì dùng người mối lái để giúp việc. Lúc mới bắt đầu nghi-hôn thì ở nhà gái mở một tiệc trà để bàn-định về việc hôn-nhân. Song những người trai gái đã-hôn thì phải giữ lễ chứ không được nói ngang vào đấy, phải đợi mệnh cha mẹ quyết-định cho.

Ngày hôm cưới thì cô tân-nương mặt đánh phấn trắng, môi vẽ phấn hồng, trên mái tóc thì trang-sức theo kiểu Nhật, mình mặc cái áo lụa trắng. Hôn-lễ thì thường làm về đêm ở nhà tân-lang.

Cô tân-nương khi ra khỏi nhà mẹ sắp lên kiệu, thì người nhà cứ lệ thường đem đốt một đồng lửa to-tường ở ngoài trước cửa, rồi đem những đồ chơi của cô tân-nương khi nhỏ vứt cả vào đồng lửa đốt đi, để tỏ ra cái ý là đã qua vòng trẻ con mà thành người lớn rồi. Khi đến nhà chồng rồi, thì lại do người trong họ giao đưa cho người chồng. Cô tân-nương trước khi về nhà chồng, thì tắt phải một buổi ngồi hầu pha chè mời mẹ với bà mối cùng uống, để mẹ nhân lúc ấy dặn bảo về đạo làm dâu và công-việc tri-gia.

Người Nhật kết-hôn thường vẫn không có cái nghi-thức về pháp-luật và tôn-giáo, cho rằng việc cưới xin là thuộc về trong gia-đình. Lúc đưa dâu về thì cô dâu và chú rể đều cùng uống một chén rượu nếp, uống xong mỗi người ba chén rượu thì mục mỗi tuyên-cáo lên rằng lễ thành. Các bà-con khách-khứa mới tiến vào chúc mừng.

Người Ấn-độ thì không cứ là hạng người nào, nếu trai gái đã ngoài mười tuổi mà chưa lấy vợ gả chồng thì là tội-ác rất lớn. Suốt cả các hạng người ai cũng có cái bụng nghĩ rằng nếu con gái đã đến mười-hai tuổi mà chưa gả cho ai, thì lấy làm sợ-hãi lắm. Trai gái mà được thành-hôn sớm ra, thì cái lối lên thiên-đường của cha mẹ lại càng

được rộng thêm ra. Nếu làm cha mẹ mà không tuân theo cái tục ấy, thì bị phải nhà tôn-giáo khắc-trách, xã-hội chê bai rất là nghiêm-dữ. Vậy nên cha mẹ mà hay vì con cháu kén chọn nơi xứng-đáng để cho được thành-hôn sớm, thực là một nghĩa-vụ cần nhất của người Ấn-độ.

Đàn bà Ấn-độ lúc mới hoài-thai, đã tính sẵn trước xem nhà nào có thể cùng đính-hôn được. Nếu đẻ con trai thì phải trừ-sức tiền của để dự-bị làm cái món tiền cưới vợ cho con, thôi thì suốt đời làm ăn khó-nhọc, chỉ cần nhất là một việc vì con gái kén chồng, vì con trai kén vợ.

Nếu người dựng phụng lại có người bạn cũng đồng-thời có thai, thì không cứ gì đợi đến sau khi sinh đẻ, thường thường trở lụng mà đính-hôn với nhau trước ; đã trở bụng cùng đính-hôn rồi, mà một bên sinh trai, một bên sinh gái, thì đều như ước mà gả con cho nhau, sau khi đẻ rồi trong một năm thường đã làm ngay lễ cưới. Trước kia ở Mạnh-mãi trong thành Bắc-lao có một đứa con trai mới đầy tuổi tới, cùng kết-hôn với đứa con gái mới đẻ được và tháng, thực là một việc chứng-thực rõ-ràng. Duy có sau khi đẻ mà đôi bên hoặc cùng trai hay cùng gái cả, thì đều phải đi kén chọn lấy nơi khác.

Về giống họ Thất - dát 鞞 鞞 con gái mà đã đến tuổi lấy chồng, thì người cha đỡ lên con ngựa tuần-mã, chạy vòng qua một cánh đồng cỏ, để cho một lũ chàng thiếu-niên ruồi ngựa đuổi theo, hễ ai đuổi theo kịp thì lấy làm vợ. Song đôi trai gái nào mà đã có tình với nhau rồi, thì thường nhờ người bạn đứng ngoài bày kế để làm cho những chàng thiếu-niên khác ngã ngựa không đuổi theo kịp, để khiến cho anh chàng nào đã chung-tình lấy làm chồng đuổi theo cho kịp người con gái, hễ thấy

người con trai ấy đuổi kịp, thì dùng ngựa lại không chạy nữa, thế là yên việc kết-hôn.

Còn các họ nào mà không theo thói đua ngựa kết-hôn thì vẫn dùng người mối-lái. Mà mối-lái thì phần nhiều là những bọn tăn-lũ và các thợ lý-phát, nhân-cách cố hơn kém khác nhau, nên trả tiền thù-kim cũng tùy từng nhà mà định giá. Kể nông-dân kết-hôn thông-thường thì chỉ mượn một người mối ; nếu là họ Ma-a-lạt-già (*Ma-harajah*) tức là họ nhà vua Ấn-độ thì phải dùng đến hai-mươi người mối-lái đi đến nhà gái nghị-hôn.

Người nước Na-uy ở về hàn-đới cách xa với người Ấn-độ ở về nhiệt-đới, thế mà tập-tục lại giống nhau. Cái thói trinh-khiết của con gái hình như là không kể khinh-trọng vào đâu cả. Người Na-uy thường đến gần hết mùa hè mới làm lễ cưới, mà lễ cưới thì nghi-thức rất giản. Chỉ sau khi làm lễ cưới rồi thì thường bày ra trò chơi vui rất nhiều, xã-hội có đến hai tuần lễ mới thôi ; xét pháp-luật nước Na-uy những người chưa cưới mà đã có con riêng, khi làm lễ cưới rồi thì tức là thuộc về con người ấy.

Dân-tộc đảo Tân-ki-nội-á (*New-Guinea*) cái thói lấy nhiều vợ rất thịnh, con trai đi hỏi vợ thì coi như là đi ăn trộm hay đi cướp giật, hễ họ-hàng có đến can-thiệp thì vác gậy ra đánh, người con gái nếu không bằng lòng thì cũng vác gậy đánh. Có một nhà trước-tác biết tường về cái hôn - chế ở đảo ấy, thường nói rằng : Đàn bà ở đảo Tân-ki-nội-á thì thực không còn có một tí quyền-lợi nào, thôi thì tha-hồ roi vọt đập đánh cũng phải dằn h chịu. Tuy không có tội gì cũng phải đem bán đi hoặc đem giết chết đi, không còn có người nào bảo hộ cho cả, cho rằng những việc áp-chế đàn bà là việc của người chồng, không có can-thiệp gì

đến người khác, thế thì cái đảo ấy thực là một nơi địa-ngục sống của đàn-bà vậy.

Có một dân-tộc ở về trung-bộ Tô-dan (*Soudan*) người các nước văn-minh gọi là giáo-đồ Qua-ly-gia (*Gwari Pagans*), cái thói kết-hôn rất là cầu-thả, không khác gì cái thói đời thượng-cổ. Có khi đi hỏi vợ cưới xin chỉ trong vài giờ đồng-hồ mà đã bạng-hợp với nhau ngay ; có khi cầu-hôn lâu đến vài tháng, nếu sau khi kết-hôn rồi, mà đôi bên trai gái có ý không bằng lòng nhau, thì lập-tức là ly dị nhau ngay, bỏ người cũ đi lấy người mới coi như là một sự thường, bất-tất là phải thưa lên đến tòa án mới cầu ly-hôn được.

Trong các nước phong-kiến ở Ấn-độ có một nước gọi là : Bô-ty-tháp (*Bustar*), việc cầu-hôn thì chủ-quyền ở bố mẹ, chứ trai gái thiếu-niên không được biết cái lạc-thú tự-do thế nào. Nhà nào có con trai đã sắp đến kỳ lấy vợ, thì người cha cùng và người bạn thân đi khắp các nơi để tìm kén lấy người con gái vừa đôi phải lứa, các làng xóm chung-quanh đều là đi dò-giảm khắp cả, nếu mà chợt gặp cái diềm gì bất-tường thì lập tức là trung-chỉ. Như là những loài chim kêu cùng là những cành lá rụng, đều là cái triệu-trầm họ cho là bất-tường cả. Nếu lần đầu đi đến cầu-hôn mà gặp được giai-triệu ngay, thì hôn-sự định xong ngay, họ gọi là Đặc-khắc-nê (*Deknene*). Qua hai tuần-lễ lại đến nhà gái một lần, thì họ gọi là Đôn-cách-nê (*Munganee*). Sau này thì do cha mẹ nhà trai bày ra tiệc yến làm lễ thành-hôn, lúc bấy giờ cô dâu chú rể mới được giáp mặt hội-ngộ với nhau, là xong lễ cưới.

Người Do-thái Đông-phương ở về xứ Ba-lục-ty-thần, cho việc hôn-nhân là bởi trời định. Cứ như pháp-luật họ định ra thì lấy vợ phải kén chọn môn-hộ cho xứng-đáng. Tuổi vợ tuổi chồng

mà hơn kém nhau nhiều quá, thì họ cho là diềm bất-tường. Sau khi đã đính-hôn thì tất-phải đi qua một năm mới làm lễ thành-hôn. Tối hôm cưới thì bày ra tiệc rượu để yến-hưởng những người lớn đến hội-hợp, còn trẻ con thì lấy đường mút kẹo bánh dãi chơ.

Hôn-lễ thì thường làm về khi một giờ cho đến bốn giờ, Cô dâu chú rể ngày hôm ấy phải ăn chay kiêng không uống rượu. Chú rể thì đầu phủ một cái khăn vải, cô dâu thì đứng ở trong màn, trên màn thì kết thật nhiều hoa tươi tốt.

Lúc làm lễ cưới thì phải mời một thầy hay và thầy Lại-tị (*Rabbi*, tức là tên gọi thầy bác-sĩ giảng pháp người Do-thái) để tuyên đọc một đoạn thánh-kinh, rồi sau mới đến lời chúc thì lấy một chén rượu hiến lên trên thủ-tọa thầy Lại-tị, thầy Lại-tị mới hướng vào cô dâu chú rể mà đọc lời chúc, rồi đưa chén rượu ấy cho người bố chú rể, lại do người bố chú rể đưa cho chú rể. Chú rể uống chén rượu ấy xong rồi, thì đưa cái chén cho người mẹ vợ, bấy giờ người mẹ vợ mới mở màn ra cầm cái chén lại đưa cho cô dâu mới.

Bấy giờ chàng tân-lang mới bảo cô tân-nương rằng : « Xin cô nghe tôi chiếu theo cái pháp-luật Ma-tây và Dĩ-sắc-liệt, cô với tôi cùng đính-ước hôn-nhân thần-thánh. » Rồi đến một thầy Lại-tị tuyên-đọc hôn-ước. Đọc xong, lại rót đầy một chén rượu để cho cô dâu chú rể cùng uống. Rồi xướng khúc hát tán-dương tối-đẹp, các tân-khách lần-lượt vào chúc mừng, rồi lại đưa cô dâu chú rể về nhà gái, thế là xong lễ cưới.

Người Cao-ly kết-hôn cũng giống như thói nước Tàu, cũng phải dùng đến mối-lái, hoặc dùng đàn ông hay

dàn bà làm mối cũng được, trước nhất kén chọn lấy đôi trai gái môn-hộ tương-đương, mà ghép lại cho lấy nhau, nếu được êm chuyện thì mượn người thầy số kén chọn ngay giờ để làm lễ cưới.

Lúc đã đính-hôn rồi phải trao đổi lễ-vật, trước khi cưới và ngày cưới nhà trai phải lấy đôi gà hoặc đôi ngỗng đem lấy thái-sắc nhuộm đi cho tỏ là sự cát-tường, rồi đưa đến cho nhà gái.

Cô dâu thì lấy khăn đỏ phủ che mặt đi, lúc làm lễ thành-hôn rồi, thì do chú rể mở cất cái khăn ấy đi. Hôn-lễ kê cũng giản-dị, cũng có cái thói đi cầu thần hỏi bói để quyết-dịnh hôn-sự. Lúc cưới thì cũng có bày tiệc thiết-dãi khách-khưa, đốt pháo linh-đình, rất là náo-nhiệt.

Xứ Anh-luân và các xứ Tô-cách-lan lúc kết-hôn còn có cái thói cũ đời cổ. Cái thói ở về tây-nam-bộ Anh-luân khi cô dâu chú rể mới ở trong nhà thờ bước ra, thì trên đường họ tất chằng ngang cái dây hoa, làm chú rể phải trở-ngại mà biến-sắc, rồi sau phải bảo bọn đàn nhà quê họ chằng dây ấy bỏ đi cho, ấy là cái thói cũ tế hoa-thần từ khi đời cổ người La-mã chiếm-lĩnh cái đảo ấy.

Người Tô-cách-lan lúc cưới vợ thế nào cũng đem đi một cái liềm dài cán. Cái thói ấy là bởi từ khi người Pi-ki-át (Picts) và người Tô-cách-lan tin theo về các thầy tăng Đức-lôi-dích (Druids) truyền lại. Đức-lôi-dích là các thầy tăng-lữ đời cổ, mà lại hay chữa các tật-bệnh, thường có cái liềm chế bằng kim-khí, dùng để móc hái các vật ký-sinh trên ngọn cây, nên sau cứ noi theo cái tục ấy mà không bỏ. Lại có nhất thuyết bảo rằng liềm là đồ dùng để gặt lúa, vậy nên lúc cưới cũng dùng làm cái giai-triệu để tỏ ra rằng lương-duyên mĩ-mãn.

Người Mãn-li (Maoris) nguyên là giống người Tân-tây-lan, xưa nay vẫn

tin theo giáo Gia-tô, phần nhiều là tín-ngưỡng Thiên-chúa-giáo, vậy nên lễ cưới cũng không có lạ-lùng gì mấy, trai gái thiếu-niên mà cầu-hôn thì đại-lược cũng giống như thói tục nước Mĩ. Song lúc kết-hôn có bày ra cuộc yến-hội khiêu-vũ, và những cách trang-sức của cô dâu chú rể vẫn hãy còn có cái thói cũ đời cổ. Nguyên ở dân-tộc ấy có một thứ nổi cực to, phàm những thức ăn hôm cưới tất phải đem nấu ở trong cái nồi ấy. Trai gái cũng có hát những câu ca - dao về đời cổ. Cách khiêu-vũ cũng theo cái thói cũ từ khi nước Anh chưa chiếm-lĩnh được cái đảo ấy. Cách trang-sức ăn mặc của cô dâu thì hợp cả lối cũ và lối mới.

Người Khắc-li-ấn-đệ-an (*Crée Indians*) ở về bắc-bộ Gia-nã-đại, cái thói hỏi vợ kén chồng cũng vẫn còn theo tục cũ. Khi người thiếu-niên mà tìm được ả ý-trung-nhân, thì trước lấy cái khăn tơ thật đẹp để lên trên màn, rồi sau mới lần vào đến cha người con gái mà xin cầu-hôn. Nếu được ưng cho thì hôn-sự hài ngay. Lúc cưới nàng dâu về thì bỏ hết tiền của mình ra để sắm-sửa đồ trang-sức, có khi lại phải đi vay thêm nữa. Lúc cưới thì tất phải có một cái nhẫn bằng vàng hoặc bằng đồng, mà thường cũng phải mượn của người khác. Lại có cái thói tung gạo ở trước mặt cô dâu chú rể. Song xứ ấy gạo rất đắt, thường phải mua đậu để tung, gần đây đậu cũng đắt, họ mới dùng sừng bần để thay. Khi làm lễ cưới xong rồi thì mới mở cuộc yến-hội và khiêu-vũ. Vợ chồng đã cưới về rồi thì cùng nhau làm việc vất-vả, rửa nồi lau cối mà vẫn vui-vẻ.

Cái thói ở đảo Khắc-li-địa (*Island of Crete*) thì trai gái thiếu-niên, nếu đã có ái-tình với nhau, mà cha mẹ không ưng, thì người con trai họp bè-bạn lại vây vòng quanh cha mẹ rồi đem người con gái ấy đi, lại cho cả bạn gái cùng

đi theo nữa, đem giấu người con gái vào một cái nhà, cho đến khi cha mẹ ưng cho thành-hôn mới thôi. Song cha mẹ cũng không khi nào chẳng thuận bao giờ.

Việc cưới xin cứ để cho trai gái tự-chủ lấy hay sao? Hay là cứ mặc cho kẻ chứa bị dục-vọng mà đã bị phải cảm-tình che tối nó tự-chủ lấy hay sao? Ấy là một cái vấn-đề vẫn tranh-luận mãi chưa quyết. Nhưng cứ xem về sự thực kết-quả thì phải theo cách thứ hai mới được. Thử xem như cái biên-bản của nước văn-minh mà tài-phán về việc li-hôn thì biết rằng cái hôn-chế của nước Anh nước Mỹ cũng chưa được là thích-đáng.

Người Tây-ban-nha cái thói cầu-hôn vẫn thường có một người nữ-bạn để giám-thị, mà người nữ-bạn thì phần nhiều là người trong họ mà lớn tuổi, cho nên kẻ đi cầu-hôn lấy làm không tiện. Song nhờ có ái-thần nó che chở vẫn thường man-quá cả kẻ nữ-bạn, thường nhân lúc nào giám-thị sơ-sai thì vẫn cùng kẻ ý-trung-nhân hôn-hít, và trao ném cho nhau quả hoa-cầu để tỏ lòng ái-mộ. Cái thói kết-hôn của người Gia-ti-đức-lặc (*Castile*) lễ-nghi long-trọng, cũng như cái thói người Tây-ban-nha vậy.

Cái phép cho người nữ-bạn đi giám-thị việc cầu-hôn, phạm các nước thuộc về huyết-thống Ai-bá-lê-ái (*iberia*) đều thực-hành cái phép ấy cả. Vì dân bà về dòng giống ấy cảm-tình mạnh quá nên việc kết-hôn không thể để cho trai gái tự-do được. Cái thói ấy cũng có lưu-tệ. Song người Tây-ban-nha và các dân đồng-tộc đều thủ-cự mà nản việc canh-tân, bởi thế nên cái thói nữ-bạn đi giám-thị vẫn còn noi giữ mãi không đổi.

Người Mặc-tây-kha trước khi cách-mệnh vẫn có cái thói cưới ngựa

đi tìm vợ, người con trai đi cầu-hôn thì ăn mặc cực kỳ sa-hoa, mồm ngậm điều thuốc si-gà, tay cầm cái đàn bốn dây, cưỡi ngựa đến trước cửa sổ nhà tình-nhân, ngoài cửa sổ vẫn ngăn bằng cái lưới sắt, anh chàng cầu-hôn đến trước chỗ ấy xuống ngựa rồi vịn đàn mà hát để tỏ khúc-nhôi, khiến cho tình-nhân động lòng phải thò cổ ra ngoài cửa sổ dòm để tỏ lòng ái-mộ, như thế là việc hôn đã hài. Nếu không thấy thò cổ ra dòm thì anh chàng cầu-hôn lại lên ngựa nín lặng không nói gì cả, để đợi xem có bảo gì không, đợi cho đến hút hết điều si-gà, hoặc giả thì tình-nhân có hồi-tâm chuyên-ý thì mới thôi.

Giống Man-tộc ở A-lap-ti-gia và giống dân-tộc nguyên trước ở hàn-lời, thì con gái do người cha đem bán đi, hề ai hay nộp được da thuộc và xe tuyết nhiều hơn thì mua được. Nếu người con gái nào mạnh-mẽ đẹp-đẽ lạ thường, thì phải lấy chó làm đại-giá mà mua. Cứ lệ thì con gái đến tuổi thành-hôn do cha mẹ đem ra đấu-giá, thế nào cũng được giá rất cao mới bán. Tuy rằng xứ ấy ôn-độ còn thấp, mà ái-thần cũng có, nên cũng thường có những việc trai gái tư-bôn.

Người ở Bắc-la-la-ấn-đê-an (*Boroo Indians*) ở về trung-bộ Ba-tây thì quyền chọn rể ở về mẹ người con gái. Cái phép ấy thì ích cũng nhiều, nên các nước văn-minh cũng có bắt-chước mà làm. Hễ nhà nào có con gái thì người mẹ kén chọn trong đám đông người, được anh chàng thiếu-niên nào hợp ý thì mời vào trong cái nhà gianh, bày ra những đồ thực-phẩm cay chát, đồ thực-phẩm ấy chỉ để dùng khi kén rể, lúc chàng thiếu-niên tới đến tiệc, thì có người mẹ hay là người con gái thân cùng đi làm bạn. Nếu nhà chủ có con gái mà được chàng thiếu-niên ấy muốn lấy thì chàng ấy chỉ ném qua các thức thực-phẩm, rồi lại dăng lên

cho mẹ ném, như người mẹ cũng tỏ đồng-ý thì cũng ném qua một chút, thế là định xong hôn-sự. Nếu chàng thiếu-niên ấy không muốn lấy người con gái ấy làm vợ, thì không có ném qua các thức thực-phẩm ấy. Song nếu người mẹ lại lấy thực-phẩm ấy mà ném ăn, thì người con trai cũng phải ức-chế cảm-tình đi mà kết-hôn với người con gái ấy.

Trước khi kết-hôn bốn ngày thì chú rể phải ngủ ở nhà gái, song sớm tối không được trông thấy mặt cô dâu lúc nào cả. Đến buổi sớm ngày thứ năm cô dâu chú rể mới được hội-hợp nhau, ngồi xôm ở trước cái nhà gianh mà cùng tuyên-cáo sự kết-hôn đã hoàn-thành, đó thực là một cái hôn-lễ rất giản-dị.

Cái thói kết-hôn của người Ấn-độ-an mà cứ do quyền mẹ định cho, thì cái lễ cũng hay, vì nghĩ rằng con trai không phải là người lão-thành luyện-dạt, thì không thể biết được cái tinh-tình người con gái. Nhưng không phải người con gái đã quá tuổi thành-hôn thì không thể làm thế được, mà người con trai cũng đã biết rõ người con gái rồi, cho nên mới lấy quyền mẹ vị con trai mà kén vợ, có phần sành hơn là con tự đi kén lấy.

Giống thổ-dân ở trung-bộ A-lạt-bá vẫn có cái thói lấy nhiều vợ, mỗi một vợ ở riêng một cái màn, hoặc do người chồng may một cái màn cực to, phân ra từng khoảng, để cho mỗi vợ ở một khoảng. Không như thế thì các ả đã om-xôm tranh chọi nhau. Những người vợ của bọn thổ-dân ấy thì thuần là mua lấy cả, chứ không có cái lễ cầu-hôn. Ấy những dân-tộc báo-khai đều như thế cả,

Cái thói mua vợ thì lấy con lạc-đà làm đại-giá mà mua, đã mua đến

định-giá rồi thì tức là thành-hôn, mà nghi-thức cũng rất giản, chỉ mời một ông tù-trưởng ra đứng làm chủ-tịch, tuyên-cáo cho hai người ấy đã thành-hôn làm vợ chồng. Sau khi tuyên-cáo xong rồi thì mới bày ra yến-tiệc và khiêu-vũ, các thức ăn trong yến tiệc thì dùng sữa lạc-đà, bánh cao-lương, táo Ba-ti và cà-phê, v. v..

Giống người ở về lưu-vực sông Cồ-lô-hà (*Kulu*) theo dãy núi Hỉ-mã-lạp-nhã thì đàn bà thường hay lấy nhiều chồng, bởi vì cái cơ ở đấy rất là khan đàn bà lắm, cứ lệ người đàn bà đẻ ra con thứ nhất thì thuộc về người chồng thứ nhất, lần thứ hai thì thuộc về người chồng thứ hai, cứ theo lần lượt trước sau như thế mà nhận lấy con. Thường có một người đàn bà mà lấy đến năm sáu người chồng, thế mà vẫn an - cư lạc - nghiệp. Đàn bà thừa-tiếp người chồng nào cũng không có kháng-cự gì cả, đó cũng bởi cái tập-tục nó quen đi đã lâu.

Người giống Á-ti-na-ni (*Asnnani*) cũng là một giống dân-tộc Ấn-độ-an Pha-li-phi-á, cái thói đề-kết hôn-nhân cũng rất là lý-thú. Chàng con trai thiếu-niên thì cứ cả năm cả tháng đi tìm nhặt lấy những lông chim tốt đẹp để dệt thành cái khăn quàng vai, mà nhất là tìm được lông chim công thì tốt lắm. Đã dệt thành khăn rồi, thì đem đi dạo chơi các nhà thôn-nữ, mà ném cái khăn ấy lên trên đầu kẻ ý-trung-nhân, vì những cô thôn-nữ thường hay ngồi xôm ở ngoài trước cửa. Nếu chị thôn-nữ ấy không bằng lòng thì lập-tức xé phăng cái khăn ấy mà ném trả lại. Nếu đôi bên bằng lòng nhau thì lập-tức lưu lại ở nhà ấy mà làm vợ chồng.

ĐÀN BÀ ĐÔNG-PHƯƠNG (1)

XII

Kỳ-nữ Tứ-cô-nương (tiếp theo)

Dục-vương sau khi thưởng-nguyệt ở Bách-hoa-châu, thân-thể đã khàng-khện. Mới cùng Tứ-cô-nương thương-nghĩ, giao thành Nam-xương cho một viên đại-tướng Đặng-mỗ trấn-thủ, sai tướng Triệu-linh một quân-đội đi trước, tự mình suất đại-quân tiến sau, cùng vợ chồng Tứ-cô-nương thu-thập khố-dụng, trở nẻo đông hành. Dục-vương chuyển đi ấy thác-danh sự hành-quân, kỳ-thực dễ lịch-lãm đông-nam sơn-thủy. Cho nên đến địa-phương nào, toàn là đi kinh-qua đặng mà thôi, không chi ở chiếm đất. Khi ấy, hoặc chàng-ngộ Mãn-binh cũng có tều-tiểu tiếp-chiến. Hoặc Mãn-binh bỏ thành chạy, thì vào thành phủ dụ cư-dân rồi lại đi. Hoặc gặp quân phi-đảng làm nhiều dân, thì cũng hết sức tiêu-trừ, nhận làm trách-nhiệm. Hoặc gặp quân quan Thiên-triều, thì tỏ ý tiếp-hợp để mượn đường kinh qua. Lại thỉnh-thoảng đi vi-hành, đội khăn vải cát, mặc áo người quê, chỉ cùng vợ chồng Tứ-cô-nương với vài mươi tên kiện-sĩ, luồn rừng xuyên núi, vào suối ra hồ, vào chùa nghe kinh, vào thôn mua rượu, có khi không ai biết là Dục-vương. Luận-giả bảo rằng Dục-vương chuyển đi ấy, phần ít phong-vị con nhà quán, phần nhiều phong-vị con nhà sơn-thủy, phần ít khi-khái danh-tướng, phần nhiều khi-khái danh-sĩ.

Bắt đầu do Đức-hung đến Đồng-lư, xem cảnh sơn-thủy núi Thiên-mục, lại do Phán-thủy-linh đột-ngột vào

Hàng-châu (tỉnh-thành Chiết-giang). Một hôm giữa ban trưa, Dục-vương đi qua một chỗ thôn-dân, thấy một bà lão kêu khóc ở giữa đường. Bắt mấy người thôn-dân lại hỏi thì bà lão ấy vì bị thằng con bất-hiểu nó đánh, thằng con vốn là đảng côn-đồ hung-nghịch, thường đi ăn cướp, người trong thôn sợ nó như con hổ. Dục-vương tức-khắc truyền bắt thằng con hung-nghịch đem chém đi, bêu đầu lên ngọn cây, mà đem bà lão phó thác cho một người cần-hậu ở trong thôn, lấy cái vàng của nó đi ăn cướp được ấy, chung-dưỡng cho bà lão Tứ-cô-nương vỗ tay cười nói rằng: « Uớc gì vua cha ta đi khắp trong thiên-hạ, vì người bình những sự bất-bình, như ông Bao-lão, thì thiên-hạ may lắm. »

Lại thừa cảnh trăng ra chơi Tây-hồ, ngủ ở chùa Vân-thế, thưởng cái cảnh tùng-phong dạ-nguyệt. Lại lên núi Thạch-ốc vào một cái động, gọi Yên-hà-động, cùng Tứ-cô-nương với người đạo-sĩ trong động, pha nước trà ăn cơm chay. Dục-vương lấy làm vui lắm, nói rằng ta cùng người đạo-sĩ cùng ngồi tiêu-đám, thực không biết thiên-hạ có sự binh-cách nữa. Lại luồn vào Tây-khé, nằm ngủ ở trong một cái am, gọi là Thu-tuyết-lư, nửa đêm trở dậy, thấy vạn-cảnh tịch-nhiên, tâm-thần sáng-suốt, đã toan tức-khắc giao quân-sự cho người khác mà đi tu. Lại nghĩ rằng cái chi-nguyện vào Thục chữa tội chữa có thể ném con giao sát-sinh ở trên tay xuống đất được, thực là cái tội ta.

(1) Xem Nam-Phong số 119.

Lại vào núi Thiên-thai, lên núi Nhạn-dăng. Ngày ấy là ngày mồng chín tháng chín, giữa tết trùng - dương. Đức-vương dắt Tứ-cô-nương lên tuyết-đỉnh núi Nhạn-dăng. Núi ấy đã tiếp-giếp bề. trời rộng gió to, trông ra bề với trời với núi, cùng một sắc xanh. Đức-vương khi ấy, tự cho thân-thể mình là thân-thể bất-phàm. Viên quân-sĩ cầm hồ rượu lại, Đức-vương tức-khắc nghiêng hồ cùng Tứ-cô-nương uống rượu thật say. Tứ-cô-nương say rượu, má đỏ tung-bừng. Đức-vương chỉ tiếc rằng không tìm đâu được một cành cúc hoa vàng, vì trên đỉnh núi cao-khoảng, ít có thứ hoa gì, chỉ có tùng-bách một vài cây xanh biếc mà thôi. Đến chiều ngắm qua cảnh tá-dương, thì sắc trời đã vàng-vàng, sắc bề với sắc núi nửa phần xanh-xanh, nửa phần lồi-lồi. Mới dạo gót xuống núi, xuống đến nửa chừng núi, thấy trong thôn-dân có một nhà rào phen trồng cúc, hoa cúc vừa nở, xin được vài cành đem về. Đức-vương nói rằng để yên-ủi cái bụng ta với cúc tung-tư. Tứ-cô-nương nhân còn say rượu, lấy hoa cúc cài đầy lên trên đầu, nét kiều-diễm không biết thế nào mà kể. Đức-vương cả cười. Mã-sinh đứng trông không chớp mắt, quân-sĩ đều hoảng-hốt ngỡ là người tiên.

Lại chơi núi Vũ-di, núi Cửu-khúc, (thuộc tỉnh Phúc-kiến), vào yết miếu Chu-tử, và thăm miếu Trịnh Thành-Công. Rồi do Kim-kê, thẳng nẻo về Nam-xương.

Tứ-cô-nương lại truy-tùý Đức-vương xuống Quảng-tây, Quảng-tây là nơi cố-quận, Đức-vương chôn rau cắt rốn và phát cò khởi nghĩa ở nơi đó. Đức-vương đi đến Quế-binh, về thăm qua tổ-tiên phân-mộ, tức-khắc dẫn đến Quế-lâm (tỉnh-thành Quảng-tây). Vì viên bộ-trưởng của Đức-vương là họ Hoàng khi ấy làm Quê-lâm chủ-tướng, đương chông nhau với quân Mãn. Đức-vương

đem binh trợ-chiến, quân Mãn thua lùi về Ngó-châu. Đức-vương lưu lại trong dinh-thự tướng Hoàng ba ngày, lại cắt quân qua đèo Ngũ-linh lên phía bắc, tính việc bắc-chinh.

Đức-vương tự khi được Tứ-cô-nương về sau, vô-luận đi du-lịch hay là đi chinh-phạt, thường dắt Tứ-cô-nương cùng đi, bất-ly tả-hữu. Một ngày không thấy Tứ-cô-nương thị-thực vẫn-an, thì Đức-vương như thiếu mất một cánh tay, thường uất-uất không vui. Có than rằng phụ-tử thật là thiên-tinh, ta tuy không đẻ ra Tứ-cô-nương, nhưng danh-ngĩa đã định, tình-cảm liền theo đó mà sinh, há không phải là khối máu ở trong tinh-thần. Khi ấy Tứ-cô-nương vì qua Ngũ-linh, mạo-cảm chướng-khi, đầu vụng mắt hôn, Đức-vương kíp cầu lương-y. Ngày hôm ấy Tứ-cô-nương vào nghỉ ở trong một tòa miếu trong núi, giữa trưa, chợt đổ mồ-hôi mà bệnh bớt. Buổi chiều thầy thuốc đến. Tứ-cô-nương khẳng-khăng chủ-trì cái thuyết bất-phục-dược là trung-y, nói rằng chữa bệnh bằng tinh-thần, mạnh hơn chữa bệnh bằng dược-liệu. Rồi tặng tiền khiến người thầy thuốc về. Đức-vương nói rằng : «Tinh-thần là thổ cá, dược-liệu là lưới-nôm, sao con được thổ cá, mà quên lưới nôm thế vậy!» Tứ-cô-nương chỉ cười khanh-khách, mà bệnh cũng tự-nhiên biến mất đi. Đức-vương mới cử-quân bắc-hành, tiến-cử Thường-đức-trần (thuộc Hồ-nam). Liền hịch triệu chư-quân lai-hội ở Thường-đức, để lập căn-cơ. Tứ-cô-nương cũng khuyên Đức-vương nên đóng lâu ở Thường-đức, chữa nên sậu-củ.

Từ đây trở đi, lịch-sử Đức-vương, đã do cái lịch-sử phát-siễn mà chuyển-chiết về cái lịch-sử vất-xúc, do cái lịch-sử vất-xúc mà chuyển-chiết về cái lịch-sử siêu-thoát. Lịch-sử Tứ-cô-nương, cũng do cái lịch-sử tạo-nhân mà chuyển-chiết về cái lịch-sử kết-quả.

Dục-vương trú đại-doanh ở Thường-đức, đương tính sự bắc-chinh, định tiến phá Tràng-sa (lĩnh-thành Hồ-nam) rồi tiến đánh Vũ Hán (Hồ-bắc). Chợt được bức thư của các tướng ở Giang-tây đưa lại. Biết rằng Thiên-vương (Hồng Tử-Toàn) ở Kim-lăng có sai tướng Hộ-vương suất-linh binh-đội tiến vào cõi Giang-tây, thanh-ngôn rằng để làm quân viện-trợ cho Giang-tây binh-thế rất thịnh, chán - đấng trong ngoài. Tuy không nói rõ ra rằng thảo-lội Dục-vương, nhưng xem ra thì thực là dùng tử-lực làm tai-nạn cho Dục-quân, khiến bộ-hạ Dục-quân đều bị khiên-chế. Để sau này sẽ chế được tử-mệnh Dục-vương, mà tranh lấy đất Giang-tây. Dục-vương khi ấy có nghĩ riêng rằng : « Bộ-hạ ta đều là nghĩa huynh-đệ chân-tay, tử-sinh bất-biến, cũng đủ sức kháng-cự với Hộ-quân. Song đồng-loại mà tương-tàn mãi, thì quân giặc lắt thừa cơ đánh vào, nguy-vong lập-tức trông thấy. Ta cũng biết rằng Thiên-triều sớm trưa tất là diệt-vong. Duy huynh-đệ trong một nhà em-thấm được ngày nào, thì có thể dài-rợ được vận-mệnh cho ngày ấy mà thôi. Ta mấy năm nay đông-bôn tây-tần, hết sức săn đánh giặc Mãn, để khuếch-trưng uy-lực cho Thiên-triều. Thiên-triều chẳng nhân cơ-hội này đi tiến đánh giặc Mãn, lại quay ngọn giáo trở lại đâm ta. Ta cũng chẳng tiếc gì một phen giữ lấy thành-trị, không chịu nhượng-bộ. Nhưng thế thì thâm lắm, chỉ tàn-sát lương-dân đấy thôi. Mà cái tâm-tích ta trung với Thiên-triều cũng chẳng minh, cái công-nghiệp ta thảo-diệt Mãn-tặc cũng chẳng thành. Ta quyết tâm tìm lấy một phương đất hẻo-lánh, người ta sợ bắt tranh, (ý trở đất Ba-thục) để làm nơi ta qui-lão, thế là hơn. »

Đêm hôm ấy Dục-vương cùng Tử-cô-nương bàn-lính về sự sâu-xa. Dục-vương khóc xuống, giọt lệ thấm áo. Tử-cô-nương cũng xùi-xụt lệ tuôn. Hai

cha con Sở-từ đối-khấp, vô-hạn thương tâm. Dục-vương hốt nhiên vùng đứng dậy, cầm thanh kiếm lên múa, nói rằng : « Đại-trượng-phu lo gì không có đất để dung-thân, kể ta quyết vậy, đành bôn-tần nơi hiểm trở, dầu chết cũng cam tâm. » Liền sai Tử-cô-nương làm tờ mật-thư vài mươi đạo, bảo chư-tướng ở Giang-tây, đối với Hộ-quân cứ nhượng-bộ xử nhữn, lực-tục thoái-quân về hội ở Thường-đức, sẽ có biệt-đồ. Khi ấy viên Mãn-tướng ở Tràng-sa sợ binh-uy quân Dục, sai sứ lại thông-hiểu, ý muốn qui-hàng. Dục-vương khước đi. Vì Dục-vương chỉ ở đi lánh vào Thục, không muốn tranh sang Lương-hồ.

Dục-vương qui-hoạch đường lối vào Thục, quyết nghị do nẻo Thi-nam (mê tây-nam lĩnh Hồ-bắc) vượt qua Ngũ-long-quan, xuyên nghìn vạn đợt núi miền Thạch-trụ (mê tây-nam lĩnh Tứ-xuyên), xuôi sau lưng phủ Thành-đô (lĩnh-thành Tứ-xuyên), thỉnh-linh tiến quân, Mãn-tướng Lạc-mỗ chắc không làm gì được. Tử-cô-nương cũng lấy làm phải. Ôi ! vào Thục lần trước, Tử-cô-nương hết sức can ngăn, lần này Tử-cô-nương không can ngăn. Vì Dục-vương gặp phải cái cảnh-ngộ khôn-nạn, công-danh đã xếp bỏ, đạo-đức lại khôn-rời, đã không tâm-chí nào kháng-cự với Thiên-triều, lại không mặt mũi nào a-dua với Mãn-tặc, trừ một kẻ tìm đất để dung-thân, ngoài ra không còn kẻ nào nữa. Sự vào Thục nguy-hiểm, sự kết-hợp với Thạch-trụ thổ-quan lại càng nguy-hiểm, Tử-cô-nương há không biết. Song cũng là quyết-kế mà cam-tâm. Chừng cũng là trời muốn khiến cho Day-Ma hậu-thân (Dục-vương) chóng-chóng về đường tu, vì Tán-Hoa thiên-nữ (Tử-cô-nương) mau mau về cõi lạc, không chìm nổi trong bể khổ, lẫn-lộn trong cuộc trần làm chi nữa. Ôi cũng là lòng trời !

Dục-vương còn phải chờ đợi chư-quân ở Giang-tây lực-tục tập-hợp, khi ấy vô-sự, mới suất-linh một tiểu-đội

cùng Tư-cô-nương ra chơi hồ Đông-dinh. Lúc ấy chỗ trên dưới, đầy cả những quân Mãn. Dục-vương bắt đầu ra cướp ngay được vài mươi chiếc thuyền của quân Mãn, cột buồm cử lên, cần đuôi nhau thẳng tiến. Quan Mãn đại-kinh, tưởng là quân Dục tiến đánh, kịp tụ-binh liệt-đồn ở bên hồ, mà không dám tiến-chiến. Dục-vương sai một đội liên-phong ra ngăn liệt quân Mãn ở đằng sau. Dục-vương tùy ý chơi trên mặt hồ, rồi chơi khắp cảnh Quan-sơn, cảnh Thạch-thành mọi cảnh, đem uống rượu ở trong hồ, đến giờ ngọ hôm sau mới về. Mãn binh đều cách xa chủ-vọng, không hề thấy chút gì cử-động chân tay. Chẳng khác gì quân Tư-Mã Ý đối với Chư-Cát Khổng-minh, chỉ đứng xa mà nghe tiếng gậy đàn ở trên chỗ thành-lâu vậy. Cuộc nhàn-du ở trong quân chữa kỳ, cuộc nhàn-du trong phạm-vi quân giặc mới kỳ. Dục-vương với Tư-cô-nương chuyển đi chơi ấy cũng đáng tự-hào. Mà chuyển đi chơi ấy lại là chuyển cảnh hồ-sơn lâu-dài từ-biệt với mặt kẻ anh-hùng, với bóng dáng kẻ thuyền-quyên, ôi khá tiếc thay!

Cách vài bốn ngày, tướng Hoàng đem quân Giang-tây vòng nẻo Hoành-sơn đến trước, Tướng Triệu do nẻo Nhạc-châu, tướng Lục do nẻo Tương-dàm, và các tướng nữa, lục-tục đến sau. Tướng nào tướng ấy vào đến quân-môn, đều phát-thanh đại-khốc, trần-lố rằng Hồ-vương đến tranh Giang-tây là vô-lý, chúng ta công đã hồ thành mà lại bỏ, cái oan-án này khác nào quân ông Nhạc Vũ-Mục bị thặng Tần Cối nó phá-hoại. Dục-vương phải yên-ủi mà giải ra rằng: « Chúng ta không giết nổi đũa gian-nịnh, để giúp Thiên-vương. Tương-lai quốc-phá gia-vong, cùng qui một đồng tro tàn, đại-cục còn chẳng thể tiếc được, nữa là tiếc gì một tí công-danh. Nếu được một mảnh đất biên-thùy, để bảo-tồn lấy y-quan Hán-tộc, đó là cái chí ông Trịnh Thành-

Công bảo-loàn lấy mảnh đất Đài-loan năm xưa, ta thiết-mộ thế. » Chư-tướng mới nghe ra, tinh-thần chí-khi lại bội-phần hăng-hái phấn-chấn Dục-vương lại cố khuyên chư-quân rằng các người bắt-lát cũng phải theo ta, vì người ta đều có chí riêng, không nên miễn-cưỡng. Thì chư-quân đều khốc-lóc, thế cũng sống chết.

Lại những cựu-bộ linh tinh lại tụ-tập, đều oán khốc kêu than. Dục-vương khôn xiết động lòng, phải hàng ngày tinh-tọa để nén cái giận đi, chợt giác-ngộ ra rằng: « Nhân-sinh vạn-sự, đều là cái bọt trên đầu sóng. Dầu đế-vương sáng-nghiệp, cũng chưa chắc đã được vạn-niên. Phạm sự cứ tùy-ngộ nhi-an, rất là cái đạo tự-thích. Không thế, thì phân-vân cùng với đàn gà đàn vịt tranh nhau ăn mồi, bao giờ liễu-cục vậy. » Tâm lại thản-nhiên, tinh-thần lại mạnh-mẽ.

Dục-vương nhân việc tiến-hành còn phải chờ đợi chút ngày, lại thừa-hưng, suất-linh tiêu-đội đi chơi cảnh Đào-nguyên. Mè tây huyện Vũ-lăng, tức chỗ chàng ngư-nhân tìm được cảnh lạ ngày xưa. Hang với đồng, sâu và đẹp cũng là cảnh giai-thắng. Dục cầu lấy, chỗ lối vào sáng-sủa, ruộng tốt ao xanh, như trong sách chép thì không thấy. Song đi đến đấy, người nào người ấy đều phát ra cái tâm-tưởng thần-tiên giai-thú, lạc-sự thái-bình Dục-vương khi ấy cũng bồi-hồi vui thưởnng mãi, đến chiều mới ruid ngựa về, ngắm thơ mấy chương, Tư-cô-nương và các viên văn-chức đều có thơ họa, thành tập Đào-nguyên-thi, cũng là cuộc quân-trung lạc-sự. (Thơ tiếc không truyền).

Dục-vương thu-thập chỉnh-bị nhất-thiết, mới tự Thường-đức cử-đội khởi-hành. Sai tướng Triệu tướng Hoàng tướng Lục, tướng nào tướng ấy, đều suất-linh một đạo quân đi trước, do nẻo Tư-lợi, vòng quanh sơn-

phận, liền sang phía tây. Dục-vương cùng vợ chồng Tư-cô-nương, các viên văn-chức, với tướng Đường, tướng Thích, cử toàn-quân tiến sau, ước hội với nhau ở Thi-nam.

Dục-quân vượt Thanh-long-lĩnh, đường núi khi-khu, đến Vinh-thuận. Khi ấy, Tư-cô-nương vì có hoài-thai, liền ngày lao-tụy, cảm-động thai-khi. Dục-vương tìm hỏi được chỗ sườn núi Long-sơn có một nhà phú-gia họ Húc, có cảnh viên-dinh, mà phòng-ốc cũng u-finh. Mới do một người trong ấp giới-thiệu, cho Tư-cô-nương vào ở đó mười ngày để tĩnh-dưỡng. Lại lưu Mã-sinh với quân thân-vệ vài mươi người cùng ở lại bảo-hộ, để yên tâm Tư-cô-nương. Ước đại-quân đi đến Thi-nam, sẽ phải binh đến đón Dục-vương khi ấy ứa hai hàng nước mắt, đã nhảy lên mình ngựa, mà ngựa vẫn đứng lại một hồi lâu, không muốn đi. Song hành-trình đã hẹp với các tướng, không dám sai hẹn để lỡ sự. Mới giờ cao tay áo, vụt ngựa ruổi mau. Dục-vương tự phen ở Thượng-đức cất quân lấy-hành, cho đến hồi kết-cục, khi-khu trong khoảng muôn vàn rừng núi, trước sau vừa hơn một năm. Trong khoảng một năm ấy có lắm sự kỳ hiềm kỳ-thú, khả-ca khả-khốc, khả-kinh ! Lịch-sử tung-hoành, đã chuyển thành ra lịch-sử thám-hiểm Chiến đấu với họ Tằng họ Hồ họ Lý họ Tả các vai hào-kiệt ở trung-nguyên đã chuyển thành ra chiến-đấu với loài rắn loài cạp, loài đầu trâu mặt quỷ, loài nước độc ma thiêng. Thượng-rượu Hàng-châu, thưởng hoa Đào-nguyên, thưởng thông Táy-hồ, thưởng cúc Nhạn-dăng, thưởng trăng Xích-bích, thưởng gió Động-dinh, đã chuyển thành ra thưởng nam-hoa, thưởng sơn-quả, thưởng quái-cầm, thưởng dị-thảo, thưởng võn-tự cổ-đại, thưởng cách-bộ man-ca. Khiến cho rừng sâu núi hẻm, được tiếp mặt anh-hùng, hoa quái chim kỳ, được chào khách yêu điện ; ông trời há vô-lâm !

Hải-quân vượt núi, đến Long-sơn. Núi cũng không cao cho lắm, mà dựng thẳng như bức vách, đường như không thể vin trèo được. Rừng cây xin xít u-âm, che lấp hẳn mặt bóng sáng trời. Ở trong thì tiếng vượn hót, tiếng beo gặm, khiến người trong lâm: thê-thiết ghê-hãi. Đường núi bức hẹp, chỉ có thể dung được một quân kỵ hay một người đi, mà cũng tuyệt không có một người nào lai vãng. Đường đi lưng-chùng núi, ở dưới đường đi thì kẻ liền cái suối rất sâu, hễ xây chân một cái thì tức-khắc chân tay gẫy vụn mà đầu tan. Dục-vương thấy thế, cố khuyên quân-sĩ rằng người nào muốn theo ta thì theo, người nào muốn trở lại về thì về. Quân-sĩ không nghe, thề một lòng trung-nghĩa, tuy giẫm vào chỗ nước lửa, cũng quyết không nhj-lâm.

Đến đêm, Dục-vương ngủ ở trong một tòa thần miếu, gói đèn vào ngọn giáo, thức suốt đêm để đợi sáng. Sáng sớm khởi-trình, đường ruổi ngựa đi trong đường núi, chợt nghe ở nẻo xa có tiếng thanh-la. Hỏi một người thổ-dân ở đấy, thì họ nói rằng : « Trong núi nhiều kẻ cướp, lũ nó hàng trăm hàng nghìn, toàn là quân đông-mán, dữ tợn quá thường, kết-đội ở trong núi, bất-thường dò ra đánh quân quan, cướp lấy đồ vật lương-thực. Năm họ Mãn-bình đi qua, đã từng bị nó đại-sát-hại. Cái tên thuốc độc của nó rất mãnh-liệt, bắn phải ai, thì người ấy tức-khắc sưng người lên mà chết ngay, không thuốc nào chữa được kịp. » Dục-vương nghe nói, có ý trừ-trừ, nhân nghĩ rằng : « Nếu ta không phòng-bị, thì thẳng-thốt gặp nó, thường nguy-hiểm về độc thủ nó. Nó chẳng qua là một giống ngu-xuẩn, ta mà dụng kế, thì nó tất trúng kế ta. » Kế đã định, liền sai một đội thuần-bài (cái mộc để che mình) làm tiên-phong tiến-phát. Quả-nhiên lại nghe có mấy tiếng thanh-la, thì đại-đội quân giặc mán nó đã kéo

đến. Dục-vương phất cờ làm hiệu, khiến quân-sĩ đều núp cả vào trong cây hoặc trong hang đá. Chỉ cho đội thuần-bài ra đương-đối với nó, mà người nào người ấy đều nằm phục cả xuống đất, để tránh mũi tên. Khi ấy tên giặc bắn lại như mưa, quân-sĩ không một người nào dính phải, tên mắc vào cả ở chỗ cành cây lá cây. Được một lúc, thấy tên bắn ra ít dần đi, chừng là tên nó đã sắp hết, mà quân-sĩ vẫn tịch-nhiên bất-động. Nó cho rằng quân-sĩ tất chết cả ở trong rừng rồi, nó mới tranh nhau chạy xua cả lại, định để nhặt lấy đồ-vật. Hốt-nhiên phục-bình vùng dậy kéo ra vây đánh, nào súng, nào gươm, nào dao, trong phút chốc, giết chết quân giặc đến vài nghìn người, máu chảy ra khe núi, róc-rách có tiếng. Người nó thì trần mình tròng-trục, khắp mình thích vễ lang-lỗ, trạng-mạo quai-gỗ góm-ghê. Khi ấy quân mán thắng nào thắng ấy chấp tay vái lạy, kêu khóc thảm-thương, thái-trạng rất là hèn-hạ, chẳng thấy còn thói hung-tợn chút nào. Dục-vương mới hạ-lệnh thu đao, nhân than rằng: « Ta từ khi dụng-bình đến giờ, không phen nào tàn-nhẫn như phen này. Nhưng ta không giết nó, thì nó cũng giết ta. Nó cậy có cái tên thuốc độc, nó giết người đã nhiều, phen này trời báo lại nó đấy. » Dục-vương cũng để lòng lân-tuất, chỉ bắt lại mấy đũa lưu ở trong quân, còn thì phóng xạ cho đi. Vì nó tài trèo núi, gót đi như bay, bắt nó thám-lộ làm người hướng-đạo, hoặc lên núi lấy cái vật gì, nó cũng là kẻ hứa-dụng. Duy nó không biết theo kỹ-luật, sau nó ăn cắp dao của vệ-sĩ chực giết người, đội kiện-nhi kịp vây bắt đem giết sạch cả đi. Dục-vương nói rằng cỗ-nhân dạy điều thú bất-khả dữ đồng quần, quả thế. Chiều hôm ấy nhân lại đi tìm chỗ sào huyết nó thì cửa tích-tụ, gạo thóc và rượu ngon, hươu dê béo, vô-số. Lại có vài mươi người đàn-bà con gái thổ-dân, bị

nó bắt nữa. Đàn bà thì phóng cho về nhà, cửa tích-tụ thì hết đem ra khao quân, quân-sĩ ăn uống rất vui. Dục-vương đêm ngủ ở một nhà phú-hào thổ-dân, người phú-kào đem con trai, con gái, vợ lớn, vợ bé, cả nhà ra lạy mừng, hiến ba nghìn lạng bạc. Dục-vương sai đem bạc cấp cho quân sĩ. Người phú-hào lại hiến Dục-vương một người con gái thổ-dân cực đẹp. Dục-vương liền khước đi. Các thổ-dân gần xa, có nhiều kẻ đem đồ-rất lại khao quân, đều tán tụng công-đức Dục-vương, vì cho quân Dục-vương là quân Thiên-linh đến cứu khổ cứu nạn. Ôi! Dục-vương là Thiên-quốc danh-nho, Thiên-triều danh-tướng, sau này tuy thất-bại, nhưng cũng không hổ hai chữ Thiên-bình.

Dục-vương cất quân vượt Thiên-linh, ngủ ở Lai-phương tều ếp, sáng ngày chỉnh-bị đi sớm. Vì không nở bỏ lòng thổ-dân phụ-lão yêu-mến, thủ-tạc mãi đến quá trưa, định đi luôn cửa hang sang Hồ-linh. Thổ-dân nói rằng: « Trong núi nhiều giống hồ dữ, nên đi sớm, nửa ngày có thể ra được khỏi hang. Nếu buổi trưa đi, thì đến chiều mới ra được khỏi hang, rất là nguy-hiểm. Xin đại-vương hãy tạm-trú ngoài chỗ bắc-giao, chớ mạo nơi đại-hiểm. » Dục-vương cười hỏi rằng hồ có bao nhiêu. Thổ-dân nói rằng không tường sự đó, nhưng trước sau vùng núi ấy, hoặc nhiều đến vài mươi con, Dục-vương lắc đầu nói rằng: « Ta cường-binh có hàng vạn, sợ gì vài mươi con hồ, cứ đi không sợ, hồ tuy dữ, chắc không dữ bằng cái tên thuốc độc của giặc mán. » Mới chuẩn giờ vào hang, kỳ đến giờ dậu giờ tuất ra cửa hang. Quân luôn cửa hang đi, thì đường cũng hơi bình-thản, nin hơi đi cho nhanh, cũng không thấy cái gì khác. Chỉ nghe trong lòng cỏ rậm, ù-ù như tiếng gió. Kẻ trinh-thám báo rằng trên hòn đá ở chân núi, có hai con hồ trán trắng thật to, hiện nó đương thủ cái

thế lựa lưng vào núi. Dục-vương đoán gọi đội kiện-nhi. Kiện-nhi tên Bưu lên Mãnh hai người nhảy ra, nói rằng chúng tôi xin ra trối nó lại. Khi ấy Dục-vương với quân-sĩ giương súng giương nỏ ra đứng xem, thì con hồ quả-nhiên lớn hơn con trâu, một con ngồi ở trên hòn đá, một con lượn đi lượn lại ở giữa đường. Tên Mãnh dĩnh-thân tiến vào, cầm cái côn bằng sắt mà đầu nhọn, giả lên khiêu chiến. Con hồ ở giữa đường nhảy lên cao hơn một trượng, lại vỗ tên Mãnh. Tên Mãnh thừa thế xốc ngược cái côn sắt, đâm suốt bụng con hồ. Lại dùng sức quăng con hồ ra ngoài hai trượng, máu phun lung loét trên làn cỏ, hồ kêu rống lên một hồi rồi chết. Cùng một lúc ấy con hồ trên hòn đá cũng ra vỗ tên Bưu. Tên Bưu dùng cái dùi bằng đồng mà đầu bằng, đánh vào bắp đùi chân sau con hồ, hồ bị đau kêu rống lên thật to, lại nhảy lên, nhưng nhảy lên cũng không được cao nữa. Tên Bưu lại quay trước đầu con hồ, đánh vào bộ óc hồ, hồ mới phục xuống bất động. Tên Bưu ghé vai cõng lấy con hồ đem về. Túc-khắc đem hai con hồ lột lấy da, sả thịt nấu lên cho quân-sĩ ăn, quân-sĩ ăn không đủ mỗi người một miếng liền cử quân đi nhanh, đi năm mươi dặm, chỗ rừng sâu bụi rậm, thường thấy hình-tích hồ, lại thỉnh-thoảng nghe có tiếng hồ gầm, nhưng không trông thấy hồ. Kịp ra khỏi cửa hang thì bóng tà-dương đã ngậm núi, cảnh sắc bàng-hoàng, bốn bên núi khởi lên các tiếng quái, làm ghê sợ người, không những hồ báo mà thôi.

Quả đến ấp Tuyên-ân, ấp không có thành-quách, chỉ thấy cỏ lau trắng cỏ tranh vàng, bạt-ngàn cực-mục. Giữa có một con sông, tức là Thanh-giang thượng lưu. Người thổ-quan vào yết-kiến, diện-mạo rất xấu-xí, mà dưng-mãnh khác người, thô-suất không am-hiểu lễ, hỏi rằng xem trang-mạo ông, là kẻ phi-lương, nên ở cái ngôi cực-tôn chi-qui, lại đến chỗ cung-hoang này,

là ý sao ? Dục-vương hiểu cho rằng bản-tước đi kinh-lich chốn biên-thùy, cái chức diều-dân phạt-lội, là cái thiên-chức của bản-tước ; Thiên-triều nay mai sẽ thống-nhất thiên hạ, nhà người nên tự-trọng. Thổ-quan đem vàng ra khao thưởng quân-sĩ, cắt hai người vì Dục-vương hướng-đạo đi đến Thi-nam. Dục-vương khi ấy vì sắp sửa đã tới Thi-nam, sai một đội quân về Vinh-thuận đón Túc-cô-nương. Túc-cô-nương binh-yên vô-dạng, lại hội-kết Dục-vương ở trên sông Thanh-giang. Túc-cô-nương hiển-kể rằng : « Quân ta nên vào núi dẫn gỗ trúc làm bè mảng, ngược dòng Thanh-giang lên Thi-nam. Chia quân làm hai bộ, một bộ đi thủy, một bộ đi lục, mà thay đổi nhau, đề quân-binh sự lao-dật. Vì Thanh-giang sông hẹp, không đi được bè lớn, đi thủy cả thì chậm quá, nên thủy lúc tịnh-kiến. » Dục-vương cùng Túc-cô-nương cưỡi bè đi thủy, trên bè đặt ra phòng-trướng, tựa như gia-ốc, rất là thanh thoi. Trông lên hai bên bờ, thì thổ-dân đều đào núi ở hang, y-nhiên là dân-phong thái-cổ. Đi hai ngày đêm, tới dưới thành Thi nam. Khi ấy tướng Triệu tướng Lục vừa mới khu-trục quân Mãn, chiếm được thành Thi-nam, nghe Dục-vương đến, kịp ruổi ngựa ra nghênh-tiếp Dục-vương vào thành, đêm thiết-yến cùng tướng Triệu tướng Lục hội âm, sai Túc-cô-nương rót rượu mời khắp chư-tướng, trong quân rất vui.

Đất Thi-nam hình-thể tiện-lợi ; đàng bắc có Ngũ-long-quan, ra khỏi cửa quan sang sông, tức là Vạn-huyện đất Ba-thục ; đàng tây-nam thông miền Thạch-trụ (Thạch trụ sơn-phận dài rộng tiếp giáp Từ-xuyên, Tây-tàng, Văn-nam, Qút-châu) Dục-vương mừng rằng cõi Thục đã ở trước mắt, liền quyết-nghị trước hãng phái tướng Hoàng tướng Triệu tướng Thích tướng Trương bốn tướng, suất-linh binh-đội đến miền

Thạch-trụ, cùng các thổ-quan miền ấy tiếp-hợp, khiến làm hưng-đạo, chiêu-phủ đất Xuyên-nam, sẽ do đất Xuyên-nam lên đất Xuyên-tây, lại chi-yên về mé đông, cưỡi lấy lưng phủ Thành-đô, thì toàn-Thực định được cũng không khó. Sáng hôm sau, Dục-vương trở dậy sớm, dắt Tứ-cô-nương ruổi ngựa ra cửa bắc-môn, thứ-đệ rót rượu tiễn tống bốn tướng, dặn bảo mấy lời cơ-yếu tiện-nghi. Lại dắt lời trước-thệ chuẩn cho tướng Triệu hướng nẻo Vạn-huyện, tướng Hoàng hướng nẻo Thạch-trụ, tướng Dương hướng nẻo Kiềm-giang, tướng Thích hướng nẻo Bồi-lãng. Dục-vương với tướng Lục cùng Tứ-cô-nương thì ở lại Thi-nam, cho quân đồn-diên, làm kẻ trừ-súc, để đợi liêu-lức bốn tướng.

Dục-vương chia quân làm các đội, đội cấy ruộng, đội trồng cây, đội đốt rừng phá cỏ, đội đắp đê đội đánh cá, đội bắt chim, đội săn hươu săn lợn, đội bắt cọp bắt rắn. Bắt được hai con rắn lớn ở vùng cỏ rậm bùn lầy, sắc vàng hoa đen, mình lớn hơn mình người, dài ước có mấy trượng. Phun độc ra như vụ như khói, ba người binh-sĩ bị nó phun độc, mê-huyền lẫn đùng chết thảng, trong quân sẵn có phương thuốc Hùng-tinh-hóa-độc-dan, ngoài xoa trong uống, nửa ngày mới sống lại. Song hai con rắn đã bị gươm dao chém chết rồi, khu-vũ rắn rết đã hóa ra chỗ thảo-đồ. Lại dùng có một quả phá, đem dược-liệu dân hỏa chế luyện hơn một tháng mới xong, phá tan được một trái núi. Trái núi ấy cây rậm hang sâu, nguyên là sào quật các loài thú dữ. Khi quả phá nổ lên, một tiếng đánh ầm, trời long đất lở, tiếng nghe vài mươi dặm, khói tỏa bốn mặt rừng, gốc cây bay múa, đất đá tung-lánh. Các loài thú chạy ra, loạn-tầu cuồng-bôn, bất-biện con nào là hùm beo, con nào là sói gấu. Từ đấy, các loài mãnh-thú tuyệt-tích lạnh xa. Dục-vương nhân hiệu-ngộ ra

cái lý sơn-hang địa-chấn, tất có cái vật gì cực nóng, cực bành-trướng, tác dụng ở dưới âm ti, loài người cũng nguy-hiểm. Dục-vương ở Thi-nam, chẳng qua là tạm trú ngày tháng mà hết sức kinh lý đất hoang. Một là để cho quân tự thực kỳ-lục, khỏi nhiều dân. Hai là dù có đi, cũng để lại cho địa-phư ng-dân cái lợi vạn-thế.

Một hôm Dục-vương đương ở chỗ bắc-giao, coi quân-sĩ đắp giải thạch đê. Chợt tin báo Tứ-cô-nương đau bụng dờ dạ để, hiện đã tới nơi nhà để. Dục-vương từ bắc-giao về xem, thì đã để ra được một đứa con gái. Dục-vương mừng lắm. Ngày mai là ngày tết Đoan-ngo, Dục-vương truyền đặt tiệc thang-bính, làm tiệc ăn mừng để con gái cho Tứ-cô-nương. Chư-tướng đều hội, rót rượu chúc mừng. Dục-vương nói rằng ta ngay nay ẵm cháu rồi đây! Làm một bài thơ để kỷ-sự, đưa cho Mã-sinh và các tướng. Dục-vương lại hàng ngày ra bắc-giao coi quân-sĩ đắp đê, tìm thạch-đê cáo thành, dài-rợ mười sáu dặm, hai bên bờ đê đều bắt trồng hòe trồng liễu.

Khi ấy tướng Triệu báo tin rằng cùng Mãn-binh đại-chiến ở Vạn-huyện, thắng-phụ bất-phân; hiện đã bỏ Vạn-huyện lui về Phong-đô. Đán được quân Mãn, cướp lấy thành rồi, xin cùng tướng Hoàng hợp quân tây-hành. Liền lại được tin tướng Hoàng báo rằng thổ-quan miền Thạch-trụ họ Tần tức là con cháu vị nữ-tướng Tần Lương-Ngọc hồi Minh-mạt, vốn không phục Mãn-nô, nghe Thiên-quốc khởi-bình, rất biểu đồng-tình; lại xin vì giới-thiệu cả các châu phụ-cận, liên-lạc tiến-hành. Dục-vương lấy làm thời cơ đã đến, mới cử toàn quân tự Thi-nam thẳng trở phương tây tiến miền Thạch-trụ. Từ đấy, trong Dục-quân lại thêm được có tiếng oa-oa đứa trẻ con khóc vậy.

Dục-vương tiễn Thạch-trụ, bắt đầu cùng với thổ-quan Tần Đại-Huấn và

Tứ cô-nương đi xem trò man-kịch ở miếu Nương-nương (miếu bà nàng). Nương-nương vốn là vị thần võ-vân, không ý-nghĩa gì, mà thờ-nhân thì sùng kính lắm, cho là bà nữ-tướng Tần-Lương-Ngọc hiển-linh. Miếu ở trên đỉnh một trái núi phẳng, tráng-lệ nguy-nga, sī-nữ như mây, hương-hỏa rất thịnh. Các thổ quan các xứ như Tử-nhọm, Bành thủy, Đậu-đương, Đẳng-cốc, kể có vài mươi thổ quan, đều đến dự-lễ. Người nào người ấy đều y-quan xán-lạn, thi-vệ oai-nghiêm, vợ vợ con con, từng lũ từng lượt. Họ Tôn nhất-nhất vì Dục-vương giới thiệu. Các tù-trưởng thấy Dục-vương dắt Tứ-cô-nương cùng đi, lấy làm hân-hạnh và hãi-ngạc. Vì biết rằng tục Trung-quốc nam-nữ vốn nghiêm, nay lại thấy nam-nữ cùng tiếp kiến một nhà, hợp với thổ-tục mình. Lại thấy Tứ-cô-nương yểu-điệu thanh-tú, sàng-lãng linh-lợi, ăn mặc lối Hán-Đường nữ trang, thấy cái quang-cảnh xưa nay chưa từng thấy, kỳ-thủy ngộ Tứ-cô-nương là vợ Dục-vương. Dục-vương bảo cho rằng đây là con gái đấy. Các tù-trưởng đều xúm lại gần Tứ-cô-nương ngỏ lời chúc-tụng. Vì tục họ rất quý con gái, con gái thường khi được nối nghiệp cha họ cho sự yểu-con gái là sự nhân-đạo thứ nhất. Họ bảo nhau khen Dục-vương rằng Thiên-triều-vương khéo dạy con gái lắm! Dục-

vương nhân đem những điều tham-quan ngược-chính của người Mãn, nói ra thông-thiết, để thám-bụng các tù-trưởng. Quả-nhiên các tù-trưởng đều nói chính lệnh người Mãn tàn-ác, thậm chí phần-nộ hình ra cả nét mặt, hận rằng nay mới được tiếp kiến Dục-vương là muộn. Ước ngày mai đại-tập-nghị ở nhà tân-quán, các-các xuất-binh trợ-thương, tán-trợ Dục-vương.

Dục-vương về đến bản-doanh, Tứ-cô-nương liền-ngôn rằng : « Con xem thái-độ các tù-trưởng, rất là thành-thực, không phải là hư-ngôn. Duy tính họ vốn khiếp, hễ lấy thế-lực đảo áp, thì họ đổi hành-vi ngay. Lại vốn tham, hễ lấy lợi dụ, thì họ biến tâm ngay. » Dục-vương không nói gì. Vì sự thế đến bảy giờ, không kết-hợp với họ cũng không được. Sau quả như lời không sai.

Dục-vương đến Đại-tích-sơn, các thổ quan đại-hội, nhường họ Tần làm chủ-tịch, thương-nghị kế sách tiến-binh, mười phần đã bày tám phần kết-quả. Dục-vương mới ở dưới núi Tích-sơn chỗ xa-đường, đại-thao-duyet binh mã, cho anh em họ Tần xem.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN biên-dịch



TUÔNG HÁT

NGUYỄN-CHÚA PHÙ LÊ-HOÀNG (1)

VI

TÂN DƯỚI

Đoạn thứ nhì (3 hồi)

HỒI THỨ IV.

*Chúa Trịnh tâu khiến Quốc-công
vào non Hoành,
Bà phi đưa tiễn em nhà vô xứ Huế.*

Chương-trình

Chúa Trịnh nghe lời bà phi vào tâu vua Lê Anh-tôn cho Quốc-công đi Thuận-hóa. Quốc-công về đem phu-nhân và công tử cùng sang chào bà Trịnh-phi, bà Trịnh-phi ra tiễn, bà này phu-nhân dắt đi con thơ theo chồng, bà Trịnh-phi thương em và cháu, lời lẽ vẫn vương cảnh-tình như về, mà chàng công-tử bé bé, lại có ý bay nhảy cao xa, rõ ra hậu tuổi trẻ mạnh giỏi, và Quốc-công đến cửa biên, còn trông lại mền vua rồi cùng xồng thuyền vô Huế, dựng nên một non nước bề rừng riêng cõi, thiệt là bậc anh-hùng.

BÀI-TRÍ

Cảnh triều-dình tiệc tiễn và dâng bễ

CÁC VAI TRÒ

Vua Lê Anh-tôn — Chúa Trịnh —
Quốc-công — Phu-nhân — Công-tử
— Trịnh-phi — Quân lính — Thủy-thủ.

Vua Lê Anh-tôn ra bạch (ban trào) : — *Hương* : Ngàn sông Nhị mây bay, dãy non Hoành khói tỏa ; — *tán xưng danh* : trẫm từ khi nối ngôi tự-hoàng, đẹp Cường-Mạc, trải mấy lần phong-hỏa ; — *thét hương* : rắp những mong về chốn thiêng rồng, ôi chừ hãy cách ngàn sông mã, — *tán* : rủa như trẫm, sực nghĩ cầu, — *hương* : Hán trở Thiêng-đô, Tống an Giang-tả — *thét* : bôn-chồn khúc dạ, rắp những toan mệnh tướng ra quân, cùng với Mạc ra đời trường nhung-mã. — *Giờn* : May chăng nữa Hoàng-thiên hối họa. — *vũ nam-bình* :

Chẳng nữa hoàng-thiên hối-họa,

Kéo lại nền tôn-xã nơi yên tâm.

Nhưng là gió bất mưa cần,

Lửa binh đầu đã ăn ăn một phương.

Định gọi : Quân, trẫm nghe tin Thuận-hóa. Mạc Lập-Bạo quá sức hung-cường, toàn bá-quan hội trào, trẫm phân dây mơ (2).

(Chúa Trịnh và Quốc-công ra)

Chúa Trịnh ra tâu xin cho Quốc-công đi Thuận-hóa : — dạ dám tâu Tự-

(1) Xem N.-P. số 16-120

(2) Đây tả vua Lê Tự-hoàng nói lai-lịch từ khi nối ngôi, đẹp Mạc kê đã mấy lần, chỉ mong về được Thăng-long, mà nay hãy còn yêm-trệ ở Thanh-hoa cách sông Mã để giữ Mạc, vậy nghĩ đến câu như nhà Hán trở đất Thiêng-đô, nhà Tống yên biên Giang-tả, thì chỉ muốn ra đua đuổi với Mạc một trận to, may nữa lòng trời quay lại, khôi phục được tôn-xã thì mới yên lòng. đêm ngày lưỡng tưởng như thế, mà nay nghe trong Thuận-hóa, Mạc Lập-Bạo lại cường-mạnh lắm, thì quân mặt Bắc phải giữ vững, mà quân mặt Nam phải cho đi dẹp yên mới được, nên truyền ban trào, để khiến người đi Thuận-hóa, đó tả Mạc Lập-Bạo hung-cường, lại từ miệng vua Lê tự hoàng nói ra, để rõ trào nhà Lê bấy giờ kén người đi Thuận-hóa lại khần-nhu lắm, nên Quốc-công xin đi chính là gặp dịp, mà chúa Trịnh cho đi, tuy là ý lời bà phi nói, nhưng cũng có ý mượn tay tướng Mạc để trừ Quốc-công, cho khỏi mang điều nữa, chớ không phải là thờ n-thảo gì, nên bà phi vẫn ngại thay cho Quốc-công lắm.

hoàng bừa trước Quốc-công tâu xin đi Thuận-hóa tôi chỉ e trong dạ bất-bình, nhưng xét ra thì thật là một người mải bước công-danh, vả chừ nghe trong đó tướng Mạc tung-hoành, rứa xin cho Quốc-công vô Thuận-hóa (1).

Vua Lê rói y lời tâu cho Quốc-công vào Thuận-hóa: — A Quốc-công ơi Quốc-công, trẫm nghe xứ Thuận-hóa, là một trường nhung mã đột-xông, chừ quan Thái-sur đã tâu, rứa trẫm đem chốn đó mà ủy cho Quốc-công, âu nên phải hết lòng quân-quốc, nghe.(2)

Quốc-công đừng tâu xin vâng mệnh: — Dạ dám tâu Tự-hoàng, Tự-hoàng dạy xứ Thuận-hóa là một nơi nhung-mã xung-tràng, rứa chừ tôi vâng mệnh Tự-hoàng, việc quân-quốc dám quản đàng hiểm-trở. — Giôn: Vạy kính chừ vạ-an đòi chừ. — *Vĩa nam binh*:

Kính chừ vạ-an đòi chừ,
Đặng lui về sắp sửa quân-nhung.
Sáng soi nguyệt có vầng hồng,
Thệ sự tỏ hết tấm lòng sắt son (3).

(Vua Lê nói bãi triều, cùng hạ)

Quốc-công ra bạch (sắp vô Thuận-hóa, gọi phu-nhân công-tử ra nhủ): — *Hường*: Trời cao muôn dặm, biển rộng ngàn trùng, — *tán*: tôi vốn Nguyễn

Quốc-công, theo vua cha tự thuở ấu-trùng. — *Hường*: bước mấy vòng gian-hiêm, lòng hai chữ hiếu-trung: khi trao gươm đẹp giặc, khi mài đá ghi công. — *Ngâm nam-binh*:

Chớ trái bao đua đua tang-bồng,
Hàng hãm thét gió bóng rờng tuôn mẩy.
Tôi con ngãi nặng ơn dày,
Sá nề bề bực non tây ngãi-ngung.

Đừng nói tán: Rứa mà chừ tôi nghe tin Thuận-hóa, — *thét*: là một chốn trời Nam then khóa, — *giôn*: bởi vì lúc sóng cồn gió cả, — *Vĩa tiếp nam-binh*:

Vì lúc sóng cồn gió cả,
Dây non Hoàng rộ-rã kiến ong.
Cần đai tâu trước bệ rồng,
Quyết đem chẵn gối lộn vòng công gai.

Gọi: Quân, troàn chừ-tướng sửa bộ hành-trang, và vô mời phu-nhân với công-tử, ra nhủ dây mơ (4).

(*Quân dạ dạ. Quốc-công vào ngồi*).

Phu nhân bằng con dất công-tử ra bạch (rời ra hầu Quốc-công): — *Than*: Ới than ơi! — *hường*: gái có chồng như rồng có vây, con có cha như nhà có nóc, — *tán*: Tôi phu-nhân, — *hường*: xưa cùng Nguyễn Quốc-công kết tóc, dặng gia-nhi dặng mấy chàng công-tử con thơ, — *tán*: rứa mà chừ tôi nghe Quốc-công, — *thét*: vì nước

(1) Trước tả chúa Trịnh: giờ tờ tâu không cho Quốc-công đi Thuận-hóa, đây tả chúa Trịnh cầm tờ tâu xin cho Quốc-công đi Thuận-hóa, ba việc chính là phản-đối nhau, nên tả chúa Trịnh nói đến việc ngày trước vì có nghĩ Quốc-công có ý bất-bình, nên tâu không cho, nhưng việc ngày nay xét ra vì có Quốc-công chỉ là người mải lập công-danh, và lại phải tướng Mạc cường-ngạnh, khẩn không có ai địch-trủ, thì nên tâu cho đi, lằng-lằng nói có ngàn lẽ, không lời nào là không phải, thế mới ra giọng quan Đại-thần, chuyền-vát lòng vua như trục cửa, đóng mở chiều nào cũng được.

(2) Đây tả vua Lê Tự-hoàng nghe chúa Trịnh tâu, ngài y cho Quốc-công đi Thuận-hóa, nhưng lại lấy xứ Thuận-hóa ủy trao cho Quốc-công được tiên-nghi làm việc quân-quốc, tức là ngời cửa khở phó mặ: quan tướng-quân chủ đó, lẽ mệnh tướng nên như thế mới phải.

(3) Đây tả Quốc-công đã chịu mệnh rồi, lui về sắp-sửa thệ-quân như vậy.

(4) Đây tả Quốc-công khi sắp đi thuận-hóa, nhân nói lai-lịch mình từ thuở bé đến khi đẹp giặc gọi công, vua tôi gặp-gỡ, vả ơn ngãi nặng dày, không dìm quản gì xa hiêm, nay nghe Thuận hóa là một nơi then khóa cõi trời Nam nước nhà vì gặp lúc loạn-lạc, nên lủ kiến ong quấy rối, nay ngài quyết tâu vua Lê, về đem cả gia-quyển vô đó, vạy truyền chừ-tướng sắp-sửa hình-trang và mời phu-nhân công-tử ra bảo.

non không quản gió mưa, quyết cuốn chiếu dựng cờ vô Thuận-hóa
— *ngâm*: khăng - khăng một dạ, rủ chim ngàn ngậm đá lấp khơi, — *tán*: rửa mà tôi cùng Quốc-công thề quyết nặng lời, chỉ sá quân biển trời mây nước. — *thét giõn*: chỉ hiềm nổi vòng qua-kiếm ngại-ngùng trăm lược, —

Via nam-thương:

Qua-kiếm ngại-ngùng trăm lược.

Bước thêm hoa một bước một điu con.

Hai tay đất-diu đàn con,

hàn: ời công-tử ời, con đi mau lên mẹ dợi, — *Ngâm*:

Quần đau khúc ruột bước giõn gót chân.

Vào nói: Dạ dám bẩm, tôi phu-nhân ra hầu (1).

Quốc-công ngồi nói: — A phu-nhân ời phu-nhân, — *thét liên-châu*: ta thờ vua hết đạo tử-thần, sá quân chi nam-bắc xa gần, phu-nhân về thu xếp gối chẵn, bỗng con nit ta cùng vô Thuận-hóa. — *Ngâm nam-bình*:

Chữ nước non xa các bề rừng,

Hãy đem thoa xuyết đỡ-dần kiếm cung (2).

Phu-nhân đứng nói có ý ngại vì con bé: — Dạ dám bẩm Quốc-công, chữ Quốc-công dạy thiệp cùng vô Thuận-hóa. — *Giõn Rửa* như thiệp đã đành phận liễu-bồ giống-giả, — *via nam-thương*:

Đành phận liễu-bồ giống-giả,

Sá quân vòng nhưng-mã gian-nguy.

Chỉ hiềm một lũ gia-nhi,

Vòng quân đất-diu đàn đi ngại-ngùng (3).

Công-tử đứng nghe rồi bẩm (4): — Dạ dám bẩm Quốc-công cùng phu-nhân, chớ nay phu-nhân dạy chỉ vì con mà đất-diu ngại-ngùng rửa như con thiết-tướng: — *thét hương*: Có trải bước non sông, mới là nhà dòng-dõi, hưởng chi cha con vô Thuận-hóa là một nơi thiềng vàng vách đá, cũng như chim dặng tổ hồ về rừng, chứ quân chi mà quần (5), Dạ thưa mẹ. — *ngâm nam-bình*:

Chờ quân chi non nước khơi chừng,

Cuim ngau tận tổ heo rừng tìm hang.

Quốc-công ngồi nói (giục phu-nhân cùng công-tử cùng đứng dậy sang chào bà Trịnh-phi Ngọc - Bao): — A phu-nhân, nghe như con nói là phải, rửa phu-nhân đem con cùng ta sang chao bà phi, chứ đó mà đi cho dặng — *Đứng ra via nam-xuân*:

Chữ đó cùng đi cho dặng,

Về sương mờ muốn rặng bên sông.

Nước nou thu xếp một gòg,

Đem tình quần giặt giải lòng vẩn-vương (6).

Phu-nhân ngâm tiếp nam-xuân:

Ngàn uoa vừa róc chồi sương,

Lòng quê dằng-dặc bước đường xa xa.

Công-tử ngâm tiếp nam-xuân:

Một lòng vì mẹ vì cha,

Vì non vì nước vì nhà băng-khuàng.

(Cùng hạ)

(1) Đây tả phu-nhân nghe thấy Quốc-công sắp đi Thuận-hóa và đem cả gia-quyển cùng đi, vậy ra nói lai-lịch và quân-ngai cho Quốc-công với mình, vì sự đó là gian-hiềm lắm, nay Quốc-công vì non nước không quản gì gió mưa mà quyết đem cả gia-quyển vô đó, thì cũng không khác gì rủ chim ngàn ngậm đá lấp bề, cứ như phu-nhân thì cũng đành, nhưng nghĩ đến chốn giặc-giã, mà đàn bà con trẻ đất-diu thì lại càng ngại quá, là tình như vậy.

(2) Đây tả Quốc-công như phu-nhân nói non nước xa các, tay cung-kiếm phải có người thoa-xuyết đỡ-dần mới được, nên phải cho gia-quyển đi.

(3) Đây tả phu-nhân nói Quốc-công dạy đi thì mình cũng xin đi, nhưng chỉ ngại vì các công-tử còn bé, mà vòng quân đất-diu, đường-sá xa-xôi thì ngại-ngùng lắm.

(4) Công-tử sau làm Thụy-quân-công, tức là Sĩ-vương về hậu-triều là Hi-tôn hoàng-đế.

(5) Kể Quốc-công bấy giờ đã có nhiều công-tử, nhưng mới có một công-tử trưởng đã hiểu biết mọi lẽ, nên đứng bẩm như vậy, là sớm đã có khí-phách lắm.

(6) Đây tả Quốc-công nghe công-tử nói, có ý vui lòng, nhân cười mà như bà phu-nhân đem công-tử cùng sang chào bà Trịnh-phi, khi bấy giờ nghe đồng-hồ đã tích-tắc nhiều tiếng, bóng mặt trời đã cao, ghình-gồng đã xếp, nhân nghĩ tình vợ con quần đất, lòng chi em vẩn-vương mà Quốc-công lại càng bồi-hồi dan-diu lắm.

Bà Trịnh-phi ra bạch rồi cùng Quốc-công phu-nhân tiễn biệt : — *Hương* : Non nước trở mấy lần mây bạc, chị em xan một giọt máu hồng. — *tán* : Tôi Trịnh-phi là chị Quốc-công, rứa mà chừ nghe Quốc-công đem phu-nhân cùng công-tử đều vô Thuận-hóa, rứa tôi kiếm một chén ra tiễn-biệt, dễ dãi lòng em chị nên chăng, — *ngâm nam-xuân* :

Chờ xa bao non nước ngập-ngừng,
Cây ngàn quẩn rẽ cỏ rừng vương dây (1).

Quốc-công đem phu-nhân cùng công-tử ra chào — *Đa* dám bẩm chị, em chừ đã nhờ quan Thái-sư, ngài tâu đặng cho vô Thuận-hóa, rứa xin đem phu-nhân cùng công-tử sang chào chị (2).

Trịnh-phi ứng nói : — Ới Quốc-công ơ, ới phu-nhân ơ, xin mời quốc-công ngồi, xin mời phu-nhân ngồi, rứa như chị nay. — *Ngâm nam-thương* :

Trông xem đủ mặt một nhà,
Này là em ruột này là em dâu.
Hai em hỏi trước than sau,
Chưa vui xum-hop đã sầu chia phôi.

tán : rứa chừ chị xin chuốc một chén tiễn-biệt, xin Quốc-công cùng phu-nhân

tổ lòng cho chị. — *Cầm chén rượu chuốc, ngâm nam-xuân* :

Chờ tiên đưa một chén quan-bà,
Cũng là thân-thích ruột già chờ ai.

Quay ra trông công-tử nói : Ới công-tử ơ! rứa con cũng theo thầy mẹ con vô Thuận-hóa như con. — *Ngâm tiếp nam-xuân* :

Con hãy đón ngồi,
Rứa mà cô nghĩ rằng ai vô-tình.

Đình nói tán : Hay là con ở lại với cô xứ Thanh-hóa thôi con ?

Công-tử nói : — *Đa* bẩm cô, con chỉ thích đi Thuận-hóa, nó có những cái núi cao rừng to bề lớn, chả thích hơn Thanh-hóa à, rứa con cứ đi Thuận-hóa với thầy mẹ con, rứa là con thích.

Trịnh-phi quở và ngâm nam-xuân : — *Xi*,
Trẻ con đã biết dẫu mà,

Dặm ngàn nước thăm non xa ngại-ngùng.
Quay ra Quốc-công cùng phu-nhân nói tán :
Rứa chừ Quốc-công cùng phu-nhân công-tử lên dưng, gọi có chút hành-tấn đưa chân, xin phu-nhân quản-nhận cho chị rứa (3).

Phu nhân nói : — *Đa*, thưa chị, chị cho hành-tấn, rứa em xin quản-nhận. —

(1) Đây là bà Trịnh-phi nghe Quốc-công sắp vô Thuận-hóa, nên sắp làm một tiệc rượu tiễn ra chốn trường-đình thấy những ngàn cây rừng cỏ quẩn vương như vậy thì tình chị em lại càng cảm-đông lắm.

(2) Đây là Quốc-công nói đặng vô Thuận-hóa, cũng là nhờ ơn chúa Trịnh tâu cho, mà chúa Trịnh tâu cho, cũng là nhờ ơn bà phi nói cho, vậy nay đem gia-quyển sang chào chị rồi đi.

(3) Đây là Trịnh-phi khi ra trường-đình tiễn-biệt, mời Quốc-công cùng phu-nhân ngồi, than-thở nầy trông đủ mặt nhà em ruột em dâu, rồi xum-hop không mấy đã chia-phôi nầy, vậy chuốc chén rượu đưa tiễn, khi chuốc rồi, chợt quay thấy công-tử đứng bên, thì bà phi lại bảo công-tử ngồi, nói tình cô cháu và muốn diu công-tử ở lại Thanh-hóa với mình, nhưng công-tử nói có khí-phách muốn đi Thuận-hóa, nên bà phi lại nói gạt đi rằng, trẻ con chưa biết dẫu mà đã khí-phách như thế, là vì dẫu xanh tuổi trẻ chưa biết ngại-ngùng, chừ đường xa dặm thẳng, cô lấy làm ngại-ngùng cho lắm, nhưng con đã muốn đi theo thầy mẹ con thì cô cũng không có lẽ giữ vậy; bà phi lại nói đến hành-tấn đề đưa chân Quốc-công cùng phu-nhân công-tử lên đưng, mà bà phu-nhân đứng lên quản-nhận cả, là vì tay bõm chìa khóa cốt ở đàn bà, Quốc-công đem phu-nhân đi là cũng cốt việc nội-tướng như vậy. nên bài này chợt tả bà Trịnh nói, chợt tả công-tử nói, chợt lại tả phu-nhân đứng nói quản-nhận hành-tấn, phải như thế mới hết lẽ.

Ngâm nam-thương từ-biệt :

Chữ đoan-tràng thay lúc phân-ký,
Giot rơi thấm đá tơ chia rủ tấm (1)

Quốc-công đừng nói : — Rứa xin chi
trở lại, dặng cho em lên đường. (Quốc-
công phu-nhân và công-tử cùng chào,
hạ.)

*Trịnh-phi đứng trông theo, ngâm
nam-thương :*

Chớ hề ngoài mười dặm tràng-dinh,
Lôi-thôi bờ liễu mấy cảnh dương-quan.
Nỗi riêng riêng những bàn-hoàn,
Trông chừng đã khuất mấy ngàn dâu xanh (2)

Quốc-công ra bạch (đi Thuận-hóa) :
— *Hương :* Gươm đàn nửa gánh, non
nước một gòng, — *tân :* Rứa ta nay
vâng mệnh cửu-trùng, cuốn gói chẵn
vào lớp gai chông, — *hương :* gót iêng-
hùng đã ruổi bước non sông, tay qua
kiếm phải lộn vòng nhung-mã. — *Gọi :*
Quân, troàn chur-tướng sắp vô miền
Thuận-hóa, a, — *ngâm bắc-tầu-mã :*

Trơ-trơ vách đá,
Con ngựa hồng đạp phá non mây ;
Dặng-dặc ngàn cây,
Lá cờ thấm xa bay dặm gió.

Sắp đến cửa biển, quay lại trông
kinh-thành Thanh-hóa, *hỏi :* Quân, chớ

đây đã tới cửa biển chưa ? — *thét :* Rứa
trời cao mấy trượng, biển sâu mấy
trùng. — *Ngâm nam-bình :*

Uở xa xa đứng lại mà trông,

hân : Kia như đô Thanh-hóa hầy còn
trông dặng. — *ngâm :*

Cao cao lằng khuyết cách chông năm mây.
Cánh hồng trời Việt xa bay.

Mền ngành lê với hoa gầy đoái trông (3).

*Phu-nhân bỗng con đi theo gọi
Quốc-công và giục công-tử :* — *Ới
Quốc-công ơi ! — ngâm nam-thương :*

Quốc-công đợi với tôi cùng,

Chớ ai đem hoa hột lộn vòng quan-san !

Gọi : *Ới công-tử ơi ! con đi mau lên mẹ
đợi a con (4).*

Công-tử bầm : — Dạ, bầm mẹ, con
chỉ muốn trèo lên tit cái đỉnh đèo non,
mà trông xem cái dãy rừng Ngang và
cái biển lớn, nó bát-ngát, bát-ngát ra
thế nào. — *Ngâm nam-xuân hỏi :*

Chớ non tê ai đắp mà cao ?
Sông tê biển nọ ai đào mà sâu ?

tân : Rứa dạ, dám thưa mẹ (5).

Phu-nhân quở : Này, cái đó là trời
sinh ra rứa a con, chớ ai đắp đào cho
dặng (6).

(1) Đây tả Quốc-công khi xong rượu tiễn rồi, đứng thay mặt cả phu-nhân và công-tử mà chào bà phi trở lại, nhân nói thương-biệt như thế, kể bậc anh-hùng từ trước vốn không có nước mắt thương-biệt, nhưng bà Trịnh-phi với Quốc-công ân-ái chu-chí như thế mà đây vì cảnh nhà phải đi xa-xôi cách-trở, thì dầu đá cũng phải mềm-hôi nữa người, vậy câu thương-biệt đó cũng là tình-cảnh nên vậy.

(2) Đây tả bà Trịnh-phi từ chốn tràng-dinh về cung, vẫn còn quay lại trông đường biệt-lộ.

(3) Đây tả Quốc-công nói mở đường đi Thuận-hóa trước từ đường bộ nói bắc-tầu-mã rồi đi tới cửa biển ngài còn quay lại trông cửa khuyết cung dinh Thanh-hoa, vậy biển-vân nói một cách hồi-ba để tỏ lòng son luyện khuyết, một bước không quên vua.

(4) Đây tả bà phu-nhân vừa đi vừa nói trước gọi Quốc-công đợi, nói vì chông mới phải đem hoa hột lộn quan-san, để rõ là đi đàng rừng núi khó-nhọc ; sau giục công-tử đi mau để rõ là con thơ quán-quít.

(5) Đây tả công-tử lớn thấy bà phu-nhân gọi giục đi mau, nhưng ngài còn tuổi trẻ măng chơ, chỉ trông thấy núi rừng sông hồ mà thích, và toan trèo cao trông xa, lại đem câu ngạn mà hỏi bà phu-nhân như vậy, là khi-phách to-tát lắm.

(6) Đây tả bà phu-nhân nhủ công-tử cho biết lẽ trời sinh, rồi giục cho đi mau, sau lại gọi Quốc-công đợi con cho càng rõ là dan-diêu, và đoạn này cùng đoạn trên đây cùng một thể văn, chỉ biến thể trước sau, trên dưới, vợ chồng, cha con, cho đủ tình đủ lẽ, nên đoạn trên phu-nhân trước gọi Quốc-công đợi mình, sau gọi công-tử, đoạn này trước gọi công-tử sau gọi Quốc-công đợi con, vẫn cùng mà thể biến khác cả, thể mới đủ rõ được một nhà quán đất.

Quốc-công đứng nói (tới cửa biển, giục phu-nhân đi mau tới thuyền) : — A phu-nhân, chớ đây đã tới cửa biển rồi, phu-nhân giục con đi mau lên. — *Ngâm nam-bình* :

Chứ long-lanh ngấu nước in trời,
Đầu răng vượt bề ra khơi quãng gì.

— *Tán*: Chứ như ta nay. — *Ngâm* :
Sao bằng riêng một biên-thủy.

— *Hàn*: Rửa chừ chúa Trịnh còn
buộc mình sao dặng. — *Ngâm* :
Quan-sau ngàn dặm thê-nhi một đoàn.

— *Gọi*: Quân, đón phu-nhân công-tử
lên thuyền, toàn thủy-thủ vượt miền
An-Việt (1). (*cùng xuống thuyền*).

Thủy-thủ hát hò-dò giọng Huế : —
Nước đục lờ-lờ dò khoan), rửa đương
con nước đục (khoan dò khoan), nước
đục lờ-lờ (dò-khoan), cầm sào đợi nước
(khoan dò khoan) rửa bao chừ nước
trong (dò khoan), thuyền - quỳên
(khoan dò-khoan) vì biết iêng - hùng
(dò - khoan), dọc ngang trời rộng
(khoan dò khoan); rửa vẫy-vùng biển
khơi (dò khoan), rồi đây (khoan dò
khoan) rửa một vực một trời (dò
khoan), âu lòng biển rộng (khoan dò
khoan), rửa sông dài thanh-thanh (dò
khoan, khoan dò khoan). — *Nói* : dạ dám
bầm, đây đã tới An - Việt, dặng chừ-
tướng đồ thuyền lên bộ (2). (*cùng lên bộ*)

Quốc-công đứng bạch (tới Thuận-
hóa đồn dinh hạ trại ở làng Ái-tử và
Phú-xuân) — *Hương* : Bến nước trong
như lọc, đây cỏ mọc còn non, trên
rừng hồng chuốt vàng tuôn, dưới biển
bạc xanh còn biếc cuộn. — *Thét giòn* :
Rửa non nước vì ai xếp dọn. — *Via
nam-xuân* :

Non nước vì ai xếp dọn,
Riêng một buồng gió đón mây đưa,
Non Hoàn một dải tuôn mưa.
Nước non trời để đợi chờ ai chẳng (3)

Đừng hỏi: Quân, chừ bên ni là đàng
mô mà bên tê là đàng mô ?

Quân thủy-thủ nói : — Dạ dám bầm,
bên ni là làng Ái-tử, huyện Võ xương,
bên tê là làng Phú - xuân, huyện
Hương-trà.

Quốc-công nói : — Nay, coi phong-
cảnh đẹp hẳn rằng rửa. — *gọi* : Quân,
toàn chừ-tướng đồn dinh hạ trại, dặng
ta sẽ sửa thiềng lập ấp, nên chăng ? —

Ngâm nam-xuân :

Quần bao non nước khơi chừng.
Vượt ngàn lấy đá lặn rừng ta đồn cây (4)
(*Hạ màn*)

(Còn nữa)

NGUYỄN THỨC-KIỆM

(1) Đây tả Quốc-công khi thoát tới cửa biển giục phu-nhân đi mau tới thuyền, bấy giờ trông thấy trời biển rộng-rãi, có ý như rờng ra khỏi ao, không bị ai lung-lạc được nữa, đã có ý riêng chiếm giang-sơn một cõi, thoát khỏi tay chúa Trịnh bó buộc, vậy nói với phu-nhân như vậy rồi truyền mời tới thuyền vượt biển.

(2) Đây tả người nói dặm dò, nói nước đục lờ-lờ, là vì nhà Lê đương lúc Trịnh Mạc, cầm sào đợi nước bao giờ nước trong, là nếu Quốc-công cứ ngồi yên ở Thanh-hoa, thì bao giờ non nước thanh-bình được, thuyền-quỳên mới biết anh-hùng, là nói có phu-nhân mới biết Quốc-công mà cùng đi Thuận-hóa, dọc-ngang trời rộng vẫy-vùng bề khơi, là nói rầy không phải chúa Trịnh bó buộc được nữa. Đó tả người dặm dò, mà ngụ khi-phách Quốc-công cả, đề rõ ý quân-lin của Quốc-công, đây là bậc vũ-phu, nhưng cũng đáng làm con, thành phúc-tâm cho công hầu cả, nên cũng hiểu ý Quốc-công, vậy nhân lúc dặm dò mà nói, chớ không phải người dặm dò tầm-thường.

(3) Đây tả Quốc-công thoát tới Thuận-hóa đứng trông núi sông rừng biển hoa cỏ một buồng gió mây đón nước, trông như lòng trời để dành cho mình một cảnh thú như vậy.

(4) Đây tả Quốc-công đến Thuận-hóa, trước lập dinh ở làng Ái-tử, sau sửa thành ở làng Phú-xuân, xe cỏ áo lam mở rừng vỡ núi, thật là cần-mẫn lắm.

TIÊU-THUYẾT

CHÔNG TÔI

Phong-lưu diêm-sử

(Tiêu-thuyết Tàu *Dư chi phu* 余之夫 của TỬ TRÂM-Á)

III

CHƯƠNG THỨ NĂM

*Quét ngõ rửa hiên khi đón khách,
Cầu thơ cuộc rượu hội tiêu-hàn.*

Mi-quân khi ở Thạch-mai Tề-công-từ, từng có ước với Tiêu-Sơn Trúc-sĩ ngày hôm sau làm một tiệc tiêu-hàn-hội ở trong Ưu-lam-hiền của mình; khi ấy Tử-Dã còn vắng mặt, sáng ngày hôm sau, Mi-quân liền viết một cái thiệp, sai người nhà vào thành đi mời Tử-Dã. Ngày hôm ấy là ngày mười hai tháng chạp, Mi-quân trở dậy sớm, bắt người nhà rửa hiên quét ngõ, bài-trí một cách rất thanh-nhã, đem một hũ trần-lưu đã hơn hai mươi năm chưa ở trong nhà ra, để dự-bị thết khách. Trúc-sĩ bắt đầu lại trước nhất, hai người ngồi nhàn-dàm với nhau đã một hồi lâu, tính giờ thì đã hồ đúng ngo, mà tiếng dầy Tiêu-Sơn với Tử-Dã còn tịch-nhiên, Mi-quân mười phần nóng-sốt mong đợi. Một chốc thấy Tử-Dã lại, vào đến trong hiên, hỏi ngay rằng: « Bắc Mi-quân hôm nay làm gì mà bày đặt ra một tiệc kiến đại-tân thế! Có phải là định thỉnh bác Giang Tiêu-Sơn đấy không? » Mi-quân nói rằng: « Chính thế ». — Liền đem mọi sự thú-vị đi thăm Tiêu-sơn ngày hôm trước, nhất-nhất nói cho Tử-Dã nghe, và trách rằng quái sao tiệc hội-hữu hôm nay, Tiêu-Sơn không thấy lại!

Tử-Dã nói rằng Tiêu-Sơn quyết không sai hẹn. Nói vừa xong, nghe xa-

xa ở ngoài ngõ có tiếng dầy đi, ba người ngó ra cửa hiên trông, thì đã thấy Tiêu-Sơn tiến vào chỗ trung-môn, ba người cùng chạy ra đón, thỉnh vào trong hiên. Trúc-sĩ thoạt tiên nói rằng: — Bác Tiêu-Sơn sao lại chậm mấy! làm phiền cho chủ-nhân mong-đợi. Nếu bác không lại, thì chúng tôi đều định thân-hành đến tận nơi mời bác. — Tiêu-Sơn liền tạ rằng: Chẳng dám, có đâu thế. — Mi-quân nói rằng: « Một chén rượu nhạt có là bao, phần bác phải đi xa, một bữa cỗ chạy ba quãng đồng, trong bụng tôi thật không lấy làm yển. — Liễu-Sơn liền-liền ngỏ lời khiêm-tốn. — Trúc-sĩ nói rằng: « Thôi các bác đừng nói những câu khách-thuyết lẽ-lối nữa, chốc nữa uống rượu, bác nào còn nói đến những câu lẽ-lối ấy, thì phạt cho bác ấy mười chén rượu thật dầy ». — Các người cười nói một trận rất vui-vẻ. Rồi Tử-Dã hỏi Mi-quân rằng: « Hôm nay bác có thỉnh ai nữa không? » — Mi-quân nói rằng: « Không, tôi vốn ít giao-du, bình-nhật vắng-lai, chỉ có bác với Trúc-sĩ hai người, hôm nay lại thêm được bác Tiêu-Sơn nữa ở đó, bốn người cũng đã là nhiều rồi. Nếu thỉnh thêm người tục-khách nào nữa lại đây, thì chỉ làm cho chúng ta mất thú mà thôi, chứ có ích gì. » — Trong khi bàn nói, trời đã đúng ngo, Mi-quân sai người nhà đem đồ rượu bày lên, các người đều vào ngồi chỗ tiệc rượu. Nhưng

Tiểu-Sơn ngồi thủ-tọa, rồi đến Tử-Dã Trúc-sĩ, ba người ngồi về khách-tọa, còn Mi-quân thì ngồi về chủ-tọa. Rượu dâng lên, uống được một vài lượt.

Trúc-sĩ nói rằng: « Uống rượu không chẳng thú, chúng ta nên xướng-khởi một cách gì để làm cách phi-tràng (1) thì mới thú. » — Mi-quân nói rằng: « Phải lắm! các bác định ra lệnh làm cách phi-tràng thế nào? » — Tiểu-Sơn nói rằng: « Cách phi-tràng nên thích-hợp về sự vui trong cuộc rượu, làm ra dung-dị quá thì cũng không thú, nếu làm ra gian-quân quá thì cũng chẳng thú. Chỉ nên làm ra ngời nào người ấy đều phải trầm-ngâm hoặc xúc-dộng, có nghĩ-ngợi một chút rồi cùng nhau điềm-duyet phê-bình, cuộc rượu biến thành cuộc thơ nho-nhỏ, thế là thú-vị hơn cả. » — Mi-quân nói rằng: « Ý tôi thì định rằng cuộc hôm nay là cuộc tiêu-hào, chúng ta bất-tất phải đặt thơ mới, xin cứ lấy trong cổ-thi, thơ Đường hoặc thơ Tống ra một câu, để dùng làm cách phi-tràng. Duy câu nào cũng phải có một chữ hàn, để hợp với tình-cảnh hôm nay, thế thì không phí-sự mà cũng dung-dị, các bác nghĩ thế nào? » — Trúc-sĩ bắt đầu tán-thành, Tiểu-Sơn với Tử-Dã cũng đáp-ứng, Rồi Mi-quân là chủ-nhân khởi-xướng trước, đọc lên câu rằng: « Thiên hàn hữu hạc thủ mai-hoa. 天寒有鶴守梅花. » Rồi rót rượu mời ba người uống. Thứ hai đến Tiểu-Sơn đọc câu rằng: « Môn đối hàn-lưu tuyết mãn sơn. 門對寒流雪滿山. » Rồi cũng rót rượu mời như Mi-quân trước. Thứ ba đến Trúc-sĩ đọc câu rằng: « Thiên-ý xung hàn dục phóng mai. 天意衝寒欲放梅. » Rồi ba người uống rượu của Trúc-sĩ. Thứ tư đến Tử-Dã đọc câu rằng: « Thiên-son

tuyết hậu hải phong hàn. 天山雪後海風寒. » Rồi ba người uống rượu của Tử-Dã.

Lượt thứ nhất xong, đến lượt thứ hai. Mi-quân lại bắt đầu khởi-xướng rằng: « Liêm ngoại xuân hàn tứ cầm-bào. 簾外春寒賜錦袍. » Trúc-sĩ đọc câu thứ hai rằng: « Tùng bách lãng hàn độc hậu điều. 松柏凌寒獨後凋. » Tiểu-Sơn đọc câu thứ ba rằng: « Cảnh văn hàn vũ khuyến phi-tràng. 更聞寒雨勸飛觴. » Tử-Dã đọc câu thứ tư rằng: « Tuyết diêm hàn-mai tiểu-viện xuân. 雪點寒梅小玩春. » Lại đều cất chén mời nhau uống rượu như trước. Rồi đem những câu cổ-tui của mọi người nhất-nhất phê-bình điềm-duyet, trong cuộc rượu rất là vui-vẻ lý-thú.

Cuộc rượu xong, bốn người đều dời chỗ tiệc rượu sang chỗ phòng trà, người nhà tiến trà lại. Mi-quân nói rằng: « Chúng ta hôm nay, nên làm vui lấy suốt ngày, thì-khắc hãy còn sớm, sao chẳng tìm lấy một phương-pháp nữa để làm vui. » — Trúc-sĩ nói rằng: « Chúng ta nên mỗi người làm lấy một bài từ-diệu, đề-mục là Tiểu-hàn-từ. » — Mi-quân nói rằng: « Chúng ta khéo khéo có bốn người, đề-mục bất-tất phải như nhau, chỉ bên cũng có liên-cái quan-hệ, như là xuân hạ thu đông, đông tây nam bắc chẳng hạn, tôi tưởng như thế thì mới diệu. » — Trúc-sĩ nói rằng: « Thế thì xuân-khue, hạ-khue, thu-khue, đông-khue, được không? » — Mi-quân nói rằng: « Được, nhưng chỉ vịnh khue-tình, thì dễ-dang quá, nên có hạn-chế một cách thế nào nữa, thì mới hay. » — Trúc-sĩ nói rằng: « Dùng thế hồi-vấn, thế nào? » — Mi-quân gật đầu, Tiểu-Sơn cũng lấy làm thú. —

(1) Cất chén rượu, đọc câu thơ, mời nhau uống, gọi là cách phi-tràng 飛觴.

Duy Tử-Dã nói rằng : « Tôi lâu nay không làm đến những lời khuê-tình diễm-lệ, huống-chi lại hồi-văn, tôi xin thú thực không làm nổi. » — Trúc-sĩ nói rằng : « Bác là tay lão-luyện về nghề thơ-từ bác không làm nổi, ai làm nổi, tôi khuyên bác cứ phá-giới làm thơ khuê-tình, nếu bác không làm, chẳng hóa khiến anh em một-thú cả ư? » Tử-Dã cười, nhận lời. — Trúc-sĩ hỏi rằng : « Đầu-dề nên dùng phép gì để chia nhận? — Mi-quân nói rằng : — « Tôi đã có phép. » — Liền đem một cái ống bằng trúc, trong ống cắm đầy những thẻ, thẻ viết các thể từ-diệu. Mi-quân lấy tay rút lấy một thẻ, thì là điệu *Bồ-tát-man*, bốn người đều dùng về điệu ấy. Rồi làm bốn thẻ khác, viết bốn cái đầu đề, bốn người lần-lượt rút thẻ. Mi-quân rút được thẻ « đông-khue », Tiểu-Sơn « xuân-khue », Trúc-sĩ « thu-khue ». Còn một thẻ « hạ-khue », danh là của Tử-Dã, mà trong bốn cái đầu đề, chỉ hạ-khue là khó tả nhất. Khi ấy ở ngoài hiên có một cây mai vừa nở hoa, một trận u-hương, thời-thời thoảng gió đưa vào. Ba người trước sau đều xuống chỗ đình-giai, đứng vây xem hoa mai, bồi-hồi ít lâu, người nào người ấy đều nghĩ-ngợi cấu-từ, rồi lại tiến vào trong hiên. Lúc ấy thì khắc đã thuộc về thân-mặt Dậu-sơ, Tiểu-Sơn nói rằng : « Trời đã chiều rồi, các bác làm văn thành chưa? » — Mi-quân nói rằng : « Thành cả rồi, nhưng xin cứ theo thứ-tự xuân hạ thu đông mà đọc ra. »

Tiểu - Sơn phần xuân - khue đọc trước, đọc ra lời hồi-văn. (Điệu *Bồ-tát-man* cứ hai câu có hai vắn, đây dùng thẻ hồi-văn, đặt một câu thứ nhất, rồi đọc ngược câu thứ nhất ấy lên, thì thành câu thứ hai mà có vắn).

Lời rằng :

鳥啼聽却添人惱。

Điệu đề tình khước thêm nhân nảo,

惱人添却聽啼鳥。
Nảo nhân thêm khước tình đề điều,
 花落繞窗紗。
Hoa lạc nhiên song-sa,
 紗窗繞落花。
Sa-song nhiều lạc hoa,
 惜春因淚滴。
Tích xuân nhân lệ trích,
 滴淚因春惜。
Trích lệ nhân xuân tích,
 郎別久迴腸。
Lang biệt cửu hồi tràng,
 腸迴久別郎。
Tràng hồi cửu biệt lang.

Tử-Dã phần hạ khue đọc thứ hai.
 Lời rằng :

捲簾頻送微風暖。
Quyển liêm tần tống vi phong noãn,
 暖風微送頻簾捲。
Noãn phong vi tống tần liêm quyển,
 荷菱放清波。
Hà kỹ phóng thanh ba,
 波清放菱荷。
Ba thanh phóng kỹ hà,
 賞同誰盪槩。
Thưởng đồng thù đặng tương,
 槩盪誰同賞。
Tưởng đặng thù đồng thưởng,
 深院獨調琴。
Thâm viện độc điều cầm,
 琴調獨院深。
Cầm điều độc viện thâm.

Trúc-sĩ phần thu-khue, đọc thứ ba.
 Lời rằng :

井梧飄葉涼生影。
Ĩnh ngô phiêu diệp lương sinh ảnh,
 影生涼葉飄梧井。
Ảnh sinh lương diệp phiêu ngô ĩnh,
 樓過雁驚秋。
Lâu quá nhạn kinh thu,
 秋驚雁過樓。
Thu kinh nhạn quá lâu,
 薄情人爽約。
Bạc tình nhân sảng ước,
 約爽人情薄。
Ước sảng nhân-tình bạc.

多恨鎖織娥。
Đa hận tỏa liêm nga,
娥織鎖恨多。
Nga tiêm tỏa hận đa.

Mi-quân phần đông-khuê, đọc thử
tu. Lời rằng :

凍雲濃似人愁重。
Đống vân nùng tựa nhân sầu trọng,
重愁人似濃雲凍。
Trọng sầu nhân tựa nùng vân đống。
微雪作霏霏。
Vi tuyết tác phi phi,
霏霏作雪微。
Phi-phi tác tuyết vi.
懶將詩寄遠。
Lãn tửng thi ký viễn,
遠寄詩將懶。
Viễn ký thi tương lãn.
無語對紅爐。
Vô ngữ đối hồng lô,
爐紅對語無。
Lô hồng đối ngữ vô.

Bốn người thử - đệ đọc xong. Trúc-sĩ nói rằng : « Bài Hạ-khuê của bác Tử-Dã, câu khởi-bút đã điệu, câu thu-kết lại càng hay ; trong bốn cái đầu đề, chỉ cái đầu đề ấy là rất khó trước-bút, mà tả được nhập-tình, thật xứng-đáng là lão-thủ. » — Tiểu-Sơn nói rằng : « Bình-tâm mà luận, thì bài Thu-khuê của bác Trúc-sĩ là đệ-nhất, bài Hạ-khuê của bác Tử-Dã là đệ-nhị, bài Đông-khuê của bác Mi-quân là đệ-tam, chỉ bài Xuân-khuê của tôi là kém nhất. » — Mi-quân nói rằng : « Bác nói chưa đích-đáng, kém nhất là bài của tôi. » — Trúc-sĩ nói rằng : « Bài nào cũng đều có chỗ hay của bài ấy, thực không thể chia ra có ưu-liệt được. Chúng ta nên khắc lấy một bản *Tiểu-hàn-tử*, để kỷ sự cuộc hôm nay. » — Trúc-sĩ liền đối với ba người nói rằng : « Sáng sớm ngày mai, xin thỉnh ba bác lại chỗ biệt-thử tôi liêu-âm, lại cho sớm, xin đừng sai ước. » — Trong khoảnh-khắc tiểu-dâm, trời đã hoàng-

hôn. Tiểu-sơn với Tử-Dã cùng nhau một lối về, từ-biệt Mi-quân đi về trước, Trúc-sĩ cuội lưà về sau. Trúc-sĩ chuyển về này, sẽ dần-khởi một kẻ tuyệt-đại giai-nhân xuất-hiện ra.

CHƯƠNG THỨ SÁU

*Chiều trừ-tịch bạn hiền đưa rượu,
Tối thượng-nguyên cảnh tỉnh chơi trăng.*

Trúc-sĩ về đến biệt-thử, trời đã chiều tối, vừa tiến đến cửa, có ngay đưa gia-đồng là Thọ-nhi đón lấy lưà dắt đi võ-về yên-tri. Trúc-sĩ từ-từ tiến lên nhà thì nhà trong nhà ngoài chỗ nào chỗ ấy đều đã thắp đèn sáng suốt. Song chỉ tĩnh-tịch như tờ, mà không thấy phu-nhân Mộng-Tương. Trúc-sĩ mười phần quái-ngạc, liền chuyển qua sau bức bình-phong, thấy đưa tiều-hoàn là Xuân-Vân chạy lại trước mặt, nhân hỏi rằng : « Bà mày có ở trong nhà trong đấy không ? » — Xuân-Vân đáp rằng : « Hôm nay hồi quá-ngọ, có Tam-cô-nương bên họ Nhan sang chơi, bây giờ bà tôi với Tam-cô ở phòng đông-sương đương nói chuyện đấy. » — Trúc-sĩ nghe nói, mừng nói rằng : « Chẳng mấy khi Nhan Tam-cô lại chơi ; mấy hôm trước bà mày thường nói ra rằng nhớ Tam-cô lắm. »

Nguyên-lai, Nhan Tam-cô tên là Uyên, tự là Tiểu-ngọc, với Mộng-Tương phu-nhân là chị em bề họ ngoại. Họ Nhan là một họ có danh-vọng ở miền Hải-ngu, người thân-phụ là Cầm-Yêm là kẻ bảo-học túc-nho, người thân-mẫu là Trần-thị tài-đức kiêm đủ, sinh ra Tam-cô có tính thông-tuệ sớm.

*Kim-Loan tuổi mới lên mười,
Một thiên Tử-thạch đã người văn-tâm.*

*Huệ-Phi tuổi mới lên năm,
Tiểu-sơn chương nọ ai cầm phú nên.*

Kíp lớn lên thì :

*Xuất-trần một ả tố-nga,
Bồng-lai tiên-tử đầu mà đến đây.*

*Văn nhanh chữ tốt thơ hay,
Tiếng nữ-tiến-sĩ bấy chầy xón-xao.*

Chỉ tiếc thay !

*Vị tài cho mệnh nên oan,
Vị chưng cú đậu cho loan thiệt-thời.
Lại thêm tình chẳng chiều đời,
Cho nha ghét phượng cho người thị-phi.
Xuân huyên đã khuất bóng đi,
Một giây tiêu-thảo ai vì ai thương.
Chân tay nữ lỗi đạo thường,
Nghĩa đồng-cần để nên đường phân-ly.
Một mình vô-võ phòng khuê,
Vườn xuân oanh yến đi về những ai ?
Ngày trần áo cũng còn dài,
Yêu hương tiếc ngọc ai người tri-âm !*

Vi Tam - cô thừa nhỏ bỏ mẹ mất sớm, người anh là Ấu-Cầm đã hai mươi tuổi mà có vợ rồi, tài-sản của bố mẹ để cho vốn phong-phú. Ấu-Cầm tự khi bố mẹ mất đi về sau, dần-dà giao-du với những phường tôn-hữu, vào cuộc đồ-bác, nhiệm tạt phù-dung, như vậy đã kể mấy năm, nhân-tiền đã trông thấy vườn tốt ruộng tốt đều hóa ra tro. Tam - cô chỉ - khí hơn người, kiến-thức sâu-xa, thấy anh rông-rãi như vậy, biết rằng không liêu-cục cho gia-đạo được, hàng ngày hết sức khuyên-can. Hay đâu Ấu-Cầm là kẻ u-tối vô-tri-thức, không những không nghe lời Tam - cô, lại trách Tam-cô là đa-sự. Rồi trong anh em với nhau, cảm-tình nhạt đi, một ngày một sinh ra ác-cảm. Gia-chi-dĩ người chị dâu là Lưu - thị là kẻ xấu người, và xấu bụng xấu nết, bình-nhật vốn đố-ky Tam-cô tài cao sắc đẹp, so với mình thì vạn-phần mình bất-cập một phần. Nay thấy Ấu-Cầm với Tam-cô anh em bất-hòa, mới thừa-cơ đem-pha xui-xiêm. Ấu-Cầm thiên-thỉnh vợ, càng coi Tam-cô như cái danh ở trước mắt. Tam - cô thấy cái quang-cảnh chị bạc - đãi mình, nghĩ đến cha mẹ thì đã chết rồi, gia-nghiệp

thì dần-dà suy-bại, mà cái thân mình truy-lạc ở trong tay hai người ấy, tương-lai không biết kết-cục ra thế nào, thường thường xui-xút khóc một mình, mọi điều uất-ức không thể nói với ai được. Vợ chồng Ấu-Cầm thì chỉ biết tự mình lam-dụng cái gia-sản mà thôi, chứ cái chung-thân đại-sự của Tam-cô, có để đâu ở trong bụng. Tam-cô vẫn biết rằng trong gia - đình không thể cùng nhau ở lâu được. May sao, khi thân-phụ là Cầm-Yêm còn sống, có một người bạn chí-khế là Dịch-Tân-Khanh, vốn là họ nhà quan-trưởng ở thành Hải-ngu, hai nhà đi lại với nhau thân lắm. Dịch-Khanh phu-nhân là Lý-thị cùng với Cầm - Yêm phu-nhân ngày trước, cũng là bạn-hữu phi-thường, thời-thường lại chơi với nhau. Thừa Tam-cô lên năm lên sáu tuổi Lý-phu-nhân yêu Tam-cô minh-tuệ, thỉnh với vợ chồng Cầm-Yêm, nhận Tam-cô là nghĩa - nữ. Khi ấy Dịch-Khanh hiện cùng chức kinh-tào, Lý-phu-nhân nghe Tam-cô ở nhà bị anh với chị dâu ngược - đãi, lấy làm thương xót quá ngần, liền sai người đem Tam-cô đến nhà mình, rồi không phóng cho về nữa. Vợ chồng Ấu - Cầm mừng rằng nhân-tiền đã được thanh-tĩnh, cũng chẳng lại hỏi đến chi. Nhân thế Tam-cô mới yên tâm ở nhà Dịch-Tân-Khanh, ngày tháng nương-tựa với nghĩa-mẫu Lý-thị.

Ngoài ra Tam-cô còn có một người chị về bề họ ngoại, chính là Trúc-sĩ phu-nhân Mộng-Tương. Hai người vốn tình chí-thân, nên nghĩa mật-hữu : thừa còn nhỏ, khi huê-thủ ở trước hoa, khi đàm-tâm ở dưới nguyệt, thường ở với nhau một nơi. Về sau Mộng-Tương xuất-các đi lấy chồng, hai người vẫn dễ lòng tư-niệm nhau lắm. Mộng-Tương lại thương Tam - cô cảnh-ngộ trái-thường, thỉnh - thoảng đến chỗ Dịch-gia đem Tam-cô lại chơi, dễ tự-tình cũ. Nhân thế Trúc-sĩ được tiếp-kiến Tam-

cô mấy thứ. Tuy Tam-cô tính-tình cũ-chỉ, khác kẻ tầm-thường, song vẫn e có Trúc-sĩ không khỏi có ý ngại-ngùng, vậy khi nào lại chơi với Mộng-Tương, chỉ ở một đôi ngày, rồi lại đi ngay. Khi ấy Trúc-sĩ đi dự yến về, thì Tam-cô đã lại chơi được nửa ngày. Xuân-Vân tiến vào báo-cáo Mộng-Tương. Mộng-Tương dắt Tam-cô ra chào, khiến tiếp-kiến Trúc-sĩ. Ba người nhàn-dâm phút-chốc, gia-nhân bưng cơm tối lên, Trúc-sĩ đứng dậy, ra nhà ngoài ăn một mình. Mộng-Tương bồi-tiếp Tam-cô ăn cơm ở nhà trong. Ăn cơm xong, Trúc-sĩ lại tiến vào nhà trong, thông-dong đối với Tam-cô nói rằng : « Phen này đi Ba quá-bộ lại chơi với chị, nhất-định mời đi lưu lại ở chơi mấy ngày, chớ như mấy lần trước, vừa lại đã vội-vàng đi ngay. » — Mộng-Tương cười nói rằng : « Tại chủ-nhân lễ-y không được tận-thành, cho nên đi Ba không chịu ở lại chút lâu. » — Tam-cô đứng dậy đáp rằng : « Anh chị sao lại nói thế ! để cho em biết xử thế nào. Kẻ bạc-mệnh này đã bơ-vơ không có nhà mà về, đành ở đâu là yên chân đấy. Nếu anh chị chẳng hiềm-ngại gì, thì em ở đây đến mấy năm cũng được. Nhưng chỉ nghĩ rằng cái thân em đã là cái thân bấu-bình ở đời, sao nên lại đi làm phiền-lụy người khác. Và em lâu nay trong bụng nhiều mối ác-cảm, có biết sự gì là sự vui, khi xúc-phát đến, thì thường-thường chau mày sa nước mắt lúc nào không biết, người nhà anh chị thấy thế, tất cho là người quái gở. Xin rằng cứ cho em tự-tiện, năng đi năng lại là hơn. » — Mộng-Tương nói rằng : « Đi ở bên họ Dịch, chẳng có nét mặt buồn-rầu ấy ư ? Khéo lắm, đi chỉ nghĩ quanh nghĩ quẩn. Rút lại thì ân-tình chị em ngày trước, sao bằng nghĩa-mẫu ngày nay có phần ân-cần yêu-giấu hơn. » — Tam-cô kịp nói rằng : « Chị đừng day thế ! em với chị thân-thiết nhau

từ thuở nhỏ có thể nào sai lệch được tình-nghị hai chúng ta. Em sợ-dĩ không dám ở đây lâu, là vì . . . » Tam-cô nói đến đấy, rồi chợt nín bật đi, không nói nữa. Mộng-Tương biết ý, kịp đem lời khác nói ra chuyện khác. Sau Trúc-sĩ liền nói rằng : « Chỗ biệt-thử này của tôi, hiện là nhất-sơ thảo-sàng, mới làm được mấy gian nhà ở tạm. Vợ chồng tôi trong một năm nay hết lòng sửa-sang, chăm-chỉ giồng-giọt, hiện nay thủy, thạch, hoa, mộc, các cảnh đều đã bố-tri được hoàn-toàn. Còn mấy tòa đình tạ lâu-các nữa, tháng năm năm nay khởi-công, chờ đến tháng hai sang năm, nhất-định lạc-thành. Khi ấy thế nào cũng xin mời đi Ba quá-bước lại chơi, để làm một vị chủ-khảo phẩm-bình cho cái cảnh thú đình-tạ viên-lâm. » Tam-cô cười, đáp rằng : « Xin vâng lời. » Liền lại nói rằng : « Anh chị thật khéo xếp đặt sửa-sang, em đã đi dạo qua các chốn cả rồi, thật là không thiếu cảnh gì. Anh với chị hưởng-thụ cảnh này suốt đời, thật là trời cho cái phúc-phận lớn-lao. » Ba người ngồi nói chuyện, thì-khắc đã báo sang trống canh ba. Trúc-sĩ liền đem sự sáng ngày mai đặt tiệc mời khách nói cho Mộng-Tương biết, rồi đi ra yên nghĩ ngoài chỗ thư-phòng. Mộng-Tương với Tam-cô cũng lui về tư-phòng yên nghĩ.

Đến ngày hôm sau, Trúc-sĩ ở nhà dăng-dãi khách. Mi-quán Tiểu-Son trước sau đều lại. Chỉ một Tử-Dã sai người lại nói rằng hôm nay bận việc, không y-ước được. Nhân thế các người đều giảm phần hứng-thú, uống rượu ít lâu, rồi liền giải-tiệc. Khi ấy thời-tiết đã thuộc về trung-tuần tháng chạp, năm tàn cảnh kíp, người nào người ấy đều có bận-bịu việc riêng, hội thi-tửu vậy tới thời-kỳ lãnh-lạc. Tiểu-Son khi mới đến Hải-ngu, nguyên là qua chơi tam-trú, không định ở lâu, mà thi-

Từ nhân-duyên, lại tự-nhiên hội-hợp. Tiêu-Son vốn là người yêu tài như yêu mệnh, vui bạn như vui nhà. Nghĩ mình là một kẻ lưu-lạc, nơi chốn chứa chân, vốn không kén chọn. Mấy năm nay đông-bôn tây-lầu, nam-khứ bắc-lai, vẫn là bên trời góc bể, độc-vãng cô-hành.

*Câu hề đạo bước bảy chầy,
Lưng trâu chỉ những đeo dây túi thơ.
Mắt đời là mắt thờ-ơ,
Ngựa hay biết tướng bầy giờ những ai.*

Nay đến chốn này, không ngờ lại được mấy người ý-ngoại tri-kỹ.

*Tiểu-dàm trong cuộc ban-kinh,
So bề tân-thức vào tình cựu-giao.
Đời nay trộm hỏi đời nào,
Giết gà lưu khách phong cao hãy còn.
Hem tình đem mật đem gan,
Chén tôi chén bác bất-quan hình-hài.
Câu thơ nét chữ chơi-bời,
Mà đem tính-mệnh gửi người tương-tri.
Ví dù ta bước ra đi,
Cái thân hồ-hải định về nơi nao.*

*Ở đây cũng chẳng hẹp nào,
Cầu vẫn chén rượu tái-giao vui vầy.*

Nhân thế Tiêu-Son không tưởng đi nơi khác nữa, ở liền trong Tề-công-từ, yên tâm ở đó, để qua năm tàn. Độ ấy Tử-Dã vì cuối năm phải kết-thúc diêm-yụ, mang-bách nhiều việc lắm. Tiêu-Son sang giúp việc cho Tử-Dã, liệu-lý các việc xong, đến chiều hôm trừ-tịch (ngày ba-mươi tháng chạp) mới về Tề-công-từ, giữa chiều hôm trừ-tịch, Trúc-sĩ sai người nhà đem lại hai hũ trần-tửu, và tinh-mỹ thực-phẩm mấy thức, để làm đồ tu-liệu cho Tiêu-Son ăn tết. Tiêu-Son thu-nhận ước rằng xin đến sáng hôm nguyên-dán lại chỗ biệt-thữ diện-tạ. Tối hôm ấy tiếng pháo ở các nơi, ran-rĩ không lúc nào dứt, làm cho Tiêu-Son suốt đêm không ngủ được. Sáng sớm tức là ngày

nguyên-dán, Tiêu-Son trở dậy sớm, một mình đi ra mé tây thành, đến nhà Trúc-sĩ mừng tuổi và tạ-ơn. Trúc-sĩ mời Tiêu-Son ăn cơm, rồi cùng nhau đi ra chỗ phụ-cận mé tây-giao nhân-lãm tân-xuân phong-cảnh.

*Tưng-bưng mở mặt giang-son,
Mai già nhả ngọc liễu non rử vàng.
Nói sao xiết cảnh thiều-quang,
Hòa-phong quạt mặt huyền-dương đón
đầu.*

Chỉ thấy một bầu trời đất đều một cảnh xuân, muôn vật đều có cái tượng hơn-hở tươi tốt. Tiêu-Son tuy là kẻ lao-nhân ở đất khách, lạc-dạo cùng-sầu, song đối cảnh đẹp ấy, cũng bất-giác mở-mang được ý-chí, sáng-khoái được tinh-thần. Đến chiều, Trúc-sĩ lại muốn lưu Tiêu-Son về nhà làm cuộc văn-âm. Tiêu-Son từ-tạ rằng trời đã chiều, không tiện lưu liên, mới cáo-biệt tiến về thành. Trở về, thì Kiếm-nô đã hâm rượu sẵn để đợi. Tiêu-Son vừa uống rượu vừa ngâm - vịnh, để tiêu-khiển buổi xuân-thiên. Vịnh có câu rằng:

*Xóm đào ngô liễu muôn làng gấm,
Áo tía quần hồng một bể xuân.*

Năm là năm mới, ngày là ngày xuân. Hải-ngu là một xứ cô-thành, tuy chẳng bì được với những chốn phồn-hoa đại-dô-hội, song le cũng vạn hộ thiên-môn, cao nêu kều pháo, giai-nhân tài-tử, bạn-hữu rập-riù, quần áo như nôm, ngựa xe như nước, ví với ngày thường, đã bội-phần náo-nhiệt. Tiêu-Son bản-tính chán ghét những sự huyền-náo phiến-hoa. Đến khi ấy đóng cửa ở trong nhà, suốt ngày chỉ lấy sự ngâm thơ uống rượu để mình tiêu-khiển lấy mình. Ngày trời thắm-thoát, đã tới ngày rằm tháng riêng, ngày ấy là ngày tết Thượng-nguyên. Đêm hôm ấy cửa thánh xuất-nhập vô-cấm, người đi lai-vãng tự-do, cây lửa phun trời, quả sao tủa đất; hồng-nam lục-nữ, bạch-lầu

hoàng - đồng, rộn-rịp nhấp - nhoáng ở dưới bóng nghìn vạn ngọn đèn, vui mà quên về. Tiểu-Son chiều hôm ấy uống rượu hơi say-say, cho phép đưa Kiếm-nô được tùy - tiện đi chơi, vợ chồng Tùng-Linh cũng đã đi ra cả chỗ chợ thi đèn, trong đèn tĩnh-tịch như tờ. Tiểu-Son mới từ-từ bước ra mé hậu-hiên, thưởng cái cảnh nguyệt-sắc chỗ thâm - lâm. Lúc ấy chính là lúc một mảnh gương vắng-vặc ở giữa trời, vẻ ngọc tán ra bốn bên, trông ra cây, cỏ, nước, đá, đều có phận-ngoại tinh-thần. Tiểu-Son nghĩ bụng rằng đêm này là đêm tối, cảnh này là cảnh thanh, người ta không biết thưởng-ngoạn, lại đi vào chỗ khói hun lửa đốt, lục đầy hồng xó, đương lúc ấy cả một thành tiếng kèn tiếng trống hỗn - hợp với tiếng người, cái cảnh-tượng huyền-náo, biết đường nào mà kể. Nghĩ xong, liền ngồi xuống trên một tòa đá ở bên cạnh mình, ngửa đầu trông lên trời. Chỉ thấy một bầu thái-không, thanh-thanh tĩnh-tĩnh, chẳng chút gợn mây, mọi mối trần-lụy ở trong bụng, nhờ có bóng trăng soi thấu, tiêu-tán đi được hết, phảng-phất để thân vào chốn ngọc-vũ quỳnh-lâu. Lại nghe có tiếng suối róc-rách, tự trong núi tuôn ra, tiếng gió vu-vu, tự ngọn cây đưa lại, càng thấy thanh-hừng vô-cùng, nhân khẩu-chiếm một bài cổ-thi rằng:

*Trăng sáng một trời cao,
Muôn dặm mây thu-liêm.
Rừng sâu cảnh vắng teo,
Một mình ta thanh-lâm.
Gió hòa mặt suối nhân,
Hoa lĩnh mùi hương đậm.
Lòng ta riêng sở-cam,
Phồn-hoa há chẳng vui,
Xưa nay kẻ tri-nhân,
Thói tục thường không nhiễm.*

Tiểu-Son ngâm đọc dứt, chính đương chú-toàn-thần để ngắm cảnh

trăng. Chợt dằng sau chỗ thâm-lâm có một cái bóng đen đánh nhoáng một cái, Tiểu-Son khôn xiết kinh-di, đương định đi tìm mà nhận xem là cái gì. Chợt nghe có tiếng cười khanh-khách, chuyển - hiện ra một người. Tiểu-Son ở dưới bóng trăng nghiêng mắt nhắm kỹ, thì ra bác Trúc-sĩ vừa cười vừa nói, nói rằng: « Tốt thay sự thanh-hung! cách chơi kẻ cao-nhân, có khác với lưu-tục, người đều xem cảnh đèn, bác lại thanh - thanh lãnh-lãnh một mình xem cảnh trăng, thực đáng bảo rằng ả Hằng là tri-kỹ. Hôm nay gặp buổi giai-tiết, tôi cũng đi tìm thanh - thú đây. Mấy hôm nay tôi không được tiếp-kiến bác Mi-quân, tôi với bác nhân thừa cảnh trăng, ra chỗ bắc-thành, đi thăm bác ấy một cái, thế nào? » — Tiểu-Son nói rằng: « Phải lắm » Nói xong, hai người tiến về chỗ cửa sau Tề-công-từ. May đưa Kiếm-nô vừa mới về, Tiểu-son dặn-dò coi-sóc cẩn-thận, rồi cùng Trúc-sĩ cùng đi ra, tiện đường vào thăm Tử-Dã trước. Tử-Dã cũng cao-hung. Ba người vừa đi vừa nói chuyện, bộ-hành ra chỗ bắc-thành, một chốc đến chỗ nhà Mi-quân. Đến cửa ngoài, kẻ gia-dòng thấy khách, chạy ra đón. Tiểu-son hỏi rằng: « Tề-công có nhà không? » — Kẻ gia-dòng đáp rằng: « Thầy tôi đi vắng, vừa mới có một kẻ thân-thích lại chơi, rồi cùng tiến vào thành. » — Trúc-sĩ nói rằng: « Bác Mi-quân tuy đi vắng, nhưng tất không đi lâu, chúng ta thông-dong ngoạn-cảnh ở Ưc-lan-hiên nội-ngoại này một chút, để đợi Mi-quân » — Kẻ gia-dòng biết là khách thân, mới dẫn ba người tiến vào trong chỗ ngoại môn. Vừa mới đến chỗ trung-môn, thì thấy trong hiên Ưc-lan, đèn thấp sáng suốt, có một kẻ mi-nhân mặc lối đậm-trang, đương ngồi xem sách. Ba người cùng dừng chân lại, không dám tiến. Kẻ gia-dòng chạy lên trước, tiến vào trong hiên. Rồi nghe có tiếng

giày xanh-xạch, dường như vội-vàng lánh chạy đi xa. Đứa gia-đồng lại trở ra, dẫn ba người tiến vào trong hiên, pha trà hiến khách, ba người thông-dong âm-trà. Tiểu-Sơn bắt đầu trông thấy ở trên án sách dưới dáy nghiên, lộ ra một mảnh giấy, phẳng-phất có chữ đề, liền lấy tay cầm lên xem, thì là một bài từ-điệu mới đề, nét mực còn chưa ráo (1).

Điệu rằng :

Cảnh êm-ái chiều trời bạc-mộ,

Trận mây khai chợt lộ cung thêm.

Chị Hằng dù thấu tình em,

Xin đừng mưa gió giữa đêm hôm rằm.

Ngồi lẳng-lặng nhìn xem bóng nguyệt,

Một bầu trời một nét thanh-viên.

Cành mai đềm xuyết quanh hiên,

*Tướng xinh hơn vẻ Thượng-nguyên
thi đên.*

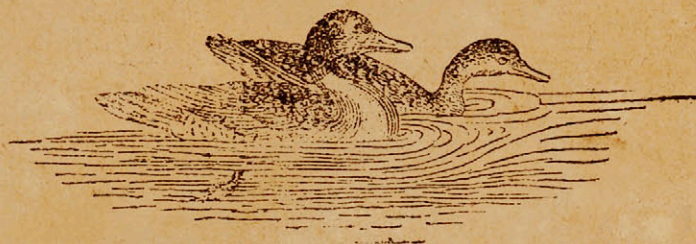
Trúc-sĩ với Tú-Dã hai người cũng ngó lại xem. Xem xong, lại đặt xuống y-nguyên chốn cũ. Khi ấy thi-khắc đã quá canh hai, mà Mi-quân còn chưa về. Ba người cùng bảo nhau đợi ngày khác sẽ lại đến thăm bác Mi-quân, rồi ba người cùng đứng dậy trở ra về. Trúc-sĩ bảo với Tiểu-Sơn rằng: « Kể mi-nhân

ban nầy chính là em gái bác Mi-quân, hiệu là Sáu-Hồng-nữ-sử. Thủ-bút bài từ-điệu mới rồi, chính là thủ-bút của Sáu-Hồng tài-bộ cũng không kém gì người anh. Chỉ khả-tích mệnh người ấy ví với người anh lại càng bạc lắm. Tôi không hiểu ông xanh xanh ý-từ thế nào, đem anh em hai người ấy, dường thua đầu xanh tuổi trẻ, một người làm chàng Phụng-Miến thương-tâm, một người làm cả Văn-quân độc-tức, một nhà mà hai khối hận về cõi tình-thiên. Sáu-Hồng năm mười sáu tuổi, nguyên cả chồng n trời bản-thành là Hàn Nghê-Tiên. Nghê-Tiên là kẻ niên-thiếu tài-hoa, cùng với tôi cũng là người bạn tốt. Ngờ đâu Sáu-Hồng vu-qui chứa đầy một năm, Hàn-Tiên đã vội tạ-thế. » — Ba người cùng than-tức một hồi lâu, rồi người nào đều tiện đường trở về nhà người ấy. Duy Tiểu-Sơn cao-hung còn chưa hết, còn muốn ở ngoài thành đi bô-nguyệt suốt đêm. Trúc-sĩ ngăn rằng: « Hôm nay tuy cửa thành ngỏ cửa suốt đêm, nhưng đêm khuya trời lạnh, chúng ta đi về nghỉ là phải ».

(Còn nữa)

TÙNG-VĂN dịch

(1) Phạm chỗ ập thẻ từ-điệu Tàu, tất dịch ra thẻ Ti-bá Chính-phu, khiến phổ cập về khúc-điệu Nam-âm.



VĂN - U YÊN

THƠ VĂN CỜ

XUYẾN-NGỌC-HẦU THI VĂN TẬP (1)

V

X. — Văn tế hậu

(Làm cho xã Ứng-thiên, huyện Chương-mĩ)

Nhớ bà thuở buông lan in chữ phận,
ba tòng càng tỏ dấu cân đai; cảm bà
cơn cửa liễu rối tơ duyên, một tiết
khôn lay lòng sắt đá.

Nết công-dung ghi mảnh đá Côn-sơn;
thuyền phúc-dức chở dòng sông Bát-nhã.

Người thích-thuộc muốn chiếu chần
cối thợ cửa từ hăng nêu chữ đồng-
nhân; buổi cơ-hoạn mong no ấm dân
trời, lượng bề sá đầu đường thực-hóa.

Duyên vắng-lai ơn trời đất đã đào;
lòng nguống-mộ dấu trẻ già cũng thỏa.

Chốn quyền-mẫu đắp bờ di-ái,
trời móc mưa cho năm cối mạo nghề;
miền hương-thôn tạc đá phối thần, gây
nền nếp để muôn năm hương hỏa.

Ngôi bắc trông sao vụ còn in; non
tây phút cảnh đầu đã ngã.

Tuần thượng thọ tám mươi lễ bốn,
những mừng thảy xuân-hoa xuân-vũ,
ngõ phát-phu còn lợi cái sinh-linh;
năm tân-mùi mừng chín tháng hai, ai
ngờ rằng vân-giá vân-hương, đem hài-
cốt trả về con tạo-hóa.

Tưởng cơ đầu bề những thêm buồn;
cảm đức non sông bao đượ trả.

Ồ! sương at chồi hoa; gió bay chiếc
lá.

Bốn mặt nom vào hàng liễu yếu,
tinh-tự kia; ghĩ sau trước đã dành;
nghìn thu trông lại nếp đình chùa, công-
đức ấy tưởng xưa nay ít có.

D³ xui lòng khách chốn dăm-dăm;
dễ khiến mạch sầu tuôn phá-phá.

Tử tính nay:

Tắc niệm bồi-hồi; hai hàng lã-chã.

Cảm cảnh kinh trời nghĩa đất, chuốc
ba tuần dâng trước mặt tuyền-hương;
tâm - thường rau Giản nước Hoàng,
làm một lễ gọi tẩm lòng đồng-xã.

XI. — Văn tế thầy tu chùa Đông-hoa

Than rằng; tu mà chẳng chót, giận
lòng thế-tục mơ-hồ; phúc dễ biết đầu,
thương mắt nhân-gian ngo-ngác.

Hình-tượng xưa gương thánh khôn
soi; dung-nhan ấy bút thần khó mạc.

Nhớ thầy xưa: lòng dốc từ-bi; đạo
xây chân-giác.

Ngăn thôi dữ phải tìm đường tế-dộ,
khơi dòng nước tĩnh rửa tham-dâm;
dem thân nhân mà nương cửa sắc-
không, đốt ngọn lửa từ soi thiện-ác.

Hoa dâng dải tỏ vẻ vô-trần; hương
cúng ngát lừng mùi bát-sát.

Mông-sơn bước chân đàn chần-tế,
giọng vàng đưa đầy dịp tiêu-thiền;
pháp-giới ra tay ấn khu-trừ, vẻ ngọc
lung-linh vàng tỏ nguyệt.

Mũ che tai đầu quán tiếng thị-phi;
tràng đeo cổ sá gần người đơn-bạc.

Tin-nữ gần xa đều ngóng cổ, chốn
kiều Đông đã khét tiếng già-lam; đạo-
tăng đầu đó cũng về đầu, miền thành
Bắc hết theo dòng y-bát.

(1) Xem N.-P. số 117.

Đường tu âu hãy mắng vui ; mùi đạo vốn còn khao-khát.

Những nghĩ một trăm dư tóc bạc, bút Tào sơn nhuộm-nhóa, dựng đàn-tràng chưa lấy chữ hà-xương; nào hay ba mươi tám xuân xanh, giấy Đầu mực pha-phôi, đem pháp-khi gửi về miền cực-lạc.

Tưởng hóa-sinh là vốn ở xanh vàng ; nên cầu khẩn chẳng tiếc gì tiền-bạc.

Xem cơ bệnh thấy một ngày một ngặt, kể nói ma thiêng người rằng nước độc, lấy thuốc bùa mong dất lối siêu-sinh; hỏi bói khoa còn nửa sợ nửa mừng, nay nghi phạt quả, mai ngỡ thần trêu, đem kinh kệ rắp làm đường giải-thoát.

Oan vì đầu hay tội đồ vì đầu ; xuân chửa trạc bông hoa thì đã trạc.

Ồi ! Ngươi lò phúc-đức, chừ vãi ngần-ngờ ; chiêu cốt từ-nhân, chúng-sinh xào-xạc.

Trong một kiếp khéo tu mà vụng hóa, thờ-than đã khắp trẻ cùng già ; ngoài hai tuần tổn của lại hư công, nuôi nấng lương phiến cô với bác.

Kiếp trầm-luân nghĩ lại những bàng-khuâng ; trên thế-giới ngắm xem còn chềch-mác.

Kìa phận bạc vẫn nửa chừng dai-dột, cơn li-biệt tấm lòng thăm-dát, đèn công trả nghĩa hãy ân-cần ; nợ tình thâm còn ba chút ngáy thơ, lúc di-lưu nước mắt ngập-ngừng, gây cửa dựng nhà xin ký-thác.

Sân rêu cỏ mọc trăm thức bề-bàng ; mẹ góa con cô một đoàn tan-tác.

Ngày sóc-vọng kẻ làm duyên làm phúc, kia thiên nợ khách, đau đớn nhĩ giở cầm thi long, giở tranh thi bụi, giở chè thi hủ, giở ẩm thi meo ; tiết thiêu-quang người dâng quả dâng hoa, ấy cảnh nào thầy, bát-ngát thay đề sa ai mặc, đề trống ai rung, đề hương ai thiêu, đề đèn ai gột.

Mỡ rù - rì khóc thảm dưới đèn ; chuông réo-róc kêu sầu trên gác.

Anh từ đấy thiếu người bàn mực thước, nấu thang buồn lửa hạ chất nồng nàn ; chị từ đây không kẻ tiến hương - đặng, ngừng giọt nhớ sương thu rơi lác-dác.

Đùn - đùn mạch thảm như khơi ; vắng-vặc bề sâu khôn tát.

Nào xiết kẻ dường quê nổi chợ, đám tiu-tiu thêm hồ chút người còn ; gọi là dâng thức nhạt mùi suông, niềm cảnh-cảnh ngộ thấu cùng kẻ thác.

THƠ CỤ YÊN-ĐỒ

1 — Đưa cho người làm mối

Tri-âm xin tỏ với tri-âm,
 Một tỉnh tỉnh tỉnh miệng lỗ lăm ;
 Nhấp-nhoáng hạt chai ngờ hồ-phách,
 Mơ-màng núc-nác nghĩ vàng-tâm ;
 Bắn tin bướm-nhạn hoa còn đỏ,
 Nghe nói vườn xuân sắc đã thâm ;
 Nhấn nhủ bà hàng đừng đóng ghế,
 Bầu non kia đã phải ong châm.

2 — Khuyên người lấy lẽ

Này hãy nín đi, hãy nín đi,
 Lấy chồng làm lẽ có can chi ;
 Tôi-đòi phận trước còn nhiều kẻ,
 Hầu-hạ duyên sau chẳng một đi ;
 Vì được sánh duyên người lịch-sự,

Còn hơn chính-thất kẻ ngu-si ;
 Dầu rằng cơm nguội nhà ngoài đó,
 Cũng đủ phong-lưu chẳng thiếu gì.

3 — Hỏa lò đun nước

Ngẫm xem hòn đất thế mà to,
 Đủ cả âm-dương đúc hỏa lò ;
 Thế vững tam-sơn chăm việc nước,
 Lòng thông thất-khiếu sạch màu tro ;
 Mặc người than-củ dả không lụy,
 Sẵn khách thang-trà chẳng có lo ;
 Khấp cả bốn mùa dư kẻ quạt,
 Phong-lưu trời đất đã dành cho.

4 — Cảnh tết

Năm ngoài năm kia đôi miệng chết,
 Năm nay phong-lưu đã ra phết ;

Thóc mùa thóc chiêm hầy còn nhiều,
 Tiền nợ tiền công chưa trả hết ;
 Trong nhà rộn-rịch gói bánh chưng,
 Ngoài cửa bi-bô rủ chung thịt ;
 Ta ước gì được mãi như thế,
 Hết tết rồi thì lại tết.

5 — Vào hè

Ai xui con cuộc gọi vào hè,
 Cái nóng nung trời, nóng nóng ghê !
 Ngõ trước vườn sau um những cỏ,
 Vàng phai thắm nhạt ngán cho huê ;
 Đầu cành kiếm bạn oanh xao-xác,
 Trong tối đua bay đóm lập-lòe ;
 Mong được nồm nam cơn gió thổi,
 Đàn ta ta gảy khúc Nam nghe.

6 — Tặng một bà ở làng (1)

Nghĩ xem đẹp nhất xã làng Và,
 Tiếng gọi rằng già cũng chưa già ;
 Làn sóng liếc ngang đôi mắt phượng,
 Tóc mây bỏ xuống một đuôi gà ;
 Nói năng vạm-vỡ coi như thề...,
 Đi đứng khoan-thai thế cũng là...

Nghe nói rằng từ từ chữa được,
 Đương làm dơ-dở đã thôi a ?

7 — Nhớ cảnh chùa Đọi

Già yếu xa-xôi bấy đến nay,
 Làng chơi loáng-thoáng lại buồn thay ;
 Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá,
 Sư cụ nằm chung với khói mây ;
 Rậm thế n. ở đâu từng trúc ấy ?
 Thuyền ai khách đọi bến dâu đây ?
 Chuông chưa vắng tiếng người không
 biết,
 Trâu thả sườn non ngủ gốc cây.

8 Tặng cô đào Lựu

Ngày xưa Lựu muốn lấy ông,
 Ông chê Lựu bé Lựu không biết gì.
 Bây giờ Lựu đã đến thì,
 Ông muốn lấy Lựu, Lựu chê ông già.
 Ông già ông khác người ta,
 Những cái nhi-nhất ông ma bằng mười.

Nam-định V. X. T. sao-lục

THƠ VĂN MỚI

Tất kinh tất giới vô vi phu- tử phú

(Bài phú của ông Cử Thiện, quê ở Cốc-thành)

Mở sách Mạnh xem ;
 Gẫm câu Lễ nói.
 Phi-nguyên nhẽ tám chồng dặt lưá,
 sơi xích-thăng gấn bó phượng-loan ;
 Phải phép thay lời mẹ nủ con, bức
 hồng-cầm dải bày sông núi.
 Cận-kế vu-qui mấy chữ, hết cả tóc tai ;
 Dẫn dò xuất - giá một thiên, in vào
 gan phổi.
 Đang khi, đào hện gió đông ;
 Lý cười nguyệt ỏi.

Gái trâm - thoa trang-diêm sắp về ;
 Trai võng lọng nghênh-ngang vừa tới.
 Thẹn-thẹn thò-thò nắp kín, hé mảnh
 nom rề họ dâu ta ;
 Ngần-ngần ngại-ngại ra đi, lên nhà
 lay mẹ cha nghỉ lại.
 Cha trượng-phu cất tiếng ư-ê ;
 Mẹ phụ-nhân ra tình bồi-hồi.
 Rằng mẹ cũng chiều lòng con mọn,
 kéo những e trắng xế hoa tàn ;
 Nhưng mẹ thương con chút phận
 hèn, đành phải chịu bèo trôi bọt nổi.
 Con là con mẹ, trót đã gả đi ;
 Dâu thật dâu người, ở sao cho giỏi.

(1) Bà này trước kia kết duyên cùng ông Cầm ở Hải-phòng, rồi sau về lấy một người ở làng. Làng bên bầu bà ấy làm chức phần thu thuế đi thu tiền lúa cùng tiền tôm cá ở hồ ao của làng cho trung.v.v. Bà này người rất đáo-đẽ, đã có một lần kiện nhau với ông chánh-tổng.

Vậy con được duyên tròn phận
thắm, cũng mừng vì gặp bước sớm may;
Song con còn tuổi trẻ đầu xanh,
hoặc không biết thờ chồng phải thói.

Đạo dạy gái, cha không xá đến, nên
phải đỡ lời;

Sự làm dâu, mẹ cũng đã từng, kể sao
xiết nỗi.

Vi khi: Bờ-ngõ nhà người;

Rút-rè buổi mới.

Dẫu biết nghi-gia là phép phải, mười
ngón tay khôn lựa tính cương nhu;
Dù hay trung-quĩ ấy đạo thường, hai
châu bửa chớ quên lễ sớm tối

Lệch guôn dính chút dái chồng ché;
Trái khoáy tơ hào e mẹ chửi.

Chồng muốn biết khéo thu hay vụng,
đã thử-thanh tiền rắc chân giường;

Mẹ toan xem có ý cùng chẳng, lại
giả cách kim vùi đáy gối.

Hữu-phúc gặp được nhà năng-nhẫn,
một kiếp an-thân;

Vô-duyên vợ phải đưa đa-doan, đủ
đời chịu tội.

Người đẻ người sinh công-đức ấy,
nữ nào mà gia tiếng nặng nề;

Ông bà ông vãi tội tình gì, động
chút đã rợn lời chửi bởi.

Cô nọ chẳng soi chân bằng đước,
lưỡi không xương khéo dặt lời gièm;

Chị kia chẳng giải chiếu rập dơ, tai
nếp vách khéo dò sự lỗi.

Nguồn cơn là thế, đã đành bắm
bụng biết sao;

Nông-nỗ vì đâu, cũng phải vất tay
nghĩ vuổi.

Bụt trên tòa, gà nào dám mổ, nọ mấy
người gắp lửa bỏ tay không;

Vua bếp nòng, công cũng chới ghê,
há bởi kẻ bói lòng tìm vết mảy.

Đức ông đà lắm giọng cao-kỳ;

Bà vãi cũng nhiều câu bắt chọi.

Mất nét mất na ai nhin được, lời
chì tiếng bắc nào oan;

Cứng đầu cứng cổ đề làm chì, dùi
đục cẳng tay cũng phải.

Rau nào sâu ấy, tiếng vi-von người

mới đàn-hòa;

Con đại cái mang, lời chì - chiết mẹ
khôn đôi chối,

Ấy sự tình có vậy, con rày nên tính
cạnh tính vảnh;

Còn luân lý những chi, mẹ sẽ kể hết
đầu hết cuối.

Vậy lấy vợ thường như lấy nợ,
phượng hóa gà nào cứ giống cánh lông;

Mà sinh con không dễ sinh lòng,
lừa hóa ngựa chắc chi nhà dòng-dối.

Mẹ cũng từng bởi dạy mới khôn;

Con hồ dễ tự-nhiên mà giỏi.

Nên khuyên con: bỏ nét kiêu-căng;

Giữ niềm kính-gợi.

Làu làu tứ-đức để treo gương;

Cạy cạy tam-tùng đem thắt túi.

Cha chồng là cha đấy nhé, dẫu gắt-
gỏng như ông Cồ-lâu, hãy giăng mắt
cẩn rãng;

Mẹ chồng là mẹ phải nao, đừng
phân lẽ bất thói Doanh-Tần, mà giề
môi nghiêng lợi.

Anh em chồng như anh em ruột,
phải diu-hiu lúc hỉ lúc ưu;

Chú bác chồng là chú bác mình,
đừng chéch-mếch chữ thân chữ ái.

Kẻ thầy người tớ, phải thương yêu
đừng có giầy vò;

Hàng xóm láng giềng, phải hòa-
thuận chớ hề đong-dối.

Bà con phỏng nhàn qua tới cửa, chớ
ngồi dai mà đặng việc tác-tần;

Chợ búa không nên kháo chuyện
nhà, kéo vui miệng lại xông mũi
hành tổi.

Đứng ngồi khép nép, đừng có hở-
hang;

Cất nhắc nhẹ nhàng, chớ hề xốc-nổi.

Một gánh giang san vai vác, ngày
siêng năng tiếc bóng câu qua;

Bốn mùa canh cửi tay chăm, đêm
tỉnh thức lắng canh gà gáy.

Tiếng chào thừa ngọt lọt đến xương;

Việc sai khiếm nét tươi như rôi.

Khéo mịn thớ đề cạo có ưa hết thấy,
ai còn dò bắt nét nói gièm;

Chẳng khoe khôn mà làn-lý khét
 một vành, ai dám mĩa học đòi cũng gọi.

Còn về thờ một đức anh chồng;
 Càng phải biết những điều chinh lối.
 Chồng giàu-sang con được vẻ-vang;
 Chồng hèn-hạ con đừng hắt-hủi.
 Chồng khôn con được phận nhờ;
 Chồng dại con đành chịu tủi.

Chồng đi học sắm nghiên bút giấy,
 đừng lo tốn vải bồi lung dài;

Chồng lực-diền chăm bữa cơm
 canh, chớ để quá trưa nên dạ đói.

Chồng cò bạc, về rồi sẽ liệu, chớ
 động hề dầu cò đang tay;

Chồng rượu chè, tỉnh lại sẽ hay, hãy
 gắng-gỏi bàn chân bóp muối.

Trước sao sau vậy, cứ vẹn niềm
 Nam-giản hẩn-hoi;

Gọi dạ bảo vàng, chớ giữ giọng Hà-
 đông lạnh chói.

Vốn những soi gương họ Mạnh, nâng
 án ngang mày;

Hãy từng học mẫu nàng Tô, trao
 thoi dệt cử.

Bấy nhiêu tiếng nhủ tiếng khuyên;
 Tóm lại có giường có mối,

Găm vào cho kỹ, đừng như nước
 đổ lá khoai;

Cứ dấy mà noi, chắc bịch dao bầu
 chém chuối.

Cho khỏi tiếng rựa cùn trâu chạm,
 còn hơn vợ dại trong nhà;

Đề nức danh gió ngát xạ hương,
 mới thật dấu hiền nên gái.

Tiếng gia-giáo lưng ba bốn cỡi, ai
 chẳng khen lao;

Nết hiền-thê dấu đề nghìn thu,
 người không chán mỗi.

Quĩ-nhất T. N. B. *sao-lục*

Viếng Thúy-Kiều

(Tục Đoạn-trường)

Đem hẩn-mặc tô màu chi-phấn,
 Cuộc túy tình lắm trận khóc cười;

Thần-thờ hỏi khách làng chơi,
 Chơi hoa hồ để mấy người biết hoa?

Nỗi phù-thế xót-xa chín khúc,
 Lục Phong-tình lắm lúc mua vui;

Bắc-kinh xưa nhớ một người,
 Đủ điều sắc điệu, tuyệt vời tài-hoa.

Nợ trắng gió cũng là tao-nhã,
 Giống hữu-tình còn lạ chi ai;

Đoạn-trường dù số an-bài,
 Cảnh thoa chưa dễ van nài mà trao.

Mặt bình địa ba-đào rung động,
 Thăng bán tơ lắm giọng buộc người;

Túi tham ghê-gớm lạ đời,
 Đề ai lỡ bước thay lời nước non!

Lâu Ngưng-bích trông mòn con mắt,
 Cảnh hôn-hoàng như đứt tơ-lông;

Mã qua, Sở lại, đã xong,

Còn tin chàng Thúc vào vòng mà chơi!
 Hỏi cỡi tục mấy đời ớt ngọt,

Gác Quan-âm nghỉ gót phong-trần;

Mỏng manh mang lấy nợ nần,
 Tu sao cho thoát mấy lần đấng cay.

Đâu ruu-rủ mượn tay họ Bạc,
 Ả thuyền-quyên gặp bác anh-hùng;

Bấy lâu cá chậu chim lồng,
 Bông dung tung lưới toang vòng mà ra.

Bạn vương-bá cũng là mạnh-phụ,
 Quá tin người nên phụ lòng ai;

Bên sông đắp-diêm di-hải,
 Khố tình chưa để trảm mai mà tan.

Ai khôn xếp thỏ-quan đem lại,
 Khéo quàng-xiên xe mãi là duyên;

Nợ trần đã đổ sông Tiền,
 Cứ người bạn đến cửa Thuyền làm chi?

Duyên tái-hợp cũng vì quá nề,
 Luống thẹn-thùng e lệ cho hoa;

Em Vân sao khéo thật-là,
 Quả mai ba bẩy nghĩ là còn xuân!

Đời những thuở trắng ngần trong giá,
 Mười lăm năm nhị rửa hoa tàn;

Ở đời phải giống hồng-nhan,
 Tẻ vui mấy độ, hợp-tan mấy lần.

Nói rút lại tấm thân ma-chiết,
 Có phong-trần mới biết thanh-cao;

Xá chi cái phận má đào,
 Chân mềm tay yếu tránh sao được trời;

Nếu may-mắn một đời tốt số,
 Miếng phong-lưu là cỗ sẵn-sàng;

Chấp-kinh chỉ có một đường,
 Lấy đầu lằm chuyện dở-dang dị-kỳ ?
 Làng xa-mã thiếu gì hành-viện,
 Hết bán buôn đến chuyện đón đưa ;
 Chín phương xoay hết đủ trò,
 Trách gì bạc-mệnh mà ngờ hồng-nhan.
 Tình với hiếu lương toàn cũng khó,
 Tình đôi đường phân rõ trọng khinh ;
 Bỏ đi xá kẻ cái mình,
 Khăng-khăng giữ một chữ trinh gọi là !
 Đưa đường lối hỏi ma hay quỷ,
 Gánh nợ nần biết quả hay nhân ;
 « Đã mang lấy nghiệp vào thân »,
 Riêng đầu cho khách hồng-quần mà thói.
 Muốn trong-sạch mà đòi nhem-nhuốc.
 Quá khôn - ngoan nên bước lối - làng.
 Ấy ai bầy thước ngang-tàng,
 Đến chìm nổi cũng bẽ-bàng như ai !
 Lòng chí-sĩ vì tài vì mệnh,
 Nghĩ đến người đồng-bệnh mà thương ;
 Bút thần nên tập đoạn-trường,
 Mượn màu son phấn làm gương cõi trần.
 Lời tuyệt-diệu nhường phun châu ngọc,
 Câu nom-na cũng học nổi điêu ;
 Biết đâu là ngọn thủy-triều,
 Hoa trôi vớt lại ít nhiều màu thơm.

Phó-bảng Bồi Kỳ

Lời than của kẻ tha-hương

Đăm-đăm mắt trông với cố-quốc,
 Thôi đòi phen tan nát gan vàng ;
 Ngậm-ngùi thay cảnh tha-hương,
 Lữ-sầu chan-chứa bước đường xa-xôi.
 Chiếc thân vô-võ phương trời,
 Vui gì cái cảnh quê người mà vui.
 Canh khuya tiếng vạc đồ hồi,
 Như kêu mối thắm cho người lưu-ly.
 Ngẫm từ cất gánh ra đi,
 Cái thân thôi có tiếc gì cái thân.
 Miệt-mài trong áng phong-trần,
 Thân này còn lằm nợ-nần nước non.
 Dặm phần con mắt đã mòn,
 Nghĩ thôi hai chữ thần-hôn thẹn mình.
 Thông huyền tóc có còn xanh,
 Khuây lòng hay đã vì mình sương pha .

Lưng trời hồng nhận bay qua,
 Tin chi nhận mách cho ta vui mừng.
 Đằm-nhiên nhận cứ vầy-vùng,
 Mặc ai thui-thủi quăng rùng rùng xanh.
 Nhật thừa chim hót đầu cành,
 Mẹ con riu-rít bao tình mẹ con !
 Vui vầy một tổ sớm hôm,
 Riêng ai vô-võ nước non quê người !
 Mảnh trăng vắng-vặc giữa trời,
 Trông trăng lại nhớ những lời non sông.
 Cùng ai đã bẻ chữ đồng,
 Chân trời mặt bẻ mà lòng đầu đây.
 Nhớ khi gạt lệ chia tay,
 Quan-hà một chén bao cay đắng lòng !
 Kể đi thui-thủi dặm hồng,
 Người về chiếc bóng khuê-phòng đắng
 Rừng thu xan-xát hơi may, [cay.
 Gió hiu-hắt gió, cảnh lay động cảnh.
 Lang-thang vợ-vần một mình,
 Chân đi một bước lệ tình chứa-chan.
 Biết ai xẻ tấm gan vàng,
 Biết ai than-thở bàn-hoàn biết ai ?
 Sương reo lá rụng canh dài,
 Mãng sầu chốc đã bên trời rụng đông.
 Chân mây nhuộm một sắc hồng,
 Ánh vàng rờn-rợn rừng trong lơ-mờ ;
 Chim sương xào-xạc bay la,
 Bên rừng mấy gã tiều-phu đi vào.
 Chuyện trò vui vẻ xiết bao,
 Quanh ta non nước ai nào tri-âm.
 Thân đầy cõi khách xa-xăm,
 Đêm ngày luống những âm thầm lệ rơi.
 Nỗi nhà nỗi nước bồi-bồi,
 Câu thơ cảm-khái biết ai họa cùng ?

 Vàng đông ánh khắp bầu trời,
 Giang-san mừng lại tươi cười hơn xưa.
 Nhị vàng bông thắm chen đua,
 Cỏ hoa tươi tốt hương đưa ngọt-ngào.
 Bên sông lau sậy ri-rào,
 Ngả nghiêng trước gió đón chào đông-quân.
 Thướt-tha nhành liễu buông mảnh,
 Trên hoa bướm rờn, đầu cành chim [kêu.

Non sông tan khí tiêu-diêu,
 Quán huyền diu-dập vắng theo gió dờn.
 Nước non tỏ mặt nước non,
 Tha-hương khách cũng chứa-chan lệ
 mừng.

Vọng-phu khuê-oán

(Biệu Thất-liên- hầu)

Trăng tà sao nhạt nhạt kêu sương,
 Hiu-hắt đêm thu ngọn gió vàng ;
 Hồn quyên khắc - khoải năm canh
 trường,
 Vò vò đêm thu thiếp nhớ chàng.
 Hàn-lâu trăng gác bóng ngang ngang,
 Chăn đơn gối chiếc lòng ngùi thương.
 Khăn hồng tằm-tã mấy dòng Tương,
 Xa xa thấu chắng chàng hồi chàng ?
 Chuông chùa khơi nện vắng sau tường,
 Giọt đồng thánh-thót trống canh vang.
 Vắng-vắng trên trời nhạt kêu sương,
 Mơ-màng tưởng nhạc đưa tin chàng.
 Sao chàng ham mãi cảnh tha-hương,
 Để thiếp đêm thu luống đoạn-trường !
 Phòng loan chiếc bóng lệ đôi hàng,
 Xa xa thấu chắng chàng hồi chàng ?

Ngày nào một chén tiễn đưa chàng,
 Cầm tay chàng hẹn đến thu sang.
 Thu sang hiu-hắt rơi lá vàng.
 Ôm lòng chờ đợi thiếp ngùi thương !
 Xuân cũ qua rồi xuân mới sang,
 Đi về thiếp mặc cái oanh vàng ;
 Hoạ không buồn ngắm, biếng soi gương,
 Xa xa thấu chắng chàng hồi chàng ?

Hoa tàn liễu ủ lá dầm sương,
 Dễ khóc, dun kêu bốn mặt tường ;
 Đêm thu hồn mộng nhấp mơ-màng,
 Nồng nổi vì đâu thiếp đoạn-trường ?
 Đầy lòng rối-rít mối tơ vương,
 Lửa phiền như đốt mảnh gan vàng.
 Hồn quyên rũ-rơi lúc thu sang,
 Xa xa thấu chắng chàng hồi chàng ?

Sao chàng ham mãi cảnh quê hương,
 Để thiếp đêm thu luống đoạn-trường.
 Dễ khi chàng về thăm cố hương,
 Mồ ai bạc-mệnh đã bên đường !

Manh-liên NGUYỄN ĐÌNH-TUẤN

DỊCH VĂN TÂY

PENSÉES ACTUELLES

Révolutions

Rien ne se fait par à-coups. Dans la nature, la séance continue toujours. Il n'y a pas de révolutions. Ce que l'on appelle ainsi est un détour employé par la haine pour triompher de l'amitié. Une révolution ne change que bien peu de choses et ce qui en naît ne vaut pas ce qui en meurt. Ni le progrès moral, ni le progrès matériel ne comportent d'écarts. Vous cherchez l'harmonie. Elle n'est faussée que par l'intervention des hommes présomptueux qui plutôt

TU-TUỞNG VỀ THỜI-THỂ

Cách-mệnh

Ở đời không gì đột-nhiên mà thành. Công việc của tạo-vật là liên-tiếp luôn, không có gián-đoạn bao giờ. Không có gì là « cách-mệnh » cả. Gọi là cách-mệnh ấy, là một cái kế khuất-khúc dễ cho cái ác-tâm nó thắng-đoạt sự lương-thiện. Cách-mệnh có thay đổi được gì mấy, kiến-thiết không bằng phá-hoại. Phạm tiến-bộ về vật-chất, về tinh-thần, không có sậu-biến bao giờ. Nói dễ sắp đặt lại cho được điều-hòa ; thù-bất-tri sở-dĩ mất điều-hòa là chỉ bởi người ta tự-phụ can-thiệp vào, lỗi ở mình không biết sửa, lại muốn ra tay

que de se corriger eux-mêmes, choisissent de redresser l'univers Il y a pour le cœur et pour l'esprit comme pour les corps des lois de gravitation qui maintiennent un équilibre indestructible, quelque énergie que l'on apporte à le déranger. Un ordre providentiel nous régit. Respectons sa rigueur, puisque aussi bien nous ne pourrions pas la dominer.

C'est la condamnation de la révolte qui est l'honneur du cerveau humain !

La révolte crée l'aveuglement et met en état d'infériorité. La résistance au mal, pour entraîner la victoire, implique de longues disciplines et non des enthousiasmes furieux.

* *

Démocratie et Efficience

... Aussi bien le vote populaire, quand il remplace un parti par un autre, exprime-t-il moins une approbation qu'un mécontentement. L'homme moyen, en règle générale, ne vote pas *pour* quelque chose, mais *contre* quelque chose. L'électeur tient avec ses gouvénants et ses représentants un compte à une seule colonne : il n'y a sur son registre qu'un côté débit, pas de côté crédit. Si les taxes montent, il se le rappelle; si elles baissent, il l'oublie. Le résultat, c'est que les élections sont déterminées, non par les opinions du peuple tout entier, mais par un courant de sentiment ou plutôt de ressentiment, créé dans le corps électoral. Le problème pour les politiciens sera donc d'éviter ce ressentiment, fût-ce en sacrifiant les intérêts de la majorité. Ils savent bien qu'une administration qui n'a rien fait peut se révéler soudain plus forte aux élections qu'une autre qui s'est montrée active, positive, constructive.

và cả trời xanh. Tâm-trí người ta cũng như vật-thể ở ngoài, phải theo phép hấp-dẫn tự-nhiên, khiến cho giữ được một cái thế quân-bình bất-dịch, dù người ta ra sức đả-phá thế nào cũng không làm cho sai đi được. Có một cái trật-lự thiên-nhiên nó cai-quản chúng ta. Ta nên biết phép mà theo, và cũng không thể nào vượt được.

Cái óc con người có biết ruồng sự phản-ngịch mới là óc khôn !

Sự phản-ngịch làm cho mờ-ám trí khôn đi, làm cho kém thế mà đối-dịch. Muốn chống lại với sự ác cho đắc-thắng, phải biết căng-tri cần-thủ, không thể hăm-hở cuồng-bạo được.

* *

Dân-chủ với Hiệu-lực

... Phạm công-chúng đầu-phiếu để bầu cho đảng này lên thay đảng kia, thường là vì ưng người mới ít mà vì chán người cũ nhiều. Đại-đề người bình-thường bỏ về bầu là để phản-đối cái gì, chứ không phải để tán-đương cái gì. Người bầu-cử đối với kẻ cầm quyền và kẻ đại-biểu của mình, tựa-hồ như giữ quyền sở-kế-toán chỉ có một bên, là bên biên người nợ mình, chứ không có bên biên mình nợ người. Thuế tăng thì nhớ, thuế giảm thì quên. Kết-quả thành ra việc tuyển-cử không phải do ý-kiến của cả bàn-dân, mà do một cái phong-trào yêu ghét gây lên ở trong bảo-cử đoàn mà thường là phong-trào ghét hơn là phong-trào yêu. Vậy thời bọn chính-khách chỉ cốt phải làm thế nào cho tránh được sự yếm-ố của công-chúng đó, dù phải hi-sinh mất lợi-quyền của phần đa-số trong dân-gian cũng mặc lòng. Họ thừa biết rằng một cái chính-phủ không làm được việc gì cả, có lẽ đến khi tuyển-cử đột-nhiên lại mạnh thế hơn là một chính-phủ đã có công kiến-thiết chế-tác nhiều.

Il n'y a donc pas lieu de s'étonner que la démocratie soit un régime de médiocre rendement. Démocratie et « efficience » (pour employer l'intraduisible terme *efficiency*) sont aux antipodes. A peu près partout dans le monde, on aspire à l'une et à l'autre. Pourtant c'est une des grandes lois de la politique, si jamais il y en eut, que ces deux idéals ne peuvent pas être réalisés ensemble dans le même système de gouvernement. La démocratie est considérée comme le gouvernement par le peuple, tandis que l'« efficience » suppose un gouvernement pour le peuple, non par lui, un gouvernement fort, concentré aux mains de techniciens et de professionnels...

La démocratie avec son invariable préférence pour les moyens les plus coûteux et les moins efficaces de faire les choses, est un luxe que seules peuvent s'offrir les nations riches, prospères et jouissant de la sécurité. C'est un modèle dessiné pour beau temps et mers tranquilles. Mais le temps dans l'histoire des peuples est-il jamais tout à fait beau, et les mers sur lesquelles voguent leurs destins sont-elles jamais tranquilles?

Civilisation moderne et Esprit critique

Que notre civilisation soit « sans âme », c'est beaucoup affirmer sans rien dire. Tous les siècles ont leur foi. La nôtre n'aura pas eu l'élan mystique qui peuplait la France de cathédrales, mais il a eu ses rêves sociaux et ses enthousiasmes nationaux. Pour être plus près de la terre, ces idéologies n'en poussent pas moins l'humanité hors d'elle-même et lui donnent des ambitions supérieures. Nous vivons, certes, dans

Như vậy thời không lấy gì làm lạ rằng chính-thể dân-chủ thực là một chính-thể kém phần hiệu-quả lắm. Dân-chủ với hiệu-lực (tiếng hiệu-lực này là dịch tiếng Anh *efficiency*), là hai mỗi trái ngược nhau hẳn. Gần khắp trong thế-giới, đâu đâu thiên-hạ cũng cầu-vọng cho được cả hai. Tuy-nhiên, nếu phép chính-trị quả có qui-tắc, thì một cái qui-tắc lớn của chính-trị là hai mỗi đó không thể gồm trong một thể chính-trị mà đồng-thời thực-hành được. Chính-thể dân-chủ vẫn cho là chính-thể do dân cầm quyền chính-trị, còn muốn cho có « hiệu-lực » thì lại phải một chính thể vì dân mà thi quyền chính-trị, chứ không phải do dân cầm quyền chính-trị được, nghĩa là phải có một chính-phủ mạnh, giao cả cho tay chuyên-môn cầm quyền...

Chính-thể dân-chủ, phạm hành-sự bao giờ cũng chỉ ra những cách nào là phí-lỗn nhiều mà hiệu-quả ít thời mới dùng, thành ra một cái xa-xỉ phảm, chỉ có những dân-tộc nào phong-phú, thịnh-vượng, và được yên-ôn, mới có thể dùng được mà thôi. Tức là một cái kiểu vẽ ra đề cho những buổi trời êm bề lặng. Nhưng trong lịch-sử các dân-tộc, trời có bao giờ được thật là êm, bề có bao giờ được thật là lặng không?

Văn-minh đời nay với cái trí phê-phán

Nói rằng văn-minh đời nay là một văn-minh « vô-hồn », là nói quá mà không có nghĩa gì. Đời nào cũng có cái lòng tín-ngưỡng của đời ấy. Lòng tín-ngưỡng của thời-dại ta nay, tuy không có hăng hái về mặt thần-bí, như đời Trung-cổ ở nước Pháp, dựng ra trong nước biết bao nhiêu là nhà thờ, nhưng lại hay khát-vọng về xã-hội, phấn-khởi về quốc-gia. Tuy những cái lý-tưởng ấy có ý thiên-cận hơn, nhưng cũng đủ sức mạnh xô-dẩy được loài người ra

une grande cacophonie morale, mais n'est-ce pas la contrepartie transitoire de l'expansion démocratique? Quand un champ reçoit toutes les graines, l'une arrive à dominer, mais après le règne d'une quasi-sauvagerie. Il en est ainsi des intelligences populaires que notre système éducatif abandonne à elles-mêmes, au milieu de la plus grande confusion, en tablant sur la force vitale de l'esprit critique...

... Ce criticisme élevé qui marque l'avènement des sciences n'est pas à la portée de tous ceux auxquels on doit infuser les résultats sans leur faire parcourir les étapes de la conquête. De sorte que nombre de cerveaux sont plus atrophiés que développés par l'ingurgitation artificielle qui les engraisse à point sans leur donner d'aisance créatrice. Surtout leur malaise est accru par l'indépendance morale où nous vivons, parce que vous n'avons pas encore su, pour la généralité, établir de communication entre les acquisitions scientifiques de la raison et les impératifs de la conscience. Nous évoluons ainsi dans deux mondes qui s'ignorent l'un l'autre comme Mars et la Terre. Nos actions en sont quelque peu désordonnées. La critique a détruit l'ancienne morale et n'a pas pu en reconstruire une nouvelle. C'est sous cette forme qu'on peut annoncer la faillite de la science. Faillite qui ne saurait être d'ailleurs qu'un concordat perpétuel.

« Le Temps »

ngoài giới-hạn của mình và khiến ch có lòng tham-vọng cao-xa. Vẫn biết rằng về phương-diện tinh-thần, đời này là một đời bác-tập lổ-lãng thật. nhưng đó chẳng phải là cái phản-trạng tạm - thời của phong-trào dân-chủ đương bành-trướng ra dư? Một cánh đồng gieo đủ mọi thứ hạt giống, rồi cũng có một thứ chiếm được phần hơn, nhưng lúc đầu tất là mọc loạn-sa lên như rừng cỏ. Lối giáo-dục ta ngày nay để cho kẻ bình-dân tự-do khai-phóng, hỗn-độn loạn-tạp cả, chỉ bằng ở cái sức mạnh của trí phê-phán mà thôi, khiến cho cái óc kẻ bình-dân cũng như cánh đồng mọc loạn đó ...

...Những kẻ được tiếp-thụ cái kết-quả của khoa-học mà không phải trải qua các trình-độ tấn tới của khoa-học, không phải kẻ nào cũng có được cái phê-phán tinh-thần cao thượng kia đã giúp cho tạo-thành ra khoa-học đâu. Thành ra nhiều người cố cưỡng thu-nạp học cho nhiều, có béo tốt ra thật mà không có cái tinh-thần sáng-tạo hoạt-bát gì, tri-não lại bần-cùn lại, chứ không thấy nở-nang ra. Lại thêm ở giữa thời - đại đạo-đức cách-biệt với đời người, vì phần nhiều người chưa biết đem cái công học-vấn của lý-tính với cái mệnh chi-định của lương-tâm cho hòa-hợp thông-đồng với nhau, nên khủng-hoảng lại càng thậm hơn nữa. Thành ra chúng ta như hành-động ở trong hai thế-giới cách-biệt nhau, như Hỏa-tinh với Địa-cầu vậy. Công việc ta tất không khỏi loạn-tạp một chút. Trí phê-phán đã diệt mất cái luân-lý cũ mà chưa tạo-thành ra luân-lý mới. Cứ xét theo phương-diện đó thì có thể cho là khoa-học thất-bại được. Nhưng thất-bại đây chỉ nghĩa là không thể tự-túc được mà phải vĩnh-viễn hòa-thân với luân-lý mà thôi.

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Việc Ai-cập. Lãnh-tụ đảng ái-quốc Zaghoul pacha mới tạ-thế.

— Lãnh-tụ đảng Ái-quốc Ai-cập là ông ZAGHLOUL PACHA phải đau đã lâu, mới tạ-thế ở Kinh-đô *Le Caire* hồi hạ-tuần tháng 8 tây vừa rồi. Địa-vị, thế-lực ông trong cận-sử nước Ai-cập rất to, nay ông mất không khỏi có ảnh-hưởng đến chính-trị trong nước. Ông đứng đầu đảng ái-quốc, được đảng-nhân thờ như thần-thánh, hiện trong đảng không có người nào có tài-cán, có danh-vọng bằng ông mà có thể thay ông cho xứng-dáng.

Ông sinh năm 1860 ở *Biana*, trong miền trung-châu sông Ni-la, học ở trường Đại-học trú-danh *El Azhar* ở kinh-đô *Le Caire*. Ông làm việc Nhà nước trong ít lâu. Năm 1882 có can vào việc khởi-loạn của ARABI PACHA, bị tù lần ấy là lần đầu, nhưng cũng không phải lâu. Sau làm thầy kiện, thường đi lại thân với quan Tổng-dốc Anh LORD CROMER. Tự năm 1906 đến 1912, ông lĩnh chức Học-bộ, rồi Hình-bộ thượng-thư. Nhưng sau vì quốc-vương Ai-cập có ý không ưa ông, ông phải từ chức.

Ông bắt đầu phản-đối Chính-phủ Anh ở Ai-cập là tự khi Âu-chiến. Ngay lúc các nước ký điều-ước đình-chiến, ông yêu-cầu cho Ai-cập được hoàn-toàn độc-lập. Tự bấy giờ cuộc đời ông thành ra hoạt-động vô-cùng. Năm 1919, Chính-phủ Anh cho sự hoạt-động ấy có nguy-hiểm cho mình, đẩy ông ra đảo *Malte*. Tuy-nhiên ở Luân-đôn có nhiều người đã hiểu rằng những khoản yêu-

cầu, những điều nguyên-vọng của người Ai-cập, không thể nhất-thiết khước đi mãi được. Chính-phủ bên phái LORD MILNER sang để điều-tra việc Ai-cập, xong rồi cho mời ZAGHLOUL cùng với thủ-tướng ADLY PACHA lên Luân-đôn để thương-thuyết. Sau được phép về Ai-cập, ông bèn tổ-chức cho thành hẳn đảng quốc-gia Ai-cập, đặt tên là *Wafd*, rồi lại vận-động phản-đối. Nhân trong nước nổi loạn, ông lại bị đi đày lần nữa, trước ở *Aden*, sau ở đảo *Seychelles*, rồi sau ở *Gibraltar*. Năm 1923 được tha, ông sang ở Pháp một độ lâu, rồi về Ai-cập. Bấy giờ trong nước đã lập thành hiến-pháp mới rồi. Kỳ tuyển-cử năm 1924, đảng *Wafd* được đại-thắng.

ZAGHLOUL lên cầm quyền làm thủ-tướng, cố kêu-nài với chính-phủ Anh thừa-nhận cho Ai-cập được hoàn toàn độc-lập. Bấy giờ tổng-ly Nội-các Anh là ông MAC DONALD, lãnh-tụ đảng xã-hội. Ông ZAGHLOUL tưởng rằng đối với một Nội-các thuộc về đảng xã-hội thì thương-thuyết chắc dễ hơn. Nhưng thủ-tướng Anh tuy là người có tư-tưởng rộng-rãi, song cũng thiết-tha giữ cho quyền-lợi nước mình, không chịu nhượng-bộ, nhất là thuộc về vấn-đề đất *Soudan* và vấn-đề sông *Suez*. Ông ZAGHLOUL hai lần thương-thuyết không kết-quả, tháng 11 năm 1924, sau khi xảy ra việc ám-sát SIR LEE STACK là tổng-binh Anh ở Ấn-độ, phải từ-chức. Tuy-nhiên, đảng ông hai lần tổng-tuyển-cử luôn, vẫn được chiếm đa-số ở Nghị-viện, song Tổng-dốc Anh LORD LLOYD hết sức ngăn-trở cho ông không ra cầm quyền thủ-tướng được.

Ông dành làm chức nghị-trưởng vậy. Mấy tháng gần đây, nhân ông bị đau nên cũng không có hành-động gì.

ZAGBLOUL PACHA cũng là một nhân-vật kỳ-khệt trong chính-giới đời nay. Ai biết nhân-cách ông, sự-nghiệp ông, cũng phải cảm-phục. Ông nhiệt-thành yêu nước, một đời tận-tụy vì nước; Ai-cập cũng nhờ cái nghị-lực vô-song của ông mà ngày nay đã thu-boạch được nhiều quyền tự-do, còn quyền độc-lập dần chữa được hoàn-toàn hẳn, nhưng cũng đã to rộng lắm. Mới rồi vua nước ấy là FOUAD 1^{er} đi du-lich nước Anh, nước Pháp, nước Ý, đến đâu cũng được nghênh-tiếp long-trọng như đại-biểu một cường quốc vậy. Được như thế là phần nhiều nhờ công-nghiệp ông ZAGBLOUL cả. Nhưng ông bầm-tính hăng-hái cương-cường quá, nhiều khi không biết uyển-chuyển châm-chước. Người ta nói trong khi thương-thuyết với kẻ cầm quyền nước Anh, nếu ông khéo biết xử nhũn thì kết-quả còn được nhiều hơn nữa. Như vấn-đề sông vận-hà Suez, là vấn-đề mệnh-mạch cho nước Anh, vì đó là nơi cửa-ngõ then-chốt của Anh-đế-quốc, là đường tắt-do để thông với Ấn-độ, Anh đến thế nào cũng không chịu bỏ cái quyền giám-đốc ở đấy, nếu thuộc về khoản ấy ông chịu nhượng-bộ thì các khoản khác có lẽ cũng dễ giải-quyết xong vậy. — Tuy-nhiên, ông thật là một bậc đại-chí-sĩ, nay mất đi thật là cái tang chung cho cả nước Ai-cập.

Việc nước Nga. Sự phân-tranh trong đảng cộng-sản. — Chính-phủ Xô-viết nước Nga đương qua một hồi nguy-ngập. Trong đảng cộng-sản chia ra làm hai phe: phe ôn-hòa là phe đương cầm quyền, phe cực-đoan là phe đương phản-đối; phe phản-đối tuy tạm-thời phải đứng ngoài chính-phủ, nhưng thế-lực vẫn mạnh lắm.

Muốn hiểu việc phân-tranh trong đảng cộng-sản này, thì phải biết cách tổ-chức chính-thê Xô-viết thế nào. Hai cái cơ-quan cốt-yếu của chính-thê ấy là Hội-nghị các ủy-viên ở Chính-phủ Xô-viết (*Conseil des commissaires du peuple au gouvernement de l'U. R. S. S.*) và Ủy-hội hành-sự của Đệ-tam Quốc-tế (*Comité exécutif de la 3^e Internationale*), gọi là *Komintern*, hai cơ-quan đều trực-thuộc về tòa chính-trị của đảng cộng-sản (*Politbureau*), quan-viên trong tòa này đều có chân chính-phủ và chân hội *Komintern* cả. Thực thời chính là «tòa chính-trị» đảng cộng-sản chủ-trương cả chính-trị nước Nga, và chính-phủ Xô-viết với đảng cộng-sản Đệ-tam Quốc-tế, bề ngoài là khác nhau, bề trong cũng là một. Nay chính tòa chính-trị ấy lại cũng là do ủy-hội trung-ương của đảng cộng-sản cử ra, ủy-hội này lại do một đại-hội-nghị các đảng-nhân mỗi năm họp một lần vào khoảng tháng 12 bầu ra.

Phe hiện đương chủ-trương tòa chính-trị, Hội Ủy-viên ở chính-phủ và hội *Komintern*, tự hai năm nay bị một phe khác phản-đối dữ lắm. Mấy tay lãnh-tụ trong phe cầm quyền là STALINE, RYKOF, BOUKHARINE, còn mấy người đứng đầu phe phản-đối là TROTZKY, ZINOVIEF, KAMENEF. Phe phản-đối trách phe cầm quyền là không giữ được toàn cái chủ-nghĩa của LÉNINE, theo một cái chính-sách nhu-nhược quá, và trách thứ nhất là có ý thiên-vị bọn *koulaki*, là bọn điền-chủ có của ở nhà quê, để thiệt-hại cho bọn nông-dân nghèo và bọn công-nhân ở tỉnh-thành.

Phe cầm quyền tìm cách trị phe phản-đối, lúc đầu nghe chừng đắc-thắng, kỳ đại-hội-nghị đảng Cộng-sản họp hồi tháng chạp năm 1925 và tháng giêng năm 1926, đại đa-số đã nghĩ-

định kết án phe phản-đối. Nhưng bọn TROTSKY, ZINOVIEF vẫn không thôi vận-động, và trong các cơ-quan, các hội-nghị, các quân-đội, như Cảnh-binh (*Tchéka*), Hồng-quân, đều có đồ-dạng ít nhiều cả. Kỳ hội-nghị ủy-hội trung-ương ngày tháng 8 năm 1926, tướng DJERJINSKY tổng-quản đội Cảnh-binh, là một người hach-dịch lắm, phải ra tay công-kích những sự vận-động của phe phản-đối. Nhưng cách mấy giờ sau thì ông hốt-nhiên chết, nói là chết về bệnh cứng mạch máu (*artérioscléroses*). Phe phản-đối lại bị hội-nghị kết án một lần nữa, lần này thì tướng là mất thế-lực hẳn. Vậy mà gần đây nghe ra bọn đó vẫn chưa quệ, mà có lẽ lại hoạt-động hơn trước. Ủy-hội trung-ương và ủy-hội kiểm-sát đảng Cộng-sản họp từ ngày 9 tháng 7 đến mồng 9 tháng 8 mới rời, lại thấy xét đến cái án phản-đối ấy nữa. Lần này thì lời dự-kết của tòa chính-trị, vẫn ở trong tay bọn STALINE-RYKOF, không được hội-nghị y cho cả, chữa đi sửa lại mãi mới được duyệt, mà lời-lẽ thời cũng bình-thường thôi, không lấy gì làm kịch-liệt cho lắm, đại-khái trách phe phản-đối là làm chia mất sức của đảng cộng-sản đi, phá mất cuộc đồng-làm trong các đảng-nhân, gọi là kết án một cách lạt lẽo mà thôi. Hôm sau khi Hội-nghị kết án như thế thì phe phản-đối liền đăng trong báo cơ-quan của đảng Cộng-sản, là báo *Pravda*, một bài tuyên-ngôn đề chống-chế lại, nói rằng không phải có ý muốn li-gián đảng-nhân, chỉ trách Chính-phủ là không giữ được đúng chủ-nghĩa của LÉNINE, nhân lại thuật rõ lại chủ-nghĩa ấy thế nào. Xem như thế thì Chính-phủ vẫn có ý dung và có lẽ sợ phe phản-đối. — Có điều lạ là RAKOWSKY, là đại-sứ của Chính-phủ Xô-viết ở Paris cũng ký tên vào tờ tuyên-bố ấy. Dư-luận Pháp cho cách làm như thế là sai với phép

ngoại-giao, vì nước Pháp chỉ thừa-nhận có chính-phủ Xô-viết mà thôi, không hề thừa-nhận đảng cộng-sản Quốc-tế, nay đại-biểu của chính-phủ Xô-viết lại công-nhiên tuyên-bố chủ-nghĩa cộng-sản, mà chủ-nghĩa này là cốt gây cách-mệnh ở các nước « tư-bản », như thế thì Pháp không thể dung-được. Chính-phủ Pháp đã kháng-nghị với Chính-phủ Xô-viết và yêu-cầu triệt-hồi đại-sứ RAKOWSKY.

Nói tóm lại thì hai phe chính-phủ và phe phản-đối chống nhau vẫn còn kịch-liệt lắm, việc này phải đợi đến kỳ đại-hội-nghị cộng-sản tháng chạp này mới quyết-nghị được, nhưng chưa chắc phe chính-phủ đã thắng. Ngoài phe phản-đối, lại còn một phe cực-đoan hơn nữa, công-nhiên cho cả hai phe kia là nhu-nhược quá, và chủ-trương toàn những cách bạo-động cả. Phe thứ ba này thời lĩnh-tụ là bọn SOPRANOF và SMIRNOF.

Việc nước Tàu. — Hai đảng phương nam. — Bấy lâu nay ai cũng biết ở nam-phương nước Tàu có hai đảng: Đảng Cộng-sản với đảng Quốc-dân, mà đầu đuôi hai đảng sở-dĩ thường xung-đột nhau thế nào, thì chưa ai được rõ cho lắm, nay tóm thuật lại như sau. Nguyên đảng Cộng-sản thấy Tưởng Giới-Thạch đem quân quốc-dân đi Bắc-phạt càng ngày càng thắng-thế, sợ sau khi thành-công rồi thì đảng mình bị bỏ ra ngoài. Nên đã một hồi vận-động cho đảng mình được cầm lấy quyền-chính, mà phá hoại Quốc-dân-đảng. Tưởng Giới-Thạch thấy thế đã hạ lệnh tước hết cả binh-quyền của đảng Cộng-sản, đảng Cộng-sản mới biệt-lập ra chính-phủ Hán-khẩu, mà cách chức Tưởng. Nên

Tướng phải biệt-lập ra chính-phủ Nam-kinh. Từ đó mới phân rẽ hẳn ra hai phe. Những tỉnh Hồ-nam, Hồ-bắc và Giang-tây, thì theo về chính-phủ Hán-khẩu, mấy tỉnh ở phía đông-nam thì theo Nam-kinh; lại có Phùng Ngọc-Tường ở phía tây bắc cũng theo về Tướng nữa.

Khi ấy có Đường Sinh-Trí ở Hà-nam cũng tuyên-ngôn phản đối Cộng-sản, sai bộ-tướng là Hà Kiện đánh Hán-dương, thâu lấy Hán-khẩu, đảng Cộng-sản mất nơi căn-cứ, Từ Khiêm bị bắt, Borodine về Nga, Hà-Kiến mới phò Ông Tinh-Vệ với Tôn Khoa (con Tôn Văn) lên cầm quyền-chính ở Hán-khẩu. Như thế thì ai cũng nghĩ rằng hai chính-phủ có thể hợp-tác được.

Song Ông với Tướng hai người vốn có thù với nhau, nên hai chính-phủ vẫn không hợp-tác được. Đường lúc Tướng đi bắc-phạt, xảy ra có tin đồn rằng Tướng về bè với Trương Tác-Lâm để trở lại đánh Hán-khẩu. Ông nghe tin nổi giận cũng cử-binh chực đánh Nam-kinh, trách Tướng bán cái Tam-dân-chủ-nghĩa mà giao hòa với bọn quân-phiệt để đồ tư-lợi. Các đại-tướng như Chu Bồi-Đức, Trình Tiềm, Đường Sinh-Trí cũng thế quyết đánh cho đổ Tướng. Binh Hán-khẩu đã đem tới Cửu-giang hội với quân Chu Bồi-Đức sẽ do ngã Vũ-hồ mà đánh Nam-kinh. Tướng ở Lâm thành nghe tin ấy phải vội-vàng chia binh giữ Vũ-hồ. Tướng ý muốn hoãn-chiến ở mặt Sơn-dông, mà sợ cho yên Hán-khẩu trước đã. Song các bộ-tướng lại lộn-xộn không theo. Ngoài thì các-quân thừa cơ lúc rối-loạn mà phản-công riết lắm, quân cách-mệnh bấy giờ thiệt hại đến hàng mấy vạn.

Tướng Giới-Thạch thấy đại-thể cứ dùng-dăng mãi, lại e cho Hán-khẩu với

Nam-kinh đôi bên cứ làm cò ngao cẩu lộn, thì không khéo lợi cho Trương Tác-Lâm làm ông câu mà với cả đôi, thì hại cho nước nhà biết bao. Tướng lại nghĩ mình đối với Ông tuy có thù nhưng là việc riêng, phải lấy quốc-gia làm trọng. Nên Tướng nhất-định từ chức mà đi. Lúc Tướng đi thì giao lại cho Bạch Sùn-Hy về mặt Thổ-khẩu, Hà Ứng-Khâm ở mặt Giang-bắc, Lục Tôn-Nhân ở mặt Hợp-phi, và đánh giầy-thép tới Hán-khẩu mời Ông Tinh-Vệ qua Nam-kinh điều-định việc nước mà kể chi bắc-phạt. Ông đã cùng với Tôn Khoa tới Cửu-giang hội-nghị với đại-biêu Nam-kinh, định dời đến Nam-kinh. Tướng từ chức như thế cốt mong cho hai chính-phủ hợp-tác mà làm cho Ông cảm-động. Ông có thông-diện mời Tướng trở lại, nhưng Tướng đã sang Nhật-bản rồi. Sau Ông vì nhiều người bài-kích cũng xin từ chức nốt.

Về việc Ông, Tướng từ chức có quan-hệ đến việc Quốc-dân cách-mệnh thế nào, thì một nhà báo Trung-hoa có bình-luận một đoạn thiết-yếu sau này:

« Cái phong-trào hai phái Nam-kinh Hán-khẩu nổi lên chuển này rất là kịch-liệt, kết-quả đến nỗi Tướng Giới-Thạch và Ông Tinh-Vệ cùng theo nhau mà phải lui chức, việc này đối với tiền-đồ cách-mệnh có ảnh-hưởng rất lớn. Vì rằng cách-mệnh sở-dĩ nay càng phát-siễn là nhờ những tay có thế-lực trong đảng Quốc-dân đưa đường chỉ lối mới được, mà Ông, Tướng hai người đối với đảng Quốc-dân thì một người là lãnh-tụ trong chính-trị-giới và một người là lãnh-tụ trong quân-giới, trong một tháng nay hai người cùng lui chức mà đi, như thế không những là một sự biến lớn trong đảng Quốc-dân, mà cũng là một việc trọng-yếu trong cách-mệnh-sử. Vậy nên việc Ông, Tướng lui chức quan-hệ đến việc cách-

mệnh thế nào, thực là một việc đáng nghiên-cứu vậy.

« Một việc tối-cần ở nước Tàu ngày nay là việc « Quốc - dân cách-mệnh », chứ không phải là việc « giai-cấp cách-mệnh », điều đó những người thực-thời chắc ai cũng biết, song điều thứ nhất trong sự Quốc-dân cách-mệnh là phải lập một chính-phủ dân-trị chân - chính mới được. Muốn lập cái chính - phủ chân - chính ấy, tất trước hết phải bài-trừ những sự chướng-ngại đi. Vậy mà những sự chướng-ngại rất lớn ngày nay, là bị đảng quan-liêu hủ-bại, và đảng quân-phiệt hung - bạo hoành - hành, làm cho ngăn-trở rất lớn. Cho nên việc nên chú-ý trước nhất là việc sản-trừ những đảng quân-phiệt quan-liêu. Nhưng muốn sản-trừ đảng quân-phiệt tất phải dưỡng-thành quân-đội « dân-chúng-hóa » mới được; muốn bài-trừ đảng quan liêu tất phải Lôi-thực « dân-chúng-hóa » mới được. Thế nào là « dân-chúng-hóa? » Nghĩa là đặt mình ở trong dân-chúng, vì dân-chúng mà phấn-đấu, lấy lợi-hại của dân-chúng làm lợi-hại, chứ không phải lấy lợi-hại phần riêng mình làm lợi-hại đầu.

« Vậy cho nên đảng quân-phiệt hay không phải đảng quân-phiệt, đảng quan-liêu hay không phải đảng quan-liêu, khác nhau không cứ có gươm súng hay không, chỉ xem ở ba chữ « dân-chúng-hóa » là đích. Nếu đeo cái tên đảng cách-mệnh, cầm ngọn cờ đảng cách-mệnh, mà trong bụng chỉ cốt để khuếch-sung cái thế-lực của mình, thế thì đầu là người trong đảng mà thực là một quân-phiệt, một quan-liêu vậy.

« Tướng Giới-Thạch từ khi mới đánh được mấy tỉnh phía đông-nam, quyết lấy ngay quân-đội làm cơ-sở, bỏ phép trong đảng mà tự-lập chính-phủ, việc đó ai cũng lấy làm tiếc lắm, không khác gì

tự-hoại mất khuôn phép của đảng chút nào. Như thế thì ngay việc « đảng-hóa » còn chẳng mong gì, huống-chi đến việc « dân-chúng-hóa » nữa.

« Quả-nhiên chưa bao lâu Tướng bị các tướng bộ-hạ khuyh-đảo, Tướng khuyh-đảo mà những kẻ mượn tiếng cách-mệnh để mưu lợi riêng cho mình đều tỉnh-ngộ ngay, biết việc bỏ đảng mà tự-lập là việc không thể làm được, nên đã-tâm của chúng cũng vì đó mà phải thu lại.

« Còn Ông Tinh-Vệ thì đầu là một người nhiệt-tâm phấn-đấu về việc lợi-ích cho công-chúng, sau bị đảng cộng-sản ngu-lộng buổi trước, đảng Nam-kinh qui-oán buổi sau, nhân thế cũng phải lui chức, để hả lòng căm giận một phần tướng-lĩnh trong đảng, khiến cho cái cuộc đã bị tan nát lại được trọn-vẹn yên hòa. Chắc tự nay những phái quân - nhân và chính-trị trong đảng, biết cái địa-vị cá-nhân không đủ khinh-trọng gì, rồi mới buộc mình ở dưới kỷ-luật của đảng mà cùng nhau phấn-đấu. Thế thì việc Ông, Tướng lui chức thật giúp ích cho tiền-đồ quốc-dân cách-mệnh không phải là nhỏ vậy. »

Tướng Giới-Thạch kết-hôn. — Tướng Giới-Thạch sau khi về Phụng-hóa đã lập-tức cùng Diêu phu-nhân là vợ cả li-hôn. Nay lại có tin rằng Tướng lên Thượng-hải để cùng nữ-sĩ Tống Mỹ-Linh kết-hôn. Tống Mỹ-Linh là em gái Tống Khánh-Linh (vợ thứ Tôn-Văn) và Tống Tử-Văn. Cứ như tin trong chính-trị-giới, nữ-sĩ sở-dĩ kết-hôn với Tướng là muốn được giữ bền mối liên-lạc của hai phái Ninh Hán vậy.

Tướng đã cùng con trai bé là Vĩ-Quốc và hơn mười người tùy-tòng đã đến Trường - kỳ (Nhật-bảo), Tướng nói rằng Tướng sẽ đến Thần - hộ

cùng vũ-sĩ Tống Mĩ-linh làm lễ kết-hôn, rồi sang du-lịch các nước Âu Mĩ để khảo-sát quân-sự, chính-trị và kinh-tế.

Chính-phủ quốc dân mới đã thành-lập — Chính-phủ quốc-dân mới đã tuyên-bố thành-lập. Hồ Hán-Dân, Uông Tinh-Vệ, Thái Nguyên-Bồi, Đàm Diên-Khải, Lý Liệt-Quân làm năm Ủy-viên của chính-phủ. Dưới quyền chính-phủ đặt ra bảy bộ và hai bộ ủy-viên về giao-dục và quân-sự, Tôn Khoa giữ bộ tài-chính, Ngũ Triều-Khu giữ bộ ngoại-giao, Vương Sung-Hiệu giữ bộ tư-pháp, Vương Bá-Quần giữ bộ giao-thông, Thái Nguyên-Bồi giữ bộ giáo-dục.

Lễ nhận chức của các ủy-viên chính-phủ. — Các ủy-viên các bộ chính-phủ quốc-dân đã làm lễ tuyên-thệ nhận chức. Chính-phủ phái Đàm Diên-Khải đến coi lễ tuyên-thệ và trao ấn, Trung-trong đảng-bộ phái Lý Liệt-Quân đến đọc lời huấn-thệ rằng: Các viên-chức của chính-phủ quốc-dân, không nên hóa theo lối quan-liêu, muốn cách-mệnh trước hết phải cách-tâm đã. Đàm Diên-Khải đọc huấn-từ rằng: Muốn thống-nhất toàn-quốc phải thống-nhất nội-bộ. Trưởng-bộ tài-chính là Tôn Khoa đáp rằng: nên cố sức thống-nhất thế-lực của đảng cách-mệnh.

Cuộc hội-nghị ủy-viên của chính-phủ quốc-dân. — Chính-phủ quốc-dân mở cuộc hội-nghị ủy-viên lần thứ nhất. Dự hội có Đàm Diên-Khải, Tôn-Khoa, Ngũ Triều-Khu, Thái Nguyên-Bồi, Lý Liệt-Quân, Lý Tôn-Nhân, Bạch Sung-Hy, do Đàm Diên-Khải làm chủ-tịch. Có phát-biểu lời tuyên-ngôn rằng: 1) Kết-tục việc bắc phạt, trước-bình quân-phiệt để hoàn-thành cuộc thống-nhất của nước; 2) Hết sức phế-trừ các điều-ước bất-bình-dẳng để khôi-phục cái địa-vị bình-dẳng tự-do độc-lập của dân-tộc và quốc-gia; 3) Quét sạch đảng cộng-sản để tiêu-diệt cái vật chướng-ngại cho cuộc cách-mệnh của quốc-

dân; 4) Đặt ra trật-tự cách-mệnh, và nghiêm-nghị thi-hành kỷ-luật cách-mệnh, để bảo-chương quyền-lợi của nhân-dân, và duy-trì cuộc sinh-hoạt của xã-hội; 5) Thực-hành sự kiến-thiết có thứ-tự về cái đại-cương kiến-quốc và cái phương-lược kiến-quốc của Tôn Tổng-Lý, cái nguyên-tắc rất lớn của chủ-nghĩa dân-sinh là bình-quân địa-quyền và tiết-chế tư-bản; 6) Tảo-trừ cái tích-tệ hủ-bại tham-ô của quan-lại để dựng nên một cái mộ-phạm của chính-phủ cách-mệnh

Tại Hán-khẩu lại lập chính-phủ khác — Có tin rằng Đường Sinh-Trì và Uông Tinh-Vệ bất-dắc-chí về việc Hán Ninh hợp-tác, hiện đương lập một chính-phủ nông-công ở Hán-khẩu, có ý muốn thoát-ly với Nam-kinh. Đường thì đi đến Trường-sa, Uông đi đến Cửu-giang để vận-dộng việc lập chính-phủ mới và thu tập thêm vậy cánh. Nếu như vậy thì việc hợp-tác của Ninh-Hán không biết rồi ra thế nào.

Phụng-thiên với Sơn-tây. — Phụng-thiên và Sơn-tây đã khai-chiến với nhau, không sao điều-dình được nữa, quân Phụng-thiên đã rút đến Tuyên-hóa-phủ mà đóng đồn kiên-cố. Trương Tác-Lâm quyết-nghị dề-bình để đánh Diêm Tích-Sơn là đốc-quân Sơn-tây. Người ta nói Trương Học-Lương là con trai Trương Tác-Lâm sẽ chủ-trương việc chiến-tranh ấy.

Có tin đích-xác rằng Phùng Ngọc-Tường và Diêm Tích-Sơn đã có giao-ước với nhau, Phùng đã chia quân làm ba đạo tiến lên: Một mặt đánh Đức-châu, một mặt đánh Thái-an, một mặt đánh Từ-châu. Chính-phủ quốc-dân ở Nam-kinh đã quyết-nghị giúp cho Phùng một số tiền là một trăm vạn đồng, do bộ tài-chính chuyển cấp cho Phùng.

Cứ như lời người ngoại-quốc xem xét thì nói rằng cuộc chiến-tranh này không phải trong một cái thời-gian ngắn-ngủi có thể giải-quyết được. Quân Phụng-thiên giỏi về cách dã-chiến, Phùng Ngọc-Tường và Diêm Tích-Sơn khó đã đánh vào Bắc-kinh được. Về mặt đông tỉnh Sơn-tây có nhiều núi, quân Phụng cũng khó vào được đến cõi Sơn-tây.

Quân Phụng-thiên với quân Sơn-tây, đã khai-chiến ở Sài-cầu-bảo. Quân Phụng-thiên cắt đứt đường sắt, tướng Sơn-tây là Thương-Chấn cũng phái quân đánh bỏ đường sắt Kinh-tuy để ngăn đường tướng Phụng-thiên là Vũ-Trấn ở Sát-cáp-nhĩ đến.

Có tin rõ rằng Phùng Ngọc-Tường, Diêm Tích-Sơn và Đường Sinh-Tri có điều-dinh với nhau, Đường sẽ đánh Tôn Truyền-Phương ở trên Tân-Phố. (Đường hỏa xa từ Thiên-tân đến Phố-khâu), Phùng sẽ đánh về phía Lũng-hải, và Diêm sẽ đánh về phía Kinh (?), Chính-phủ Phụng-thiên rất là nao-dộng, hiện đã đem mấy vạn người đến phía Nam Trương-gia-khâu và đến Nam-khâu để giữ gìn Bắc-kinh.

Lại có tin rằng quân Phụng-thiên tiến đến Tuyên-hóa-phủ. Quân Trực-lệ, và quân Sơn-dông vẫn tiến vào lĩnh Hà-nam. Có tin đích-xác rằng Quý-đức thất-thủ. Chính-phủ Quốc-dân ở Nam-kinh hạ lệnh cho quân-sự uỷ-viên-hội phải trú-tĩnh ngay việc cử binh đi đánh miền bắc, và để ứng-viện cho Sơn-tây và Hà-nam.

Người ta bảo Phụng-thiên và Sơn-tây có thể giảng-hòa với nhau được. Nghe đâu Trương Tác-Lâm sẽ xướng các điều-kiện. Quân Sơn-tây đã rút khỏi Trương-gia-khâu. Sau có tin ở mặt Bảo-định quân Phụng-thiên đã đánh đuổi được quân Sơn-tây.

Vân-nam. — Ở Vân-nam thì sau khi Long-Vân cầm quyền - chính, Đường Kế-Ngu tức rằng các quyền-lợi của chính-phủ mới để cho Đường ít quá không được như ý, Đường bèn đem quân lại về miền Đại-lý-phủ dùng làm cánh phản-đối.

Nhưng sau Đường Kế-Ngu và chính-phủ lại điều-dinh với nhau, Đường đã đem quân đến miền gần kinh-thành để bảo-hộ sự bình-yên trong khi đại-quân của chính-phủ đem đánh nhau ở đông-bắc với các tướng phản-đối là Hồ Nhược-Ngu và Trương Nhữ-Kỳ. Hai tướng này không tiếp-ứng với nhau được, một người giữ thế thủ ở Chiêu-vọng, một người bị vây ở Cửu-tinh.

Nhân cái tình-thế ấy, Đường Kế-Ngu mới hạ chiến thư cho Long Vân yêu-cầu phải nhượng quyền-chính cho. Long Vân đáp rằng bao giờ Long cũng sẵn lòng chia quyền-chính, chứ không chịu nhượng cho ai. Vì thế Đường đã khai-chiến ở ngoài thành Vân-nam-phủ. Nhưng hai bên chưa phân thắng-phụ.

Long Vân có cử đại-biểu đi điều-dinh với Đường Kế-Ngu. Long Vân thì xin rằng các quân-dội ở miền tây, và đạo quân thứ 38 do Long-Vân chỉ-huy, điều-dinh với nhau để trừ xong Trương Nhữ-Kỳ, và Hồ Nhược-Ngu ở miền đông. Long Vân sẽ giao quyền cho các hội để bàn-bạc về cái vấn-đề chính-trị. Các tướng về phương tây trước đây muốn tôn Đường Kế-Ngu lên cầm quyền-chính, thì nay xin cử con trai Đường Kế-Nghiêu. Nếu chính-phủ không đánh Trương Nhữ-Kỳ nữa thì các tướng sẽ ưng các điều-khoản ấy. Các đại-biểu của Long Vân thì xin rằng quân lính lui cách thành-phố ít ra là 30 dặm. Song công việc điều-dinh chùng chưa xong, nên quân-dội của miền tây vẫn đóng ở gần thành-phố.

Về phía đông Vân-nam, tướng Lục Hán tuyên ngôn rằng đã thắng được Hồ Nhượng-Ngu, và Hồ mất 10 khẩu đại-bắc, 1.000 súng tay và 2.000 lính.

Lại có tin rằng quân của miền tây do Đường Kế-Ngu chỉ-huy, đã ra xa Vân-nam-phủ, song thành-phố vẫn thiết quân-luật.

Ở miền đông tỉnh ấy, tướng Hồ An là viên bộ-tướng chính của Long Vân và chỉ-huy các đạo binh ở miền đông, có báo rằng khi tướng ấy tới trước Cửu-tinh là nơi Trương Nhữ-Kỳ đóng, tướng ấy liền điều-định với Trương đề khuyên Trương đầu hàng. Nhưng sau được tin rằng Hồ Nhượng-Ngu nhờ có viện-binh của Qui-châu, thì Trương định ra khỏi Cửu-tinh, nhưng không ra được, lại phải vào trong thành ấy. Tuy vậy Hồ An đã bắt đầu giảng hòa với Trương Nhữ-Kỳ.

Hồ An lại tuyên-ngôn rằng có tiếp điện của Lục Hán nói rằng đã thắng được Hồ Nhượng-Ngu, Lục Hán cũng cử đại-biêu đến điều-định với Hồ Nhượng-Ngu. Lại xin với tỉnh Qui-châu rút quân ở Vân-nam về. Hồ Nhượng-Ngu thất-bại đã lui về phía Huệ-linh.

Các hội ở Vân-nam đương điều-định cho các tướng ở Vân-nam lập giao-ước với nhau. Các hội tuyên-ngôn rằng Long Vân sẵn lòng giảng hòa với Trương Nhữ-Kỳ, đã quyết-nghị cử đại-biêu đến Cửu-tinh để điều-định cho chóng xong.

Lịch-sử Đường Kế-Nghiêu. — Đường Kế-Nghiêu tự là Minh-Canh, người đất Hội-trạch tỉnh Vân-nam, người đẹp, trạng-mạo như một người con gái đẹp. Đường năm mười sáu tuổi, nhà Mãn-Thanh kén học-sinh, cấp tiền cho Đường sang Nhật-bản lưu-học, tốt-nghiệp trạng Sĩ-quan học-hiệu. (Vũ-bị học-hiệu). Năm Tuyên-thống nguyên-

niên. Đường về nước. Khi ấy Vân-Quê tổng-đốc là Lý Kinh-Hi, mà Thái Ngạc khi ấy cũng hiện đương làm chức tân-quân hiệp-thống, kiêm luyện-binh đẳng-xứ ở Vân-nam. Đường với Thái là bạn thân-mật với nhau đã lâu. Duy Thái đối với Đường cũng hơi là bậc tiền-bối một chút, vì Thái là lưu Nhật học-sinh lớp trước, Đường là lưu Nhật học-sinh lớp sau. Đường tốt-nghiệp về nước, Thái tức-khắc bảo-cử cho Đường sung chức Vân-nam thập-cửu-trấn quản-đái. Năm tân-hợi cách-mệnh-quân của Lễ Nguyên-Hồng khởi ở Vũ-xương, Mãn-Thanh quan-lại ở Vân-nam là bọn Lý Kinh-Hi sợ-hãi bỏ Vân-nam trốn chạy. Thái với Đường mới ra tay duy-tri lấy trật-tự Vân-nam, tuyên-bỏ Vân-nam độc-lập, hưởng-ứng với cách-mệnh-quân, chúng cử Thái làm Vân-nam đô-đốc. Thái cử quân bắc-phạt, giao cho Đường chức tổng-binh tư-lĩnh tiến-quân. Khi ấy Qui-châu là lân-tỉnh với Vân-nam cũng đã độc-lập rồi, Qui-châu đô-đốc là Dương Tân-Thành. Dương dẫn-dăng bọn Ca-lão phủ-đảng, làm cho tỉnh Qui-châu vẫn nhiễu-loạn không yên. Qui-châu phụ-lão bất-phục chính-sách Dương, thừa khi Dương đốc binh ra khỏi tỉnh, mà quân-đội Đường lên bắc-phạt đi qua Qui-châu, dân Qui-châu mới xin với Đường hăng đẹp yên cho cái loạn-đảng ở Qui-châu đã, rồi sẽ lên bắc-phạt. Đường từ-chối rằng việc đó sự quyền trách-nhiệm không thuộc ở mình. Dân Qui-châu không nghe, tức-khắc suy-cử Đường làm Qui-châu đô-đốc. Đường bất-đắc-dĩ phải nhận chức, liền hạ lệnh đem binh đón đánh Dương Tân-Thành, quân Dương đều là quân ô-hợp, tiếp-chiến thua vỡ, Dương trốn chạy sang Hồ-nam. Đường khi ấy đã làm chức thượng-tướng chuyên-lĩnh quân-sự ấn-tin ở Qui-châu mà tuổi mới hai mươi bốn, đối với các hàng chur-tướng là trẻ tuổi nhất. Song Đường đối với Thái vẫn tỏ ra lòng khiêm-nhượng,

tự hành-chính cho đến trị-quái., nhất-thiết tuân-phụng pháp-lệnh của Thái chỉ-huy. Đường khởi-ghị suy-tôn Thái làm chức Văn-Quí đô-đốc, để tỏ ra mình còn đứng về địa-vị thuộc-quyền. Thái lại cố từ-chối, vì biết Đường có tài tướng-súy, và tin Đường là nghĩa tâm-giao. Đến khi cuộc cách-mệnh thành-công, Viên Thế-Khải làm tổng-thống, nam bắc thống-nhất. Thái bị triệu lên Bắc - kinh làm chức kinh-giới - cục tổng - tài. Thái xin cử Đường để thay mình, nhất-thiết quân-chính dân-chính của mình ở Văn - nam, giao cho Đường quản-hạt. Viên nghe lời. Đường mới tự Qui - châu dời sang Văn-nam, nhận chức Văn Quí đô-đốc. Đường biết Viên là kẻ dã-lâm, vẫn hết lòng tìm phương-pháp để đối-kháng. Cho nên bề ngoài làm ra mặt phục-tòng trung-ương, mà bề trong thì cùng với Nam-phương cách-mệnh-đảng là bọn Lý Liệt-Quân tiếp-hợp thân-mật. Đến như các hàng quân-quan ở Văn Quí hai tỉnh, thì cũng để ý dò xét, người nào là người dị-ý. thì tìm cách trừ bỏ hết đi, mà đem những người tâm-phục của mình thay vào, để dự-bị về sự thảo Viên. Đường hành-vi rất là ôn-kiện bí-mật, Viên vẫn không ngờ. Kịp Bắc-kinh khởi lên cuộc tru-an, để chế sấp sửa xuất-hiện, Đường bắt đầu cũng giả cách theo chúng dâng điện tán-thành, Viên tức-khắc phong tước cho Đường là Hầu-tước. Vì quân-sự ở Văn-nam tỏ-chức chữa hoàn-bị, việc thảo Viên chưa dám sâu-dộng, cho nên giả cách tán-thành để-chế, để làm kẻ hoãn-binh. Đường đối với chúng thường nói rằng sự thảo Viên là một sự trong lương-tâm của ta. Chúng-tâm ở Văn-nam khi ấy, đều đã nhất-tri, bộ-hạ Đường như La Bội-Kim, Lưu Văn-Phong, Phương Thanh-Đào, Cổ Phạm-Tân, đều nhiệt-tâm ái-quốc, hoặc vận-dộng, hoặc chủ-tri về việc thảo Viên mà Đường thì thực là người đĩnh-tự. Kịp khi Thái Ngạc ở Bắc-kinh

trốn ra về đến Văn-nam, thì công việc thảo Viên đã xong cả rồi. Văn-nam mới tuyên-bố độc-lập, cắt quân đi đánh Tứ-xuyên. Kỳ-thủy La Bội-Kim làm thảo Viên-quân tổng-tư-lệnh, sau La nghĩ rằng Thái có phẩm-vọng cao, mới nhường chức tổng-tư-lệnh cho Thái, mà mình thì tự làm chức tổng-tham-mưu. Đường thì ở Văn-nam chủ-tri Văn-nam chính-phủ. Sự thảo Viên khi ấy, Văn-nam thực thủ-xương cho các lĩnh; Văn-nam lại có sức tự-dộng, tỏ-chức ở trong mà tỏ-chức lên, không phải là bị-dộng. Văn-nam có giá-trị về lịch-sử thảo Viên bao nhiêu thì Đường có giá-trị bấy nhiêu. Ở hải-ngoại khi ấy cơ-hồ chỉ biết có Thái mà không biết có Đường. Vì Thái phẩm-vọng vốn cao, lại tổng-binh chinh-phạt, mà Đường thì phạm-sự vẫn nhất-nhất tuân mệnh-lệnh Thái. Cái công-danh của Đường thực do Thái tác-thành; cái danh-dự của Thái, thực do Đường tạo-tự. Tình-hình Văn-nam khi ấy, quân ít lương ít, Bắc-quân ở Tứ-xuyên binh-lực mười phần, thì Văn-nam chữa được một hai. Cho nên quân Văn-nam tuy liên-chiến liên-thắng, nhưng vẫn không dám tiến-quân. Song nghĩa-thanh đã chấn-dộng, sau Lương-Quảng nổi gót độc - lập, thiên - hạ nơi ấy nơi khác tỏ chí phản-đối Viên, Viên vì lo sợ mà chết, Lê lên làm tổng-thống, cuộc dân-chủ lại thành-lập. Sự thảo Viên vừa mới cáo-thành, thì Thái cũng vì cơ tích-lao trong quân-sự mà chết. Đường tự đẩy làm một vai trụ-thạch ở phía tây-nam nước Tàu, vô-luận phái quân-phiệt ở Bắc-kinh, hay phái dân-đảng ở Quảng-đông, đều cho Đường có thể-lực tá-hữu khinh-trọng. Đã có hồi Lương-Quảng nhường ghế chánh-tổng-tài cho Đường, lại có hồi Bắc-kinh gia chức phó - tổng - thống cho Đường. Duy Đường đối với phái Bắc-kinh thì tỏ ra lòng không bị phái ấy khi-biến, đối với phái Quảng-đông khi thì tiếp-hợp khi

thì không. Đường ở Vân-nam, thủy-chung ngoại mười năm, nhất-thiết dân-chính quân-chính ngoại-giao sự-quyền đều ở trong tay. Luận-giả cho rằng Vân-nam của Đường, cũng như Đông-tam-tĩnh của Trương, Duy Trương là người hùng - kiệt phần - phúc, Đường là người phong-lưu ổn-khiên, nhân - vật có khác nhau mà thôi. Đường tuy là kẻ quân - nhân, đối với sự văn-hóa, cũng hết lòng hết sức đề-xướng. Các học-hiệu trong toàn-tỉnh Vân-nam, có đến hơn một nghìn sở, học-sinh ở Vân-nam, phần nhiều có học-thức đặc-biệt hơn chỗ khác, nhân-tài lĩnh Vân nam tương-lai có nhiều người kiệt-xuất, cũng chưa thể hạn-lượng được. Đường là kẻ niên-thiếu anh-hùng, phong-lưu thảng-thích, sự thị-hiểu thanh-sắc, khó phần tránh khỏi được, thậm-chỉ không lối nào là không có kỹ-nữ hầu-hạ ở cạnh mình. Có một điều rất là tai-hại cho tỉnh Vân-nam về đường phong-tục. Nguyên-lai phường kỹ-nữ ở nước Tàu, phần nhiều do trong giáo-phường nhạc-tịch ở dân-gian họ tổ-chức lấy, cũng có lắm sự ô-trọc, lắm điều hủ-bại, như là người trong kỹ-phường họ đi biển dồ lấy con gái đẹp, hay là kẻ lương-gia-nữ, không bằng lòng nhập kỹ-tịch, mà bị người trong kỹ-phường họ hiếp-bách phải nhập-tịch hay hoặc trong kỹ-phường không ai quản-cổ tra xét, dễ truyền-nhiễm ra bệnh dương-mai. Đường nghĩ rằng nay tân-chính rục-rờ, cuộc trong làng chơi cũng nên đại-gia cải-cách. Mới khai-thiết ra cuộc công-cộng xướng-kỹ ở tỉnh Vân-nam mà thuộc về Chính-phủ quản-lý. Cho phép nữ-tử ở dân-gian, hay là kỹ-nữ trong nhạc-tịch, tình-nguyên nhập-tịch hay là xuất-tịch, đều được tự-do, không ai được ngăn-trở như trước; lại đặt phép tra xét, để phòng bệnh dương-mai truyền-nhiễm. Hay đâu những phường dâm-dãng phụ-nữ ở dân-gian, lợi về cách dễ được

kim-tiền, khi được kim-tiền lại khoe khoang với người ngoài, tận - láng cả liêm-sĩ. Rút lại, kẻ xuất - tịch thì ít, kẻ nhập-tịch thì càng ngày càng nhiều; xưa kia làm dĩ còn thuộc về phần hiếp-bách, về sự xấu-xa, đến nay thì làm dĩ không biết xấu nữa. Sau kẻ thân-sĩ trong tỉnh Vân-nam, lấy làm một sự nguy-hiểm cho xã-hội, hết sức xin với Đường rằng cuộc tự-do công-xướng, bại-hoại phong-tục, nếu không mau chóng cấm-cách đi, thì e rằng nữ-giới trong toàn-tỉnh Vân-nam, tương-lai hết thấy đều là loài kỹ-xướng cả, xin Đường cấm-cách đi cho. Sẽ biết Đường cũng ăn phải cái thuốc độc tự-do, mà làm hại tỉnh Vân-nam vậy. — Địa-diểm của Đường bấy lâu, thực hùng-cử Vân Qui hai tỉnh: Đường ngày đêm huấn-luyện binh-sĩ, mưu-cách khuếch-sung binh-lực. Hay đâu binh cũng như lửa, không biết dẹp đi, thì tắt tự nó cháy lên. Đường tự hồi thảo Viên về sau, cùng với tỉnh Tứ-xuyên, vẫn liên-niên khổ-chiến, tưng-sĩ đều đã sinh lòng chán-nản, mà vẫn cứ phải đóng binh ở địa-hạt Tứ-xuyên, hết ngày ấy sang tháng khác không được về, mới sinh lòng oán-vọng. Cách mấy năm nay đã có một hồi các tưng-sĩ đóng ở cõi Tứ-xuyên, hết thấy bỏ Tứ-xuyên, tự-hành kéo về Vân-nam, cùng suy-cử viên bộ-tướng là Cố Phạm-Trần làm chức tống-tư-linh, lấy sự đuổi Đường đi làm mục-đích. Đường khi ấy phải cùng với em là Kế-Ngu Kế-Vũ dời bỏ Vân-nam, qua Việt-nam chạy ra Hương-cảng, nhờ thế-lực Trần Quýnh-Minh. Trần giúp cho Đường quân-thượng sáu mươi vạn đồng và quân-khí nữa. Đường lại vận-dộng do Quảng-dông về Vân-nam. Cố ở Vân-nam khi ấy thế-lực còn kém, không đủ chống lại với Đường, đánh nhau chữa đầy hai mươi ngày, Cố thua chết, Đường lại về Vân-nam phục-chức.

Đường tự khi ấy đã chinh-đốn lại chính-trị Văn-nam. Khi Tôn Văn mới mất, Đường cũng muốn vận-động nhận lấy chức nguyên-súy thay Tôn để hoạt-động. Sau nghe cánh Nam-phương Tướng Giới Thạch đã thắng được Bắc-

quân, tiến đến Nam-kinh rồi, Đường có sai đại-biêu đến Nam-kinh yết-kiến Tướng, đề cùng theo về cánh Nam-quân. Sau Đường bị bệnh đau ít lâu, đã tạ-thế ngày 23 tháng 5 mới rồi.

Việc trong nước

Hội - đồng Chính - phủ. — Hội-đồng Chính-phủ đã họp ở Hà-nội từ ngày 21 đến ngày 26 tháng 10. Kỳ này có vẻ sầm-uất hơn mọi năm, vì quan Toàn-quyền VARENNE có đặc-cách cho các nhà báo Tây Nam vào dự nghe bàn-bạc. Lần này là lần đầu mới được như thế, vì theo lệ thường là Hội-đồng họp kín, người ngoài không ai được vào, nên xưa nay bàn những chuyện gì cũng không ai được biết. Ông VARENNE phá lệ cũ mà biệt-đãi các nhà báo như thế, là tỏ ra ý-kiến rộng-rãi, và cũng là cái triệu rằng Hội-đồng Chính-phủ đã đến ngày sẽ được mở-mang cho rộng thêm ra, thành hẳn một hội-nghị có quyền thảo-luận đich-dáng, chứ không phải chỉ là một ban quan-lại để chuẩn-y công-việc của Chính-phủ mà thôi. Trong chương-trình các việc hội-đồng, ngoài việc xét các số dự-toán sang năm và kết-toán năm trước của Đông-Pháp và của các xứ, có hai vấn-đề mới phải thảo-luận, thời vấn-đề thứ nhất quả là thuộc về việc cải-cách Hội-đồng Chính-phủ, lập thành ra một hội - nghị Trung - ương Đông - Pháp, còn một vấn - đề là đặt luật-lệ bảo-hộ cho bọn công-nhân lao-động Đông-Pháp.

Việc xét dự-toán kết-toán là việc thường hàng năm, không có gì lạ, chỉ nên biết tổng-số các khoản chi thu năm 1928 tới hơn 91.500.000 đồng, tăng hơn năm 1927 là 12 triệu đồng, trong tổng-số đó thời riêng về khoản quân-bị (lục-quân, hải-quân và đội tàu bay) tới 13 triệu đồng, còn kho trừ-bị thời cuối

năm ngoài (1926) kiệt cả, không còn đồng nào, cuối năm nay (1927) nhờ các thuế mới, như thuế hai phân đánh các sản-vật bản-xứ, sẽ dư ra được 4, 5 triệu đồng, và sang năm (1928) thời có lẽ dư được tới 7, 8 triệu.

Nay thuộc về vấn-đề cải-cách Hội-đồng Chính-phủ, trong Thời-dàm kỳ trước, bản-chí đã nói về việc Hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ quyết-nghị rằng nếu kỳ này Chính-phủ không nghĩ thay đổi Hội-đồng Chính-phủ thế nào cho các đại-biêu dân được quyền ầu nói rộng hơn, thì nghị-trưởng hội-đồng Quản-hạt không ra dự hội-đồng chính-phủ nữa, và nghị-trưởng các Hội Canh-Nông Thương-mại Nam-kỳ có lẽ cũng bất-chước như thế. Đối với cái thái-độ của các đoàn-thể bầu-cử Nam-kỳ đó, quan Toàn-quyền nhất-diện điện về bên Bộ để báo-cáo và đề yêu-cầu, nhất-diện điều-dinh với các đoàn-thể ấy rằng nếu bên Bộ trả lời khước đi, nghĩa là không ưng cho sửa đổi Hội-đồng Chính-phủ, thời không những đại-biêu của các đoàn-thể ấy không dự Hội-đồng mà thôi, mà chính quan Toàn-quyền cũng không dự nữa, để cho quan phó chủ tọa, để tỏ ý kháng-nghị, vì việc này quan Toàn-quyền thân đã yêu-cầu với bên Bộ nhiều lần rồi mà chưa được. Được cái điện trên kia, Bộ liền trả lời hứa sẽ ưng cho cải-cách, duy việc quan-trọng, quan Toàn-quyền nên cùng Hội-đồng bàn xét cho kỹ đi trước đã, rồi nay mới về Pháp sẽ thương với Bộ chuẩn-định thi-hành. Được lời hứa như thế, đại-

biểu các đoàn-thể bầu-cử Nam-kỳ mới chịu ra dự Hội-đồng kỳ này. Cho nên kỳ Hội-đồng này bàn kỹ về vấn-đề cải-cách Hội-đồng Chính-phủ và thiết-lập Hội-nghị trung-ương, đại-khái dự-quyết như sau này.

Ở Nam-kỳ đã có hội-đồng Quản-hạt, dân Tây dân Nam có đại-biểu cả rồi thì thôi ; còn ở các xứ khác như Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Cao-miền, Ai-lao, mới có Hội-đồng tư-vấn của người bản-xứ mà thôi, dân Tây chưa có hội-nghị nào cả, thời sẽ đặt một « Hội-nghị các lợi-quyền của dân Tây » (Chambre des intérêts français) để đối với các hội đại-biểu bản-xứ : hội dân Tây Bắc kỳ sẽ có 21 người (9 người do các hội Nông Thương lận-cử, và 12 người do dân Tây trực-tiếp công-cử), Trung-kỳ có 15 người (6 người đại-biểu Hội Nông Thương và 9 người bầu-cử), Cao-miền có 11 người (4 người đại-biểu Hội Nông Thương và 7 người bầu-cử), Ai-lao có 9 người (3 người đại-biểu và 6 người bầu-cử). — Thực-dân Tây và người bản-dân ở các xứ đều đã có hội-nghị cả như thế, thời bấy giờ mới đặt cho toàn-thể Đông-Pháp một Trung-ương hội-nghị (Conseil central de l'Indochine), cả thấy 60 người, 35 người Tây, 25 người bản-xứ, chia ra như sau này : 16 người Tây và 16 người bản-xứ, do Hội-đồng Quản-hạt Nam-kỳ, các Hội-nghị dân Tây và Hội-đồng dân-biểu bản-xứ cử ra, 10 người Tây và 4 người bản-xứ do các Hội Nông Thương cử ra, 9 người Tây và 5 người bản-xứ do quan Toàn-quyền cử chọn trong các bậc thân-sĩ danh-giá mà không có làm việc nhà nước. — Hội-nghị Trung-ương mỗi năm bầu lại một lần, và sẽ đặt một tòa trị-sự có một chánh nghị-trưởng người Tây, hai phó nghị-trưởng một người Tây một người bản-xứ, và hai thư-ký cũng một người Tây một người bản-xứ. — Hội-nghị Trung-ương được quyền

xét cả các số dự-toán và bàn cả các việc công-ích cho toàn-thể Đông-l'hap. Hội-nghị lại cử một ủy-hội tài-chính 12 người, 7 người Tây và 5 người bản-xứ, để làm ban thường-trực, xét các việc thường ngoài khi hội-đồng, tùy ý quan Toàn-quyền khi ở Sài-gòn, khi ở Hà-nội, muốn họp bao giờ cũng được.

Ấy cái chương-trình đại-khái như thế. Quan Toàn-quyền chuyển này về Pháp sẽ yêu-cầu cho kỳ được, phỏng chỉ bốn năm tháng có thể thành được.

Về vấn-đề đặt luật-lệ lao-động thời Hội-đồng xét ba bản dự-thảo nghị-định : 1^o về cách bảo-hộ cho bọn công-dân lao-động ở bản-hạt Đông-Pháp ; 2^o về cách bảo-hộ cho bọn công-dân lao-động mở ra làm ăn ngoài địa-hạt Đông-Pháp ; 3^o về cách thiết-lập cho bọn công-nhân một món trữ-kim (pécule), để khi mãn-khóa có cái vốn nhỏ mà về làm ăn ở nhà. Ba bản dự-thảo, Hội-đồng có chữa sửa ít nhiều, rồi duyệt-y, nay mai sẽ tuyên-bố thi-hành.

Nói tóm lại thì kỳ Hội-đồng Chính-phủ năm 1927 này thật có hoạt-động hơn mọi năm, và sự hoạt-động ấy lại được các nhà báo đến chứng-kiến, đó chính là một cái đặc-sắc của kỳ này. Lại còn mấy cái đặc-sắc khác nữa : như bài diễn-thuyết khai-hội của ông VARENNE cả một đoạn đầu là lời công-kích những người phản-đối ông bấy lâu nay, và thuyết-minh về cái việc cho đồn-diên đất đỏ ở Kontum, lời-lẽ rất kịch-liệt, xưa nay không có bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền nào có giọng hăng-hái như thế ; lại như khi hội-đồng, ông VARENNE cùng với tay phản-đối của ông là đại-biểu dân Tây Trung-kỳ DE MONPEZAT hai người tranh-luận nhau cũng kịch-liệt.

Hội-đồng Chính-phủ xong, ngày 27 tháng 10 ông VARENNE đáp tàu về Pháp. Ông nguyên là chân Nghị-viên, ma Nghị-viên Pháp thời đến khoảng tháng

4, tháng 5 sang năm phải bầu-cử lại, cho nên phải cần về từ giờ để dự-bị việc tuyển-cử. Chuyển này về có sang nữa không, thì cũng chưa biết được, vì còn tùy ở việc tuyển-cử được thua thế nào. Ông giữ chức Toàn-quyền Đông-Pháp vừa được hai năm, giữa lúc trong cõi xảy ra nhiều việc, thật là cái cơ-hội khó cho ông. Nhưng nhân-cách ông, chính-sách ông vốn rộng-rãi, ông thật có cái chí thành-thực muốn làm tốt cho người bản-xứ, mà kể cũng đã làm được vài việc đáng kỷ niệm. Nếu không có phái thực-dân phản-đối, bọn thanh-niên bạo-động, thì có lẽ làm được hơn nữa. Nay ông đi, thật cũng đáng tiếc vậy. — Ông Phó Toàn-quyền MONGUILLOT lên thay.

Giới-thiệu sách mới

1 — *Nam-thi hợp-tuyển*. NGUYỄN VĂN-NGỌC biên-tập và chú-thích. Đầu sách có một thiên « Thi-pháp nhập-môn ». Mới xuất-bản quyền thứ nhất. Một quyển dày 300 trang. Giá 0 \$ 45. Bán ở Vĩnh-hưng-long thư-quán, 49-51, phố Hàng Đường, Hà-nội.

2. — *Lan-sử di-hương*. Lịch sử tiểu-thuyết, về vua Lý Thánh-tôn và

nàng Ý-lan cùng việc đánh Xiêm-thành. Cử-nhân HOÀNG THƯỜNG soạn. — Xuất-bản ở Nhật-nam-thư-quán, 117 phố Hàng Gai, Hà-nội.

3. — *Châu chấu đá voi*. Truyện ông Lý Thường-Kiệt. LÊ HỮU-ĐỒNG soạn. Mới ra cuốn nhất. Bán ở Nam-hoa thư-quán, Nam-định.

4. — *Le Petit écolier*. Lectures françaises, à l'usage des élèves des cours enfantin et préparatoire des écoles franco-annamites. Par LÊ VĂN-LÊ et PHẠM TÁ, — Nam-anh thư-quán, 13 Rue du Coton, Hà-nội.

5. — *La Tasse de poison*. Chén thuốc độc. Comédie annamite par VŨ ĐÌNH-LONG, traduite en français par GEORGES CORDIER. — Hanoi, Tân-dân thư-quán.

Nam-Phong Tùng-Thư

Quyển III, *Văn học nước Pháp*, sắp xuất-bản nay mai.

Hiện đã bán : quyển I. *Văn-minh luận*.

Quyển II. *Ba tháng ở Paris*

Mỗi quyển 0 \$ 40. Bán ở Đông-kinh ấn-quán, 80-82 phố Hàng Gai, Hà-nội.

